

# VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BẢO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ  
NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC • ZEITSCHRIFT  
DER VIETNAMESEN UND BUDDHISTISCHEN VIETNAMFLU-  
ECHTLINGE IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND •



**68** THÁNG TƯ NĂM 1992  
APRIL 1992

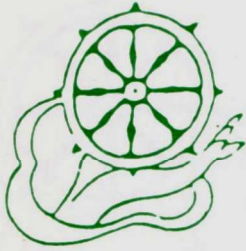
AUSGABE IN VIETNAMESESISCH UND DEUTSCH



trang 02 Phật Tử Lưu Đà và Quê Hương Hoàng Nguyên Nhuận \* trang 15 Vai Trò Mới Của  
Người Tăng Lữ PGVN Trong Cộng Đồng Hải Ngoại Đông Phương Mai Lý Cang \* trang 36  
Trang Đặc Biệt Tưởng Niệm Nguyễn Ang Ca \* trang 60 Đã Đến Lúc Tập Thể Người Việt  
Hải Ngoại Cần Phải Có Thái Độ Nghiêm Chính Đối Với Bùi Tín Đặng Văn Nhâm \* trang 70  
Độc "Hoa Xuyên Tuyết" Của Bùi Tín Vũ Ngọc Long \* trang 86 "Đồng Sanh Cộng Khổ" -  
Những Điều Có Và Không Thể Xảy Ra Ngô Ngọc Diệp \* trang 86 Lập Trường Và Đường  
Lối Của Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn Tại Cộng Hòa Liên Bang Đức Ngô Văn Phát



# VIÊN GIÁC



**Tap Chí của Kieu Báo và  
Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn  
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức**  
Zeitschrift der Vietnamesen und  
Buddhistische Vietnam-Fluechtlinge  
in der Bundesrepublik Deutschland

Chủ trương (Herausgeber)  
T.T. Thích Như Điển

Chủ Bút và Kỹ Thuật  
(Chefredakteur und Layout)  
Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp

Cùng sự cộng tác của  
Mitwirkung von  
Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn  
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức  
Vereinigung der Buddhistisch-Viet-  
namfluechtlinge i.d. BRD

Tòa Soạn và Ấn Quán  
Redaktion und Verlag  
Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội  
Phật Giáo Việt Nam tại Đức  
Vietnamesisch-Buddhistisches Sizio-  
Kulturzentrum i. d. BRD  
c/o Chùa Viên Giác  
Karlsruher Str. 6, 3000 Hannover 81  
Tel. 0511-879630, Fax. 0511-8790963

- Viên Giác phát hành mỗi tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội. Viên Giác hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường, Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác, Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để khai làm đơn xin quân bình thuế lương hoặc lợi tức hàng năm.

## Trong số này

trang 01 Thư Tòa Soạn

### Tôn Giáo

- trang 02 Văn Học Sử Phật Giáo *Cao Hữu Đỉnh*  
trang 05 Phật Tử Lưu Đày Và Quê Hương *Hoàng Nguyễn Nhuận*  
trang 11 Thiên Và Hoa Đạo *Thích Phụng Sơn*  
trang 15 Người Tăng Lữ PG . . . *Đông Phương Mai Lý Cang*  
trang 19 Phật Giáo Tại Trung Hoa *Thích Trí Chơn*  
trang 20 Giữa Chốn Bụi Hồng *Thích Như Điển*

### Ins Deutsch

- Seite 24 Weg Ohne Grenzen *Thích Như Điển*  
Seite 27 Im Strudel des Lebens *Thích Như Điển*  
Seite 30 Buddhistische Aktivitaeten *Viên Giác*

### Biên Khảo

- trang 31 Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng *Hoài Hương*  
trang 36 Trang Đặc Biệt Tưởng Niệm Nguyễn Ang Ca

### Cảo Thơm

- trang 42 "Khi Chim Sắt Bay . . ." *Vũ Nguyên Khang*  
trang 45 Nghiệp Quả *Trần Bảo Toàn*  
trang 49 Đường Sang Thiên Trúc *Từ Hùng Trần Phong Lưu*

### Cộng Đồng

- trang 52 Gia Đình Tỵ Nạn ĐD Và Thành Công Ở Học Đường  
trang 57 Kỷ Niệm 500 Năm Sinh Nhật Nguyễn Bình Khiêm *Bảo Văn*  
trang 60 Có Thái Độ Đối Với Bùi Tín *Đặng Văn Nhâm*  
trang 65 Cố Chí Sĩ Nguyễn Long Thành Nam *Vũ Kỳ*  
trang 67 "Phật Giáo Hòa Hảo . . ." *Vũ Kỳ*  
trang 70 Đọc "Hoa Xuyên Tuyết" Của Bùi Tín *Vũ Ngọc Long*  
trang 80 Những Điều Có Và Không Thể Xảy Ra! *Ngô Ngọc Diệp*  
trang 84 Tin Đồng Hương *Vũ Ngọc Long*  
trang 86 Lập Trường Và Đường Lối Hội PTVNTN tại Đức Quốc  
trang 87 Tin Phật Sự *Viên Giác*  
trang 94 Phương Danh Cúng Dường *Viên Giác*  
Thơ của các Thi Hữu *Lê Nguyễn Thịnh, Phạm Tử Thiên, Hà Huyền Chi, Ngọc Hoa, Nguyễn Huy Việt, Quang Kính*

Hình bìa: Nha Trang (ảnh của Hồ Toàn - Essen)



Báo Viên Giác số Xuân Nhâm Thân đã đến với quý vị; có người trầm trồ khen "báo sao đẹp quá, lại dày nữa". Có người bảo : "lại trễ nữa rồi, Có lắm vị nóng lòng gọi điện thoại về chùa để biết thêm tin tức của số 67 vừa qua.

Đúng như dự định vào cuối tháng HAI báo sẽ xong; nhưng số trang nhiều quá, gấp đôi số thường, gần 200 trang A4, chữ lại rút nhỏ. Nếu để lớn cho dễ đọc, chắc phải in thành 400 trang. Bao nhiêu giấy, bao nhiêu mực và bao nhiêu đợi chờ. Lần này in 4000 số, máy chạy suốt ba tuần lễ. Cũng may là máy không hư; nếu hư, độc giả còn chờ lâu hơn nữa.

Khi xem, có người khen hay, có kẻ chê dở. Có người hiểu thanh, có kẻ cho rằng tục. Quả là muôn vẻ, muôn điều, rất khó lòng. Vì sự nhận xét tùy theo mỗi người đối diện. Việc khen chê là sự thường trong cuộc đời; nhưng mong rằng đó chỉ là những ý kiến xây dựng mà thôi. Viên Giác số 68 kỳ này sẽ ra mỏng hơn và cố gắng đến trong tháng TƯ với quý vị.

Sau khi đọc thư tòa soạn của Viên Giác số 67 vừa rồi, có nhiều vị đã gửi tịnh tài về ủng hộ Viên Giác tiếp tục, không phải 20 DM như đề nghị, mà quý vị đã ủng hộ gấp đôi, hoặc ba lần. Công đức ấy thật không nhỏ. Mong rằng quý độc giả của Viên Giác sẽ còn tiếp tục mãi mãi ủng hộ để tờ báo của chúng ta có nhiều tác dụng hơn.

Nhìn vào sự thay đổi của thế giới và sự bảo thủ của chính quyền Âu Tây về vấn đề tỵ nạn, chúng ta rút ra được một bài học của bản thân là: Nếu muốn cho nước giàu dân mạnh chúng ta phải tự đứng thẳng lên như người Nhật và người Đức sau Đệ Nhị Thế Chiến mà thôi. Họ đã bại trận; nhưng ngày nay họ là những cường quốc trên thế giới. Nếu chúng ta muốn, mỗi người Việt Nam chúng ta chỉ phải làm như người Do Thái đã làm. Không chỉ nói suông, mà hãy thực tế trên mọi bình diện, học hành, làm việc cũng như kinh doanh.

Số phận của người tỵ nạn chúng ta cũng giống như một trái banh, đúng hay lẫn là do người cầu thủ, không do trái banh chủ động được. Chúng ta phải làm cách nào để đổi lại vị thế là cầu thủ, chứ không mãi mãi là trái banh để mọi người chơi trò đá bóng được. Vậy mọi người nên làm hết bổn phận của mình, thế cuộc sẽ xoay chiều như Nhật và Đức cũng như các xứ Á Châu khác đã làm.

Chùa Viên Giác, Hội Phật Tử, các Gia Đình Phật Tử cũng như Ban Biên Tập Báo Viên Giác lâu nay tuy ít nói nhưng cố gắng làm rất nhiều nhằm xoa dịu vết thương lòng của chiến tranh hận thù cũng như đau khổ. Từ ngày bức tường Bá Linh sụp đổ đến nay riêng chùa Viên Giác đã đón, đưa, giúp đỡ, cố vấn người tỵ nạn từ Đông Âu qua cũng như giúp đỡ về dịch thuật giấy tờ, cố vấn và hướng dẫn trong thủ tục tỵ nạn của Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo cũng như giải thích nhiều vấn đề liên quan đến luật pháp bản xứ có lẽ con số không dưới 10.000 người. Đó là những việc làm cụ thể cùng sanh tồn và cộng hưởng của chúng ta tại xứ Đức này.

Trong thời gian tới chắc chắn vấn đề của người tỵ nạn còn nan giải hơn nữa. Nhưng nếu cố gắng giải quyết từng giai đoạn một và từng vấn đề, chắc rằng việc khó đến đâu cũng sẽ đi đến điểm chung của nó. Chúng ta không có quyền ý lại vào thời thế. Lại càng không nên chờ thời, mà hãy vươn lên hết mình để tạo sự sống còn trong tư cách của người tỵ nạn tại xứ sở này. Hoàn cảnh sẽ đổi thay, khi chúng ta đồng tâm nhất trí. Nếu không hợp nhất, việc lớn sẽ khó thành.

Ngoài ra Đức Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu sức khỏe đang trong tình trạng báo động. Do đó mọi người Phật Tử chúng ta ở Hải Ngoại ngày nay hãy chung lưng đấu cật với nhau tạo sự hợp nhất, để Phật Giáo được thông hợp trong giai đoạn lịch sử này, để lời nguyện của Đức Đại Lão Hòa Thượng không còn là điều chưa thành hình, khi Ngài sẽ xả thân tứ đại.

Nguyện cầu cho thế giới thanh bình, nhà nhà an lạc và cầu nguyện cho mọi người, mọi loài sớm thâm nhập vào Phật trí của Như Lai.

● Viên Giác

# Văn Học Sử Phật Giáo

- Cao Hữu Đính -

## 5- Tiếng Sanskrit Phật Giáo.

Trong các thế kỷ chót trước TL, nền văn học Phật giáo chỉ dùng các loại tiếng prākrit của giới trung lưu Ấn Độ như: mǎgadi, prākrit vùng Tây Bắc (tức tiếng gāndhārī) và pālī. Tiếp theo, trong ba thế kỷ đầu sau TL, các loại tiếng prākrit trên đây bị tiếng sanskrit-tạp cạnh tranh dữ dội.- Cuối cùng, trong thế kỷ IV sau TL, từ sơ diệp triều đại Gupta (Cấp đa), tiếng sanskrit Phật giáo, bấy giờ đã rất chỉnh, dứt khoát thay thế các loại tiếng prākrit và sanskrit-tạp. đây là chung kết của suốt một quá trình chuyển biến trong ngôn ngữ Phật giáo trải qua ngót chín thế kỷ gây dựng kể từ ngày Phật niết bàn. Đại công trình xây đắp văn học sanskrit đến đây mới được gọi là viên thành.

Nhưng trên bước đường hành thành, nó đã được chuẩn bị từ thế kỷ II sau TL, dưới triều đại Quy Suong (Kusana).

Như trong các giai đoạn trước, trong giai đoạn này các sử gia cũng đã lập được mối liên quan chặt chẽ giữa lịch sử ngôn ngữ Phật giáo và lịch sử tiếng sanskrit qua các bi ký do các nhà khảo cổ phát kiến. Tiến trình của hai bên song hành nhau một cách khít khao.

Ba thế kỷ đầu sau Tây lịch, trong khi các loại tiếng prākrit tồn tại trong thế tự vệ tại Nam Ấn thì tiếng sanskrit-tạp chiến thắng vờ vang tại Bắc Ấn. Ở đây một số khắc văn bằng tiếng sanskrit đã xuất hiện. Phần nhiều các khắc văn ấy ghi lại những chứng tích có liên quan đến sự xây cất các chế đa (caitya) ấy không kém gì giá trị các tác phẩm thời danh của các thi hào Kālidāsa và Bhāravi. Trong số các tụng văn nổi tiếng nhất còn lưu lại, phải kể tụng văn xưng tán công đức vua Samudra Gupta, chỉ gồm một câu dài 33 hàng, do Harisena sáng tác, khắc trên bia đá ở Allahābād (Tây lịch 375-390); tụng văn xưng tán công đức vua Kumāra Gupta, do Vatsabhāttī sáng tác, khắc trên bia đá ở Mandasor (Tây lịch 473-474); tụng văn xưng tán công đức vua Yasodharman, do Vāsula sáng tác, khắc trên bia đá cũng ở Mandasor (không ghi niên đại), và cuối cùng sau đó một thời gian khá lâu là tụng văn xưng tán công đức dòng họ Cālukya và vua Pulakésin II, do Ravikīrti sáng tác bằng thể thơ 16 nhịp khác nhau. Các chứng tích lịch sử trên đây cho thấy sự thành công rực rỡ của tiếng sanskrit trên văn bia còn lẹ làng mau chóng hơn là trên văn sách được các văn hào ghi chép lại trên bút ký.

Mức độ chính xác của tiếng sanskrit về mặt kỹ thuật được mọi tầng lớp ưa chuộng, vì vậy nó bành trướng rất mau trong quảng đại quần chúng và nghiêm nhiên trở thành một khí cụ lý tưởng nhất để truyền bá học thuyết tư tưởng. Qua rồi, thời gian mà nó chỉ là một đặc sủng của một tối thiểu số Bà la môn hạn hẹp! Và những lý do chính đáng khiến đức Phật ân cần căn dặn Chúng Thánh đệ tử của Ngài phải quảng bá giáo pháp mình bằng tiếng thô ngữ cũng bị triệt tiêu. Từ đây, Phật tử không còn ngần ngại gì nữa mà không đem giáo pháp Phật ra quảng diễn ra bằng tiếng sanskrit.

Nhưng bất hạnh thay, hiện nay các sử gia chưa truy nguyên được manh mối ai là người có sáng kiến đầu tiên trong đường hướng mới này, phát xuất từ đâu và trong thời gian nào? Xưa nay theo truyền thuyết thì phái Hữu bộ (Sarvastivāda) chuyên dùng tiếng sanskrit. Sự kiện ấy đúng, nhưng cũng chỉ đúng từ một thời gian nào đó mà thôi. Trước khi chuyển sang dùng thứ tiếng bác học và văn hoa này, Hữu bộ hẳn phải có một thời gian dùng tiếng prākrit hoặc tiếng sanskrit-tạp! Cũng truyền thống này gán cho đại chúng bộ (Mabāsāṃgbika) sáng kiến dùng tiếng prākrit, nhưng theo vết tích lịch sử được tìm thấy tại Bāmīyān ở phía nam rặng núi Thông lãnh (Hindukush) thì kinh đại Sự (Mahāvastu) của họ cũng được viết bằng tiếng sanskrit-tạp và tạng Luật (Vinaya) của họ lại viết hoàn toàn bằng tiếng sanskrit. Như vậy là theo dòng thời gian, tất cả các Bộ phái trên lục địa Ấn Độ đều bị tiếng sanskrit quyền rũ, chứ không riêng gì Hữu bộ.

Từ lâu, các sử gia tin rằng Tam Tạng bằng tiếng sanskrit được kiết tập song song đồng thời với Tam Tạng bằng tiếng pālī. Trong ý hướng đó, J.Przyluski cho rằng "Thánh điển đầu tiên biên soạn bằng tiếng magādhī. Khi Thượng tọa bộ và Hữu bộ (trong Thượng tọa bộ) cùng có xong cứ địa tại các vùng Kiền thương di (Kausāmbī) và Ma thâu la (Mathurā), bộ phái nào cũng sẵn có dưới tay một ngôn ngữ văn chương riêng dùng vào việc truyền bá và gây uy tín cho mình. Vì vậy, thánh điển được dịch ra tiếng sanskrit tại Ma thâu la và tiếng pālī tại Kiền thương di". L. de la Vallée Poussin, xác đáng hơn, cho rằng: "Trong khi các giáo hội vùng Kiền thương di, San chi, Ma lạp bà (Kausāmbī Sānci Mālava) khai nguyên Tam Tạng bằng tiếng pālī, thì các giáo hội vùng lưu vực sông Yamunā và Tây Bắc An, nương theo ngôn ngữ thời thượng của địa phương, biên soạn lại các kinh văn khẩu tụng xưa bằng tiếng magādhī ra tiếng sanskrit, và trong công cuộc này hẳn phải có ít nhiều tham chiếu với kinh văn pālī kiết tập tại Kiền thương di, San Chi và Ma lạp bà, để phong phú hóa thêm. đại công trình này, bắt đầu một cách đáng kể trước kỷ nguyên Tây lịch và còn tiếp tục lâu dài về sau".

Ý kiến của hai sử gia trên đây cho rằng kinh văn pālī và ngay cả kinh văn sanskrit đều xây dựng trên nền tảng kinh văn khẩu tụng bằng tiếng magādhī, điều đó được xem là xác đáng. Nhưng khi nói rằng Tam Tạng sanskrit (thường được gán cho Hữu bộ kiết tập) thành lập gần đồng thời với Tam Tạng pālī, nghĩa là trước kỷ nguyên Tây lịch hằng hai hoặc ba thế kỷ, thì luận cứ đó không đứng vững. Tại Trung Á, nhiều kinh văn Phật giáo bằng sanskrit mới được phát kiến gần đây, không soi sáng thêm được gì về phương diện niên đại xuất hiện của tiếng sanskrit trong kinh văn Phật giáo. Trong số kinh sách phát kiến có kinh Thí Dụ Divyāvadāna nguyên bản, trong đó thỉnh thoảng có trích dẫn nhiều đoạn của A Dục Vương truyện. Kinh Thí Dụ này viết bằng sanskrit rất chỉnh. Thế thì không lẽ vì vậy mà kết luận rằng sanskrit đã được ứng dụng tại Ma thâu la trong thời đại Khổng Tước, chung cho văn chương ngoài đời lẫn văn chương trong đạo?



Căn cứ vào sự kiện có thể kiểm chứng được thì những tác phẩm đầu tiên bằng tiếng sanskrit tiêu chuẩn mà các sử gia có thể xác định thời gian một cách khá chính xác, là các tác phẩm của Mã Minh (Asvaghosa), Long Thọ (Nāgārjuna), Đề Bà (Aryadeva) và của Mãtrceta (?). Truyền thống xưa nay gắn liền các tác giả này với triều đại của các vị đại đế thuộc dòng họ Quy Suong, từ Kaniska đến Vāsudeva, nghĩa là trong khoảng thời gian từ năm 128 đến năm 230 sau Tây lịch. Như thế thì sáng kiến dùng tiếng sanskrit để tuyên dương pháp âm hẳn đã phải có trước thời gian này khá lâu. Vì không thể ngày một ngày hai mà thành tựu nổi một công trình vĩ đại để đạt ngay được mức tiêu chuẩn mỹ mãn như thế. Công trình văn học ấy phải do nhiều cố gắng liên tục tập trung hết nỗ lực của nhiều nhân tài vào và làm việc có hệ thống quy mô mới thực hiện nổi. Và như thế thì hẳn phải có nhiều ký sự ghi chép lại. Ở đây tài liệu tuyệt nhiên thiếu hẳn. Mãi về sau, cho đến thế kỷ thứ VII, pháp sư Huyền Trang khi du học Ấn Độ trở về, ghi chép lại những gì tai nghe mắt thấy trong thiên ký sự gọi là Tây Vực ký, trong đó pháp sư thuật rằng theo sự tích được nghe kể lại thì dưới triều vua Kaniska (tây lịch 128-151) tất cả kinh văn Phật giáo đều được tổng hiệu đính lại và chú thích vô cùng tinh tế tường mật.

Đại ý pháp sư viết: "Một đại đội do vua Kaniska triệu tập tại nước Kiêu đà la để duyệt xét kinh văn Phật giáo, trước soạn 100.000 bài tụng Ưu ba đề xá (upadesa) để giải thích tạng Kinh, 100.000 bài tụng Tỳ nại da tỳ bà sa (vinayavibhāsa) để giải thích tạng Luật và 100.000 bài tụng A tỳ đạt ma Tỳ bà sa (abhidharmavibhāsa) để giải thích tạng A tỳ đàm. Tất cả là 300.000 bài tụng gồm 9.600.000 chữ để giải thích toàn bộ Tam Tạng. Không một bản văn nào đã được lưu truyền từ quá khứ xa xưa mà không được đại hội soát xét lại đến tận cùng ngành ngọn và giải thích từ nghĩa cạn đến nghĩa sâu. Giáo nghĩa tổng quát được minh thị lại rõ ràng và mỗi chữ dù tế toái đến đâu cũng đều được giải thích rành rẽ. Toàn bản được công bố cho mọi người biết, và đàn hậu tiến từ đây chỉ y cứ vào đó mà học hỏi. Vua Kaniska truyền lấy đồng đô cán móng, ghi khắc cả 300.000 bài tụng, bỏ vào hòm đá, niêm phong cẩn thận, rồi ra lệnh xây tháp, tầng trũ tất cả vào đây, sai dạ xoa canh giữ, không cho ngoại đạo đánh cắp" (theo Tây Vực ký quyển 3).

Căn cứ vào bút ký của ngài Huyền Trang trên đây, ta có nên rút ngay một kết luận vội vàng là tất cả kinh điển bằng tiếng sanskrit đều chỉ mới được kết tập lại xít xoát đồng thời với luận Tỳ Bà Sa, nghĩa là vào tiền bán thế kỷ II sau Tây lịch chăng ?

Để giúp soi sáng phần nào vấn đề này, các sử gia đã phải câu viện đến những phát kiến mới mẻ của khoa khảo cứu lịch sử ngôn ngữ Ấn Độ.

#### **A/- Kinh Văn Đại Thừa Xưa**

Như đã nói một đoạn trên, phần nhiều các kinh văn xưa nhất thuộc loại này chỉ mới xuất hiện khoảng 2 thế kỷ đầu của kỷ nguyên Tây lịch. Trong các kinh văn ấy, kệ tụng viết bằng tiếng sanskrit-tạp, trường hàng viết bằng tiếng sanskrit khá chính. Do tính chất hỗn hợp này, người ta có thể kết luận rằng, về mặt ngữ học các tác

phẩm ấy tiêu biểu cho giai đoạn chuyển tiếp giữa thời kỳ sanskrit-tạp và thời kỳ sanskrit toàn thịnh.

Đối lập với Phật giáo Nguyên thủy bởi sự xuất hiện của lý tưởng mới là tất cả chúng sanh đều cứu cánh thành Phật và của những quan điểm triết học mới rất tiên bộ, các tổ Đại thừa kết tập lại kinh văn xưa, triển khai giáo nghĩa của Kinh và Luật, đem lại cho Phật giáo một sinh khí mới vô cùng thâm huyền ảo diệu. Dùng Phương Quảng Kinh (Vaipulyasūtra) thay thế cho Thánh điển nguyên thủy (Agama hoặc Nikāya). Các Tổ này là chiến sĩ tiên phong trong việc áp dụng tiếng sanskrit vào văn trường hàng. Tiếng sanskrit-tạp sở dĩ được duy trì lại trong văn kệ tụng, chắc chắn đó là vì lý do hoằng hóa thực tiễn. Các kệ tụng ấy -cũng gọi là trùng tụng- thường chỉ nhằm mục đích thoát yếu lại đoạn văn trường hàng đã quảng diễn bằng tiếng sanskrit trước đó. Quần chúng dễ nhớ dễ thuộc các kệ tụng này hơn, vì tiếng sanskrit-tạp rất gần với tiếng nói thông dụng của họ. Hơn nữa tiếng sanskrit thuần túy được cấu tạo và phát âm theo những quy luật quá khó khăn và quá rắc rối, nên quần chúng không tài nào thuộc được.

Luận cứ trên đây được chứng minh khá rõ, khi xét đến các bản kinh văn Đại thừa xưa nhất. Vì trong các kinh văn này, ngay phần trường hàng cũng không phải hết thảy đều đã được sanskrit-hóa cùng một mức độ như nhau. Và lắm khi trong cùng một tác phẩm, nhưng mức độ ấy biến đổi từ bản viết tay này sang bản viết tay khác.

Với cách hành văn xen lộn sanskrit-tạp và sanskrit như thế, phải chăng các kinh văn ấy là dịch phẩm của nguyên tác bằng tiếng magadhī xưa ? Hiện có một xu hướng bênh vực cho giả thiết này, mặc dù xu hướng ấy đương gặp phải nhiều rắc rối phức tạp về phương diện ngôn ngữ.

Một xu hướng khác cho rằng các tác giả kinh văn Đại thừa đã tự mình trực tiếp viết kệ tụng bằng sanskrit-tạp và trường hàng bằng sanskrit thuần túy. Và để giải thích vì sao có những đoạn văn mang dạng thức hao hao giống với lối hành văn của thánh điển xưa thình thoảng được tìm thấy trong các kinh văn ấy, người ta cho rằng đó chẳng qua là những ký ức cũ xuất kỳ bất ý hiện ra một cách tự nhiên trong khi sáng tác.

#### **B/- Thánh Điển Nguyên Thủy**

Vào đầu kỷ nguyên Tây lịch, Thánh điển sanskrit hiện diện song song với Thánh điển pālī. Sanskrit có hệ thống Ngũ A Hàm (Agama) thì pālī có hệ thống Ngũ Bộ Kinh (Nikāya). Cả hai đều tùy thuộc vào kiểu mẫu kinh văn đầu tiên bằng tiếng magadhī. Nhưng xét về tánh cách nhất trí và đơn thuần của toàn bộ, thì Thánh điển sanskrit không sao sánh bằng. Lý do là vì Thánh điển sanskrit mới được kết tập về sau. Cảnh những kinh văn xưa. Thánh điển ấy lại còn bao gồm thêm nhiều kinh văn mới xuất hiện sau thời kỳ Bộ phái.

Việc kết tập Thánh điển này thường được gán cho Hữu bộ (Đại hội IV ở Kashmir). Xét một cách tổng quát, người ta có thể nói rằng Hữu bộ đã phiên dịch tiếng prākṛit ra tiếng sanskrit toàn bộ tạng Kinh (Sūtra), sách Giới bản (Prātimokṣa) Và các tài liệu về phương pháp hành trì. Ngoài ra, toàn bộ tạng Luật (Vinaya) dày cộm

và tạng A tỳ đàm đồ sộ (Abhidharma) của họ đều do chính tay họ trực tiếp sáng tác bằng sanskrit.

Sau đây chỉ nói đến các bản dịch, để tiện so sánh với các bản tương đương trong văn pàli.

Theo nhà ngữ học Renou khảo sát kinh văn sanskrit mới được tìm thấy từng đoạn ngắn ở Trung Á thì khi đọc qua, các đoạn ấy có vẻ như là những nguyên tác viết bằng sanskrit khá chỉnh, nhưng xét đi xét lại thật kỹ thì đó toàn là những phó bản rập theo nguyên văn của Thánh điển pàli tương đương. Vì cú pháp cùng đúc theo một khuôn mẫu như kinh văn pàli. Chỉ riêng cách cấu tạo chữ là đã được sanskrit-hóa mà thôi. Đây là trường hợp kinh Đại Bát Niết Bàn (Mahā parinirvāna sūtra). Trong kinh này, đoạn mở đầu hay tự phần, hoặc đoạn nói về lý duyên khởi của Mười hai nhân duyên, cách hành văn và ngay cả mạch văn của pàli và sanskrit đều giống đúc nhau. Có khác nhau chăng là khác về cách cấu tạo tiếng, chẳng hạn như "Vô minh duyên Hành" thì trong pàli là: avijjāpaccayā saṅhārā, còn trong sanskrit thì: avidyapratyayaḥ saṃskārāḥ. Một thí dụ khác nữa. Chẳng hạn như trong bài kinh Pháp cú số 361 (phẩm Tỳ kheo) mà nội dung là tán thán sự chế phục những tác vi của thân, khẩu, ý, đưa đến cứu cánh giải thoát khổ đau, cánh hành văn trong 4 bản pàli, prākṛit, sanskrit-tạp và sanskrit thuần túy, hoàn toàn tương đồng nhau.

Ngoài điểm tương đồng về hành văn nói trên, các nhà ngữ học còn nêu ra nhiều chi tiết về ngữ pháp có tính cách quá bác học và chi ly để chứng minh sự liên tục phát triển của ngôn ngữ Phật giáo qua các giai đoạn hình thành của nó. Nhưng chính vì tính chất bác học đó, nên ở đây chúng tôi xin gác bỏ ra ngoài.

Nhận xét chung rút tía được từ các tài liệu khảo cứu về ngôn ngữ học Ấn Độ đã dẫn dắt đến kết luận như sau :

Với thời gian, càng ngày mức độ sanskrit-hóa kinh văn Phật giáo càng tinh vi. Cuối cùng, tiếng sanskrit Phật giáo trở thành một ngôn ngữ tận thiện tận mỹ. Thiện mỹ đến mức độ sanskrit được xem như là đồng nghĩa dị âm với Phật giáo. Cứ nói đến sanskrit là in như rằng chỉ nói đến Phật giáo. Cũng như ngược lại, nói đến Phật giáo, người ta nghĩ ngay đến sanskrit.

Lại cũng nên lưu ý thêm rằng, trên bước đường tiến hóa của tiếng sanskrit, các kinh văn do Căn Bản Hữu Bộ (Mūlasarvāstivāda) kết tập như sách Tỳ Kheo Giới Bản (Bhikṣuprātimokṣa) và Luật tạng (Vinaya) của bộ phái này mà nhiều đoạn được phát kiến gần đây tại động Gilgit ở Trung Á đã cho thấy rõ ràng bút pháp văn sanskrit của họ vượt xa bút pháp văn sanskrit của Hữu bộ sử dụng. Tuy nhiên, với cả hai, dấu vết lưu dư của nguyên bản prākṛit mà họ đã dựa vào để san định, hiện ra quá rõ không sao xóa mờ được.

### **C/- Văn Học Sanskrit Ngoài Thánh Điển Nguyên Thủy**

Các nhà ngữ học đều đồng ý rằng trong thế kỷ II sau Tây lịch dưới triều đại Quy Sương (Kusana), ngôn ngữ sanskrit không chỉ riêng được dùng để san định Thánh điển Nguyên thủy. Nó còn mở đầu cho nền văn học

phong phú ngoài Thánh điển, trong nhiều bộ môn sai khác nhau.

Trước hết là văn chương thuật sự. Tiêu biểu cho bộ môn văn chương này là tác phẩm Asokāvadāna mà các chương đầu đã được Pháp Khâm người An Tức dịch thành 7 quyển ra tiếng Trung hoa trong năm 300 sau TL (đời Tây Tấn), dưới nhan đề "A Dục Vương Truyện". Một tiêu biểu khác là các kinh thuộc bộ Avadāna (Thí dụ). Các Thí dụ kinh này về mặt nội dung thì tùy thuộc truyền thống của Thánh điển xưa và có trích dẫn lại nhiều đoạn trong kinh Niết bàn cùng nhiều kinh sanskrit khác, nhưng về mặt hình thức thì thoát ly hẳn những tập quán về bút pháp mà các nguyên bản prākṛit đầu tiên đã quy định. Do đó, các tác phẩm Thí dụ kinh mở đầu cho những mô thức hành văn mới với nhiều thuật ngữ mới không tìm thấy tương đương trong Thánh điển pàli. Phải đợi cho đến khi các kinh đại thừa xuất hiện thì mới được tùy nghi sử dụng trở lại. Các thuật ngữ này, hai nhà ngữ học L.Feer và J.S.Speyer đã kê cứu và lập thành một bảng danh sách dài vô tận. Chẳng hạn như các thuật ngữ nói về 32 tướng tốt và 80 tướng phụ của Phật mà Hán văn gọi là Tam thập nhị tướng và Bát thập chủng hảo.

Thứ đến là văn chương thuộc loại anh hùng ca tự mình. Loại này bắt nguồn cảm hứng từ đời sống cao đẹp của Phật. Tiêu biểu cho loại này là tác phẩm Budhacarita (Phật Sở Hành Tán) của Asvaghosa (Mã Minh). Trong Phật Sở Hành Tán, những phần có liên quan đến giáo pháp thì vẫn trung thành với ngữ vựng và cú pháp cổ truyền, nhưng những phần mô tả và thuật sự thì cách hành văn lại khác hẳn : văn chương đầy dẫy hình ảnh sáng chói, lời văn hoa mỹ, nhịp văn câu kỳ và hình thức văn phạm bác học tinh tế.

Thứ nữa là văn chương thuộc loại huyền học phối hợp triết học kinh viện và thần bí học. Thành công nhất trong loại này là Mātṛceta (?), đệ tử của Mã Minh, và tiếp theo là Nāgārjuna (Long Thọ).

Hai ông lại còn lão luyện về văn chương thư tín mà tác phẩm còn lưu truyền là Mahārājakanikālekha và Sūhrillekha. Tác phẩm trước là thư của Mātṛceta gửi cho Kaniska II (270 sau TL); tác phẩm sau là thư của Long Thọ gửi cho vua Jantaka thường gọi là vua Dẫn Chánh (Śātavāhana) ở Nam Ấn.

Cuối cùng, tiếng sanskrit cũng được các Luân chủ sử dụng rất sớm để trước tác các tạng Luận (Śāstra). Ứng dụng đặc địa nhất của tiếng sanskrit là chính ở và đây, về sau trở thành cố định vĩnh viễn. Tất cả triết học kinh viện đồ sộ của Phật giáo Bắc phương đều xây dựng bằng ngôn ngữ này. Có 2 hình thức : a/ trường hàng tức văn xuôi mà ý chính thỉnh thoảng được cô đúc lại trong một loạt trùng tụng; b/ kệ tụng tức văn vần (kārīkā) trình bày giáo nghĩa hết sức cô đọng và gọn, cần có chú sớ mới hiểu nổi. Tiêu biểu nhất cho loại văn chương này là Luận Trung quán (Mādhyamika).

Luận Đại Tỳ Bà sa là bộ bách khoa từ điển đầy đủ nhất về giáo nghĩa Tiểu thừa, do các vị la hán ở Kasmir kết tập trong Đại hội IV dưới triều đại Kaniska (128-151). Hiện thời, toàn bộ văn của luận này được biết đến qua bản Hán dịch mà thôi.



Nguyên tác chưa tìm thấy nhưng có nhiều dấu hiệu hé cho biết rằng nó đã được viết bằng tiếng sanskrit. Tương truyền rằng nhiệm vụ của Đại Tỳ Bà sa chính là nhằm khai triển giáo nghĩa của Luận Phát trí (Jnānaprasthāna) do Ca Đa Diên Ni Tử (Kātyāyiniputra) tức Ca Chiên Diên sáng tác.

Phát trí là bộ luận căn bản trong tạng A Tỳ Đàm của Hữu bộ. Nguyên tác luận này hiện cũng chưa tìm ra, nhưng các sử gia nghi rằng nó cũng đã được viết bằng tiếng sanskrit. Nếu ước đoán này mà đúng thì sự ứng dụng của tiếng sanskrit vào tạng Luận có thể đã bắt đầu từ thời kỳ xa xưa hơn thế kỷ II sau Tây lịch.

Luận Trung quán do Long Thọ (Nāgārjuna) biên soạn, gồm những bài văn kệ tụng xưa nhất.

Để giải thích các kệ tụng trong luận này, chính tác giả lại tự tay viết phần chú sớ mệnh danh là Akutobhaya mà hiện chỉ tìm thấy trong bản Tạng dịch, nhưng có thể thay thế bằng bản Prasannapāda của Nguyệt Xứng (Candrakīrti) sáng tác trong thế kỷ VI sau Tây lịch. Một tác phẩm nữa, giá trị không kém Trung quán, ấy là bộ Quảng Bách Luận Bôn (Catuḥsataka) tức Bách Luận do Thánh Thiên (Aryadeva) tức Đề Bà, cao đệ số một của Long Thọ sáng tác. Hai bộ Trung Quán và Bách luận trình bày giáo nghĩa căn bản của Đại thừa Không Tôn (Sūnyavāda) được diễn đạt bằng một loạt sanskrit hết sức gãy gọn và hết sức trong sáng. Theo các sử gia và ngữ học gia thì xưa nay hiếm có một hệ thống triết học nào tìm được một công cụ diễn đạt hoàn toàn đến mức đó.

Từ các sự kiện lịch sử trên đây hiện ra rõ ràng rằng trong thời kỳ tiểu vương Rudradāman (150 sau TL) sai khắc bản tụng văn tại thạch động ở Girnār để tự xưng tụng công đức mình, thì tiếng sanskrit đã nghiêm nhiên chiếm ưu thế trên toàn thể lục địa Ấn Độ rồi, và được xem như ngôn ngữ Phật giáo tuyệt vời. Bất cứ là thuộc bộ môn nào thuật sự, mô tả, thi ca, thư tín hay triết học, tất cả các đệ tử Phật cũng đều nương vào ngôn ngữ sanskrit để làm rạng danh đức Bôn sư trong đời sống cũng như trong tư tưởng.

Đặc sủng này, tiếng sanskrit sẽ giữ được vĩnh viễn trong lịch sử ngôn ngữ Ấn Độ. Nó lại càng ngày càng hiện ra rạng rỡ hơn nữa dưới thời đại Cấp Đa (Gupta) trong thế kỷ IV sau TL nhờ tài ba xuất chúng của những Thế Thân (Vasabandhu), Vô Tước (Asaṅga) và vô số môn đệ kế tiếp về sau.

(D)- Nội dung bài Pháp cú số 361 như sau :

"Chế phục được thân, lãnh thay; chế phục được lời nói, lãnh thay; chế phục được tâm ý, lãnh thay; chế phục được hết thảy, lãnh thay. Tỳ kheo nào chế phục được hết thảy thì giải thoát được hết thảy khổ đau".

Để có tài liệu làm bằng chứng, xin ghi lại ở đây nguyên tác của 4 bản đề tiện việc đối chiếu.

Pāli :

Kāyena samvarosādhu, sādhu vācāya samvaro manasā samvaro sādhu, sādhu sabbattha samvaro sabbattha samvuto bhikkhu sabbadukkhā pammuccati.

Prākṛit miền Tây Bắc :

Kaena sanamu sadhu, sadhu vayai sanamu manena sanamu sadhu, sadhu sarvatra sanamu sarvatra sanato bhikkhu savadugatio jahi.

Sanskrit-tạp :

Kāyena samvaro sādhu, manasā sādhusam varah sarvatra samvrto bhikṣu sarvadukkhā pra mucyate.

Sanskrit:

Kāyena samvarhh sādhu, sādhu vācā ca samvarah

manasā samvarhh sādhu, sādhu vācā ca samvarah

sarvatra samvato bhikṣh sarvadukkhāt pramucyate.

• Cao Hữu Đỉnh  
(Còn tiếp)

## Phật Tử Lưu Đà và Quê Hương. - Hoàng Nguyên Nhuận -

### Khu Rừng Mênh Mông

Đạo Phật là gì? đó là một câu hỏi có thể gây bối rối. Càng bối rối hơn khi nghe nói có đến 8 vạn 4 ngàn cách giải thoát chất chứa trong tam tạng kinh điển, rằng kẻ suốt đời khổ hạnh trong rừng già có thể thành Phật đã đành mà kẻ mới giết người phút trước, phút sau hồi tâm sám hối cũng có thể thành Phật nữa, rằng gặp Phật thì giết Phật, gặp Tổ thì giết Tổ, rằng Phật đã báo 49 năm hành đạo, Ngài không hề nói lời nào, rằng muốn thành đạo tu chứng thì phải "Nhảy! Nhảy! Nhảy sang bờ bên kia".

Dù nghe có vẻ rối bời thế đó nhưng điều đáng ngạc nhiên là không thấy Phật tử nào bảo những điều đó là mâu thuẫn, phức tạp hay tốc đoán, quỵ biện. Có lẽ vì họ đã nghĩ rằng mình có thể thấu rõ 83.999 cách thành Phật nhưng còn cách thứ 84.000 thì chưa biết, hoặc biết mà chưa thực hành? Cũng có lẽ vì họ nghĩ rằng Phật mà còn không chịu nhận đã thuyết pháp thì trên đời này ngoài Phật ra, ai dám bảo ai đúng ai sai ! ?

Phải chăng vì vậy mà có Nguyên Thủy và Đại Thừa, Nam Tông và Bắc Tông, Thiên và Tịnh, đốn ngộ và tiệm ngộ, niết bàn và địa ngục, Phật và Bồ Tát, Thanh văn và Duyên giác, thiên nhân và súc sanh nga quỹ ?

Nhìn qua lăng kính vạn hoa đó thì đạo Phật là một khu rừng. Có người đi vào rồi mất hút trong bụng hùm beo lang sói, có người lạc bước vào Thiên Thai không chịu về, có người trở về với một lõi trầm, một chùm hoa, một nắm lá xanh, hoặc một cành củi mục, có người trở về tay không. Đi vào rừng đó là theo đạo Phật, là quy y Tam Bảo...

### Tự Đầu Thú

Quy y Tam Bảo là đầu thú Phật, Pháp, Tăng. Quy y Tam Bảo còn được gọi là tam tự quy. Điều quan trọng không chỉ là quy y hay đầu thú. Điều quan trọng hơn nữa là phẩm tính của hành động quy y hay đầu thú đó. Phẩm tính đó là sự tự nguyện, tự mình quyết định lấy có nên theo hay không chứ không phải vì khuyến dụ, áp bức, thúc đẩy, dọa nạt, mua chuộc, quyến rũ.

Đạo Phật không phải là đạo mặc khải, tín lý không phải là điều tự trên trời rơi xuống phải tiên quyết chấp nhận hay chối từ. Chấp nhận là hạnh phúc miên viễn, phủ nhận là đọa lạc mãi mãi.

Tiên quyết chấp nhận không thắc mắc, tra hỏi, không được đặt lại vấn đề đức tin của mình không phải là điều kiện để theo đạo Phật. Bởi lý nếu quy y, đầu thú theo những điều kiện đó thì quy y sẽ không còn là tự quy y nữa. Người Phật tử chỉ chấp nhận những gì không đi ngược kinh nghiệm của chính mình, Kẻ dẫn dắt người Phật tử vào đạo Phật trước tiên chính là người Phật tử đó.

Có khi đạo Phật mai phục trong tâm linh một người gần suốt một đời không tác dụng gì cả, và bỗng nhiên tái hoạt vì một cơ duyên nào đó. Cũng vì vậy mà có cảnh "anh hùng mạt vận bán quy Tăng", hoặc đồ tể một phút buông dao thành Phật, hoặc nói như Lục Tổ rằng phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ đề. đó chính là ý nghĩa của đốn ngộ.

Tự quy y vì tự mình thấy được đường đi nên tự mình đi tới. Tự quy thường không phải là một kinh nghiệm trời long đất lở mà chỉ là một kinh nghiệm hết sức thông thường về chuyện đời chung quanh và về chính mình.

### **Biện Chứng Đền Kéo Quân.**

Thông thường ai cũng có thể thấy vạn vật không phải từ đá nứt ra. Một cái gì có thì phải do một cái khác, cái khác có do nhiều cái khác. Minh có là do cha mẹ, cha mẹ có là do Ông bà, cứ thế mà đôn lên mãi... để trở thành hệ thống nhân duyên. Không có gì không duyên khởi, không có gì không nguyên nhân. Nhân tạo quả, quả trở thành nhân, nhân lại tạo quả cứ như thế mà diễn biến như đèn kéo quân đêm Trung Thu. Có người dùng lý luận này để chứng minh chúa tể cần khôn hữu thế. Chỉ phiền một nỗi nếu cho rằng "ông" Trời sinh ra vạn vật thì ai sinh ra "ông" Trời?

Quan niệm duyên khởi của Phật giáo chỉ nhằm nói lên tính cách tương liên của vạn vật chứ không tiên quyết để xác nhận hay phủ nhận Thượng Đế, Ông Trời, Chúa Tể Cần Khôn. Tiên quyết phủ nhận hay chấp nhận không phải là điều hợp với tinh thần Trung Đạo, tiên quyết dựa vào Chúa Tể Cần Khôn để có hạnh phúc cũng không phải là điều hợp với tinh thần tự lực giải thoát.

Kinh nghiệm nhân quả, duyên khởi là một kinh nghiệm biện chứng đề - Phản đề - Hợp đề; hợp đề biến thành tiền đề mới, gặp một phản đề khác để đưa đến một hợp đề mới... cứ thế mà va chạm, sinh hóa, tồn tục. Chủ đích của Phật giáo không phải là tra hỏi, nương tựa và ý niệm một Tiên đề uyên nguyên để vạch ra con đường hạnh phúc; chủ đích của Phật giáo là nhằm vào dòng sinh hóa tồn tục biện chứng đó để vạch ra con đường giải thoát bằng cách chấm dứt dòng sinh hóa tồn tục biện chứng đó, vượt ra khỏi dòng sinh hóa tồn tục biện chứng đó. Tại sao và bằng cách nào ?

### **Có Không, Không Có Trên Dòng Hư Vô**

Không có gì có thể đơn độc tồn tại và tuyệt đối hủy hoại. Không có gì có thể đứng một mình mà có ý nghĩa. Hiện hữu và ý nghĩa của một thực tại tùy thuộc tương quan giữa thực tại đó với những thực tại khác và đồng thời tùy thuộc những thành phần cấu tạo ra chính thực tại đó. Cái nhà không thể là cái nhà nếu không có mái, vách, cửa ngõ v.v... nhưng vách, cửa, mái không phải là cái nhà, và cái nhà cũng chỉ là cái nhà khi được so sánh với hang núi, chòi tranh, lều trại, lầu đài, cung điện...

Vì thực tại chỉ tồn tại trong tương quan với những thực tại khác như vậy nên thực tại không thể là thực tại tuyệt đối, đơn thuần, nhất phiến, toàn hảo, thường hằng mà chỉ là tương đối, đa tạp, bất toàn, hữu hạn, nghĩa là vô ngã, vô thường, có mà cũng như không, không mà vẫn có như bọt nước tạo thành sóng, các điểm tạo thành tâm hình.

Vô thường, vô ngã, vô hữu là yếu tính của vạn sự vạn vật. Không thấy được điều đó mà lại nhận vô thường là thường, vô ngã là ngã, vô hữu là hữu nên đau khổ. Nói thế khác, vô thường, vô ngã, vô hữu là duyên khởi hay điều kiện tạo lập của khổ đau.

### **Chia Buồn Là Nhân Buồn Lên Gấp Đôi**

Vì bản sắc cuộc đời là vô thường, vô ngã, vô hữu; vì vô thường, vô ngã và vô hữu là duyên khởi của khổ đau nên cuộc đời là duyên khởi của khổ đau, cuộc đời là khổ đau. đó là sự thật thứ nhất của Phật giáo, một sự thật mà ai cũng có thể chứng nghiệm bằng chính bản thân, chính cuộc đời mình.

Nếu cứ để cho duyên khởi của khổ đau tiếp tục tác dụng, nếu không tìm cách ngăn chặn những duyên khởi đó tiếp tục tác dụng thì khổ sẽ kéo dài, sẽ gia tăng mãi mãi. Không ai có thể kê vai gánh vác khổ đau cho kẻ khác. đau khổ cũng không thể chia cho ai như chia tiền, chia gạo. Chia buồn, chia khổ xét cho cùng chỉ là nhân buồn khổ lên gấp đôi, kẻ khác chỉ có thể giúp thực sự bằng cách cho mình thấy, và chia sẻ với mình kinh nghiệm thoát khổ hay kinh nghiệm thành đạt hạnh phúc của họ.

Thông thường, hạnh phúc chỉ có thể là đau khổ đã qua hay đau khổ chưa tới, cho nên tìm hạnh phúc là tìm cách thoát khổ. Muốn thoát khổ thì không phải là chạy trốn khổ theo kiểu vượt biên, di tản. Nếu đời là "biển khổ" thì biển chỗ nào mà chẳng mặn. Đời đã khổ thì "chạy trời không khỏi nắng". Cho nên muốn thoát khổ thì phải đối diện với khổ để tìm cách diệt khổ.

### **Hun Hút Đường Xa**

Đạo Phật là một hệ thống giao thông có 84.000 nẻo dẫn đến một đích là giải thoát. Hệ thống giao thông này có những bảng chỉ đường tên Bát Chánh Đạo, Tứ Nhiếp Pháp, Lục Hòa, Ngũ Giới, Thập Thiện... Không biến cải được khổ thành sướng thì biến cải chính mình trong cảnh khổ.

Biến cải chính mình để biến cải đau khổ và khi đau khổ đã bị biến cải thì chính mình cũng sẽ biến cải theo. Đó là một tương quan biện chứng: biện chứng sen mọc



trong bùn, biện chứng sen nở trong lò lửa, biện chứng tự giác nhi giác tha.

Thành công hay thất bại trên những nẻo lưu thông ấy một phần là nhờ các bằng chỉ đường, phần khác là nhờ quyết tâm của kẻ lữ hành, tùy thuộc vào việc người lữ khách có thấy cần phải đi không, có muốn đi, có chuẩn bị đi, và có quyết đi đến cùng hay không. Thấy lý do đi bằng Định, Huệ; chuẩn bị đi bằng Giới, quyết tâm đi bằng Bi, Trí, Dũng. Thiên, Tịnh, Mật và Nguyên Thủy, Đại Thừa hay Tiểu Thừa là những cái đi. Nhưng đi như thế nào thì đích điểm vẫn là giải thoát, động lực vẫn là từ bi, điều kiện tiên quyết vẫn là tự lực, là tu thập đức mà đi, là bỏ bè khi đã đến bờ, là cố gắng nhảy sang bờ bên kia.

### **Phật Tử Hồng Bàng Thị**

Con đường sống đạo của người Phật tử là như thế. Nhưng Phật pháp bất ly thế gian pháp cho nên nhảy được sang bên kia bờ rồi thì phải nhảy về để cùng tu với kẻ khác, để giúp kẻ khác cùng tu. Tu nhà, tu chợ cũng quan trọng như tu chùa vậy. Tu trên quê hương mình hay tu nơi đất khách quê người cũng là tu. Chỉ khác nhau về những khía cạnh đặc thù của kiếp đời, của lịch sử, kinh tế, xã hội, chính trị, chủng tộc mỗi nơi.

Phật đã khởi sự tu bằng quyết định hoàn toàn lánh xa cuộc đời và chọn con đường khổ hạnh rừng già cô độc. Sau sáu năm - và trước khi thành công, Phật đã xét lại quyết định đó để có một chủ trương thích hợp hơn đó là trung đạo nhập thế để giúp kẻ khác cùng giải thoát. Trung Đạo tạo điều kiện tâm linh cho người ta thích ứng với điều kiện sống, hội nhập với hoàn cảnh sống thực tế.

Phật giáo đến Việt Nam và trở thành Phật giáo Việt Nam; Phật tử "đến" Việt Nam và trở thành Phật tử Hồng Bàng Thị chứ không còn là một "thầy tu Ấn Độ". Người Phật tử không thấy có bổn phận phải tuân phục một giáo quyền nào ngoài biên giới tổ quốc. Người Phật tử nhận lấy nghiệp báo của đồng bào quê hương mình làm phần nghiệp báo của riêng mình, chấp nhận y báo và cộng nghiệp như là chính báo và biệt nghiệp.

### **Niềm Tin Đất Khách Quê Người**

Thái độ và chủ trương của người Phật tử nơi phần đất tạm dung này cũng tương tự như thế, nghĩa là cùng tu, cùng giải thoát với đồng loại dị chủng. Về phương diện sống đạo, ty nạn, di tản hay lưu vong là một cơ hội giải nghiệp, một cách trả nợ đời; về phương diện hoằng pháp, đây là cơ hội đem ánh sáng của chánh pháp chia sẻ với đồng bào dị chủng, như các Tổ, các Phật tử đã đem đạo vào Việt Nam thời Giao Chi. Để đạt mục đích đó, người Phật tử cần gia tâm ghi nhận những điều kiện dị biệt, những nhu cầu tâm linh cũng như xã hội đặc thù của quê nhà thứ hai. Phật giáo không thể cứ như một giống cây quý trồng trong chậu kiếng, sinh hoạt tín ngưỡng cũng không thể chỉ là một sinh hoạt có hình thức như một hội kín, một cái gì xa lạ hiếu kỳ mà chính quyền và đồng bào dị tộc phải bắt buộc dĩ chấp nhận vì lý do lịch sử hay chính trị.

Quê hương thứ hai rất đầy đủ về vật chất, rất hăng say phát triển của cải và mức thụ hưởng.

Quê hương thứ hai chỉ không đầy đủ về nhân ái, bao dung, chỉ thiếu những tiêu chuẩn điều hướng tâm linh để giúp đồng loại gần nhau hơn, biết nghĩ đến nhau hơn để khả dĩ cùng nhau tránh thoát những khủng hoảng đập dồn của cô đơn, vị kỷ, bạo hành, tham lam tài lợi. Sách báo, truyền thanh truyền hình, điện ảnh... là tấm gương phản ánh khá đầy đủ những bi đát của xã hội tạm dung.

Người Phật tử lưu đầy cũng khó mà thoát khỏi những cơn khủng hoảng đó nếu không đủ tinh táo, nếu không được cảnh giác, diu dặt nâng đỡ.

Trách nhiệm của Phật giáo lưu vong là tiếp sức, giúp đỡ, cảnh giác và soi đường cho đồng bào đồng chủng cũng như dị chủng trong cố gắng vượt thoát khủng hoảng đó. Tôn giáo sẽ khó mà tránh khỏi con đường trì trệ thoái hóa nếu chỉ tập chú hoạt động vào những kẻ chỉ có thể đến chùa, đến nhà thờ nhà nguyện bằng xe. Xe nô để quy y bán thí, xe hoa để làm lễ cưới, xe hơi để văn cảnh du lịch, xe hòm trước khi ra nghĩa trang. Hoạt động hoằng pháp cũng không thể chỉ chú trọng đến hộ niệm, cầu an cầu siêu, dâng sao giải hạn, mà phải còn chú trọng đến những người đang sống, đang vật lộn với nỗi cô đơn xa nhà, nỗi hoang mang xao xuyên của kẻ phải bắt đầu lại từ số không, phải vật lộn với những khó khăn khác biệt về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, phải nhọc nhằn với công việc không vừa ý, những vẩn vạc quặn thắt giữa tình cảm riêng tư và lựa chọn chính trị mỗi khi nhớ nghĩ về quê nhà.

### **Một Vài Công Việc Cần Kíp**

Tự chủ, bình đẳng hạnh phúc và giải thoát, từ ái bố thí, lục hòa là những đóng góp lớn của Phật giáo cho quê hương và nhân loại. Lưu đầy là một cơ hội cho người Phật tử Việt Nam tiếp tục những đóng góp đó bằng cách đem niềm tin ứng dụng vào nỗ lực chung kiếm tìm những giải pháp cho thời đại, cho xã hội tạm dung và cho quê hương đang xa cách. Để tiến hành công việc đó, một số điểm sau đây cần được đặc biệt chú ý.

Thứ nhất, đơn giản hóa sinh hoạt tín ngưỡng và hiện đại hóa cách trình bày giáo pháp. Chính các vị Bồ Tát còn rời cõi Phật đi vào lòng đời thì không lý gì những người con Phật lại giới hạn sinh hoạt trong khuôn viên chùa.

Thứ hai, hoằng pháp trong tinh thần cùng tu, khuyến tu chứ không tu giùm cho kẻ khác. Chùa không phải chỉ là nơi thực hành nghi thức tụng niệm cho những kẻ "không có thì giờ để tu", chùa còn là một trung tâm giáo dục xã hội văn hóa điều hướng sinh hoạt tâm linh cho quảng đại quần chúng.

Thứ ba, chú trọng dung hợp Thiên, Tịnh, Mật cho phù hợp với cơ duyên và quá trình tu tập của đa số.

Thứ tư, phối hợp và gia tăng việc đào tạo giảng sư, truyền bá giáo pháp, tích cực tiếp tay với Phật giáo ở quê nhà để duy trì và phát triển công việc hoằng pháp về mọi mặt.

Thứ năm, tạo hoàn cảnh và điều kiện để thống hợp các thành phần và tổ chức Phật giáo hải ngoại. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là một định chế được xây dựng bằng máu, nước mắt và mồ hôi của các hàng Phật tử trong bao đời qua. Phật giáo Việt Nam hải ngoại là một phần của Giáo Hội đó. Danh nghĩa và tư cách chính thống của Phật giáo Việt Nam hải ngoại tùy thuộc vào cường độ và hình thức của mối liên hệ đó.

Thứ sáu, cố gắng giữ gìn mức phân công giữa đạo và đời trong công tác Phật sự. Hành động có ý nghĩa chính trị nhất của hàng xuất gia là bỏ nước ra đi, nhưng chính trị phải là trách nhiệm chính của hàng Phật tử tại gia. Hàng xuất gia chỉ giữ vai trò hướng dẫn tâm linh và trợ duyên xã hội chứ không trực tiếp nhúng tay vào các quyết định và hành động thế trị của hàng Phật tử tại gia.

Thứ bảy, hoạt động hoằng pháp cần chú trọng hơn đến lớp Phật tử trưởng thành sau 1975. Lớp người này không có những kinh nghiệm, những ký ức và những hoài vọng tương lai hướng về quê hương, đồng bào như lớp phụ huynh của họ. Mỗi đây ràng buộc họ với Phật giáo thường là truyền thống gia đình, nhưng Phật giáo có thể trở thành một món đồ cổ với họ nếu không chấn hưng và hiện đại hóa đúng mức để đáp ứng nhu cầu tâm linh xã hội của họ.

Về phương diện vừa nói, Phật giáo tại quê nhà và Phật giáo hải ngoại có thể mắc một chứng bệnh ngặt nghèo như nhau: bệnh lão hóa. Phật giáo tại quê nhà bị kềm kẹp, không thu hút được tầng lớp trẻ xuất gia hay đến với đạo, Phật giáo hải ngoại nếu không cung cấp được những món ăn tinh thần hợp "khẩu vị" lớp trẻ thì cũng không thu hút được tầng lớp trẻ vốn có những ưu tư, xao xuyến, hoài bão, những cái nhìn về cuộc đời không giống với các thế hệ trước. Sinh hoạt thanh niên Phật tử - cũng như việc mở rộng sinh hoạt Phật giáo vào các cộng đồng sắc tộc khác là điều cần được đáp ứng một cách nghiêm túc và có phương pháp bằng không sẽ không tránh được câu hỏi là có nơi bây giờ đang mua lại nhà thờ, nhà nguyện của các tôn giáo bạn, đang cất lực tiết kiệm, quyên góp để lập chùa nhưng mười mười năm nữa ai sẽ quét lá đa, đóng công cho những chùa đó ?

Câu hỏi thứ hai, vì hoàn cảnh bức bách và điều kiện dị biệt, một số Tăng Ni trẻ không thể tiếp tục nếp sống tu học truyền thống, trong khi một số Phật tử muốn bán thế xuất gia nhưng lại không thể viên thành ước nguyện. Vấn đề đặt ra là có nên phát triển hơn nữa phương thức Tân Tăng, Dòng Tiếp Hiện để tạo cơ hội cho những hạng vừa kể tiếp tục sinh hoạt như một người xuất gia? Tân Tăng không phải là một hiện tượng mới lạ trong xã hội Việt Nam: hiện tượng Thầy Cúng. Họ đã tiếp tay sơn môn để thực hành một số nghi lễ theo ước mong và đòi hỏi của quần chúng Phật tử mà - vì thiếu nhân sự và phương tiện, sơn môn đã không đáp ứng được hoàn toàn đầy đủ. Thầy cúng có phải là Thầy tu không? Nếu không phải thì Phật tử có thể nhờ những "dịch vụ" nghi lễ của họ không, nếu phải thì tại sao họ không được thống hợp vào giáo hội? đó không phải là câu hỏi để trả lời khi Phật giáo không có hệ thống tín lý và giáo quyền độc đoán,

độc thiện, không có giàn hỏa để đàn áp, không có hỏa ngục để khủng bố. Và nhất là khi có người vẫn tin vào hiệu dụng vô biên của hộ niệm và một vài thành phần sơn môn cũng "hành nghề" như các Thầy cúng. Khế hợp, lợi hành là những nguyên tắc xuất xứ căn bản của người Phật tử. Mở đường cho các Thầy cúng trở về sinh hoạt trong lòng giáo hội và khai lối về cho những người vì lý do này hay lý do khác đã một lần không thể theo trọn con đường của người xuất gia có phải là điều đáng đặt ra không ?

### **Chùa Ai Nấy Ở, Thầy Ai Nấy Theo**

Kết quả hoạt động tùy thuộc vào chương trình, chương trình hoạt động tùy thuộc vào tình trạng hòa đồng của sơn môn và Phật tử các chùa, nói thế khác, tùy thuộc mức độ kè vai sát cánh của hàng Phật tử tại gia cũng như xuất gia. đây cũng là điều đáng suy nghĩ. Bảo rằng phân hóa ly tan là không đúng, nhưng bảo rằng kè vai sát cánh môi hở răng lạnh thì cũng không phải là hoàn toàn đúng. Nếu hiểu đoàn kết là thống hợp thành một khối nhất phiến, ai không theo sẽ bị khai trừ, trừng phạt thì Phật tử không có đoàn kết. Nhưng hiểu đoàn kết là hòa nhi bất đồng thì Phật tử có đoàn kết. Trờ ngại chính cho sự đoàn kết đó không chỉ là dị biệt tâm linh, những sở tri chướng; trở ngại chính cho sự đoàn kết đó còn là những dị biệt về chính kiến và tham vọng thế trị của một số Phật tử muốn thành đạt những mục tiêu thế trị bằng con đường ngắn nhất.

Nếu vì một lý do nào đó mà hàng Phật tử xuất gia đang lưu vong không ngồi lại được với nhau để cùng chia quyền hạn thống thuộc, cùng gánh những trách nhiệm đương nhiên thì ít ra cũng có thể ngồi lại với nhau để đồng ý thực hiện một chương trình hoạt động tối thiểu, để trao đổi, phân công, bổ túc hoạt động Phật sự cho nhau tùy phương tiện và hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Chương trình hoạt động tối thiểu đó có thể gồm những điểm như tu học, giáo dục, kết hợp Phật tử tại gia, phiên dịch kinh điển, tu thư nội điển và ngoại văn, yểm trợ Phật giáo bên nhà về tài thí, pháp thí và nhân sự tạo điều kiện đẩy mạnh phong trào hướng về đạo pháp và quê hương. Hãy lấy một vài ví dụ về việc phân công tối thiểu này. Trong Tam Tạng kinh điển, còn bao nhiêu bộ chưa được dịch ra Việt ngữ, bao nhiêu bộ đã được dịch nhưng chưa phổ biến, đã được phổ biến nhưng không được tái bản? Bao nhiêu tác phẩm biên khảo về Phật giáo cần được tái bản hay dịch ra Việt ngữ? Hàng Phật tử xuất gia có thể có một danh sách những việc cần làm đó rồi phân công thực hiện mỗi mùa an cư kiết hạ không? Có thể có một thời khóa biểu để chia nhau mỗi năm về thăm nhà một vài tháng và dùng thời gian ấy để góp phần đào tạo Tăng Ni ở quê hương không ? Có thể lập một quỹ "quốc tế" để theo đuổi công cuộc tài thí và pháp thí - nhất là tài thí, một cách đồng đều và tránh được hăm hiu buồn tủi cho những chùa, những cá nhân không có đồng môn, đệ tử, thân nhân ở ngoại quốc ? Có thể có một chương trình để mỗi chùa, mỗi quận, mỗi tiểu



bang, mỗi quốc gia thường xuyên bảo trợ một tu viện, một chùa, một tỉnh hội, một miền giáo hội? Có thể chính thức ủy thác cho Giáo Hội bên nhà đứng ra nhận lãnh công tác vừa nêu để tạo cơ duyên cho Giáo Hội củng cố các liên hệ sẵn có? Phật giáo hải ngoại đã liên hệ và yểm trợ Phật giáo miền Bắc như thế nào, đến mức nào?

### **Để Tránh Cảnh Xuất Tương**

Trở lại vấn đề đoàn ngũ hóa Phật tử tại gia đã nói ở trên, đây là một vấn đề khá phức tạp trong hoàn cảnh hỗn mang và u minh của chính trị lưu vong. Châm ngôn chính trị của người Phật tử trước nay là phục vụ dân tộc trong ánh sáng đạo pháp. Để theo đuổi công việc đó, người Phật tử tại gia phải gánh vác phần nặng nhất cho sơn môn, không thể để hàng xuất gia mãi ngâm ngùi than thở "phồn hoa ngã bất hoài vinh nhục..."

Một trong những cảnh bi hài của chính trị Phật giáo là xuất tương. Đánh nhỏ, đánh lớn đều xuất tương, trước khi nghĩ đến chột, đến xe, pháo...

Cũng vì vậy mà trong chánh điện, trước khi hành lễ, vị chủ lễ đã phải đứng nghiêm chào cờ, mặc niệm, suy tôn rồi mới được chính thức hành lễ. Phật tử thường không được giàu có dư dả nên có người nghĩ đến chuyện "mượn hoa cúng Phật".

Cho đến nay không biết đã có ai làm chuyện ấy chưa nhưng điều chắc là hàng xuất gia, danh nghĩa giáo hội thỉnh thoảng đã bị một số người cầm nhầm để xài vào những chuyện không phải là cúng Phật. Cho đến bây giờ Phật giáo hải ngoại vẫn chưa có được một cơ quan thông tin liên lạc hàng tuần - khoan nói đến hàng ngày, ở bất cứ một quốc gia, một miền, một tiểu bang. Muốn phổ biến tin tức, thông bạch, thông cáo thì phải dùng đến chước "bắt le le giữa đồng" cho nên đã xảy ra cảnh bi hài là một tờ báo vừa đăng thông bạch của chùa vừa đăng bài phi báng "Sur sãi"...

Để tránh cảnh xuất tương, sơn môn có thể ủy thác việc thế trị cho một văn phòng liên lạc gồm những Phật tử tại gia, đây là gạch nối trung gian giữa đạo và đời, giữa sơn môn và xã hội, giữa sơn môn và những thành phần Phật tử hoạt động chính trị cách này hay cách khác. Văn phòng này không công khai và trực tiếp sinh hoạt chính trị và văn phòng cũng sẽ không công khai làm một chuyện gì khác nếu không thảo luận, thỉnh ý và được giáo hội cho phép. Hiệu năng, phạm vi hoạt động, tổ chức nhân sự và điều hành của văn phòng này là một vấn đề cần thảo luận thấu đáo.

### **Giữ Chân Chính Trị Ngoài Cổng Chùa**

Dựa vào giáo pháp, lấy giáo pháp làm nguồn cảm hứng và động lực để hoạt động chính trị là một chuyện, nhân danh giáo hội để hoạt động là một chuyện khác. Người Phật tử ý thức chuyện đó trong lúc dần thân vào sinh hoạt chính trị.

Người Phật tử có thể tham gia hay tổ chức các đoàn thể, phong trào chính trị và chịu sự lãnh đạo của giáo hội về phương diện tâm linh tín ngưỡng. Hàng xuất gia có quyền tham gia các sinh hoạt chính trị - nếu muốn, và sẽ

chấp nhận luật chơi cũng như điều lệ sinh hoạt của hình thức sinh hoạt này như bất cứ ai đã thuận ý gia nhập.

Ngày trước, không thiếu gì quý vị Tăng Ni tham gia phong trào cách mạng của Tôn Dật Tiên, Nguyễn Thái Học, phong trào cách mạng 1945. Họ đã tham gia với tư cách công dân chứ không phải một người xuất gia.

Phong trào vận động bình đẳng và tự do tín ngưỡng năm 1963 là một biệt lệ. Giáo Hội đã trực tiếp lãnh đạo phong trào thuần túy tín ngưỡng này để yêu cầu chính quyền chấm dứt những kỳ thị đàn áp tôn giáo và thực hiện tự do bình đẳng tín ngưỡng, đối tượng chính của phong trào là Dự số 10 được ban hành từ thời Pháp thuộc dưới danh nghĩa của triều đình Huế. Chính quyền Ngô đình Diệm không thu hồi mà cũng không tu chính văn kiện đó cho nên đã có người lợi dụng văn kiện đó để kỳ thị và đàn áp Phật giáo. Việc cấm treo cờ Phật giáo ngoài khuôn viên chùa trong các ngày lễ hội lớn - năm 1963 là lễ Phật Đản, là một bằng chứng của hành động kỳ thị đàn áp này. Theo tinh thần Dự số 10, ở Việt Nam chỉ có một tôn giáo được thừa nhận như tôn giáo là Thiên Chúa giáo.

Các tôn giáo khác đều được đặt ngang hàng với các hội thiện, hội thể thao, tương tế. Phong trào dấy lên chưa được ba tháng thì hoàn toàn bị triệt hạ trong đêm 20 tháng 8. Trong đêm đó, chính quyền thực hiện chiến dịch Nước Lũ, ban hành lệnh giới nghiêm, đồng loạt tấn công bóc rập chùa chiền toàn miền Nam, bắt giam tất cả những người lãnh đạo và tham gia phong trào. Hai tháng trước đó, chính quyền đã ký thông cáo chung với Phật giáo để thừa nhận những nguyện vọng của Phật giáo là chính đáng. Chiến dịch Nước Lũ đêm 20 tháng 8 đã giúp Phật giáo thành đạt mục tiêu.

Phật giáo bảo rằng mình bị đàn áp kỳ thị; chiến dịch Nước Lũ chứng minh lời khiêu nại của Phật giáo là có thật. Phật giáo không tiên quyết nhằm lật đổ chính quyền và thực tế Phật giáo cần chính quyền để thực thi những điều Phật giáo đã thành đạt qua Thông Cáo Chung. Sau 20 tháng 8, quyết định về sự tồn tại của chính quyền đã vượt khỏi tầm tay Phật giáo để thuộc về Quân đội, dân chúng và Hoa Kỳ. Từ bỏ hay tiếp tục ủng hộ chính quyền Ngô đình Diệm hoàn toàn thuộc về những thành phần đó.

Ý nghĩa chính trị của phong trào vận động bình đẳng và tự do tín ngưỡng năm 1963 là thứ nhất, Phật tử là một khối quần chúng đại đa số và có một tiềm năng chính trị không thể coi thường; thứ hai, xem nhẹ nguyện vọng của đại khối quần chúng là tự dẫn thân vào con đường tiêu vong đối với bất cứ chính quyền nào; thứ ba, sơn môn không hề nuôi mộng thỏa hiệp với chính quyền để chia thiên hạ và độc quyền tôn giáo như một vài tôn giáo khác trong lịch sử; thứ tư, Phật giáo chỉ muốn và chỉ cần tự do và bình đẳng; thứ năm, thế trị là công việc của hàng Phật tử tại gia, Phật tử chu toàn được phần vụ đó thì sơn môn nhẹ nợ, không chu toàn được thì sơn môn phải lặn đạn nhọc nhằn. Thượng Tọa Trí Quang phải tuyệt thực ngót trăm ngày trong phong trào vận động Quốc hội lập hiến năm 1966, phải ra cấm dùi trước Dinh

Độc Lập năm 1967 để phản đối Nguyễn Văn Thiệu về Sắc Luật 23/67 phá hoại định chế thống nhất của Giáo Hội. Thượng Tọa Thiện Minh phải chết trong lao tù Cộng Sản và bao nhiêu Tăng Ni khác đã tự thiêu, vào tù từ năm 1975 đến nay là những ví dụ.

Với tư cách công dân, người Phật tử có thể có nhiều lựa chọn chính trị, quý hồ những lựa chọn đó không đi ngược chủ trương từ bi giải thoát, không đi ngược những nguyên tắc ở đời căn bản của người Phật tử là ngũ giới, tứ nhiếp pháp, lục hòa, không đi ngược truyền thống phục vụ dân tộc của Phật Giáo Việt Nam. Sơn môn đã không chủ trương độc quyền tín ngưỡng, không muốn biến Phật giáo thành đường lối sinh hoạt tâm linh độc tôn thì Phật tử tại gia cũng không thể chủ trương độc quyền chính trị. Người Phật tử chỉ muốn - và chỉ cần, tự do, công bằng và bình đẳng.

Nếu hiểu đấu tranh chính trị theo nghĩa bình thường thế tục nhất là đấu tranh quyền lợi thì thực hiện được tự do, công bằng và bình đẳng tức là thành đạt được quyền lợi một cách vững chắc và ngay thẳng nhất vậy. Mặt khác, phục vụ dân tộc, yêu nước không phải là hoạt động đơn phương một người hay một nhóm người - dù đông đảo đến mấy, có thể tự gánh vác chẳng cần ai khác. Tiêu chuẩn đánh giá mức thành công của một chủ trương chính sách là sự tham gia, nhất trí của những người khác, càng có nhiều người tham gia, càng có nhiều người đồng ý càng thành công. Sinh hoạt chính trị của người Phật tử cũng thế.

Và muốn đạt được mục tiêu đó thì người Phật tử - trong sinh hoạt thế trị, phải biết mình đang đứng ở đâu, muốn đi đến đâu, đi như thế nào đã. Không có vốn mà nghĩ đến chuyện hùn hạp thì cũng vô lý như có vốn mà chỉ ôm khư khư không chịu bung ra để kinh doanh hoạt động vậy.

### **Ngó Trước Ngó Sau**

Chế độ chỉ là giai đoạn, đồng bào đất nước mới là dài lâu. Nhớ nghĩ về tương lai đất nước là nghĩ đến đồng bào trước tiên. Thấy người bị tên bắn thì phải nhỏ tên chữa trị cho nạn nhân trước khi tìm hiểu ai bắn, bắn từ đâu, tại sao bắn...

Người Phật tử không thể để hận tâm và thù hận ý thức hệ làm mờ tình thương. Ý thức hệ là điều cần giải trừ, hận thù ý thức hệ lại là điều cần giải trừ hơn nữa.

Những biến động đang xảy ra dồn dập khắp thế giới một lần nữa chứng tỏ ước vọng tự chủ quốc gia, hòa bình dân tộc và công bằng xã hội là những ước vọng thích hợp. Thế kỷ này là thế kỷ của bạo động, thăm sát, chiến tranh, trại tập trung, trại cải tạo nhân danh quyền lợi và an ninh quốc gia, nhân danh ý thức hệ quốc tế, nhân danh tôn giáo độc tôn độc thiện, nghĩa là nhân danh những phó sản của vô minh, cuồng vọng, sở tri chướng.

Thế kỷ này là thế kỷ trong đó cách mạng, dân chủ, tự do, giai cấp, dân tộc quốc gia, tiến bộ không còn là phương tiện thành đạt cứu cánh hạnh phúc mà đã thoái thân thành cứu cánh biện minh cho sát máu, phi nhân, bảo thủ, thống trị, gian dối... Thế kỷ này cũng là thế kỷ

trong đó thỏa mãn vật chất được tôn vinh như mục tiêu nhân sinh tối hậu và vô tâm, hững hờ, vị kỷ hoặc áp bức bạo động được chấp nhận như phương cách xuất xử thông thường.

Bao nhiêu năm qua, Việt Nam thực chẳng khác gì một cơ thể bệnh hoạn vì những con vi trùng bất khả trị tâm linh, duy vật biện chứng, những con vi trùng áp bức bóc lột, chuyên chính vô sản, đấu tranh giai cấp.

Sai lầm của Cộng sản không phải là tham vọng thực hiện một thiên đàng hạ giới bằng cách đẩy mọi người đến chỗ có thể làm theo khả năng hưởng theo nhu cầu, cũng không phải là đã chống Pháp, chống Nhật, chống Mỹ, chống Trung Hoa rồi lại tìm cách chơi với Trung Hoa, Mỹ, Pháp, Nhật... Sai lầm căn bản của Cộng sản là đã ngông cuồng tin rằng có thể thực hiện được xã hội chủ nghĩa không cần thông qua giai đoạn tư bản. Bao nhiêu năm qua, Cộng sản đã khư khư ôm lấy cuồng vọng đó để bắt dân tộc phải trả những giá thật đắt như triệt hạ những thành phần yêu nước khác chính kiến trong thời cách mạng 1945, chia rẽ dân tộc bằng phong trào chính huấn, cải cách ruộng đất, đàn áp trí thức văn nghệ sĩ qua phong trào trăm hoa đua nở, khống chế khuynh loát lừa dối những người yêu nước ở miền Nam, đánh tư sản mại bản để phá nát nền tảng kinh tế quốc gia, chà đạp và bứt chệch những đóng góp xây dựng, nô lệ hóa tâm linh, bóp méo lịch sử để biện minh cho cuồng vọng độc tôn, độc thiện, độc trị để vô tình mở đường cho thoái hóa, tham ô, tham quyền cố vị hoành hành tác oai tác quái. Cho nên chiến tranh kết thúc, đất nước tái thống nhất nhưng dân tộc vẫn ly tán lộn độn khôn khó.

Sinh hoạt của người Phật tử không thể rời xa Trung đạo để theo đuổi những chủ trương cực đoan. Con đường trung dung đó là con đường hóa giải hận thù, chung sức để thực hiện tự chủ quốc gia và công bằng xã hội cho đồng bào, đồng loại. Trong mỗi giai đoạn lịch sử, mỗi dân tộc có những nhu cầu, phương tiện, khó khăn khác nhau, đòi hỏi những giải pháp khác nhau. Nhưng khác nhau thế nào chẳng nữa thì những giải pháp đó cũng không thể độc tôn quá khích. Dân tộc đã quá ê chề đau khổ vì những tham vọng độc quyền, độc diễn. Người Phật tử không nhằm độc quyền chính trị và cũng không thể thỏa hiệp với bất cứ một chủ trương độc quyền tôn chính nào cả.

Trước hoàn cảnh đất nước hiện tại, người Phật tử lưu vong có thể có những lựa chọn chính trị khác nhau. Thứ nhất, quên hẳn Việt Nam, không muốn dính dáng gì đến quốc gia này nữa; thứ hai, không quay về và chỉ mong hồi hương sau khi chết, nghĩa là đưa nắm tro tàn về quê cha đất tổ; thứ ba, trở về bằng súng đạn; thứ tư, trở về để tham dự bầu cử và ứng cử; thứ năm, đóng góp được gì thì đóng góp, miễn sao đồng bào được no cơm ấm áo trước đã, có no ấm thì mới có thể thiết thực nghĩ đến dân chủ tự do.

Lựa chọn nào đúng, lựa chọn nào sai? Theo Phật giáo, chỉ có ý thức tự giác và nghiệp báo của mỗi người quyết định lựa chọn của người đó. Và như vậy tức là trở lại câu hỏi đầu tiên đạo Phật là gì vậy... /.

# THIÊN VÀ HOA ĐẠO

- Thích Phụng Sơn -

Hoa đã xuất hiện hàng triệu năm trước khi có loài người, tô điểm cho cảnh vật với muôn màu sắc. Và cũng từ lâu hoa có mặt trong cuộc sống loài người: hoa ngoài đồng nội, hoa chưng trên bàn, hoa dâng cúng nơi bàn thờ, hoa ngoài nghĩa trang khi ta thăm viếng người quá cố... Khi vui lúc buồn, khi yêu lúc giận, ăn uống tiệc tùng, lễ lạc tiếp đón, lúc sống cũng như khi qua đời, chúng ta lúc nào cũng thấy mình gắn liền với các đóa hoa tươi thắm.

Tuy vậy, đã biết bao lần chúng ta hững hờ quên lãng, không nhìn thấy vẻ rực rỡ hay sự tinh khiết của đóa hoa chưng trong nhà hay vừa hé nở ở ngoài vườn. Cuộc sống quanh ta chứa rất nhiều sự kỳ diệu: một đóa hoa hồng trong ánh sáng ban mai rực rỡ, bãi lau sậy im lặng soi mình trên mặt nước hồ thu, những bông tuyết trắng xóa nhẹ nhàng phủ lên cảnh vật.

Và nếu chúng ta có tí thì giờ ngắm nhìn thì ta có thể hạ bút viết bài thơ Hải Cú như một vị thiền sư trong ngày tuyết đổ ngập trời:

*"Hàng vạn tuyết rơi  
Nhưng mỗi hạt tuyết  
Đều có nơi an trú."* (1)

Hàng muôn triệu cánh hoa với dáng vóc, màu sắc, hương thơm, thời gian hiện hữu khác nhau đã xuất hiện nơi chôn đồng bằng, trong rừng rậm, ven sông, trên những cành cây cao hay nơi mặt ao hồ. Mỗi cành hoa hiện hữu tự nó đầy đủ, thoải mái, an nhiên, tự tại, tỏa ánh sáng những màu sắc

kỳ diệu. Đó là Pháp Giới chân thật mà kinh Hoa Nghiêm đã mô tả: hàng muôn triệu thứ hiện hữu trong vũ trụ bao la mà mỗi loại, dù nhỏ như hạt nguyên tử hay lớn hơn như giải Ngân Hà gồm triệu triệu ngôi sao đều sinh động, chuyển biến qua các giai đoạn sinh (nhiều thứ hợp lại thành ra

một vật), trụ (tồn tại và phát triển), di, (chuyển biến, hư hoại), rồi cuối cùng đi đến diệt (tan rã)

để rồi kết hợp lại mà thành vật khác mãi mãi không ngừng. Muôn triệu thứ cùng hiện hữu bên nhau như một chiếc lưới vĩ đại mà mỗi thứ là một viên ngọc chói sáng lấp lánh, phản chiếu ánh sáng và hình ảnh của tất cả viên ngọc khác. Muôn triệu thứ trong vũ trụ luôn luôn ảnh hưởng lẫn nhau, tác động lẫn nhau, phản chiếu lẫn nhau, trộn lẫn vào nhau mà đồng thời vẫn riêng biệt, vẫn an nhiên tự tại, vẫn hiện hữu tràn đầy riêng biệt giữa muôn sự ồn ào, náo nhiệt, chuyển biến, đổi thay mà kinh Hoa Nghiêm gọi là sự vô ngại Pháp Giới.

## LỊCH SỬ CHƯNG HOA

Hoa đã xuất hiện hàng triệu năm trước loài người. Nhân loại từ lâu đã dùng hoa trong các cuộc lễ lạc để tăng phần long trọng. Trong Phật Giáo, lịch sử chưng

hoa khởi đầu bởi các vị Thánh Tăng. Những bậc đệ tử của Đức Phật, khi nhìn thấy những cánh hoa rơi rụng trong cơn bão tố, động lòng trắc ẩn, đi góp nhặt chúng lại và bỏ vào chậu nước để hoa được sống lâu hơn. Sau đó các vị tăng sĩ thường dâng hoa cúng Phật vào các lễ tiết vì hoa vốn tinh khiết, đẹp đẽ, trong sáng, tự tại, rực rỡ như tâm của những người giác ngộ:

*"Đạo uôn không nhan sắc  
Mà ngày thêm: góm. hoa  
Trong ba ngàn cõi ấy  
Đâu chẳng phải là nhà  
Thiền Sư Viên Chiếu (2)*

Thật ra, dâng hoa cúng dường đã xảy ra ngay khi Đức Phật còn tại thế. Đức Phật nhận một cành hoa dâng cho ngài và đưa lên trước mặt đại chúng. Mọi người đều im lặng duy chỉ có ngài Ca Diếp, vị đại đệ tử của Đức Phật mỉm cười. Đức Phật thấy rõ tâm ngài Ca Diếp chỉ tràn đầy niềm thanh tịnh, an vui, đầy tình thương yêu và sự hiểu biết chân thật, nên ngài xác nhận cái thấy biết của ngài Ca Diếp: "Ta có pháp môn vi diệu không thể dùng lời mà diễn tả được. Nay ta trao cho ông Ca Diếp".

Cái vi diệu mà Đức Phật trao cho ngài Ca Diếp vốn đã sẵn có nơi ông và nơi mỗi chúng ta và sự tích nói trên gọi là "Niêm hoa vi tiếu": Đức Phật đưa một cành hoa lên và ông Ca Diếp mỉm cười. Các chùa chiền ở Việt Nam, Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản... đã có tập quán chưng hoa trên bàn Phật cả ngàn năm nay. Nghệ thuật chưng hoa và chế tạo các bình hoa phát triển cao độ vào thời kỳ nhà Đường và nhà Tống ở Trung Hoa. Sau đó, người Mông Cổ chiếm nước này và lập nên nhà Nguyên. Nhiều hoa trái của nền văn minh Trung Hoa bị tiêu diệt tại nước này nhưng được bảo tồn và phát triển tại Nhật Bản. Vào thế kỷ thứ bảy, Thánh Đức Thái Tử, nhiếp chánh cho Suy Cô Thiên Hoàng, cử một phái bộ ngoại giao Nhật Bản sang Trung Hoa. Trưởng phái bộ ngoại giao này là Ono-no Komoto đến Trung Hoa học được rất nhiều kiến thức về đồ sành, đồ sứ, đồ đồng và các bộ môn nghệ thuật cùng Thiền (Zen) Phật Giáo. Thiền Phật Giáo sau này được người dân Nhật đón tiếp nồng hậu và phát triển nhanh chóng nhờ các vị đại thiền sư Thiền Tông Trung Hoa đến Nhật Bản giảng dạy và tổ chức tụ tập, sau đó được nhiều thiền sư Nhật Bản đã tô điểm thêm cho hợp với truyền thống địa phương.

Người dân Nhật vốn ưa thích thiên nhiên, đắm mình trong sự hòa hợp giữa con người và vũ trụ. Phật Giáo, qua giáo lý về sự đồng nhất giữa bản thể vũ trụ và tự tánh con người (Phật tánh), nhất là kinh nghiệm từ sự tu tập của Thiền Tông giúp họ trực tiếp sống với sự mâu nhiệm của Phật tánh, của tâm giải thoát với niềm an vui trong sáng bao la vốn có sẵn nơi mỗi chúng ta.

## ĐÓA HOA MÀU NHIỆM

Mỗi con người là một đóa hoa có hương thơm, màu sắc, dáng vóc, tâm tư, ước muốn, nhận biết riêng biệt nhưng luôn hòa mình với hàng triệu triệu đời sống khác

trên quả đất này. Thế giới rộng lớn chuyển động như một bản hòa tấu với những vận chuyển, sản xuất, tiêu thụ qua muôn ngàn hình thái như xe cộ, nhà cửa, ăn uống, nghỉ ngơi, du lịch, chiến tranh, xây dựng, tàn phá, thương yêu, giết chóc.. Không một lúc nào trên quả đất này không có hàng triệu người đang làm việc, ăn uống, nghỉ ngơi, đọc sách, phá hoại hay xây dựng. Nếu nhìn quả đất từ xa khi nửa phần quả đất từ từ chìm vào bóng tối thì ánh đèn trong nhà và ngoài đường tỏa sáng hết lớp này đến lớp khác theo sự vùn xoay của mặt địa cầu hướng về phương đông, cảnh vật lại tràn ngập trong ánh sáng ban mai, sự sống chỗi dậy ồn ào náo nhiệt. Và cùng với muôn loài đón mừng bình minh, hàng triệu triệu đóa hoa đón nhận nguồn sống từ ánh thái dương.

Chúng ta thích ngắm đóa hoa vì nó tỏa ra sự màu nhiệm của dòng sống: Mọi đóa hoa tự nó vốn thanh tịnh, rỗng lặng, tỏa chiếu, trong sáng và tươi mát. Dù đóa hoa ấy mọc riêng rẽ trên cánh đồng cỏ xanh, trong một khu rừng rậm rạp hay trên một cánh đồng hoa rực rỡ. Trong đám nhân loại hàng tỷ người hiện nay, đời sống của mỗi chúng ta cũng vậy: tự nó là trong sáng, an vui, rộng lớn, thoải mái, tươi mát, tràn đầy tình thương yêu và sự hiểu biết chân thật, tràn đầy nguồn hạnh phúc trong lành. Niềm an vui đó tự nó hiện hữu, không có bắt đầu và tận cùng như vũ trụ bao la quanh ta. Như một đóa hoa tươi thắm trong một khóm hoa dày đặc, mỗi người chúng ta hiện hữu tràn đầy, riêng biệt, tự tại dù đang hòa lẫn với muôn ngàn đời sống khác trong một xã hội luôn luôn biến đổi.

Chung một bình hoa với tâm tĩnh lặng, với lòng an vui giúp cho chúng ta tiếp xúc được, sống với sự màu nhiệm của cuộc đời. Sự màu nhiệm của cuộc đời chính là sự màu nhiệm nơi tâm ta: Một thế giới rộng lớn, an vui, trong sáng, rực rỡ kỳ diệu, nồng ấm và hạnh phúc vô cùng:

*"Một đóa hoa mai vừa nở  
Có thể giới bình đây  
Một tiếng nhạc ngân lên  
Rung chuyển cõi ba ngàn  
Một cánh hạc vỗ nhẹ  
Kết hợp không thời gian  
Nơi khuôn mặt nghìn đời  
Nụ cười thoáng hiện  
Một thân thể nhỏ bé  
Tràn ngập không thời gian."*

Sự màu nhiệm an vui, rộng lớn, trong sáng vốn luôn luôn hiện hữu nơi mỗi chúng ta, đã giúp cho ta buông xả cái tôi nhỏ bé để trở thành một với vũ trụ bao la, trầm lặng, bất biến, nhưng đồng thời luôn luôn chuyển động, muôn màu muôn sắc, linh động và thay đổi. Phật Giáo chú trọng đến niềm an vui nội tâm. Khi tâm an bình thì tự nó thành trong sáng như tấm gương rộng lớn phản chiếu mọi hoa lá, cỏ cây, người và vật. Tâm trong sáng, an vui đó được gọi là đất sạch (Tịnh Độ). Chốn tịnh độ ấy được mô tả đầy đủ cả hương hoa rực rỡ, chim thú kỳ

diệu, cảnh vật trang nghiêm. Các bộ kinh lớn của Phật Giáo như Diệu Pháp Liên Hoa, Hoa Nghiêm cũng lấy tên loài hoa quý như hoa sen (Liên Hoa) và Tràng Hoa Đẹp (Hoa Nghiêm) để chỉ cho cái tâm mẫu nhiệm, an vui, rộng lớn, thanh tịnh có sẵn nơi mỗi chúng ta.

## DÂNG HOA CÚNG PHẬT

Phật Giáo ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống của dân Nhật Bản. Nhiều chùa chiền được xây dựng và đã trở thành các trung tâm tôn giáo và nghệ thuật. Những cuộc chiến tranh và nội loạn làm mai một các ngành nghệ thuật ở Trung Hoa. Các ngành nghệ thuật ấy được tiếp đón, nuôi dưỡng và phát triển ở Nhật Bản, trong đó có nghệ thuật chưng hoa. Trong các cuộc lễ ở chùa, người ta thường dâng hoa cúng Phật. Ban đầu bình hoa được cắm theo nguyên tắc cân xứng nhau... Một nhánh hoa màu vàng bên phải thì có một nhánh hoa màu vàng bên trái, một nhánh hoa màu đỏ phía trước thì có một nhánh hoa màu đỏ phía sau. Cách cắm này hiện vẫn còn thông dụng ở nhiều nơi.

Sau đó các vị thầy chưng hoa nhận thấy lối chưng hoa đối xứng như thế không phản ảnh vẻ đẹp tự nhiên. Nét của vạn vật biểu lộ một cách tự nhiên và không theo một sự cân xứng giả tạo. Từ đó nghệ thuật chưng hoa tiến một bước dài để trở thành HOA ĐẠO cùng với Thiên Phật Giáo, Trà Đạo, Võ Đạo tạo thành nền tảng vững chắc của nền văn hóa Nhật Bản.

Từ các cuộc lễ theo truyền thống dâng hoa cúng Phật, nghệ thuật chưng hoa dần dần phát triển và trở thành một bộ môn nghệ thuật của giới quý tộc rồi lan truyền đến dân gian. Cuộc triển lãm các bình hoa để công chúng thưởng ngoạn

được tổ chức đầu tiên vào năm 1425. Từ năm 1445, các cuộc chưng bày được tổ chức có quy củ

hơn để những người trong ngành chuyên môn này có thể học hỏi lẫn nhau.

Vào lúc bấy giờ, cách dạy chưng hoa có tính cách cha truyền con nối, mỗi dòng họ giữ bí mật về nguyên tắc và kinh nghiệm trong ngành, cách giữ hoa lâu tàn, sự phối hợp màu sắc. Họ chỉ được truyền lại cho con cái và một số học trò thân tín. Sự thay đổi nói trên, tổ chức triển lãm quy mô

các bình hoa thuộc nhiều trường phái khác nhau, đã đem lại sinh khí cho HOA ĐẠO. Từ đó thêm nhiều trường phái chưng hoa được khai sinh và tiếp tục phát triển. Vào giữa thế kỷ 17, đã có hơn một trăm trường phái chưng hoa. Đến nay con số này lên đến cả ngàn. Tuy vậy, tất cả trường phái trên đều quy về một trong hai trường phái chính: Trường phái Hình Thức và trường phái Tự Nhiên.

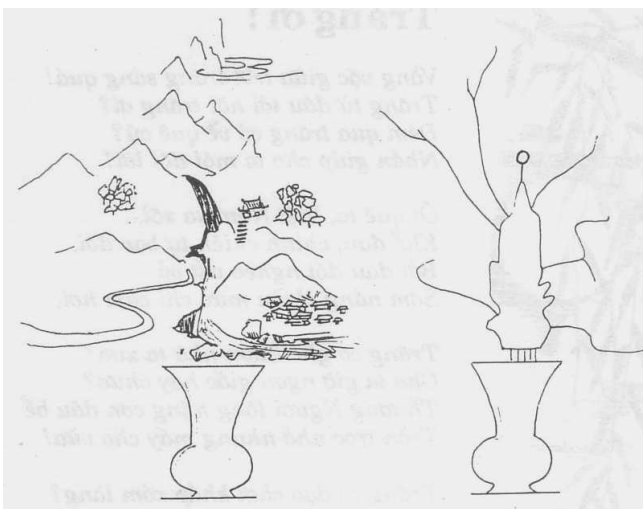
Trường phái Hình Thức chú trọng nhiều đến vẻ đẹp của các đường nét sáng tạo. Họ chú trọng đến các nguyên tắc về sự phối hợp lý tưởng các đường nét như trong các bức tranh cổ vẽ núi đồi, cây cảnh, dòng sông, đường mòn lên dốc núi, ao hồ cùng các đám mây lơ lửng. Trường phái Tự Nhiên thì ngược lại, cắm một bình hoa theo hình ảnh của những cảnh hoa mọc ngoài thiên



nhiên, nghệ thuật sẽ làm gia tăng vẻ đẹp và sự hòa hợp của hoa lá. Trên thực tế, hầu như mọi trường phái đều sử dụng hai nguyên tắc chính trên trong các lối chung khác nhau.

### BỨC TRANH XƯA VÀ BÌNH HOA ĐẸP

Khi nhìn vào một bức cổ họa, chúng ta thường thấy ở giữa là một hòn núi lớn, mây che mờ ảo (tượng trưng cho ĐẠO hay cho CHÂN TÂM, PHẬT TÁNH luôn luôn hiện hữu), hai bên là hai ngọn núi đông và tây. Dưới đó là một ngọn núi nhỏ hơn với đường nét rõ rệt. Bên sườn núi là một ngọn thác đổ xuống. Dưới đó là đồi, thung lũng, khu rừng nhỏ trong đó thấp thoáng là ngôi chùa của vị thiền sư hay căn lều của vị ẩn sĩ. Vùng gần nhất (cận ảnh) thường vẽ các cành lá hay các bụi hoa mọc trên phiến đá cùng các ngôi nhà rải rác phía xa và một dòng sông uốn khúc. Trường phái hình thức đã phối hợp chín nét chính nơi bức cổ họa đó như sau:



*Nếu nhìn bức tranh xưa và hình bình hoa này, chúng ta thấy:*

### BỨC CỔ HỌA BÌNH HOA

(Được tượng trưng nơi bình hoa)

1. Ngọn núi lớn nhất
2. Hai ngọn núi đông và tây
3. Ngọn núi gần nhất trong
4. Dòng thác chảy
5. Ngọn đồi
6. Khu rừng trong đó thấp thoáng
7. Một con sông
8. Một con đường đất
9. Vùng gần nhất (cận ảnh) của bức tranh có các tầng đá cùng hình ảnh các căn nhà rải rác

Cách chung hoa trên rất trang trọng và nặng về hình thức, thích hợp cho các trang thờ và các buổi lễ lạc. Chung một bình hoa như thế đòi hỏi rất nhiều công phu cũng như khả năng của người chung hoa. Nhiều trường dạy chung hoa chú trọng nhiều đến sự giản dị, tự nhiên và tính cách sáng tạo của nghệ thuật này.

Các hoa chung trong bình phô bày nét đẹp thiên nhiên biểu lộ trong dòng sông trôi chảy. Đó là nét đẹp của sát na hiện hữu, của bây giờ và nơi đây trong dòng thời gian vô tận và không gian vô cùng.

Nét đẹp của bình hoa do sự phối hợp các đường nét của cành lá, các đóa hoa, dáng dấp và màu sắc của mọi cánh hoa dù nhỏ hay lớn, "quí" hay "tiện", với những ý nghĩa mà con người gán cho mỗi loại, cùng với sự hòa hợp màu sắc và hình dáng của bình hoa. Sự quân bình của toàn thể các yếu tố ấy cộng với nơi bình hoa được chung

1. Một cành cây (lá hay hoa) đẹp là lớn nhất
2. Hai nhánh cây bên phải và trái
3. Một đóa hoa thật đẹp ở bức tranh, chính giữa bình.
4. Các chiếc lá
5. Một cành cong
6. Một chùm hoa nhỏ hay lá hình ảnh thiên nhất, ngôi chùa có màu sắc, hay hình ảnh vị thiền sư.
7. Một cành dài uyển chuyển
8. Một cành dài uyển chuyển
9. Chùm hoa nhỏ hay lá hướng về phía trước

bày nên một cảm tưởng có sự chuyển động, có sự biến chuyển của hai cực âm dương sinh động, đối thay đồng thời vi im lìm và bất động.

Nét đẹp ấy tạo nên một ấn tượng và đưa đến một cảm xúc riêng biệt trong lòng người thưởng ngoạn, chẳng khác gì khi mỗi người chúng ta đọc bài thơ Hải Cú chỉ gồm vài chữ mà thấy được sự mệnh mang của vũ trụ: Một cành cây trụi lá. Một con quạ đậu trên cành. Chiều thu sang. Ba Tiêu (3).

### BA CẢNH CHÍNH CỦA BÌNH HOA

Khi chung một bình hoa, chúng ta lựa ba cảnh chính và những cánh phụ. Khi lựa những loại hoa hợp với sở thích, chúng ta xem độ cong của nhánh hoa diễn tả phương hướng, sức mạnh của cành, các chiếc lá và màu sắc của mỗi đóa hoa.

Một bình hoa có được sự thăng bằng và sinh động nhờ các yếu tố hòa hợp. Trong thế giới mê vọng mọi thứ đều phân chia thành hai trạng thái đối nghịch như mạnh yếu, cao thấp, già trẻ, sống chết.. mà Đông Phương đã dùng hai điểm Âm Dương trong hình thái cực để tượng trưng cho hai sức mạnh đối nghịch ấy. Âm và Dương là hai sức mạnh chống đối nhau nhưng lại thu hút, hấp dẫn lẫn nhau tạo nên một trong các sức mạnh làm chuyển động bộ máy vũ trụ.

Trong nghệ thuật chung hoa khái niệm âm dương được chú trọng đến nhiều. Khi chung một bình hoa con người đã thuận theo sự chuyển biến của Âm (Đất) và Dương (Trời) để bày tỏ niềm hy vọng, sự sống hướng về tương lai.

Trong một bình hoa thường có ba cảnh chính là Thiên (Dương), Địa (Âm) và Nhân (con người), thuận theo Âm Dương mà trở về với niềm an vui tự nhiên. Mỗi cảnh hoa có chiều cao, độ lớn, sức mạnh và hướng mọc

khác nhau, luôn luôn diễn tả sự hòa hợp trong sự chuyển biến không ngừng.

### VŨ TRỤ BAO LA TRONG MỘT THÂN NHỎ BÉ

Nguyên tắc ba điểm chính ấy bắt nguồn từ giáo lý Phật Giáo nói về Tam Thân: Ba Thân là Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân của chư Phật tuy ba nhưng là một. Pháp Thân là thân rộng lớn khắp giáp vũ trụ, không bị ngăn ngại. Báo Thân là thân tướng đẹp đẽ, cực kỳ an vui, Ứng thân là thân hóa hiện thành con người sống nơi cõi thế gian này. Ba Thân này vốn là một, luôn luôn hòa hợp và cùng hiện hữu nơi một vị Phật. Còn mỗi chúng sanh như chúng ta khi sống tỉnh thức thì kinh nghiệm được chúng ta vừa là con người nhỏ bé, vừa là vũ trụ bao la, vừa đang sống nơi chốn trần ai đầy nhiễu loạn mà lại vừa có thể hưởng được nguồn hạnh phúc trong sáng vô biên ngay chính trong cuộc đời này. Nói một cách giản dị hơn, khi tâm ta ở trạng thái buông xả, thoải mái thì các ý tưởng, các cảm xúc vui buồn dần dần lắng dịu. Cái tôi (ngã) chỉ là sự tiếp nối liên tục của các ý tưởng và tâm tư cũng dần dần lắng dịu và tan biến. Khi bức tường tự ngã (cái tôi) tan biến thì ta và vũ trụ không còn bị chia cách mà trở thành cái MỘT bao la. Lúc đó ta trực tiếp có kinh nghiệm về Pháp Thân rộng lớn vô cùng của chính mình: tỏa chiếu trong yên tĩnh và bao trùm mọi chốn. Trong chốn không gian rộng lớn ấy tình thương yêu tràn dâng và sự hiểu biết chân thật hiển bày, đưa ta về với nguồn hạnh phúc tràn đầy. Nguồn an vui hạnh phúc ấy không nương tựa, không lệ thuộc vào gì cả, nó chính là con suối trong mát hiện hữu ngay từ đầu nguồn. Đó chính là Báo Thân tự hiển lộ nơi ta. Nhưng chúng ta vẫn dấn chân trên mặt đất đầy bụi bặm này mà làm các công việc hằng ngày: nấu cơm, rửa chén, chùi nhà, làm việc, học hành, chăm sóc gia đình, phát triển nghề nghiệp. Chúng ta hiện hữu trong cuộc sống rất bình thường và giản dị này dưới nhiều hình thái khác nhau: con cái, cha mẹ, anh em, bạn bè, đàn ông, đàn bà, công tư chức.. Nhưng dù trong hình tướng nào, trong ứng Thân nào ta cũng có thể kinh nghiệm trực tiếp rộng rãi rộng lớn vô biên và niềm an lạc vô cùng.

Nói một cách khác, Phật tính có trong mỗi người chúng ta. Phật tính ấy biểu lộ, bày tỏ trong trạng thái tâm linh cao vút tuyệt vời, an vui sâu thẳm qua mọi sinh hoạt tôn nghiêm hay thế tục. Ba cảnh hoa Thiên, Địa và Nhân biểu lộ sự hòa hợp tuyệt đối đó. Và khi chúng ta quay về với sự tĩnh lặng bên trong khi chưng một bình hoa thì điều kỳ diệu có cơ duyên xuất hiện.

Ba cảnh hoa cắm không cân xứng nơi bình hoa biểu lộ sự hợp nhất của mọi sự đối nghịch trong vũ trụ và nơi mỗi chúng ta: vừa là rỗng rang tuyệt đối mà lại vừa tràn đầy vô cùng, vừa là đầy sức sống vừa là buông xả không dính mắc, vừa là chuyển động mà lại là yên tĩnh, hay nói theo tinh thần Bát Nhã, màu sắc hòa hợp, hình dáng xinh tươi của mỗi đóa hoa, mỗi cành lá hiện hữu rực rỡ trong cái vắng lặng bao la. Khi chưng một bình hoa, chúng ta tham dự vào sự sáng tạo tuyệt đối. Các cánh hoa, cành lá, bình hoa, nước nuôi hoa được sắp xếp, phối hợp để

trở thành một vẻ đẹp toàn thể, bày tỏ nguồn sống của vũ trụ nơi hoa lá mong manh. Nét đẹp của Ba Ngân Thế Giới ngưng đọng nơi một bình hoa bé nhỏ. Một bình hoa nhỏ bé ấy là vũ trụ mệnh mông. Đồng thời khi để tâm vào sự sáng tạo ấy, ta chỉ thuận theo những nguyên tắc tự nhiên của vũ trụ chuyển biến mà sắp xếp cây cảnh, không còn để ý tới cái tôi (ngã) nhỏ bé của mình nữa. Các ý tưởng khen chê, ưa ghét, phê phán quấy nhiễu tâm ta hàng ngày cũng tự chúng tan biến đi. Khi ta hoàn toàn chú tâm vào việc chưng bình hoa thì cái tôi nhỏ bé với những mâu thuẫn, xung đột, khổ đau hàng ngày của nó bỗng nhiên tan biến, để ta nhập vào vũ trụ mệnh mông của thể tánh, cái rỗng lặng nồng ấm bao la của dòng suối trong mát đầu nguồn. Đó là sự hủy diệt toàn diện của tâm mê mờ để niềm an vui vô cùng (Phật Tánh) tự nó xuất hiện.

### Trăng Ôi !



*Vàng vặc giữa trời trăng sáng quá!  
Trăng từ đâu tới hồi trăng ơi ?  
Đêm qua trăng có uê quê cũ ?  
Nhấn giúp cho ta một đôi lời !*

*Ôi quê ta, Việt Nam xa xôi...  
Khổ đau, chinh chiến tự bao đời.  
Bờ đâu đôi người nghèo vất vả  
Sớm nắng chiều mưa chỉ cảm hơi.*

*Trăng có ghé thăm nhà ta xưa ?  
Cho ta giờ ngon giấc hay chưa ?  
Thương Người lòng nặng con dâu bé  
Trần trọc nhớ nhưng mây cho vừa!*

*Trăng có dạo chơi khắp xóm làng?  
Như ngày nao mỗi độ hè sang,  
Đường trên xóm dưới khắp đồng nội.  
Ngõ trước, bờ sau ta hỏi han.*

*Ta giờ đây, xa xôi xa xôi.  
Nửa đời giông ruổi bước nổi trôi  
Ngắm trăng nơi xứ người xa lạ  
Lòng nặng tình quê dạ bồi hồi.*

**Lê Nguyên Thịnh**

## Nhận định.

# Vai Trò Mới Của Người Tăng Lữ Phật Giáo Việt Nam Trong Cộng Đồng Hải Ngoại.

- Cư sĩ Đông Phương Mai Lý Cang -

Như một bản di chúc thiêng liêng chứa đầy bao dung tình yêu thương của vị đại lão. Thông điệp lịch sử mùa Thu sau mười mấy năm im hơi lặng tiếng của hàng giáo phẩm tối cao của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê hương gởi ra cho toàn thể tăng lữ Phật giáo Việt Nam hải ngoại là một bản văn bi hùng, đánh thức lương tâm của các nhà lãnh đạo tinh thần hiện đang hoằng dương chánh pháp ở rải rác bốn phương trời trên thế giới.

Thực vậy, cây có cội nước có nguồn. Sự kiện những người tăng lữ rường cột của GHPGVNTN hiện đang có mặt ở hải ngoại hôm nay cho dù nằm trong bất cứ trường hợp điển hình nào thì chư vị cũng chính là những người đã từng xuất thân từ dưới mái tổ đình đơn sơ, tôn kính nhất của đất nước quê hương. Trong công đức truyền đạo đường xa, người tăng lữ thừa hưởng trợ duyên, kết thêm được thành số lượng và cùng nhau đi rắc gieo nhiều hạt giống Bồ đề nơi xứ lạ là một triệu chứng đáng mừng. Tuy nhiên, sau gần hai mươi năm trời mỗi người đều có bổn phận, hầu hết Việt kiều tất cả đã lãnh hội được những gì trên đất khách mà tưởng chừng như là bài học xa quê hương mọi người đều phải trả một giá quá cao.

Trở lại lập trường của người tăng lữ PGVN hôm nay nói riêng, đứng trước mọi hoàn cảnh xã hội vật chất xa hoa dễ dàng có khả năng tha hóa con người thì người tăng lữ đã thông cảm biết bao nhiêu trước tấm lòng thủy chung vì đạo nhiệt tình của hàng Phật tử trong cộng đồng người Việt Nam hải ngoại. Do vậy, nếu nói đến nhiệt tình đạo tâm của tín đồ đóng góp về phương diện vật chất để tạo phương tiện cho người tăng lữ có cơ hội thuận tiện hành đạo trong các ngôi chùa khang trang trên thế giới hiện nay, thì phải hiểu rằng mục đích của sự đóng góp đó là để cùng nhau bảo vệ di sản văn hóa dân tộc. Điều này giống như tâm niệm cách đây không bao lâu của người tăng lữ trước khi có dịp ra nước ngoài cũng là nhằm vào mục đích tìm phương tiện duy trì và bảo vệ tiền đồ Phật giáo ở ngay trong lòng đất quê hương. Ý nghĩa này dù không nói ra nhưng ai ai cũng phải hiểu ngầm nhận thấy nó bắt nguồn từ mỗi tình yêu đạo - nhất là đối với người tăng lữ.

Tuy nhiên, nếu nói rằng đường đời muôn vạn nẻo thì đường đạo cũng đã lắm chông gai cho nên không hiếm người tăng lữ Phật Giáo Việt Nam từ ngày xa quê hương cho đến nay lúc nào cũng còn mang canh cánh ở trong lòng những nỗi phức tạp tâm lo lắng cho sự nghiệp của giáo hội bên nhà mà trước đây chư vị nguyên là những người chiến sĩ tiên phong có trách

nhiệm kết hợp lại được thành một khối duy nhất. Đó là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Chánh nghĩa của Giáo Hội sau mùa pháp nạn từ đó tỏ rạng sáng ngời và đã được hầu hết tất cả hệ thống tổ chức Phật giáo ở khắp các nơi trên thế giới tự do công nhận GHPGVNTN như là một thực thể thuần nhất lãnh đạo tinh thần của toàn thể Phật tử Việt Nam.

Sau ngày thống nhất nước nhà, do mọi hậu quả của tình hình chính trị suy sụp ở trong nước cho nên mọi hệ thống tổ chức nhằm kết hợp lại khối lãnh đạo Phật giáo thuần nhất ở hải ngoại chưa có cơ hội thành tựu được. Nhưng hiện nay cơ duyên đó đã chín muồi khi lòng người Phật tử xa quê hương đã thu gom về một mối hướng về Giáo Hội tổ đình ở đất nước quê hương. Do vậy, vì quyền lợi tối thượng tinh thần của người Phật tử và cũng để đáp ứng nhu cầu Phật sự ở nước ngoài cho nên Trung Ương GHPGVNTN lại cách đây không lâu có gởi thêm một thông điệp nữa cũng nhằm mục đích nhắc nhở các chi hội Phật giáo VN hải ngoại phải khẩn cấp tìm bằng mọi cách kết hợp lại thành một khối thuần nhất để xứng đáng thừa hưởng đầy đủ tư cách lãnh đạo tinh thần ngõ hầu thay thế Giáo Hội PGVNTN ở trong nước mà diu dắt, trông nom đời sống tâm linh của những người Phật tử sống xa quê hương.

Do vậy, phải hiểu rằng dòng sinh mệnh của đất nước và của cộng đồng người VN hải ngoại hiện nay sau những biến động đột ngột do tình hình chính trị quốc tế đã bắt đầu thách thức tương lai dân tộc của chúng ta trước những ngã đường lịch sử. Về mặt tích cực, nhận định này ràng buộc tinh thần trách nhiệm của hầu hết mọi khuynh hướng con người trong cộng đồng xã hội chúng ta cho dù ở quê hương hay từ ở nước ngoài. Dĩ nhiên, trong đó điều kiện sinh hoạt tôn giáo lúc nào cũng được coi như là một thế lực tư tưởng không thể phủ nhận với sức mạnh tinh thần có thể làm lệch cán cân quyền bính trong một quốc gia.

Thực vậy, ngược dòng thời gian lịch sử chính trị quốc tế, một Richelieu (1585-1642), một Khomeyni (1902-1989), một Makarios (1913-1977) v.v... đã từng nắm giữ những trung tâm quyền lực và điều hành guồng máy chính quyền quốc gia, đáp ứng nhu cầu tình hình chính trị của xứ sở họ trong những lúc bấy giờ. Điều này chứng tỏ cho chúng ta thấy rõ ràng vai trò của người tăng lữ đôi khi thật là cần thiết dùng để đấm bóp thời cuộc do tình hình xã hội địa phương đòi hỏi.

Trường hợp của đất nước của chúng ta cũng vậy. Cách đây gần ba mươi năm, tên tuổi của nhà sư Thích Trí Quang được gắn liền với cuộc chính biến 1.11.1963 và bộ óc của ông đã được báo chí Tây phương thời đó đánh giá khả năng trọng lượng đã làm rung động nước Mỹ (Times). Và qua mọi nhận định về thời cuộc quốc tế lúc bấy giờ thì sự nghiệp của chư vị lãnh đạo tinh thần Phật giáo của thế kỷ XX này đã thực sự đi sâu vào lòng lịch sử dân tộc. Một điều mà không ai dám có thể phủ nhận công lao đóng góp của

chư vị vào công cuộc phục hưng, canh tân giáo hội và kết hợp mọi hoạt động của GHPGVNTN sau gần 100 năm phân hóa, suy đồi dưới chế độ thuộc địa. Tuy nhiên, chúng ta phải hiểu thêm rằng lại cách đây xấp xỉ ngàn năm, chính thiên sư Vạn Hạnh của đạo Phật cũng đã từng làm cố vấn cho Vua, dựng xây nên cơ đồ cho triều đại huy hoàng nhà Lý và được tôn vinh như là bậc khai quốc công thần của dân tộc. Và mặc dù vậy nhưng không phải lúc nào giai cấp của người tăng lữ đạo Phật cũng được sáng giá đề cao. Lý do dễ hiểu là các vị thiên sư tham gia việc nước là một điều bất đắc dĩ chỉ vì ý thức tinh thần trách nhiệm quốc gia, dân tộc nhưng cũng biết giới hạn lẫn mức đạo đời, không tranh giành địa vị, ngôi báu với ai cả. Trải qua bao thế hệ vật đổi sao dời cho đến ngày hôm nay, các vị tăng lữ thừa dịp tự thời làm một cuộc xuất cảng đạo Phật truyền bá sang các nước Âu Mỹ.

Trong lịch sử hoằng dương chánh pháp của Phật giáo từ cổ chí kim thật chưa bao giờ có một hoàn cảnh trùng hợp xảy ra như vậy và có tác dụng sâu xa như vậy.

Tại Hoa Kỳ, một hiện tượng thực tế khó tin nhưng có thật là một ngôi nhà thờ lớn tọa lạc tại số 8 Church Street, P.O. Box 271 Stanhope, tiểu bang New Jersey 07874 vừa hoàn toàn biến dạng để trở thành ngôi chùa Phật giáo Việt Nam và hằng tuần quy tụ tất cả tín đồ địa phương đến dâng hoa đánh lễ. Nói riêng tại Pháp, kể từ ngày 8.7.88 tức là ngày mà chính phủ xứ này chính thức thừa nhận Phật giáo như là một đạo chính thức trên công báo thì con số tín đồ lúc đó cũng đã tăng lên rất nhiều.

Theo tài liệu của nhật báo "Firago" tại Paris xuất bản ngày 30.5.1989 cho biết thì lúc bấy giờ tổng số tín đồ theo đạo Phật tại Pháp đã lên đến con số nửa triệu người. Ngoài ra, trung tâm liên lạc nghiên cứu tôn giáo quốc tế "Arcane" ở Thụy Sĩ mới đây cũng đã đề cập con số tín đồ Phật tử da trắng hằng năm đi Ấn Độ hành hương đã tăng đến con số tỷ lệ là 25% mỗi năm.

Đó là một niềm vui và đó cũng là một tin mừng vì hạt giống Bồ Đề rắc gieo trên xứ lạ đã đang và sẽ còn mọi cơ duyên để tiếp tục nảy mầm. Tập cho các tín đồ da trắng thấy tác dụng thêm của sự ăn chay, thuyết phục họ biết được giá trị của cuộc sống tinh thần xa đời dục lạc lánh sơn hào thật không phải là một công đức nhỏ.

Tuy nhiên, cần phải ý thức thêm rằng vai trò của người tăng lữ từ đây sẽ được trao thêm cho trách nhiệm liên đới bảo trì văn hóa dân tộc và chăm sóc điều kiện tinh thần cho hầu hết Phật giáo đồ VN hải ngoại trong hoàn cảnh khó khăn bây giờ.

Trước khi nói đến chức lãnh đạo tinh thần của người tăng lữ tưởng không ai bao giờ quên được giá trị thực tế cho thấy - Trời mưa tuy rưới khắp nơi nhưng khó tưới nhuận cỏ cây không có gốc.

Cửa Phật tuy rộng lớn nhưng khó độ đặng kẻ chẳng có lòng tin (Thiên vũ tuy khoan, nan nhuận vô căn chi thảo. Phật môn tuy quảng, nan độ bất tín chi

nhân). Thực vậy, một đứa con hoang ở bên lề luân lý gia đình, một phần tử xấu sống ngoài vòng pháp luật xã hội rất khó cho chúng ta uốn công dạy dỗ nên người. Nhưng còn lại những tín đồ tự xấp mình dưới chân Phật tử thì không thể nào để thiếu vắng người dẫn dắt, bảo trợ tinh thần, và như vậy, người hướng đạo không thể có đó không ai khác hơn là tăng lữ Phật giáo trong giai đoạn hiện tại. Vậy người tăng lữ có cần phải đáp ứng nhu cầu xã hội mà đứng lên nắm lấy vai trò lãnh đạo quần chúng hay không?

Câu hỏi này xem chừng được trả lời tế nhị là phụng sự tôn giáo tức là phục vụ văn hóa mà biết thực hành văn hóa vô hình trung là tìm ra được một phương thuốc tham gia đóng góp cho xã hội một cách siêu việt rồi. Đúng lý ra hiểu như vậy thôi chưa đủ, vì trước hết phải thông cảm tâm trạng của người Phật tử VN hải ngoại hôm nay như con chim còn hoảng hốt sau tiếng động đêm đen trong khi chờ trời sáng tiếp tục chuyèn cánh hay lao mình vào trong không gian mới. Họ đã mất tất cả niềm tin nơi các lãnh tụ nước nhà, quý vị lãnh đạo về chính trị, hội đoàn hải ngoại và chỉ còn trông cậy vào sự cứu rỗi linh hồn nơi tôn giáo mà họ cần được nghe lời rao giảng xuất phát ra từ ở những con người hoàn toàn thoát tục cách xa hẳn với cuộc sống giống như họ. Họ kính trọng người tăng lữ vì người tăng lữ thời đại đã làm được một việc mà chính bản thân của người Phật tử không thể làm được. Đó là việc tu sống ở chốn thiền môn, tự khép mình bên ngoài xã hội văn minh vật chất để nguyện hy sinh giúp đời bằng những công đức lớn lao hơn. Chính lý tưởng này người tăng lữ có bổn phận giữ gìn cho trong sạch đừng để phụ lòng tín cẩn của Phật tử. Do vậy mà nhu cầu bức thiết đòi hỏi người tăng lữ phải hoàn toàn có quan niệm mới về ý nghĩa của sự tu hành trước khi mỗi ngày khởi đầu bằng tiếng mõ kinh nhật tụng. Hơn bao giờ hết, người tăng lữ phải biết đặt vấn đề phá chấp trước khi thấy chấp với một tinh thần cởi mở, bao dung để xem nặng trách nhiệm của mình đối với linh hồn của người Phật tử còn đắm chìm bên kia bờ bể khổ mà họ khó lòng tìm được lối thoát ra. Lắm khi họ lại còn có những cái nhìn ác ý và ấn tượng sai lầm đối ngược lại với người tăng lữ nữa.

Trong khung cảnh lịch sử của cộng đồng Việt kiều Phật giáo ở khắp nơi trên thế giới hiện nay nếu đem phân tích kỹ ra thì chúng ta sẽ thấy rõ không phải hầu hết là họ có lòng mộ tăng mến ni một khi họ chưa hiểu được gốc tích của các vị sư cùng hệ phái. Lý do dễ hiểu cũng là trước hết, Phật giáo đã đi sâu vào trong lòng dân tộc ta đã mấy ngàn năm, hơn nữa là một tôn giáo triệt để tôn trọng sự tự do ý thức tín ngưỡng của tín đồ.

Chính vì vậy mà nhu cầu đến chùa khấn Phật không phải là mục đích chính trong quan niệm giữ đạo tổ tiên của Phật tử nhưng không vì thế mà quên rằng cái ý thức cao độ luôn luôn bao giờ cũng sẵn có như "động vi binh, tịnh vi dân" mà người Phật tử đã từng thể hiện ra biết bao lần. Có ai ngờ những con



người hằng ngày không hương khói đạo nhà, lại chẳng có bàn thờ Phật, lâu lâu mới tiện dịp ghé chùa. Vậy mà mỗi khi thiên môn có biến máu đỏ nhuộm áo cà sa thì họ đồng loạt nhất tề đứng lên bảo vệ đạo pháp cho đến cùng và chỉ khi nào sự đóng góp hy sinh của họ tới mức phải dừng lại dưới lời thuyết giảng độ lượng, nhân hòa của người tăng lữ

Cái thể của người tăng lữ Phật giáo Việt Nam trong cộng đồng hải ngoại hôm nay là như vậy. Trong nhiệm vụ sứ giả Như Lai đem giáo lý phụng sự xã hội, giáo hóa con người hướng về Chân Thiện Mỹ, người tăng lữ dùng bao giờ đóng khung mình trong phạm vi nhỏ hẹp của thời quá khứ. Hãy mở cánh cửa sổ buổi ban mai để thấy được, đoán được thời tiết trong ngày. Bên ngoài thiên môn có những vấn đề xã hội sẽ được tổ chức chu đáo, toàn thiện hơn nếu có sự tiếp tay đầy độ lượng, khoan dung của người tăng lữ. Do đó, mặc dầu người tăng lữ bận rộn nhiều về công tác đạo pháp ở chùa nhưng cũng không thể nào vắng mặt ở những nơi công cộng có rất nhiều công đức từ thiện cần làm. Ủy lạo các tang gia Phật tử, tham gia sinh hoạt văn hóa dân tộc, viếng thăm các trại tỵ nạn có trẻ em mồ côi cha mẹ Việt Nam v.v... phải được coi như là những công tác Phật sự có tầm quan trọng hàng đầu như lúc đọc kinh cầu nguyện cho quốc thái dân an ở trong chùa.

Đối với hàng tín đồ Phật tử, người tăng lữ cũng không nên vì tư cách tu hành của mình mà quá thận trọng để vạch ra một lần mức ngăn cách quá xa giữa đạo và đời. Phải thông cảm cho từng tín đồ, từng trường hợp trình độ mà giảng rao kinh Phật với người Phật tử cho dù người đó có chức tước, địa vị cao sang trong xã hội. Vì rằng khi họ đứng trước người tăng lữ thì họ chính là những nhà trí thức đáng kính trọng biết đem cái sở trường, cái khả năng khoa học hiện đại đến hợp tác với trình độ văn minh tinh thần của người tăng lữ để mà phục vụ chung cho tương lai mỗi đạo của chúng ta. Tuy nhiên, vì bận rộn tranh đua với cuộc sống hằng ngày cho nên họ có rất ít thì giờ kê kinh, thiền định và do vậy mà tinh thần lúc nào cũng bị động loạn thật nhiều. Trong mọi trường hợp, ngày nay hầu hết tất cả Phật tử đều đã bị mất thăng bằng trong cuộc sống mà điều kiện sinh hoạt tinh thần phải cần có người tăng lữ tiếp tay bảo trợ.

Hình ảnh của một người tăng lữ khắc sâu vào tâm hồn của tín đồ không phải là nhờ ở trình độ Phật pháp cao siêu mà chính là do ở tư cách hành đạo tế nhị biết đáp ứng nhu cầu đúng lúc của xã hội, quốc gia đòi hỏi, do ở tư cách giao tế hành xử trước tín đồ khi hữu sự hay khi có dịp đối đầu. Và lại, ngày nay nhờ vào hoàn cảnh đặc biệt mà hàng tăng lữ Phật giáo VN hải ngoại có được thể thượng phong để nổi công đức với môi trường thuận tiện góp phần giáo dục tư tưởng Phật giáo vào tâm hồn của Phật giáo đồ đang sống xa quê hương đất nước... Ngày nào mà người Phật tử hải ngoại còn nhớ đến những kỷ niệm lữ trẻ, cầu ván đình làng, mái chùa cong vút ở quê nghèo thì tức là

ngày đó người tăng lữ Phật giáo còn có dịp thôi thúc con tim của họ trở về nguồn sống theo đạo lý của tổ tiên. Trong lịch sử cận đại, dù cho có nhiều khuynh hướng tư tưởng, chủ nghĩa ngoại lai du nhập mang đến nhiều tai họa xảy ra trên đất nước nhưng Phật giáo vẫn trường tồn mãi mãi, bất diệt muôn đời. Và trở về với thực tế, người tăng lữ VN hải ngoại hôm nay không bao giờ có ý nghĩ tham vọng làm được một cái gì khác hơn là tô bồi công đức, tiếp nối công phu của các thế hệ tăng lữ đã qua nhưng thể đứng của người tăng lữ trong hoàn cảnh bây giờ khác xa với vị trí của người tăng lữ khi xưa còn ở trong nước. Trụ hình, tiêu cực là những thái độ lỗi thời chẳng những không làm phát triển được gì hơn cho ánh đạo mà còn có thể bị đào thải bởi tốc độ vận hành khoa học của thời gian. Tiên cúng dường của người Phật tử chỉ là những phương tiện để giúp cho người tăng lữ bình tâm tu niệm, để đảm nhận vai trò trung gian giữa Phật tử với đức Thế Tôn. Trong trường hợp khác, thái độ dần thân hoạt động xã hội của người tăng lữ không đi ra ngoài lời huấn thị của hàng giáo phẩm tổ đình trong nước mới lại là thỏa mãn nhu cầu tinh thần đang sống của người Phật tử VN hải ngoại.

Hơn thế nữa và hơn bao giờ hết, người tăng lữ Phật giáo VN trong cộng đồng hải ngoại phải hiểu rằng điều kiện đóng góp của mình bao giờ cũng khiêm nhường giới hạn chỉ về khía cạnh tinh thần. Và người tăng lữ có bổn phận phải tìm cách giúp cho người Phật tử sao cho có phương tiện để với tay nắm lấy chân lý cao thượng, sáng ngời của đạo pháp... Ngày nào mà người tăng lữ ý thức thêm được rằng mọi sự chọn lọc cải thiện thế gian là do sự chi phối của nhu cầu khoa học với những kỳ công thành đạt có ích lợi thiết yếu về vật chất, nhân sinh nhưng trong thực tế thì chưa hoàn toàn kiểm soát được đời sống tâm linh của con người hãy còn nhiều kỳ quan phong phú vô cùng tận chưa được khai phá toàn thiện thì lúc đó vai trò của người tăng lữ sẽ không còn bị đe dọa khi nhân danh thay mặt tôn giáo trên lộ trình truyền đạo. Cái sở đoán thiếu sót của khoa học là như vậy; điều mà người ta khó tách rời mọi trạng thái vắng lặng, sợ hãi của con người ra khỏi trong ý nghĩa của sự khổ đau... Sở dĩ phải nói như vậy, là nhằm mục đích gọi lại niềm tự tin nhờ vào hoàn cảnh trợ duyên chớ không nhờ vào phép lạ nào đã trao cho người tăng lữ khâu chìa khóa vàng để mở ngõ muôn phương đi vào đường hành đạo. Và người tăng lữ cũng không thể dựa vào bất cứ lý do nào để phủ nhận giá trị sự kiện này để có thể làm phương hại đến thiên chức hệ trọng của một người được mệnh danh là sứ giả Như Lai. Đối với các tăng lữ vừa tốt nghiệp đạo pháp, hãy đừng vì mặc cảm của thời gian mà xem nhẹ vai trò trách nhiệm của mình sau khi trả lại mái tóc bon chen cho thế gian, xã hội. Trong lịch sử ánh đạo vàng đã có biết bao nhiêu trường hợp tăng ni xuống tóc vì cơ duyên đã chín muồi mà ý nghĩa của cuộc đời ngộ biến phải tòng quyền chẳng qua là kết quả tiếp nối của những

mỗi duyên xưa sau nhiều chuỗi ngày dài mong đợi. Sự trắc trở không cho phép người tăng lữ được hạnh ngộ đi tu từ thuở nhỏ quả là một dịp may để cho người tăng lữ có thêm cơ hội hiểu đời trước khi vào đạo. Và như vậy, mọi ý thức của triết lý nhân sinh sâu si, dục vọng v.v... sẽ được thấu hiểu rõ nhiều hơn về chân lý của cuộc đời có muôn vạn nẻo khổ đau. Hơn thế nữa, một khi đã đáp y vàng là người tăng lữ đã toại nguyện được điều ước vọng mà ước vọng đã được ý chí ưu thắng trong sạch ở tâm hồn dành cho tất cả quyền lực cá nhân, để đi sâu vào con đường phụng sự đạo đời hay nói cách khác hơn là Quốc Gia cùng đạo Pháp. Mặt khác, nếu dứt khoát được mọi điều mặc cảm thì người tăng lữ dễ dàng không còn vướng bận bởi những hình ảnh tục lụy bên ngoài thiên môn. Do vậy tâm hồn càng sớm trở nên thánh thiện, bình tâm trau dồi Phật pháp nhiệm mầu. Một khi đã đạt tới trình độ khá cao về pháp điển thì kinh nghiệm đời đạo sẽ kết hợp bổ sung cho nhau thành một gói hành trang nặng ký trên lộ trình dài để làm hướng đạo, bảo trợ tinh thần cho người Phật tử VN hải ngoại hôm nay.

Đối với hàng giáo phẩm tăng lữ tôn túc tuổi thọ đã cao, sức lực đã mòn sau cả cuộc đời từ nhỏ chí lớn hiến dâng cho ánh đạo. Thật tình Phật tử không dám đòi hỏi gì nhiều hơn là được chư vị cảm thông, chia sẻ và truyền thụ công đức để cùng nhau tạo được thế liên hoàn có ảnh hưởng mạnh trên lộ trình truyền đạo đường xa trong giai đoạn khó khăn hiện tại bằng cách sớm thực hiện chu toàn bản thông điệp bi hùng của hàng giáo phẩm tổ đình tối cao ở trong nước. Nguồn cội này, nơi mà ngày trước đây chư vị đã từng hãnh diện có nhiều kỷ niệm ấu thơ và khi lớn lên phụng sự trung thành với tất cả tấm lòng khẩn nguyện triệt để hy sinh với tất cả cuộc đời, bất chấp mọi thăng trầm, biến thiên nghiệt ngã của tương lai.

Ngày hôm nay đây, dù ở phương xa đất của chúng ta chưa có được dịp may mắn thực sự chuyển mình. Nhưng bốn phận và trách nhiệm của người tăng lữ Phật giáo VN trong cộng đồng hải ngoại là phải chuẩn bị ngay một sự đóng góp cụ thể, thiết thực nào để được tìm thấy từ ở chiều sâu cuộc sống có tác dụng ảnh hưởng nhân sinh quan nhập thế tích cực - nhất là khi ở giữa lòng trần ai của xã hội đầy vật chất, phù du.

Vai trò mới của người tăng lữ Phật giáo VN trong cộng đồng hải ngoại hôm nay là nằm trong mọi bối cảnh của tình trạng đặc biệt đó. Nếu trước đây vì nhu cầu truyền đạo khó khăn mà các hệ phái của Phật giáo VN hải ngoại đã phải chấp nhận mọi hành động riêng rẽ thiếu ý nghĩa chính thống và danh dự của Giáo Hội từ trong nước thì bây giờ sự sốt sắng đáp lời kêu gọi của hàng giáo phẩm tổ đình - các hệ phái sẽ nói lên được tất cả đạo tình lúc nào cũng thủy chung trọn vẹn với dân tộc, quê hương.

Đông Phương MAI LÝ CANG  
Xuân Nhâm Thân (1992)

## THƠ

### Gửi Cố Nhân

*Có việc lìa quê xa cố nhân  
Trời mây dằng dặc nhớ trăm phần  
Đâu ngày tha thiết đường công vụ  
Rời chuyện vòng vo nghĩa quốc dân.  
Gió lộng Trường Sơn phôi chí cả;  
Sóng gào Đông Hải rõ tình thân.  
Giã từ cạn chén hồn say tỉnh.  
Cỏ nội ngàn rây nhẹ gót trần.*

*Cỏ nội ngàn mây nhẹ gót trần  
Đường đời xuất xứ cốt "thành nhân".  
Tê gia mong ở người hiền đức,  
Trị nước cần xa bọn nịnh thần.  
Bè bạn bẻ đầu ai dững khí  
Nước non hưng phế cảnh phù vân.  
Dư đồ nhìn lại chiều mưa gió,  
Tâm sự lìa quê bước tui thân.*

*Tâm sự lìa quê bước tui thân.  
Tội công rõ rệt sá gì cân  
Đường cùng chẳng ngại lòng yêu nước  
Cảnh khốn đâu sờn chí đạt nhân.  
Hướng nghĩa vì dân lo nhiệm vụ.  
Đông tâm báo quốc giữ tinh thần.  
Xuân về vắng vắng câu đồng vọng  
Đêm tối mây tan nguyệt tỏ dần.*

*Đêm tối mây tan nguyệt tỏ dần  
Lời nào thệ ước diệt Vương Tần.  
Thành công vì được hưng nhân nghĩa.  
Quyết chiến dù thua giữ nghĩa nhân.  
Bốn biển keo sơn, tình chiến hữu.  
Một đời son sắt chữ thân dân.  
Tâm tư đốt nến soi chân lý.  
Rằng sử công bằng việc giả chân.*

*Rằng sử công bằng việc giả chân.  
Nào đâu hùng khí thuở canh tân.  
Bụi mờ quá khứ buồn Kinh Sử.  
Lời sáo ngày nay tui bản thân.  
Áo vải cờ lau nên nghiệp cả.  
Thanh gươm ngọn bút lắm khi cần.  
Những ai vị quốc còn tâm huyết  
Đây tác lòng son gửi cố nhân.*

● Phạm Tử Thiên

# Vai Trò của Phật Giáo trong Chính Sách đối Nội và đối Ngoại của Trung Hoa Cộng sản

- Thích Trí Chơn dịch -

## Vị Thế đặc Biệt của Phật Giáo tại Trung Cộng

Thật là điều khó khăn khi trình bày vị thế của Phật Giáo tại nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Mọi diễn biến xảy ra ở đó đều hoàn toàn khác biệt, tùy thuộc vào điều tôi biết được qua sự việc hoặc tôi gặp gỡ nói chuyện với các nhà sư tỵ nạn ở Hồng Kông hoặc với nhân viên trong các phái đoàn tại Miến điện, Tích Lan hay Nhật Bản được gửi sang Bắc Kinh (Peking) bởi chính phủ các quốc gia đó.

Tôi cố gắng bổ túc thêm vào sự tìm hiểu của tôi qua các cuộc tiếp xúc trao đổi nói trên bởi sự nghiên cứu các tài liệu từ những tạp chí Phật Giáo mà tôi có được. Cho nên mọi điều ghi nhận dưới đây, tôi không hy vọng là chúng hoàn toàn đầy đủ. Tuy nhiên, tôi nghĩ dù các tin tức tôi trình bày có thiếu sót nhiều đến đâu, thì ít ra chúng cũng giúp cho thế giới Tây phương hiểu rõ được phần nào còn hơn là không biết gì hết về những gì xảy ra cho nền Phật Giáo tại nước Trung Hoa Cộng Sản này.

Một vài bản báo cáo từ Trung Cộng cho biết cụ thể rằng vào những ngày đầu của chế độ Mao Trạch đông, sự tranh đấu của nhân dân chống các tín ngưỡng được hướng dẫn với cuộc cách mạng bạo động và nhằm đến việc tiêu diệt hoàn toàn các tôn giáo.

Tạp chí Phật Giáo ấn hành tại Nhật Bản, tờ "The Young East" (đông Dương Trẻ Trung), căn cứ vào tin tức do các đại biểu trong phái đoàn Trung Cộng đến tham dự đại Hội Phật Giáo Thế Giới lần thứ ba tại Rangoon (Miến Điện) năm 1955, cho biết rằng không đầy một phần ba trong tổng số 130,000 ngôi chùa thoát khỏi sự tàn phá ở Trung Cộng. Riêng tại Bắc Kinh (Peking) chỉ còn lại có ba chùa, và hai trong số đó, vào lúc bài tường thuật đăng tải, được dùng làm hãng xường, còn cái thứ ba dùng làm trại tập trung giam giữ các vị Lạt Ma.

Tại Thượng Hải (Shanghai), Nam Kinh (Nanking) và Hàng Châu (Hangchow), nơi có hàng trăm ngôi chùa trước khi xảy ra cuộc chiến, hiện chỉ còn một ngôi chùa ở mỗi thành phố.

Nhiều tượng Phật được gửi sang Liên Xô để đòi lấy vũ khí và quân nhu; một số ít tượng khác thì bị đập phá. Phần lớn những kinh sách cổ Phật Giáo tại các chùa đều bị thiêu hủy, và các Phật tử được lệnh phải mang nạp những kinh sách Phật để chính quyền địa phương hủy diệt hết. Nhiều Tăng Ni đã bị sát hại, tự tử, chết trong nhà tù hoặc bị kết án tử hình. Một số khác bị cưỡng bức gia nhập hồng quân Trung Quốc. Chỉ vào khoảng 2.500 nhà Sư và Ni Cô còn sống sót tại Trung Cộng.

Trái lại, từ năm 1946, có dấu hiệu rõ ràng cho thấy chính quyền Trung Cộng đang nâng đỡ Phật Giáo, đặc

biệt nhằm để chống lại sự tồn tại của các nhà thờ Thiên Chúa Giáo ở xứ cộng sản này.

Vậy bằng cách nào để có thể dung hòa được những tin tức trái ngược trên đây?

Thực vậy, Cộng Sản Trung Hoa muốn duy trì đại cương đường lối chống đối tôn giáo theo biện chứng pháp duy vật chủ nghĩa mà nó được xem như ý thức hệ căn bản cho cuộc cách mạng Trung Quốc. Cho nên Phật Giáo đã trở thành đối tượng bị tấn công mạnh mẽ bởi chính quyền Trung Cộng.

Cuộc cách mạng ban đầu nhằm hướng đến hành động đã kích ồn ào, và bạo động không kiểm soát được; sau đó, nhà cầm quyền cộng sản Trung Hoa đã cưỡng bức, đóng cửa công khai hoặc phá hủy phần lớn các ngôi chùa trong nước. Chư Tăng và Phật tử đều bị sát hại. Nhưng sau ngày cách mạng chiến thắng, nhà nước cộng sản Trung Quốc đã tỏ ra khôn ngoan đối xử đặc biệt với Phật Giáo, mặc dù lúc đầu, chính quyền Trung Cộng đã áp dụng chủ trương chống phá, và tàn ác tiêu diệt Phật Giáo. Nguyên nhân của sự chuyển hướng này là do bởi vị thế đặc biệt của Phật Giáo trong lịch sử Trung Hoa, nhất là vào thế kỷ thứ 19.

1) Các quan sát viên Tây phương khi nhận xét về cuộc cách mạng Trung Hoa sẽ nghĩ đến việc so sánh tình trạng của Phật Giáo Trung Hoa với Giáo Hội Chính Thống Nga Sô (Russian Orthodox Church) ở Liên Bang Sô Viết; và họ tin rằng sẽ có sự tương đồng giữa chủ trương của chính quyền cộng sản Bôn-Sê-Víc (Bolshevik) nhằm hủy diệt chống đối Giáo Hội Chính Thống Nga Sô vào hai thập niên đầu sau cuộc cách mạng cũng như nhà cầm quyền cộng sản Trung Hoa sẽ tàn công tiêu diệt Phật Giáo. Nhưng sự giống nhau đó lại không xảy ra. Có sự chứng minh cụ thể cho chủ trương chống đối Giáo Hội của nhà nước cộng sản Sô Viết là vì Giáo Hội Chính Thống Nga được thành lập như là công cụ lợi hại nằm trong tay của những nhà độc tài chuyên chế kể từ thời còn Nga hoàng, Đại đế Peter.

Phật Giáo ở Trung Hoa, trái lại, không phải là quốc giáo, và cũng không phải là tiêu biểu đặc biệt cho ý thức hệ quốc gia. Hơn nữa, từ thế kỷ 19, Phật Giáo ở Trung Hoa đã là tôn giáo khó có thể tự lực đấu tranh để sống còn. Các vị vua Trung Hoa cuối cùng đã cố gắng cùng cố ngại vàng của họ bằng cách phục hưng, ủng hộ Khổng Giáo. Cho nên, Phật Giáo thời ấy đã là đối tượng cho sự ngược đãi của chính quyền phong kiến Trung Hoa bấy giờ.

2) Phật Giáo là tôn giáo đã nhận chịu nhiều khổ hại gây nên bởi các thế lực Tây phương, khi họ đến xâm lăng, thôn tính Trung Hoa. Vào thời kỳ loạn lạc chiến tranh, nhiều chùa, tu viện Phật Giáo đã bị quân đội thực dân chiếm giữ làm nơi đóng quân hay cho các mục tiêu quân sự khác, và lăm chừa đã bị cướp phá hoặc thiêu hủy. Một số lớn tượng Phật hiện trưng bày tại những viện bảo tàng cũng như các tiệm bán đồ cổ tại những quốc gia ở Mỹ và Âu Châu có thể nói lên thâm trạng của Phật Giáo Trung Hoa vào thế kỷ 19 vừa qua.

3) Một số những trường tiểu và trung học tại Trung Hoa với hệ thống giáo dục tân tiến phần lớn do các hội truyền giáo Thiên Chúa xây dựng. Các trường này chịu ảnh hưởng sâu đậm những quan niệm về lịch sử và văn

hóa Tây phương, đã trình bày Phật Giáo như một tôn giáo của nền văn hóa A Châu lạc hậu, lỗi thời, và chậm tiến. Cho nên tôn giáo đó hiện tại nên rút lui để nhường chỗ cho nền văn minh tiến bộ của Thiên Chúa Giáo Tây phương.

Nhiều sách do các nhân vật trong những đoàn truyền giáo Thiên Chúa đã viết đề cập đến Trung Hoa và Phật Giáo Trung Hoa là một bằng chứng nói lên điều đó. Năm 1847, vào những ngày đầu hoạt động của đoàn truyền giáo người Đức ở Trung Hoa, một tạp chí ẩn hành tại Calw, Wurttemberg, đã ủng hộ các hoạt động của Gutzlaff, là Hội Truyền Giáo người Đức đầu tiên tại Trung Hoa. Tạp chí này mang tên "Light in the Chinese Darkness" (Ánh Sáng trong bóng tối Trung Hoa) nhằm chủ trương đề cao Thiên Chúa và chê bai Phật Giáo Trung Hoa.

Toàn bộ lịch sử nền văn học Thiên Chúa viết về Trung Hoa đều chịu ảnh hưởng bởi quan niệm như thế. Nhiều tác phẩm tương tự đã được ẩn hành nhiều lần. Năm 1885, B.C.Henry viết cuốn "The Cross or the Dragon" (Thánh Giá hay Con Rồng) và tác phẩm "Light Brought in the East" (Ánh Sáng chiếu rọi phương đông). Năm 1903, một nhà xuất bản tại Luân Đôn (Anh quốc) đã phát hành cuốn "The Light in the Morning" (Ánh Sáng lúc ban mai) của Mary E. Darley nói về hoạt động truyền giáo của Thiên Chúa ở Trung Hoa.

Cũng vào năm ấy, Hội "Tây Lễ Giáo Phái" (Baptist) ẩn hành cuốn "The Light of China's Morning" (Ánh Sáng Bình Minh của Trung Quốc).

Năm 1914, Frederic Brown đã viết tác phẩm "China's Day-Spring" (Ngày Xuân tại Trung Hoa) nói về hoạt động của "Giám Lý Giáo Phái" (Methodist) ở Trung Hoa. Năm 1912, Isaak Taylor viết cuốn "China's New Day" (Ngày Mới của Trung Hoa). Tất cả những tác phẩm này đều diễn tả ý tưởng chung là mặt trời Thiên Chúa đang mọc lên chiếu sáng vào bóng tối của Phật Giáo.

Ngay cả khi một tác phẩm đề cập đến nền Phật Giáo Trung Hoa, tên của cuốn sách cũng chịu ảnh hưởng của bóng tối này. Chẳng hạn năm 1914, Adele Field đã cho in tác phẩm của bà nhan đề "Pagoda Shadows, Studies from Buddhist Life in China" (Bóng tối của Chùa, Nghiên cứu về sinh hoạt Phật Giáo tại Trung Hoa). Cùng năm ấy, Laura Gurrit cho in cuốn "In the Shadow of the Drumtower" (Trong Bóng Tối của Lầu Trống).

Như vậy, các phái đoàn truyền giáo Thiên Chúa và trường học Tây phương của họ đã triệt hạ Phật Giáo và nền văn hóa cổ Trung Hoa. Rõ ràng là đã có sự va chạm giữa Thiên Chúa và Phật Giáo tại Trung Hoa. Ngoại trừ, hoạt động của "Giáo đoàn Thiên Chúa hướng về các Phật Tử" (Christian Mission for Buddhists) hiện đặt trụ sở tại Hồng Kông là một trường hợp đặc biệt đáng ca ngợi.

**(còn tiếp)**

Trích tác phẩm "BUDDHISM OR COMMUNISM WHICH HOLDS THE FUTURE OF ASIA" (Phật Giáo hay Cộng Sản sẽ nắm giữ Tương Lai của Á Châu)

## Giữa Chốn Bụi Hồng

- Thích Như Điển -

Đã bao nhiêu lần qua lại Đông Kinh và Đài Bắc; nhưng chưa có lần nào tôi đến Đại Hàn. Năm nay nhân dịp có một vài việc tại các Đại học Phật giáo Đại Hàn, nên đã cùng với Đại Đức Byong Oh đến đây trong thời gian từ 17.3 đến 1.4 năm 1992 vừa qua.

Ghi lại chuyến đi nhiều kỷ niệm này, tôi lấy đề tài là "Giữa chốn bụi hồng" để nhớ lại một buổi chiếu phim trên đài truyền hình Đức về đời sống của người Tăng sĩ Đại Hàn có tựa đề là Mandala (Hoa Mạn Đà La). Bài này tôi đã cho đăng Viên Giác. Đây là một phần trong quyển "Đường không biên giới" đã được in thành sách.

Đến đây để thấy rằng cuộc sống bao giờ cũng có 2 mặt của nó, cũng như 2 ngõ rẽ của một cuộc đời. Trong sự sinh hoạt đa diện của xã hội, đời người Tăng sĩ không nhiều thì ít cũng bị quay cuồng trong cơn lốc của thời đại ấy.

Dân số Đại Hàn cả 2 miền Nam Bắc nếu họp lại chừng 60 triệu người. Đất đai trồng trọt được rất ít, chỉ toàn là núi khó khai thác. Thế mà ngày nay Đại Hàn là một trong những nước quan trọng có xuất nhập cảng cao nhất nhì tại Á châu. Năm 58 - 60 người Đại Hàn đã sang Việt Nam chúng ta học hỏi rất nhiều; nhưng bây giờ sau hơn 30 năm chắc chúng ta cần phải học hỏi ở họ nhiều hơn nữa. Cuộc sống của người Đại Hàn trong năm 1992 này bằng cuộc sống của người Nhật vào năm 1972 và dĩ nhiên là Việt Nam chúng ta trong hiện tại, chạy đua với Đại Hàn chắc hơn 30 năm sau vẫn không theo kịp. Thế mới biết con người hơn nhau không phải bằng tài năng nay lợi khẩu, mà bằng ý chí cương quyết và sự cố gắng làm việc.

Đại Hàn bị chia đôi lãnh thổ vào ngày 23 tháng 7 năm 1953 tại vĩ tuyến 38. Chúng ta đã bị chia đôi vào ngày 20.7.1954 tại vĩ tuyến 17. Hai miền Nam và 2 miền Bắc đều giống hệt nhau.

Việt Nam ta qua 2 triều đại gọi là dân chủ; nhưng chỉ toàn độc tài và tham nhũng, nên đã bị lọt vào tay người cộng sản vào ngày 30.4.1975. Người cầm quyền của Đại Hàn qua 4 thời đại cũng độc tài; nhưng không tham nhũng, nên đầu người Mỹ có không viện trợ cho Đại Hàn, thì Đại Hàn cũng có thể sống tự lập chừng 30 năm. Còn cả 2 chế độ miền Bắc, thuộc cộng sản Bắc Hàn cũng như Bắc Việt Nam, khởi bản đến ai cũng biết.

Một xã hội được gọi là phát triển, hãy nhìn vào kinh tế của nước đó. Nếu sản xuất và tiêu thụ mạnh, tức nước đó sẽ phát triển trên chiều hướng cung cầu tương xứng. đi từ thành thị đến thôn quê thấy khác nhau nhiều, nhưng tựu chung ở đâu cũng có đầy đủ tiện nghi. Người Đại Hàn cũng giống người Nhật,



ngủ, ăn, tiếp khách đa số ở dưới đất, chỉ có một số nhỏ theo tiện nghi Tây phương mới ngồi trên bàn. Nhà cửa và chùa chiền đa số làm bằng gỗ và bằng giấy, ít có cửa kiếng, có lẽ ngày xưa, xứ Đại Hàn chưa phát triển, nên những tiện nghi hiện đại chưa có như hiện nay.

Chùa chiền to lớn thường nằm sâu trong núi. Đây là những đại tông lâm và thường quy tụ cả 500 - 700 Tăng hoặc Ni tu học. Họ sống thành đoàn thể Tăng già rất gương mẫu. Ngày xưa các vị Thiền sư có lẽ vì chẳng ham mê thế sự, nên lui vào chốn non bồng gió mát, để làm bạn với trăng sao; nên núi càng cao chùng nào là chùa càng lớn chùng này. Ví dụ chùa Tong Do Sa (Thông độ Tự) cách thủ đô Seoul chừng 400km về hướng Nam, có chùng khoảng 50 chùa chiền, tịnh thất lớn nhỏ lân cận. Trong chùa này gồm đủ mọi sinh hoạt như một ngôi làng. Có đại học, có chợ búa và có đầy đủ mọi tiện nghi. Ngày nay hằng ngày có cả hàng ngàn người đến chiêm bái nguyện cầu. Quả thật như Đức Phật đã dạy trong kinh Pháp Cú rằng: Hương thơm đầu là hương của loài hoa chiền đàn đi nữa, cũng không thể bay ngược được gió; chỉ có hương của người đức hạnh đầu ngược gió vẫn bay khắp muôn phương". Chùa này đã xây dựng cách đây 1.300 năm, xem như là cũ nhất của Đại Hàn; nhưng đời đời được trùng tu, nên lúc nào cũng còn giữ được vẻ đẹp xưa của nó. Tôi không thấy Tăng sĩ Đại Hàn gọi là Hòa-thượng, Thượng-tọa, Đại-đức gì cả, mà tất cả mọi Tăng sĩ được gọi là "Sunim", chỉ đơn giản thế thôi. Vị lớn nhất Tô-đỉnh này gọi là Phương-trượng, sau đó là vị trụ trì và các chức vị khác trong tự viện của Việt Nam. Điều đặc biệt của Phật-giáo Đại Hàn là khi chúng ta đến ra mắt lễ bái một vị Hòa-thượng hay Thượng-tọa (Phương-trượng hoặc trụ trì) thì những vị này đều lay lại cùng một lúc với ta để đáp lễ chứ không ngồi nguyên ra đó cho người đối diện lay như chư Tăng và Phật-tử các nước Nam Tông Phật-giáo và Phật-giáo Việt Nam đã làm. Đây là một điều nổi bật của Phật-giáo Đại Hàn mà ít có nước nào có. Điều này cho ta thấy rằng không ai tạo cho ai tánh công cao ngã mạn cả. Khi ăn uống họ cũng ăn chung dầu cho người đó lớn hay nhỏ tuổi. Khi ra đường tất cả Tăng Ni gặp nhau đều chấp tay chào, không phân biệt quen hay lạ; không như bên Phật Giáo Nam Tông chỉ có người nhỏ hạ chấp tay chào người lớn hạ hơn, còn người lớn hạ hơn không chào gì cả. Việc lễ phục cũng vậy.

Tăng và Ni chỉ mặc áo lam và y cửu, thất và ngũ, ít thấy họ đắp y lòa loét như người Trung Hoa hoặc phân biệt nhiều loại như người Việt Nam.

Nếu đến Đại Hàn chỉ thăm những thành phố thì thấy nhà thờ Tin Lành và nhà thờ Thiên chúa giáo nhiều lắm; quý vị phải đi vào trong núi có chùa lớn. Có nhiều ngọn núi cheo leo 2000m, trên đó có 3,4 ngôi chùa xây hằng 3-400 năm trước. Ngày nay có giầy cáp, chỉ đi chừng 15 phút là tới, không biết ngày xưa quý vị Tăng nhơn đã đi bao nhiêu tiếng đồng hồ

còn khuôn đồ lên núi để xây những ngôi chùa to lớn như thế, quả là một kỳ công.

Một hôm nọ, tôi và vị Đại-đức người Đại Hàn lặn lội đi hằng 4, 500 cây số, đổi 3, 4 lần xe Bus mới tới một Đại-học của Ni giới tên là Văn Môn. Nơi đây có 200 vị Ni sinh học cấp bậc Đại-học, có 11 vị giảng sư và giáo thọ toàn là ni giới. Vị Viện-trưởng là một vị Ni-sư tuổi đời khoảng trên 60, có bằng Tiến-sĩ Phật-học tại Đại-học Đông Bắc. Phòng ốc trang hoàng cực kỳ sang trọng và sạch sẽ như bao chùa ni của Việt Nam mình. Một vị giáo sư ni chừng 40 tuổi, tốt nghiệp tại Đại-học Nhựt đến tiếp chuyện chúng tôi. Chúng tôi đã khen bằng tiếng Nhựt rằng: "Trong núi thanh cao, có một Đại-học của Ni giới to lớn đẹp đẽ, sang trọng như thế này, giống như đóa hoa đẹp nhất trong cuộc đời, mọc trên sương tuyết, quả đáng quý biết bao". Vị Sư ni ấy trả lời bằng tiếng Nhựt rằng: "200 tâm hồn của Ni chúng tại đây cũng đẹp như thế ấy, chẳng bợn một chút bụi trần". Quả thật là câu trả lời của những người thuộc long tượng của Phật Pháp... lên trên núi cao hơn có những liêu thất nhỏ nhỏ của các vị giảng sư. Bên cạnh bụi trúc có vài cành bạch mai đang đơm nụ. Gặp các vị Sư ni nơi đây uống chén trà gừng, nhìn cây bạch mai đang nở nụ, thấy Phật Pháp quả nhiệm màu làm sao.

Một hôm khác chúng tôi đến chùa Hei in Sa (Hải An tự). Chùa này xây cách đây chừng 1.000 năm, sau chùa Thông Độ tự; nhưng ngày nay cũng to lớn và hùng vĩ lắm. Những chùa được gọi là to lớn nhất của Việt Nam chúng ta không bằng một ngôi nhà trong chùa của họ. Tôi đến đây gặp lúc hỏa thiêu vị Thiền-sư Phương-trượng chùa. Có được 18 viên Xá-lợi. Thế là hằng ngày có hàng ngàn, hàng vạn người đến lễ bái nguyện cầu. Chùa cũng là nơi mà Tổng-thống tiền nhiệm của Đại Hàn đến đây tu trong vòng 3 năm và Tổng-thống Phác Chánh Hy cũng đã trùng tu một ngôi chùa trong chùa này gần 20 năm về trước. đặc biệt nhất của chùa này là những mộc bản để in Đại Tạng kinh được khắc vào gỗ gồm 80.000 miếng. Họ còn lưu giữ và trở thành quốc bảo của quốc gia Đại Hàn. Nhân dịp này chúng tôi cũng được hầu chuyện với một vị Phương-trượng mới, Ngài nói tiếng Nhựt rất rành và có chỉ cho tôi về cách đá tọa trên vai lúc ngồi thiền theo tông Tào Khê của Đại Hàn khác với Trung Hoa và Nhật Bản.

Phật Giáo các nước khác có tông này phái nọ, nhưng đặc biệt ở Đại Hàn chỉ có một phái duy nhất gọi là Tào Khê Tông, nối giòng Thiền của Lục Tổ Huệ Năng từ thế kỷ thứ 6 đến nay, chưa bị thất truyền. Gần đây cũng có một phái mới gọi là Viên Phật Giáo, phái này tương đối phát triển cũng mạnh, giống như Sokagakhai (Sáng giá học hội) của tân Phật Giáo Nhật Bản.

Đến chùa Phật Quốc tự (Nuk kok Sa) có tượng Phật dựng trên núi cao mấy ngàn thước, xưa đã 1.200

năm; nhưng có lỗi chạm thật tỉ mỉ, công phu và rất tài tình. Không biết ngày xưa người ta dùng phương tiện gì để chuyên chở và dựng tượng nơi đây.

Trở về Seoul chúng tôi đi thăm các cung điện của Vua Chúa ngày xưa. Nơi nào cũng xây bằng gỗ quý và kiến thiết thật oai hùng. Có Cấm chính điện, nơi nhà vua ngự ra để duyệt xem các bậc Tiến-sĩ vào châu. Có Vận Xuân điện, Thiên thu lâu v.v... để nói lên tính cách lâu dài của một triều đại. Người Nhật đã xây một viện bảo tàng ngay giữa cung đình trong thời gian thực dân đô hộ núi này, trông cũng trơ trẽn như cô gái nhà quê mặc đồ thành thị. Người Đại Hàn ghét người Nhật lắm. Vì trong thời gian đô hộ 36 năm cho đến 1946 quân Nhật đã gây không biết bao nhiêu tai hại cho Đại Hàn và Đài Loan; nên nhiều người ít muốn nói tiếng Nhật nữa. Nói thì như vậy; nhưng phải làm ăn với Nhật, vì hằng ngày có đến 5, 6 chuyến bay đi Nhật, làm sao nền kinh tế của Đại Hàn không bị Nhật bủa vây. Vì vậy ngôn ngữ cũng là vấn đề cần thiết. Hàng đoàn hành hương của người Nhật đã lũ lượt đến đây. Họ nói cười huyền thuyên, xem ra nhàn hạ lắm. Tôi kể lại ngày xưa ở Nhật có viết một bài đăng báo với tựa đề: "Người Nhật dưới mắt tôi", đại ý nói rằng: "Người Nhật như hoa Anh đào, có sắc nhưng chẳng có hương" làm cho nhiều Thầy người Đại Hàn có ý thích lắm.

Chảy giữa thành phố Seoul là sông Hán. Sông này nhân Thế Vận Hội lần rồi đã biểu diễn bao cuộc đua thuyền truyền thống mà tại Âu châu chúng ta đã có dịp xem qua. Đường sá rộng rãi, xa lộ thênh thang, mặt dầu núi non hiểm trở.

Olympic là một công trình xây dựng khá công phu để biểu dương một lực lượng kinh tế đang trên đà phát triển của nước Đại Hàn.

Một hôm nọ, tôi được mời đi xem một buổi trình tấu nhạc cổ điển tại nhà quốc gia âm nhạc. Không khí đơn giản trang trọng. Mặc dầu kỹ thuật của họ chưa cao bằng Âu châu; nhưng với Á châu như thế, quả là một nước tân tiến vậy.

Điều đặc biệt ở đây là buổi trình tấu đúng vào ngày trung tuần; nhưng khán giả đông nghẹt cả hội trường. Sinh viên, học sinh và người lớn tuổi, chăm chú nghe và thường thức, không một tiếng động giống như những buổi trình tấu nhạc của người Tây phương. Không biết Việt Nam mình đến lúc nào mới có thể tiến đến mức độ đó được? Nhìn một xã hội trên đà phát triển có nhiều triển vọng trong tương lai; ước gì mọi người Việt Nam mình cũng đều có quyền xây dựng đất nước như Đại Hàn và Nhật Bản!

Người ta làm việc cần cù từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều, ngay cả ngày thứ 7. Các tiệm buôn bán không kể giờ giấc, nhất là những tiệm nhỏ, muốn mua cái gì lúc nào cũng có. Đặc biệt là hệ thống xe điện ngầm. 100 năm trước Đại Hàn không bằng Pháp về hệ thống

này. Nhưng so với hiện tại Pháp đã thua xa về hệ thống này của Đại Hàn rồi.

Để nhớ lại những hình ảnh oai hùng của những đồng minh ngày xưa, đã một thời chiến đấu cho Việt Nam Cộng Hòa nên tôi và Đại-đức Byong Oh đã đến đài liệt sĩ tại Seoul, đi từng ngôi mộ trong khu 14 và 21 để cầu nguyện cũng như cắm một vài cành hoa lên mộ, để tưởng nhớ người xưa. Có nhiều tấm bia ghi lại mẹ đã khóc con, vợ trẻ khóc chồng v.v... đã làm cho tôi nhớ nghĩ về một Việt Nam không ít. Họ đã vì sự tồn tại của mình mà chết, quả là đáng mang ơn, dầu cho kẻ đó là ai đi chăng nữa. Ở Đại Hàn không có vấn đề hoãn hoặc miễn dịch cho tu sĩ các tôn giáo, ai cũng phải làm nghĩa vụ công dân trong vòng 3 năm, vì vậy vị sư Đại Hàn cùng đi với tôi cũng đã có mặt tại Việt Nam một năm rưỡi. Hôm đó ông ta ngồi trầm ngâm thật lâu trước những ngôi mộ của những người đã chết. Có lẽ ông đã nhớ đến bạn bè của ông 20 năm về trước, đã hy sinh trước ông và ông là người có phước nên được về lại nước và được tiếp tục cuộc đời Tăng sĩ như hiện nay. Có lẽ cũng do các duyên đó mà ngày nay ông có đến đức cũng ở tại một chùa của người Việt Nam. Đúng là nhân duyên thì không kể đến thời gian và hoàn cảnh cũng như địa lý nữa.

Chúng tôi đến đây vào một chiều Xuân, không có lá thu bay; nhưng những cành thông rì rào gọi gió đã làm cho tôi như có cảm tưởng rằng hồn tử sĩ đã hiển hiện đâu đây. Tôi đã làm quen với rất nhiều sự chết, nhưng mỗi cái chết có một giá trị của nó: Người ta không thể vô tâm một khi hình ảnh của kẻ chinh nhân vẫn hiện về đâu đó nơi hồn thiêng của sông núi mình. Đến Seoul, chúng tôi ở lại trong chùa Pháp Liên tự. Chùa này tiếp khách quốc tế; nên cũng không thấy lễ lợi mấy. Vì ở đây các Tăng sĩ nói được nhiều thứ tiếng; nên dễ làm quen hơn. Ở đây không còn gọi nhau bằng Mahayana hay Theravada nữa, mà mỗi người đều đồng ý nói với nhau bằng tiếng Buddhayana mà thôi. Nghĩa là không có Đại-thừa lẫn Tiểu-thừa mà chỉ có một Phật Thừa mà thôi. Có điều các chùa lớn của Đại Hàn thường thức dậy rất sớm vào lúc 3 giờ sáng. 3 giờ rưỡi tụng kinh và ngồi thiền đến 5:30 phút. 6 giờ dùng sáng. 11 giờ dùng trưa; 5 giờ dùng chiều; 6 giờ tụng kinh tối; 9 giờ đi ngủ. Đời sống trong các chùa tương đối khuôn khổ; nhưng Tăng nào tới ở lại chùa và dùng cơm cũng được; không cần báo trước và bắt kẻ lạ hay quen. Đó cũng là một điểm đặc biệt của Phật-giáo Đại Hàn mà có các nước Phật Giáo khác không có được.

Ở đây người ta cũng nghe nói đến những vị Tăng già giới luật tinh nghiêm và những vị phá giới. Đây cũng là những đề tài mà Tăng chúng vẫn hay lưu tâm đến.

Những ngày sau cùng ở đây tôi quyết phải đi đến cho được Bàn Môn Điểm và cầu hòa bình, đã là nơi trao trả những tù binh chiến tranh vào năm 1953. Tôi

đến đây một chiều xuân thật đẹp trời. Gió xuân hây hây thổi nhẹ, nhưng lòng người cảm thấy băng khuâng. Chẳng biết tại sao khi nhìn đến những hàng rào kẽm gai và cửa gài then đóng, có lính gác điệp trùng, tôi nghĩ đến một thân phận của Việt Nam, sao đã hòa bình thống nhất 16 năm qua mà bao nhiêu hận thù vẫn chưa hết. Bức màn sắt vô hình vẫn còn bủa khắp đó đây; nên người Việt Nam vốn gần nhau nhưng vẫn còn xa nhau trong muôn thuở.

Tôi có đến gần bên mấy người lính Mỹ và lính Đại Hàn đứng gác ở đầu cầu biên giới để han hỏi họ và mong được đi xa hơn vào bên trong; nhưng lệnh cấm đã được ban ra. Do đó chúng tôi trở lại vọng Bái Đài; nơi những người Nam Hàn đã cầu nguyện cho hai bên sớm thống nhất, để rồi sau đó trở lại Seoul với một chuyến xe đi nhờ.

Sau khi thăm viếng Đại Hàn 2 tuần, bây giờ trở về lại Đức, trên chuyến máy bay KLM 866 của Hòa Lan, tôi ghi vội những giòng chữ này để làm món quà lưu niệm cho các độc giả xa gần của báo Viên Giác và từ chuyến đi này tôi có những nhận xét sau:

- Về đời: Muốn cho một xã hội được phát triển, kinh tế là vấn đề chính, song song với vấn đề chính trị và giáo dục.

Nếu 1 trong những đặc tính này thiếu thì xã hội sẽ mất quân bình. Ví dụ kinh tế quá phát triển, mà trình độ giáo dục không cao thì chẳng khác nào người dốt học nói chữ. Ngược lại giáo dục cao mà kinh tế nghèo đói thì tình trạng thất nghiệp gia tăng, cũng là một khổ nạn cho chính quyền.

- Về đạo: Việc đọa lạc của người Tăng sĩ trong câu chuyện Mandala phim Đại Hàn cách đây mấy năm về trước, hay mẩu chuyện đối thoại nho nhỏ với Sư ni tại Đại-học Văn Môn. Hoặc Xá Lợi của vị Phương-trượng chùa Hải Ấn sau khi thiêu còn lại. Hoặc giả những câu chuyện phá giới của chư Tăng bàn qua nói lại v.v... tất cả chỉ là những gì có và không ở giữa chốn bụi hồng mà thôi.

Điều quan trọng ở đây không phải là tốt hay xấu, còn hay mất, lành hay dữ, giải thoát hay đọa lạc, mà điều đáng nói là ở bất cứ xã hội nào cũng có 2 mặt cá. Đạo giáo nào cũng có những việc cao thượng và cũng có những việc đáng quan tâm. Với tôi, người nào làm, người ấy sẽ được hưởng quả hoặc trả nghiệp. Chỉ đơn giản có thế. Vì không ai có thể trả nghiệp dùm cho ai cả. Cho nên cũng không nên luận bàn và bình phẩm rằng như thế này, thế nọ, thế kia. Vì mỗi con người của chúng ta sinh ra trong chốn hồng trần này đều có một trách nhiệm và bổn phận. Người nào hãy lo bổn phận của kẻ ấy, mới là điều quan trọng đáng nói mà thôi.

Mong rằng một Dân Tộc và một Phật Giáo Việt Nam hãy tích trữ, học hỏi được những cái hay của kẻ khác; còn những phần dở và thiếu sót kia, mọi người

hãy tự kiên toàn bởi chính mình. đó mới là ý chính của bài viết này vậy.

Viết xong lúc 18:30 phút ngày 1 tháng 4 năm 1992 trên chuyến bay KLM 866 từ Seoul về Amsterdam

## THƠ Hà Huyền Chi



## PHẬT VÀNG

*Đời vốn lênh khênh nổi bất ung  
Buồn chi cho nhạt chén tương phùng  
Bốn phương bằng hữu trời cho gặp  
Là hạnh là duyên đó biết không*

*Một xiết tay nhau đủ nhớ đời  
Cụng ly trà đá cũng vui rồi  
Câu thơ xướng họa thom hồn chữ  
Nét nhạc phong trần ngọt cánh môi  
Này biển bao dung rùng độ lượng  
Này mưa nhiệt đới nắng khoan hòa  
Lá đò ai thả sông hồi tưởng  
Mà sóng ân tình gọi thiết tha*

*Thấy lại hàng cau trong trí mới  
Cây rom, giàn mướp, lũy tre ngà  
Luống cày mới lật còn tươi rói  
(Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà)*

*Xứ lạ sơ giao mà cố cựu  
Quê người ngàn dặm cũng lân bang  
Xá gì dăm cái chưa thành tựu  
Chùa đất đôi khi ẩn Phật vàng.*

## WEG OHNE GRENZEN

(Fortsetzung)

Aus buddhistischer Sicht sind sowohl Wortstreiterei als auch körperliche Gewalt recht unartig. Ganz gleich ob man sich im Orient oder Okzident, in einer modernen oder alten Gesellschaft befindet. Gegenwärtig ist das Problem des Menschenhandels noch vorhanden. Wenn wir 2525 Jahre zurückdenken, galt Buddha als ein großer Kämpfer für die Humanität im alten Indien, in einer Gesellschaft des von Brahmanen dominierten Kastensystems, das Menschen in Klassen und Rassen trennt. Vor dieser sozialen Ungerechtigkeit lehrte Buddha : "Mit Haß gegen Haß wächst die Feindschaft, nur durch Liebe findet Feindschaft ein Ende". Deshalb als Vietnamesen und Buddhisten, sollten wir diesen Weisheitsspruch zum Leitmotiv wählen. Wir leben heute in einem fremden Land, wir sollten uns vernünftig benehmen und friedlich miteinander umgehen, damit der gute Name des Volkes nicht beschmutzt wird. Nach Auffassung des Buddhismus : "Ganz gleich ob man klug, begabt, heldenhaft, oder dumm und närrisch ist, landet man in demselben Graben. Gewiß das vergängliche Leben ist ein Ozean voller Leiden, warum nicht gleich mit leichtem Floß den Strom der Verblendung überqueren?". Wie man sieht, ist der Buddhismus eine Religion für Menschen, die der Menschen wegen fortexistiert, und nicht ewig da ist, um Religion zu sein.

Wenn man von Kiel südwärts fährt, erreicht man als nächstes Hamburg, eine Stadt voller Leben, die die wichtigste Stellung als Großhafen und Handelsmetropole Deutschlands einnimmt. Hamburg ist immer geschäftig und dynamisch wie Hongkong und das damalige Saigon. Hamburg ist auch dreckig, jedoch nicht so sehr wie Paris. Die Stadt hat ca 1,8 Millionen Einwohner. Nach statistischen Angaben aus dem Jahr 1982 leben hier etwa 1.000 Vietnamesen. Die meisten von ihnen haben ihren Deutschsprachlehrgang beendet, sind zum Teil in den Beruf eingegliedert worden und einige sind noch arbeitslos.

Eine einstündige Autofahrt verbindet Kiel mit Hamburg. Es ist interessant für Autofahrer zu wissen, daß es auf Bundesautobahnen kein Tempolimit gibt, sondern nur eine Richtgeschwindigkeit von 130km/Std. Wer also es eilig hat, darf ruhig mit 150-180km/Std oder schneller sausen. Zum Vergleich müssen sich in ihrem Land US-Bürger mit 55 Meilen/Std, Kanadier und Japaner mit 60 Meilen/Std begnügen. Auf diese Weise hat ein deutscher Tourist in Japan das Gefühl, wie daheim auf Landstraße. Wer in Amerika lebt und sich einmal das Erlebnis des Schnellfahrens holen möchte, kann in Deutschland das Vergnügen haben, den Fuß von der Bremse zu nehmen. übrigens, anders als in Frankreich, Japan, Kanada und einige Regionen der USA ist die Benutzung der Bundesautobahnen gebührenfrei. Daß in manchen Ländern Autofahrer auf solchen Strecken zur Kasse gebeten werden, ist damit zu erklären, daß dort

der Autobahnbau in der Hand von privaten Unternehmen liegt. Noch ein Wort darüber. Es gibt in Australien und USA die größten Autobahnen. Autobahnen, die mindestens drei- oder vierstöckig sind, gibt es in Japan.

Hamburg, die elegante Weltstadt an der Elbe ist ein Sammelpunkt von Menschen verschiedener Herkunft und Rassen, unterschiedlicher Klassen und Berufsgruppen. Hamburg beherbergt Reiche und Arme, Weltkenner und Vagabunden, Intellektuelle und Kaufleute, Diplomaten und Geistliche u.a... Die große Hafenstadt Hamburg ist nicht nur ein Tummelplatz mit verschiedenartigen Vergnügungen und regem Geschäftsleben. Wer Ruhe und Entspannung sucht, ist auch hier richtig. Auch Technik, Wissenschaft und Kultur finden Platz in dieser Medienmetropole.

Apropos Kultur : auch deutscher, japanischer und tibetischer Buddhismus sind hier vertreten. Die meisten Buddhisten in der Hanse Stadt sind Theravadins, wenn sie nicht Zen-Anhänger sind. Hamburg ist ein Superlativ für das religiöse Leben nach östlichen Weisheiten. Für Freunde und Kenner Südasiens bieten einige vietnamesische Restaurants, was die traditionelle Eßkultur anbelangt, die Originalität ihres Herkunftslandes an. Mit entsprechenden Lebensmitteln werden Landsleute und Freunde asiatischer Kochkunst hier und da von vietnamesischen Spezialitäten-geschäften reichlich versorgt. Daß heute alles an Zutaten vorhanden ist, die für die heimatliche Küche nicht nur unentbehrlich sind, sondern sie auch verfeinern, gilt als Trost für die Landsleute, die weit entfernt von Zuhause ein Exildasein führen müssen; ein Trost, wenn man zurück an die Zeit vor einem Jahrzehnt denkt !

Auf dem Weg in Richtung Süden verläßt man Hamburg und kommt zur nächsten Großstadt Hannover. Zwar klingt der Name Hannover nicht ganz attraktiv und ist in der Welt wenig bekannt, geographisch hat diese Stadt ihre Bedeutung. Die Universitätsstadt Hannover liegt nämlich genau da, wo die beiden Achsen Nord-Süd und Ost-West Deutschlands sich begegnen. Hier gibt es nichts so viele Villen und Wolkenkratzer bzw. Lärm und Geschäftigkeit wie in Hamburg oder Paris. Dennoch hat Hannover etwas besonderes, das nicht wenige verliert macht, nämlich der Herrenhausen-Garten des ehemaligen Kurfürsten und den zu dessen Hof gehörige Maschsee. Der Garten, der nach dem Vorbild des "Jardins de Versailles" architektonisch angelegt wurde, bildet mit dem Barock- und Rokoko-Stil einen idyllische Garten Eden. Romantischer noch ist der Maschsee. Ich habe mir erlaubt ihn mit einem poetischen vietnamesischen Namen "Ho Truc Bach" zu benennen, was wiederum auf Deutsch "Bambus-See" bedeutet. Man kann sich hier der Illusion jener alten Zeit hingeben, in der hier entlang der Promenade, unter den hängenden Östen der seidigen Trauerweiden hübsche junge Hofdamen zum Spielen erschienen, die sentimentale Träumer dazu bewegen, für einen angenehmen Augenblick die Wirklichkeitswelt zu vergessen. Schade, daß sonnige Tage in Hannover so rar



sind, damit Poeten über den Bambus-See noch paradiesischer dichten können.

Wenn man von Hannover, der Hauptstadt Niedersachsens spricht, sollte man auch nicht zu erwähnen vergessen, daß Niedersachsen das erste Bundesland war, das die Aufnahme der ersten Flüchtlinge aus Vietnam verwirklicht hat. Auf Initiative des Ministerpräsidenten Dr. Ernst Albrecht kamen Ende 1978 die ersten eintausend Bootmenschen der "Hai Hong" nach Niedersachsen. Wer Frau Lang, eine Mitarbeiterin des Caritas Verbands in Freiburg, die Mutter der notleidenden Vietnamesen nennt, der sieht in Dr. Ernst Albrecht den geistigen Vater der Vietnam-Flüchtlinge ohne gleichen.

Zweimal war ich in der Kanzlei des niedersächsischen Ministerpräsidenten, wo ich mich mit ihm in einer lockeren und behaglichen Atmosphäre unterhalten habe. Das erste Mal war Anfang 1979, als ich mit dem Minister für Jugend Europas zusammenkam. Dem Herrn Ministerpräsidenten Dr. Ernst Albrecht überreichte ich damals die "Glocke des Friedens" und eine Plastik Nachbildung der "Hai Hong". Das Thema unseres zweiten Treffens war über meine buddhistischen Arbeiten. Ich erinnere mich noch genau : Zwar saß ich einem Landesherrn gegenüber, aber durch sein mildes und sympathisches Aussehen wie auch durch seine Amtstracht, hatte ich nicht den Eindruck wie vor einem Mandarin des fernen Hofes zu sitzen. Zwischen uns scheint es mir, bleibt eine dauerhafte Verbindung. Nach unseren Geschenken erhielten wir bis heute jährlich genau am vietnamesischen Neujahr fest von ihm eine Grußkarte mit Glückwünschen.

Eigentlich bin ich nicht so sehr für Verwaltung und Bürokratie, aber die in Niedersachsen ist mir sympathisch. Was soll ich sagen? Unsere Ahnen haben nicht zu Unrecht gesagt : "Was du nicht magst, das schickt dir der Himmel". Seit dem ersten Tag des Mönchwerdens bis heute ist und bleibt Erlösung mein einziges Ziel, d.h., daß man sich von allen weltlichen Bindungen löst. Aber je mehr man sich zu befreien versucht, desto enger spürt man die Fesseln. Ob man will oder nicht, muß man, wenn man in der Gesellschaft mit höheren Stellen zu tun hat, mindestens etwas auf das äußerliche Auftreten achten. Mag sein, daß viele meiner Glaubensbrüder und Schüler das alles für eine Ehre halten, ich meinerseits finde kein Glück besser als die innerliche Ruhe.

Trotzdem sich mehr als die Hälfte der einhundert Studenten aus Vietnam, die in dieser Landeshauptstadt gewohnt haben, nach 1975 der kommunistischen Bewegung zugewandt haben, ist diese Hälfte heute nach dem Zustrom der Flüchtlinge eine bedeutungslose Minderheit geworden. Für alle in Deutschland lebenden Vietnamesen gibt es nur eine einzige Pagode. Sie liegt in Hannover und wird von der Bundesregierung unterstützt. Dieser Frage begegnen Vietnambuddhisten in anderen Ländern mit Neugierde. Da wir bei diesem Thema sind, möchte ich es hier zum Anlaß nehmen, allgemein eine Antwort zu geben, wie es dazu gekommen ist.

Es hatte damit angefangen, daß am 2.4.1978 in Hannover eine kleine Andachtsstätte gegründet wurde, wo höchstens 30 Personen hinein passen würden. Dennoch konnten wir im selben Jahr einmal das Vesakh- und Vu Lan Fest veranstalten. Erst nachdem immer mehr Bootmenschen nach Deutschland kamen, wurde unsere Andachtsstätte durch Berichtserstattungen und Reportagen von Presse, Rundfunk und Fernsehen bekannt gemacht. überschrieben wie "1000 Buddhisten standen vor der Tür der VIEN GIAC Pagode in der Kestner Straße 37 und warteten auf die Messe" erweckten noch mehr die Aufmerksamkeit der Öffentlichkeit. Denn im Rahmen ihres Flüchtlingshilfeprogramms achteten die Deutschen nicht nur auf die materiellen Bedürfnisse, sondern auch auf den geistigen Bereich.

Wie viele andere Studenten machte ich mich als Dolmetscher im Grenzdurchgangslager Friedland sowie in der Uni-Klinik Göttingen nützlich. Eine Zeit lang begleiteten mich die Damen und Herren der Presse sowie Funk und Fernsehen, bei Neujahrsfeiern, Beisetzungszereemonien usw. Die aufgenommenen Bilder fand man in Tageszeitungen oder wurden ausgestrahlt bis gegen Mitte 79. Eines Tages erhielten ich und meine buddhistischen Mitarbeiter von der Bundesregierung eine Einladung nach Bonn. Im Rahmen der kulturellen Unterstützung für Minderheitsvölker in der Bundesrepublik führte bei diesem Treffen Herr Dr. Geißler, Leiter der Abteilung für Kultur und Religionen im Bundesministerium des Innern, mit uns ein Gespräch. über mögliche Hilfsmaßnahmen der Bundesregierung bei unseren buddhistischen sozio-kulturellen Arbeiten mit den in Deutschland lebenden Vietnam-Flüchtlingen. Gemeinsam mit einigen engagierten Vietnam-Buddhisten, die mich begleiteten, trugen wir das unserer Vorstellung entsprechende Arbeitsprogramm vor, das von dem Regierungsvertreter völlig akzeptiert wurde.

Nach dieser Unterredung gingen wir nach Hannover zurück und fingen an, einen geeigneten Platz zur Errichtung der heute entstandenen Pagode Vien Giac zu suchen. Zu einem Ergebnis kamen wir erst gegen Ende 1980. Außer laufender Hilfe der vietnamesisch-buddhistischen Bevölkerung erhielten wir auf verschiedene Art Unterstützung seitens der Bonner Regierung sowie von karitativen Vereinen und Organisationen wie z.B. des Malteserhilfsdiensts.

Manchmal, wenn ich zurück an die vergangene Zeit dachte, empfand ich eine Freude, gemischt mit einem unerklärlichen Gefühl. Wie merkwürdig! Deutschland hat eine starke christlich geprägte Tradition. Die meisten Menschen in diesem Land sind protestantische oder katholische Christen. Dennoch kommen sie auf die Idee den fremden Buddhisten Hilfe zu leisten. Im Gegensatz dazu hatte damals unter der Nguyen-Dynastie der Kaiser Tu Duc (1847-1883) den christlichen Missionaren verboten, das Evangelium zu verkünden. Wie sollte ich dieses erklären? Es paßt nichts wie "aus Reichtum entsteht die Höflichkeit" oder weil der Buddhismus

einen guten Eindruck bei den Christen erzeugte! Warum kehren so viele Vietnambuddhisten beim Sterben zurück zum Buddhismus, nachdem sie zuvor zu den Christen übergelaufen waren? Auf die Frage einiger von uns, wie lange der Staat uns noch Hilfe gewährt, kann ich nur getrost sagen, daß es gut ist, sich darüber Gedanken zu machen. Andererseits sollte man sich nicht deswegen graue Haare wachsen lassen, wenn es sich um Sachen handelt, die über seine Kompetenz hinaus gehen. "Es ist doch gut zu wissen von der Gegenwart, in der man ist. Denn was kümmert einen die vergangene Zeit des Herbsts und Frühlings?". Wenn man dem Buddhismus Vertrauen schenkt, dann glaubt man auch, daß unser Schicksal dem Karmagesetz unterworfen ist. Wenn wir gut vorbereitet sind, dann können wir weitergehen. Oder wir müssen selbst die günstigen Bedingungen herstellen, d.h. mit eigenen Kräften aufbauen : "Wir nehmen ein Bad im eigenen Teich, ob er klar oder trüb ist, immer gut ist das eigene Wasser". Außerdem wissen wir : "Die Pagode ist das Refugium des Geistes des Volkes".

Zwar ist es gut, daß die Deutschen uns helfen. Aber wir müssen auch daran denken, uns selbst zu helfen. Wir haben einen Glauben, den wir uns verpflichten zu pflegen und weiter zu erhalten. Wie können wir alle diese Arbeiten einem anderen überlassen? Viele meiner Landsleute verwechseln den geistigen mit dem materiellen Bereich, in dem sie sagen : wir haben gelitten und jetzt, wo wir schon hier sind, müssen wir nicht mehr leiden. Andere äußern sich ähnlich : wir haben gebetet, um in den Westen zu kommen, und der Wunsch ist erfüllt, wir brauchen nicht weiterzubeten. Das klingt vielleicht gut, besonders um andere zum Lachen zu bringen. Sie vergessen dabei, daß Leiden hier nicht mit Armut im materiellen Sinn zu tun hat, sondern Armseligkeit gemeint ist. Während mit dem Westen wir das Reine Land im Westen des Amitabha-Buddha meinen. Westen hat hier keine lokale Bedeutung, sondern einen ikonographischen Sinn. Alles können wir mit Geld kaufen. Die Frage ist nur, ob wir auch mit Geld ein Ticket zum Buddhaland des Westens kaufen können. Lebewesen haben viele Krankheiten und Bodhisattvas haben viele Tugenden". Dieser Satz ist für uns eine Mahnung.

Alle Heiligen, vom Ehrwürdigen Ananda bis zu den Bodhisattvas wie Ksitigarbha, Avalokiteshvara bis zum Samasthamba praptha, haben Mittel zur Heilung aller Krankheiten. Nur Lebewesen scheuen sich davor den Weg zu ihnen zu gehen. Während der "Suramgama-Versammlung" trug Ananda dem Buddha seinen Wunsch vor :

"Ihr seid mein Zeuge, Oh Herr!

Ich schwöre als erster die Welt des Leidens zu betreten,

So lange es noch ein Lebewesen gibt, das nicht erleuchtet wird, werde ich nicht ins Nirvana gehen".

Das Gelübde ist noch gültig und wir sollten es als Triebkraft betrachten, die uns ermutigt, ohne Unterlaß nach geistiger Vollkommenheit zu streben. über eines sind wir sicher, daß unser Ziel das Buddhaland des

Westens ist und nicht dieses Westens auf Erden. Hier ist für uns kein Ort der Reinheit, sondern nur ein Ort der Versuchungen, der uns in materielle Abhängigkeit treibt und schließlich zum ewigen Kreisen in eine Kette der Geburten und Tod führt.

Wenn im Frühling die Vögel sich um die schöne Stimme streiten, und die Bäume die hübsche Farbe ihrer Blütenpracht erhalten, kehrt die Zeit des Vesakh zurück. Dann strömen Tausende Vietnamesen nach Hannover, um gemeinsam den Geburtstag des Sakya Muni Buddha zu feiern. Mit den ersten gelben Blättern, während der herbstlichen Morgentau die öste noch benetzt und sich als eine blühende Samtdecke auf die Residenz jenes ehemaligen Fürsten senkt, kehrt dann die Vu Lan Zeit zurück, die Zeit, in der Buddhisten ihre Dankbarkeit gegenüber den Eltern ausdrücken. Wieder mal kommen die Buddhisten nach Hannover, um ihre Pietät zu äußern. Gleichzeitig mit dem ersten Schnee bereiten sich unsere vietnamesischen Landsleute für den asiatischen Neujahrsempfang vor. Traditionsgemäß wird am ersten Tag des Mondkalenderjahres in der Pagode eine Friedenszeremonie für alle Menschen und speziell für das eigene Volk durchgeführt, damit alle Leiden und Grausamkeiten des Krieges bald ein Ende haben. Zugleich ist dieser Tag der Gedenktag des künftigen Buddha, den Maitreya. Wieder einmal erlebt Hannover ein buddhistisches Fest mit bunten und prachtvollen vietnamesischen Kleidern.

Hannover! Hannover! Die geistige Stadt, die Stadt der Kinder Buddhas, die dem leidvollen Leben entsagen wollen, um einen Zustand zu erreichen, einen Zustand, der weder Versuchungen noch Stolz noch Haß und Neid kennt. Hannover! die Stadt der Menschlichkeit, des Geistes und Bewußtseins!

Wer diese Stadt noch nicht kennt, sollte vielleicht einmal hinkommen, um unter dem Lotusthron das Gefühl zu haben, daß sein Herz und sein Geist im Einklang mit einer Subtilität des Buddha Dharma vereinigt wird.

Sechs Jahre war ich in Deutschland, aber noch nie habe ich einen so schönen Sommer wie diesen erlebt. Oder vielleicht hat es doch noch einen gegeben, ohne daß ich es bemerkt habe, oder weil ich mich zu dieser Zeit im Ausland aufgehalten habe. Also gibt es in Deutschland auch herrliche Tage! Der hiesige Sonnenschein gleicht dem einstweiligen in mir, und mein heutiges Gefühl hat sich nicht vom damaligen geändert? Obwohl ich mir dessen bewußt bin, daß Menschen sich ständig verändern. Genauso verhält sich die Natur, mal ist es windig, mal regnerisch. Wer diese Vergänglichkeit aller Dinge, welches das Buddha Dharma so oft erwähnt, verstanden hat, denn ist diese unaufhörliche Zerbrechlichkeit des Raumes und der Zeit gleichmütig geworden. Wenn auch alles veränderlich ist, so wünsche ich doch, daß mein Herz treu bleibt. Diesen Gedanken hegt jeder, der den Bodhisattva Weg zu gehen wünscht und das entsprechende Gelübde beherzigt :

Wenn auch das Universum nicht still hält, Bleibe ich meinem Gelübde treu und brav.

Zeitlose Dharmas wünsche ich alle zu verwirklichen, bis daß mein Geist den Bodhi erlangt.

Während das Dharma ad infinitum unwandelbar ist, bleibt oft nur das Herz des Menschen vergänglich. Wer dies erkennt, möge sich nicht weiter an die äußere Natur aller Dinge hängen, damit sein Geist bald einen lichtvollen Effekt der Wahrheitserkenntnis erfahren kann. Diese Angst des menschlichen Daseins gab der zeitgenössische Tan Da Nguyen Khac Hieu (1889-1939) in einigen Versen seiner Dichtung wieder. Lesen mir hierzu eine Elegie :

"Ob man des Lebens überdrüssig ist oder nicht, einen Becher edlen Tropfens hochhebend frage ich den Busenfreund,

So viel wert wie ein Reich ist das Lächeln einer schönen Helena, hübsche blaue Augen sind dazu gut, Weltmänner umzustimmen.

Wie die Ebbe sinken, schlechte Menschen ins Ekel. Wie gewöhnlich Himmel und Erde sehen leidenschaftliche Wesen. Wie der Wind die Blätter verweht, empfangen die öste Sonderlinge.

Wie ephemere das Leben auf Erden, das so schnell vergeht, schon bevor ein Satz gesprochen. Von weltlicher Eleganz sind Dilettanten geprägt. Mit Rosatuch fangen sie von Venus kostbare Tränen.

Aus althergebrachten Erzählungen nun ein paar Striche von Recht und Unrecht. Bei Nam Hai sprang die schöne Thuy von der Brautdschunke in den Tod, mitten im Strom des Tien Duong im verkümmerten Gras am Landungsplatz O Giang. In Betracht seit alther, ob begabt tugendhaft oder schön, schwärmt jeder den gleichen Traum im Universum.

Es genügt zu wissen, daß das Leben ein überdruß ist.

Zum Ekeln rate ich Dir Busenfreund,

Denk gut darüber nach, um Dich nicht zu täuschen".

So sieht die Welt aus. Unter den Augen von Dichtern und Kultivierten ist sie nichts als Wein und Poesie. Für Helden und Weltveränderer besteht sie aus kostbaren Juwelen und Jade. Nur ein Mönch hält sie für Ephemere und Illusion.

Gerade ist sie dort, dann verschwindet sie aus den Augen. Sie ist zeitlich und räumlich zerbrechlich und veränderlich. Was bleibt, ist der Glaube eines Mönches an Erleuchtung und Erlösung.

Jedoch weiß der Mönch, daß Sprachen, die mit Worten zum Ausdruck gebracht werden, auch nur eine scheinbare Zusammensetzung sind. Nur damit seine Gedanken von anderen verstanden werden, hat er diesen Schein benutzt, um das Wahre sichtbar zu machen. Er hofft dabei, daß Empfänger sich gedanklich mit ihm durch das Herz des Glaubens in einer innigen Welt verbunden fühlen, in einer Welt frei von äußerlichen Hindernissen, unabhängig von jedem Umstand.

**(Fortsetzung folgt)**

## IM STRUDEL DES LEBENS

- Thích Như Điển -

Obwohl ich mehrmals Tokyo und Taipei besucht hatte, war mein Besuch in Korea in diesem Jahr das erste Mal. Rev. Byong Oh und ich flogen von 17. März bis 01. April nach Korea um einige Angelegenheiten in dortigen buddhistischen Universitäten zu erledigen.

"Im Strudel des Lebens" ist eine Art Reisebericht und wurde im Gedenken an den Film "Mandala" über das Leben der koreanischen buddhistischen Mönche geschrieben. Dieser Film hat das deutsche Fernsehen einst gezeigt. Darüber hatte ich auch schon in der Vien Giac- Zeitschrift unter den Titel "Weg ohne Grenze" geschildert. Es gibt heute sogar schon "Weg ohne Grenze" als Buchausgabe.

In Korea begegnete ich die Doppelseitigkeit des Lebens nochmal. Das Leben der Mönche wurde auch hier von den Vielfältigkeit des weltlichen ebens beeinflusst. Die gesamte Bevölkerungszahl von Nord- und Südkorea beträgt ca. sechzig Millionen und das Land ist steinig, der Ackerbau ist ertragniedrig. Trotzdem gehört Korea zu den bedeutendsten Ländern "Asiens mit hoher Import- und Exportrate. In den Jahren 58-60 waren viele Koreaner nach Vietnam gekommen um von den Vietnamesen zu lernen. Doch heute müssen die Vietnamesen dagegen sehr vielmehr von den Koreaner lernen. Der Lebensstandart der Koreaner im Jahr 1992 entspricht der des Japaners im Jahr 1972. Vietnam muß mehr als 30 Jahre investieren um dies in Zukunft zu erreichen. Es ist wieder einmal deutlich, daß die Unterschiede im Leben nicht durch Talent oder irgendeinen anderen Vorzug sondern durch den Willen und den Fleiß entstanden sind.

Korea wurde 23. Juli 1953 in Nord und Süd bei dem Breitengrad 38 geteilt. Vietnam wurde am 20. Juli 1954 beim Breitengrad 17 geteilt. Nach zwei republikanische Regierungen, die in Wirklichkeit rein diktatorisch und von Korruption beherrscht waren, fiel das Land Vietnam in die Hände von Kommunisten am 30. April 1975. Die koreanische Regierungen waren genauso diktatorisch, doch die Regierungsoberhaupt waren rechtschaffen, daher könnte Korea auch ohne die Unterstützung von der USA 30 Jahre selbstständig existieren. Die nordische Regierungen von Korea und Vietnam können wir auch so vorstellen, ohne näherer Beschreibung.

Ein Land, das wirtschaftlich gut geht bedeutet, daß die Produktion und der Verbrauch ausgeglichen und hoch sind. Die Verhältnisse zwischen Stadt und Land sind in Korea noch stark, doch überall können wir in Korea den Wohnkomfort haben. Die Koreaner gleichen den Japaner in der Gewohnheit auf dem Boden zu sitzen, liegen, Gäste empfangen. Nur weniger benutzen Stühle wie in den westlichen Ländern. Die meisten Architekturen sind aus Holz und Papierwände bzw. -Türen. Wahrscheinlich wußten die Koreaner damals noch nicht von den Glasverbrauch.

Die Kloster Koreas liegen meist tief im Wald und hoch auf den Bergen. Jedes Kloster beherbergt 500 bis 700 Mönche bzw. Nonnen. Ihr Leben ist geordnet und

tugendhaft. Früher wollten die Meister nichts von dem weltlichen Leben wissen, deshalb ziehen sie sich tief im Wald zurück, je höher der Berg desto größer war dann die Kloster. Die Kloster Tong Do Sa (Kloster zur ungehinderten Rettung) z.B. ist, ca. 400 km südlich von Hauptstadt Seoul, ein Klosterkomplex mit über 50 großen und kleinen Gebäuden. Das Leben in diesem Kloster gleich das in einem kleinen Dorf. Es gab dort Universität, Markt und andere Aktivitäten. Heute kommen tausende Besucher dorthin um zu beten oder nur zu besichtigen. Es ist wirklich wahr, wie es in der Dhammapada steht: " Die Düfte, sowohl von der Candanablüte, kann nicht gegen den Wind fliegen. Nur der Duft eines Tugenden, sowohl gegen den Wind, verbreitet sich ungehindert". Dieses Kloster wurde vor 1300 Jahre gebaut, und gehört zu den ältesten Kloster Korea, doch jede Generation pflegte und ließ sie restaurieren, deshalb war sie genauso schön wie damals. Ich stellte hier fest, daß in Korea die Bezeichnungen wie Hohehrwürdiger, Ehrwürdiger oder Reverend überhaupt gar nicht gibt. Die Mönche wurden einfach "Sunim" genannt. Der Oberhaupt der Kloster ist der Vorsteher, dann der Abt und andere Amtbezeichnungen ähnlich wie in Vietnam. Eine andere Besonderheit des koreanischen Buddhismus ist die Erwidern bei Begrüßung. In anderen Länder empfangen die höherer Mönche die Verbeugungen des niedrigen als selbstverständlich hin. In Korea erwidern die Mönche diese Verbeugungen immer. Auch bei der Mahlzeiten gibt es kein Rangunterschiede. Es wurde also niemand den Grund zur Hochmut gegeben. Auf der Straße begegneten sich die Ordinierten mit Händefalten ohne zu wissen, ob der Gegenüber Fremd oder Freund ist. Auch die Kleidung der Ordinierten ist einheitlich, Mönche wie Nonne tragen alle graue Talar und darüber braune Kasaya Es ist sehr selten, daß ein koreanischer Mönch bunte Kasayawie die chinesische oder verschiedenartige wie die vietnamesische trägt.

In Korea kann man in den Städten höchsten katholsiche und evangelische Kirchen finden. Die Pagoden und Kloster liegen tief im Wald und hoch auf dem Berg. In mache 2000 m hohe Berge finden wir Pagoden, die 300 bis 400 Jahre alt sind. Obwohl wir heute nur ein Viertel Stunde mit der Seilbahn brauchen, können wir leicht die Mühe vorstellen, die sich die Mönche gemacht haben, als sie sich zu Fuß die Baelemente auf dem Berg bringen mußten.

Eines Tages fuhren der koreanische Mönch und ich zu einer Nonnenuniversität. Diese Universität, Kloster Wolkentor, ist 400 oder 500 Km weit und wir mußten dem entsprechen sooft die Büsse wechseln. Die Universität hat über zweihundert Nonnen-Studentinnen und elf Nonnen-Professorinnen. Die Abtin ist über sechzig und hatte ihren Dokortitel in der Universität "Dong Bac" erworben. Wie in alle andere Nonnenkloster war die Einrichtung hier sehr schön und das ganze wurde auf hochglanz gehalten. Wir wurden von einer Nonne, die ihre Universitätsabschluß in Japan absolvierte, empfangen. Ich hatte in Japanisch geäußert:

" Hoch auf dem erhabenen Berg gibt es eine Nonnenuniversität, so groß, so schön und so würdevoll.

Sie gleich eine schöne Blüte mitte im Schnee, so kostbar". Die Nonne erwiderte "Es sind deren zweihundert hier, und kein weltlicher Staub trübt sie". Welch eine kostbare Dhammahüterin. Noch höher auf dem Berg befanden sich die kleine Hütte der Dozentinnen, sie wurden von Bambusstauden und einige Kirschbäumen beschattet. Alles hier trug das Zeichen eines buddhistischen Lebens.

Ich besuchte dann in einem anderen Tag das Hei In Sa (Kloster Meeressiegel). Dieses Kloster ist ca. ein Tausend Jahre alt und trotzdem sehr groß und wurde gut gepflegt. Die größten Tempel Vietnam ist nicht mal so groß wie eine Gebäude dieses Klosters. Hier erlebte ich die Feuerbestattung des verstorbenen Kloster-vorstehers. Es wurde achtzehn Reliquien gesammelt, sie waren die sogenannte Perlen des Rückenmarks. Jeder Tag kamen tausende Besucher hierher um diese Reliquien zu besichtigen und zu verehren. Hier hatte der Präsident der vorherigen Regierung drei Jahre lang die Buddhlehre praktiziert und vor zwanzig Jahre hatte ein anderer Präsident eine von den Gebäuden dort restaurieren lassen. Besonders wertvoll waren die 80.000 Holztafeln für den Druck der Tripitaka, sie wurden als Staatschatz bezeichnet. Während dieses Besuches zeigte mir der neue Vorsteher mir die Schlagtechnik bei der Meditation, sie unterschied sich sehr von der der Japanern und der Chinesen.

In allen buddhistischen Länder gab es verschiedenen Richtungen und Unterteilungen. In Korea gab es bis jetzt nur eine einzige Richtung, diese Richtung war die direkte Überlieferung durch den sechsten Patriarchen Hue-Neng aus dem sechsten Jh.. Jetzt gab es in Korea eine neue Richtung, die sogenannte "vollkommene Buddhismus", sie entwickelte relativ stark und ähnelte dem Sokagakkai des japanischen neuen Buddhismus. In Buk Kok Sa (National-Buddhistische Tempel) gab es einen großen Buddhastatue auf einem über einigen1000m hohen Berg. Die Statue war über 1200 Jahre alt und sehr detailliert verarbeitet. Ich fragte mich wie die Mönche sie früher hierauf gebracht hatten.

Zurück nach Soeul besuchte ich die Kaiserpaläste, die ganze Architektur wurde aus Edelholz verarbeitet und sehr eindrucksvoll dekoriert. Es waren Türme zur Besichtigung der Paraden. Sie trugen alle Namen, die die Langlebigkeit einer Dynastie ausdrücken sollten, wie "zehntausende Frühling Halle" oder "Tausend-Herbst-Turm".... Die Japaner hatten im Mitte des Hofes ein Museum während der Koloniezeit gebaut, es war genauso fehl am Platz wie ein Bauernmädchen in der Galarobe. Die Koreaner hegten einen tiefen Groll gegen den Japaner, denn diese hatten Korea und Taiwan in den Jahren 10 bis 46 großen Schaden zugefügt. Viele Koreaner wollten nicht mehr Japanisch sprechen, da sie jedoch mit den Japaner ein wirtschaftliches Verhältnis hatten, war dies nicht möglich. Jeder Tag gab es fünf bis sechs Flüge zwischen Japan und Korea. Tausende Japaner machten ihr Urlaub und Pilgerfahrt in bzw. nach Korea. Ich erzählte den koreanischen Mönchen über einen Artikel von mir, den ich in meine Studentenzeit in Japan schrieb, mit dem Titel "die Japaner in meinen Augen". In dem Artikel verglich ich die Japaner mit den

Kirschblüten, schön anzusehen doch ohne Duft. Dies gefielen den koreanischen Mönchen sehr.

Der Han-Fluß mitte im Stadt Seoul die breite Straßen, die große Olympiade-Bauten verstärkte den Eindruck über dem wirtschaftlichen Wachstum Koreas. Ich wurde hier in ein Konzert eingeladen. Das Konzert fand in eine stilvolle Halle statt. Das Atmosphär war würdevoll und volksnah zu gleich. Obwohl die technische Einrichtung noch nicht den Niveau der westlichen Ländern erreichte, war diese Musikhalle eine bedeutende Errungenschaft im Vergleich mit anderen asiatischen Ländern. Es war ein Wochentag, trotzdem war die Halle vollbesetzt, alle Zuhörer genoßen den Konzert im Stillen. Ich fragte mich, wann ist dies in Vietnam möglich. Wir möchten auch das Recht haben, unser Land auszubauen und zu pflegen.

Die Koreaner arbeiteten fleißig von neun bis siebzehn Uhr auch am Samstag. Die Märkte öffneten durchgehend ohne Zeitbeschränkung. Besonders die kleine Läden waren tag und nacht bereit für die Kunden. Das U-Bahnsystem Koreas ist heute eine Attraktivität an sich, vor 100 Jahren

hatten sie noch von den Franzosen gelernt, heute kann Frankreich Korea in dieser Hinsicht nicht mehr einholen.

Um die Soldaten zu Gedenken, die für den vietnamesischen Krieg gefallen waren, gingen Rev. Byong Oh und ich zum Gedenktafel und Friedhof Abteilungen vierzehn und einundzwanzig. Wir hielten an jedem Grab, beteten, und opferten ein paar Blumen. In vielen Grabsteine wurden die Klage der Mutter um ihren Sohn bzw. der Ehefrauen um ihren Mann eingraviert. Der Dank gegenüber diesen Soldaten fühlte ich tief in mir, sie hatten für mein Vaterland ihr Leben geopfert. In Korea gab es kein Wehrdienstverweigerung bzw. -verschiebung, auch nicht für Ordinierten. Deshalb war auch Rev. Byong Oh anderthalb Jahre in Vietnam während seiner Wehrdienst gewesen. An jenem Tag saß er sehr lang schweigsam da, wahrscheinlich dachte er an seinen gefallenen Kameraden vor zwanzig Jahre. Er sagte mir, daß es ein großes Glück war, heil vom Krieg zurückgekehrt zu sein. Er konnte dann sein geistliches Leben wieder aufnehmen. Die Zeit in Vietnam hatte in ihm wahrscheinlich eine innerliche Beziehung zu den Vietnamesen hergestellt, deshalb hatte er hier in Deutschland zu einer vietnamesischen Buddhagedenkstätte gefunden.

Es war ein Frühlingnachmittag, als wir bei den Gräbern waren. Es gab also kein fallende Herbstblätter, die auf unseres Gemüt lasteten, doch das Gesang der Tannen wollte uns von der Anwesenheit der Geister der Soldaten überzeugen. Als Priester hatte ich viele Tode miterlebt, doch jeder Tod hat eine besondere Bedeutung. Besonders gegenüber den Toten, die für mein Vaterland gestorben waren, verstärkte den Eindruck in mir.

In Seoul wohnte ich im Kloster Lotus aus dem Dhamma. Dieses Kloster empfangen internationale Besucher. Es wurde dort mehrer Sprachen gesprochen, deshalb fühlte ich mich hier auch nicht mehr einsam. Hier gab es weder Mahayana noch Theravada, es gab lediglich Buddhayana. Der Tag in den koreanischen Kloster fing sehr früh an. Um drei Uhr wird geweckt,

von drei Uhr dreißig bis fünf Uhr dreißig fanden die Rezitation und Meditation statt. Um sechs Uhr gab dann Frühstück, um elf Mittagessen und um siebzehn Uhr Abendessen. achtzehn Uhr war der Abendandacht und ab einundzwanzig Uhr war Ruhezeit. Das Leben in den Klöstern war diszipliniert, doch ein Gastmönch wurde ohne Umstände aufgenommen auch ohne eine vorherige Ankündigung. Das oft diskutierte Thema war auch hier die Einhaltung der Silas bzw. die Verletzung der Selben.

In den letzten Tagen wollte ich unbedingt die Nord-Süd Grenze besuchen um dort ein Friedengebet zu sprechen. Hier wurden die Gefangenen im Jahr 1953 ausgetauscht. Als ich dort ankam, war das Wetter sehr schön. Der Wind bließ leicht. Doch mein Gemüt sank, als ich die Stacheldraht und die verschlossenen Türen mit den Wachposten sah. Ich dachte wieder an Vietnam, mein Heimat wurde vor sechzehn Jahre wieder vereinigt. Doch können wir dort nirgend den Frieden finden. Ein unsichtbarer Wand trennt uns voneinander.

Ich versuchte mit den amerikanischen und koreanischen Wachposten zu sprechen um ein Erlaubnis für näheres Treten zu bekommen, doch es war streng verboten. Ich kehrte dann zurück zum Gedenkturm, wo die Südkoreaner für die Vereinigung Koreas beten. Dann fuhr ich wieder nach Seoul zurück.

Nach zwei Wochen in Korea fliege ich nun in dem KLM 866 zurück nach Deutschland. Ich schreibe diesen kurzen Bericht im Gedenken an allen Lesern der Vien Giac Zeitschrift. Aus diesem Besuch zog ich folgende Schlüsse: Die Entwicklung eines Landes hängt von drei Faktoren ab: Politik, Erziehung und Wirtschaft. Wenn ein von dieser drei Faktoren fehlte, dann verliert das Land das Gleichgewicht. Z.B. wenn die Wirtschaft hoch und die Erziehung niedrig, dann ist es als ob ein ungebildete gestochene Sprache gebrauchte. Umgekehrt jedoch steigt die Arbeitslosenzahl, dies machte die Regierung keine geringe Schwierigkeit.

Alles, ob die Untugenden des Mönches im Film "Mandala", ob die Unterhaltung mit der Abtin von der Pagode Wolkentor, ob die Reliquien des großen Abtes, oder die Gespräche über die Verletzung der Sila..., ist vergänglich und leer. Es sind alles nur Abbildung mitte im Strudel dieses Lebens.

Wichtig ist nicht die Entscheidung darüber, ob eine Sache gut oder nicht gut ist, ein Mensch gut oder böse ist, erlöst oder nicht erleuchtet ist... sondern das Bewußtsein darüber, daß in allem immer zwei Seiten existiert, die rechte und die umgekehrte. Für mich trägt jeder die Folge seiner Taten, deshalb ist es unnötig über Handlungen von anderen zu diskutieren. Jeder von uns hat seine Aufgabe und Pflichten auf dieser Welt, die wir erfüllen müssen.

Ich hoffe, daß der vietnamesische Buddhismus und Volk die gute Eigenschaften anderen lernen mögen, die eigene Fehltagen sollten von jeder selbst gebessert werden. In diesem Sinne schreibe ich diesen Artikel.

Am 01. April 1992 18 Uhr 30.  
Auf dem KLM 866 von Seoul nach Amsterdam.  
(Ins Deutsch Übertragung von Thien Tin)



# Buddhistische Aktivitäten

## Der Buddhismus und der Frieden

Am 03. März 1992 hat die Freiermauererei in Hannover einen 3 stündigen Vortrag über das Thema "Buddhismus und Friedenstoleranz" bei der Anwesenheit von Ehrw. Thich Nhu Dien und dem Novizen Thien Tin veranstaltet. Folgend der Empfehlung von Herrn Dr. Meinhorst als Wohltäter der Viengiac Pagode ist Ehrw. dorthin gekommen. Die Zuhörer sind Intellektuellen und haben verschiedenen Konfessionen. Nach dem Vortrag folgte der Anwartsstunden der von den Zuhörer gestellten Fragen über die Sachfrage in Zusammenhang mit dem Buddhismus. Etwa 50 Einheimischen haben an diesen Vortrag teilgenommen.

## Die Einheimischen und der Zen-buddhismus.

Der Buddhismus existiert fast 100 Jahre in Europa, meisten erfahren die Einheimischen nur den Zenbuddhismus, mehr als anderen Schulungen des Buddhismus. Zur Vertiefung in den Buddhismus sind am 07. März 1992 Herr Dr. Fischer und mehrere deutschen Studenten aus Norddeutschland deshalb in die Pagode gekommen. Sie haben die Sitzmeditation praktiziert und danach viele Fragen über den Buddhismus gestellt. Ehrw. Thich Nhu Dien und der Novize Thien Tin haben alle gestellten Fragen befriedigt geantwortet. Etwa 30 Teilnehmer waren anwesend.

Am 09. und 10. März kamen 2 deutsche Klassen von verschiedenen Gymnasien aus Hannover in die Pagode. Sie haben auch die Sitzmeditation praktiziert, die Buddhalehre vernommen und schließlich das vegetarisches Mahl gehabt.

Dies sei eine Möglichkeit die Kultur zwischen dem Buddhismus und dem Deutschen auszutauschen auch die heilige Barm-herzigkeitslehre des Buddhas zu allen Menschen einzuführen.

## Eine ostliche Reise

Zum Kulturaustausch zwischen dem koreanischen und dem vietnamesischen Buddhismus ist Ehrw. Thich Nhu Dien vom 17. März bis 01. April mit dem koreanischen Ehrw. Byongoh, dessen gegenwärtigen Aufenthalt bei der Buddhasstätte Linh Thuu in Berlin, nach Korea gereist, um die dort wesentlich vorhandenen Stätten des Buddhismus zu besuchen.

Ziele dieser Reise waren die buddhistische Universitäten und die Buddhasstätten in Korea zu besuchen. Beide Ehrwürdigen haben auch Gespräche bei der Sangha -, Universität Tong Do Sa zu der Tong Do Pagode, Hei In Sa zu der Hei In Pagode, Un Mon zu der Un Mon Nonnenpagode und bei dem Zentral der Sangha Universität in der Hauptstadt Seoul durchgeführt. Ehrwürdiger Abt hat den Beteiligten die Anwesenheit des Buddhismus in Europa und den Zusammenhang zwischen dem vietnamesischen und dem koreanischen

Buddhismus in Japanisch, ins Deutsch und in Englisch informiert.

Zu diesem Anlaß hat Ehrw. Abt auch dann die Vietnamflüchtlinge in dem Flüchtlingslager Pusan, der sich 30 km südlich von der koreanischen Hauptstadt befindet, besucht. Nach einem einstündigen Gespräch mit den Landsleuten haben die Ehrwürdigen ihnen 180.000 Won für die im Jahre von ihnen veranstalteten buddhistischen Feierlichkeiten gespendet.

Darüber hinaus sind beide Ehrwürdigen zum Andenken den für eine freie Vietnam vor dem 1975 gefallenen Soldaten der Alliierten zu einzelnen Begräbnis von den in Vietnam für den Verstorbenen geistige Friedegebetet.

Auch anläßlich dieses Besuches wurde Ehrwürdiger Abt von einer großen Zeitschrift Phap Bao des kokranischen Buddhismus und dem Rundfunk BBS interviewt, die Interview ist am 30. März 1992 gesendet worden.

Diese Reise ist erfolgreich abgeschlossen und ermöglicht die Verbindung zwischen dem kokranischen und dem vietnamesischen Buddhismus künftig zu festigen.

## Andacht in Fürth - Erlangen und Nürnberg

Vom 11. bis 12. April hat der Ortsverein der VBVF aus 3 vorstehenden Regionen eine regelmäßige Andacht und die Athanga-Silas Übung veranstaltet.

Die Jubfa Chanh Dung hat dem Ortsverein sehr viel für dessen buddhistischen Aktivitäten unterstützt. Auch zu diesem Anlaß ist eine Hochzeitszeremonie im Sinne des Buddhismus für den Buddhist Thien Nguyen Ly Hung Son feierlich unter der Bezeugung von Ehrw. durchgeführt.

An dieser Veranstaltung haben viele Buddhisten teilgenommen

## In der VIENGIAC Pagode

An jedem Abend des 14. und 30. nach dem buddhistischen Kalender gibt es um 20 Uhr in der Viengiac Pagode die regelmäßige "Unheilsame - Bekenntnis - Zeremonie". Am ersten und dritten Sonntag des Monats aktiviert sodann die Jubfa Tam Minh in der Pagode, es findet jeweils um 10 Uhr statt, dann folgt die regelmäßige Andacht für allen gefallenen kokranischen Soldat ge- Buddhisten und Freunde des kommen, Blumen eingesteckt und Hauses, die um 11 Uhr beginnt.

---

## Impressum VIENGIAC

Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen  
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland  
c/o VIENGIAC Pagode, Karlsruher Str. 6, Tel. 0511 - 879630,  
Fax. 0511-8790963

Herausgeber: Ven. THICH NHU DIEN  
Redaktion: Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum in der  
Bundesrepublik Deutschland (VIBUS)  
Chefredakteur: NGO, Ngoc - Diep, Dipl. Ing.  
Erscheinungsweise: alle zwei Monate  
Druck, Satz und Layout: VIBUS - Hannover  
*Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt Nachdruck nur mit schriftlicher  
Genehmigung der Redaktion erlaubt.*

# Thắng Cảnh Quê Hương Tôi : TỈNH QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG

- Hoài Hương - Muenster -

### Đôi lời phi lộ:

Lãnh thổ Việt Nam liền một dãy Bắc Nam, từ ải Nam quan đến mũi Cà Mau, liền một vùng đất liền, biển trời từ dãy núi Trường Sơn cho đến tận các hải đảo Trường Sa và Hoàng Sa, bao gồm 36 tỉnh lớn nhỏ với đủ núi rừng, biển, sông, cỏ cây, xóm làng, phong tục lễ thói, di tích lịch sử, công trình văn hóa... tất cả hợp lại để thành một đất nước Việt Nam Mến Yêu.

Từ núi rừng Việt Bắc xuống đồng bằng, dọc theo dãy Trường Sơn mãi đến đồng bằng Nam Việt, kể sao cho hết những kỳ quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh và tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng nằm ngay gần chính giữa khung cảnh thần tiên này.

Từ đỉnh đèo Aí Vân, ranh giới giữa Quảng Nam Đà Nẵng và Thừa Thiên, nhìn về hướng Nam là đã thấy rõ gần toàn tỉnh. Ngày nào có dịp viếng Quảng Nam Đà Nẵng vắng khách sẽ có dịp đi qua những xóm làng trù phú đông vui nổi lên giữa biển lúa tốt tươi hay những nương dâu xanh mướt, ẩn hiện sau những lũy tre kiên cố hay núp dưới những rặng dừa êm ả, với cây đa, cây gạo hay cây chiêm chiêm rợp bóng đình chùa, nhịp cầu hay bến đò, với đàn cò trắng phau bay lượn giữa tiếng sáo diều vi vu. Những dòng sông xanh êm đềm hiền hòa như sông Hàn, sông Trường, sông Thu Bồn, sông Vu Gia, sông Trương Định... khoan thai xuyên qua những núi rừng, ruộng đồng. Kia những bãi biển xinh đẹp toàn cát trắng mịn như Liên Chiểu, Nam Ô, Thanh Khê, Thanh Bình, Tiên Sa, Mỹ Khê, Non Nước.

Quảng Nam Đà Nẵng còn là một địa danh với nhiều cảnh đẹp, cùng nhiều di tích như Hải Vân, Sơn Trà, Bà Nà, Mỹ Sơn, Đồng Dương và nhất là Ngũ Hành Sơn.

Vẻ đẹp thiên nhiên và kỳ ảo của "Hành Sơn Sải Thủy" (tức núi Ngũ Hành và sông Sải) biểu hiệu cho tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng không những đã từng để lại nhiều vang bóng trong thi ca Việt Nam, mà còn un đúc cho tỉnh này nhiều danh nhân chí sĩ lỗi lạc từng góp phần phù trợ quốc gia dân tộc như Phạm Phú Thứ, Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp, Trần Cao Vân...

Những lời sau đây không chỉ để trình bày những hình ảnh tuyệt vời về Quảng Nam Đà Nẵng được ghi lại với sự dào dạt tâm hồn của một người lữ thứ mà nên thấy ở đây ấn tượng của núi non trời đất của một mảnh đất cảm tử của quê hương thân yêu, nhen nhúm niềm tự hào về đất nước Việt Nam thân yêu.

### Quảng Nam Đà Nẵng.

Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng ở về phía Bắc thành phố Sài Gòn 970km và cách Hànội 760km về phía Nam. Với một diện tích 11.989 Km<sup>2</sup>, lãnh thổ tỉnh trải ngang từ kinh tuyến 107,13 đến 108,44 đông và từ vĩ tuyến 14,54 đến 16,13 Bắc. Tỉnh lỵ là thành phố Đà Nẵng.

Một dãy núi từ dãy Trường Sơn dàn ngang ra tận biển (núi Hải Vân) làm ranh giới thiên nhiên giữa Quảng Nam Đà Nẵng và tỉnh Bình Trị Thiên. Đèo Aí Vân cũng là giới tuyến của hai vùng khí hậu, lạnh ở phía Bắc và ấm áp ở phía Nam. (Có bản đồ kèm theo)

Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng gồm 3 miền:

1.- Miền Tây với những đỉnh núi cao trên 2000m (Lum Heo 2045m, T. On Phước Sơn 2032m, Núi Mang, Hòa Vang 1708m). Cao độ giảm dần lần lần khi tiến về phía đông theo hướng biển. Miền Tây tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng bao gồm nhiều rừng chưa khai phá cùng nhiều lưu vực sông khá rộng (140.000 ha).

2.- Miền đồng bằng phù sa: quan trọng nhất là vùng sông Thu Bồn và các chi lưu (54.000 ha): vùng này có nhiều dân cư nhất.

3.- Miền Duyên hải: với bờ biển dài khoảng 150 km cùng một số hải đảo khá gần bờ như Cù lao Chàm hoặc quần đảo Tây Sa (Paracels). Dọc theo bờ biển này có rất nhiều bãi biển cát trắng mịn cùng nhiều phong cảnh đẹp.

Từ hướng Huế vào, xuống đến chân đèo Aí Vân là tuần tự đến các làng Liên Chiểu, Thủy Tú, kể theo quốc lộ vượt qua sông Trương Định là đến làng Nam Ô, một địa danh được tiếng sản xuất nước mắm ngon nhất Việt Nam. Kế đến là làng Thanh Khê, một làng chài thường cung cấp cho dân chúng trong tỉnh rất nhiều loại cá ngon lành, đặc biệt là cá chuồn:

*"Ai về nhẩn với nậu nguồn,  
Mít non gỏi xuống cá chuồn gỏi lên."*

Cá chuồn kho với mít non là món ăn phổ thông ngon lành của dân chúng Quảng Nam Đà Nẵng. Ngoài ra tại Thanh Khê còn món cá chuồn phơi khô hoặc thính mắm rất được dân chúng ưa chuộng. Rồi Thanh Khê là đến thành phố Đà Nẵng mà từ năm 1966 đã thay thế Hội An để thành tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng mà người địa phương thường gọi tắt là Quảng Đà. Đây là hải cảng lớn nhất miền Trung cùng có một phi trường quân sự và dân sự lớn nhất nhì đất nước.

Hồi xưa Đà Nẵng được gọi là Cửa Hàn. Hàn là tên dòng sông chảy ngang thành phố rồi đổ ra biển. Trong tập "Đại Nam nhất thống chí" quyển Quảng Nam do Quốc Sử quán Huế biên soạn có ghi:

"Ở địa giới hai huyện Diên Phước, Hòa Vang có một thị trấn gọi là Hàn Hải Tấn (cửa tấn Hàn). Trong

dân gian địa phương ngày nay cũng còn lưu truyền câu hò:

*"Đứng bên ni Hàn  
Ngó bên tê Hàn  
Nước xanh như tàu lá,  
Đứng bên tê Hà Thân  
Ngó qua đất Hàn  
Phố xá nghênh ngang.  
Kể từ ngày độc lập giang san,  
Đào sông Cù Nhi, đắp đàng Bồng Miêu.  
Dặn tâm lòng em bậu đừng xiêu  
Gắng công nuôi thầy với mẹ, sớm chiều đã có anh.*

Đến thời thực dân Pháp chiếm cửa Hàn làm nhượng địa thì Christoffore đặt lại tên là Tourane (1618). Có người nói rằng danh xưng Tourane là do vùng này có lúc có tên là Thủ Hàn (giữ Hàn) nhưng cũng có người chủ trương rằng danh xưng Tourane là từ chữ "châu Ranh" vì có thời vùng này nằm trên ranh giới hai nước Đại Việt và Chiêm Thành. Cửa Hàn trở thành một vị trí chiến lược vào năm thứ chín triều đại Minh Mạng khi nhà vua cho cất vọng lâu ở tấn sở cảng và cấp cho thiên lý kính để có thể nhìn xa ra biển.

Đà Nẵng ngày nay là một thành phố thương mại lớn nhất miền Trung, ngoài ra tại đây nhiều khu kỹ nghệ cũng đã thành hình. Tại phía Nam quận nhất thành phố, có Viện Bảo Tàng điêu khắc Chăm bao chứa hơn 300 tượng hình điêu khắc Chăm từ thế kỷ thứ tư đến thế kỷ 14, do các nhà khảo cổ ngoại quốc và Việt của Viện Bác cổ Pháp tại Viễn Đông (Hà Nội) khai được tại các di chỉ rải rác từ tỉnh Quảng Bình. Quảng Nam cho tới Bình Định, Phan Rang.

Từ Đà Nẵng nhìn ra về phía Tây có nhiều dãy núi rất cao. Dãy núi Phước Tường có ngọn núi Chúa cao hơn 1300m. Tại đây có khu nghỉ mát Bà Nà với khí hậu hiền hòa mát mẻ. Về mùa hè nóng bức khi ở dưới đồng bằng nhiệt độ tới 35 độ thì ở đây cũng chỉ 14 độ.

Về phía Tây Nam Đà Nẵng. Dòng sông Thu Bồn cũng đã đem lại cho vùng này nhiều cảnh đẹp thiên nhiên muôn hình vạn trạng. Từ thượng nguồn thác lũ quanh năm nước đổ trắng xóa như một dải bạc trắng vắt trên nền áo xanh của rừng núi. Chảy khỏi Trà Linh, sông Thu Bồn lượn mình giữa hai Hòn Kẽm đứng dựng sừng sững giữa quan cảnh rừng rú xanh um. Dước chân Hòn Kẽm ngày nay vẫn còn phiến đá được khắc chữ cổ Chiêm Thành.

Tích kể lại rằng tại ở những làng Thạch Bích, Dù Chiên... dọc triền sông ở đây, khí hậu rất hợp cho phái nữ nên gặp cảnh trai thiếu gái dư. Gái đã đẹp lại đảm đang và đa tình nên các chàng trai miền xuôi ngược lên đây để buôn bán hoặc du ngoạn thường bị các cô "bắt dính" hết. Nếu ngày xưa Lưu, Nguyễn lạc Thiên Thai vẫn hoài nhớ quê cũ thì những chàng trai ngày

nay "tuy mọc rễ" ở đây làm sao không khỏi có những lúc chạnh lòng nhớ tới nơi chôn nhau cắt rún của mình, nên đôi khi cũng đành năn nỉ người bạn tình:

*"Ngó lên Hòn Kẽm đá dừng,  
Thương cha nhớ mẹ quá chùng lăm bạn ơi!"*

Vì bản tính đa tình nên các nàng cũng đầy thông cảm:

*"Thương cha nhớ mẹ thì về,  
Nhược bằng thương kiếng nhớ quê thì dừng".*

Sau Khánh Bình, Trung Phước, sông Thu Bồn lại lượn qua những vườn cam bạt ngàn trĩu quả.

Rồi bắt đầu từ các làng Phú Đa, làng Thu Bồn (mà dòng sông mượn tên), hai bên bờ sông lại thỉnh thoảng lộ nhỏ những xe nước rào rạt đưa nước từ sông lên tưới các ruộng đồng. Đến Giao Thủy, sông Thu Bồn đón nhận thêm nước sông Vu Gia từ Hiên, Giăng đổ xuống, rồi hiền hòa chảy qua các làng sản xuất tơ lụa đẹp nổi danh như Bảo An, Xuân Đài, La Kham, qua vùng làm gạch ngói Thanh Hà hay nghề mộc Kim Bồng.

Rải rác về phía hữu ngạn, cách bờ không xa lắm là các phế tích Chăm ở Mỹ Sơn và Trà Kiệu.

Phế tích Mỹ Sơn là những di sản còn lưu lại từ những hệ thống xây cất từ thế kỷ thứ 8 và thứ 9, từ đời vua Chăm Bradavarman. Tại đây vẫn còn nhiều tượng thần điêu khắc cổ như Brahma, Siva hay Ganesa. Tại phế tích Trà Kiệu du khách có thể được chiêm ngưỡng những tác phẩm chạm trổ thời hậu thế kỷ thứ 7 và thế kỷ thứ 10.

**Hội An** : Thị trấn Hội An nằm bên tả ngạn sông Thu Bồn ngay trước khi sông này sắp đổ ra Cửa đại để ra biển.

Cách thành phố Đà Nẵng 30 km về hướng đông nam, thị trấn Hội An gần đây đã thu hút được sự quan tâm của du khách vì được các nhà khảo cổ xác định như là một trong những thành phố cổ nhất Đông Nam Á.

Hội An ngày xưa vốn có tên là Đại Chiêm khi còn là một hải khẩu quan trọng của vương quốc Chăm. Sau khi trở thành thị trấn Việt, từ thế kỷ XV thì mang tên là Hải Phố rồi lần lần trở thành một trong những thương cảng lớn và một trung tâm giao lưu văn hóa đông Tây quan trọng. Từ năm 1516 người Bồ đào Nha đã đến buôn bán với nhân dân đảng Trong. Tiếp theo đó là những thương gia Hòa Lan, Anh, Pháp, Trung Hoa, Nhật... cùng những nhà truyền giáo Bồ, Tây Ban Nha, Ý, Pháp và cũng từ đó danh xưng Hải Phố bị người nước ngoài đọc trệch là Faifo và tên đó được sử dụng cho đến năm 1945 rồi mới mang tên chánh thức là Hội An.

Nhưng rồi thay những cuộc chiến tranh Trịnh, Nguyễn, Tây Sơn gây tàn phá nhiều cho Hội An, lại thêm nhiều điều kiện thiên nhiên biến đổi, các con

sông đổi dòng, Cửa Đại nơi sông Thu Bồn đổ ra biển bị phù sa bồi lấp làm cho tàu bè ra vào khó khăn nên lần lần Hội An phải nhường lại vai trò hải cảng cho Đà Nẵng nơi cửa sông Hàn, và cho đến ngày nay chỉ còn là một thị trấn nhỏ hiền hòa cũ kỹ bên bờ sông Thu Bồn.

Tại đô thị này khu phố cổ nhất nằm ở phía nam thị xã, sát với sông Thu Bồn, được gọi là phố Hội và được xây cất cách nay khoảng bốn thế kỷ, rồi đến phố cầu Nhật bản được xây cất cách nay hơn ba trăm năm mươi năm là nơi tập trung đông đảo người Nhật, kể đến phố Quảng Đông được người Trung Hoa xây dựng cách đây hơn ba thế kỷ cùng các phố khác như phố Minh Hương (nay là Phan Châu Trinh), phố Chợ Cũ, phố Trung Nhị, đường Bạch Đằng đều là những phố cũ với nhiều chùa, đền, đình, nhà thờ họ, hay nhà ở xây dựng từ rất lâu đời.

Một chiếc cầu gỗ dài khoảng 18 thước, lợp ngói, thường được dân địa phương gọi là cầu Cầu, tương truyền do cộng đồng Nhật ở Hội An xây cất vào khoảng thế kỷ XVII và hồi đó có tên là cầu Lai Viễn. Cầu cong vòng lên ở giữa. Chùa thờ Bắc Đê và Trần Võ. Giữa thành phố Hội An có rất nhiều chùa rất xưa như chùa Phúc Kiến (xây từ 1687), chùa Ngũ Bang, Chùa Quảng Triệu, Chùa Hải Nam, chùa Ông Bồn (xây từ 1845). Đó là những chùa rất lớn với những khung nhà chạm trổ, những cánh cửa gỗ chạm lộng, nhưng mang điêu khắc với nhiều đồ cổ quý của Việt Nam, Trung Hoa, Nhật hoặc Âu Châu.

Nhưng tiêu biểu nhất cho thị trấn Hội An vẫn là những ngôi nhà cổ thông suốt hai mặt phố với tất cả bộ phận nội thất đều được chạm trổ, trang trí tinh xảo, hoặc những nhà rường với mái vò cua.

Viếng Hội An xong du khách không khỏi ngậm ngùi khi nghĩ rằng một ngày nào đó với sự tàn phá của thời gian hay sự tiến bộ của khoa học, lẽ lối xây cất sẽ thay đổi, những trụ bê tông cốt sắt thay thế các trụ đá hay gỗ và lần lần những ngôi nhà xây cất theo lối xưa này sẽ biến lẩn theo dĩ vãng.

Ai đã đến Quảng Nam từ hai quận Tam Kỳ và Hậu Đức ở cực nam cho tới hai quận Hòa Vang và Hiếu Đức ở cực bắc, qua cái thành phố cổ là Hội An này, mới nhận thức được giá trị tiêu biểu của một thời xa xưa và ý niệm được vai trò mà nó đóng trong quá trình văn hóa của dân tộc.

Từ Hội An có thể dùng thuyền qua ngã Cửa Đại ra khơi viếng cù lao Chàm, nơi sản xuất nhiều loại yến nổi tiếng.

### **Ngũ Hành Sơn :**

Tuy Quảng Nam Đà Nẵng được tiếng có nhiều di tích và cảnh đẹp, nhưng được chú ý nhiều nhất là danh thắng Ngũ Hành Sơn.

Ngũ Hành Sơn thuộc ấp Sơn Thủy, làng Hòa Quế, quận Điện Bàn, nằm hai bên tinh lộ nối liền hải cảng Đà Nẵng với Hội An và cách Đà Nẵng khoảng 7 km về phía Nam. Về phía Tây có sông Trường giang, về phía đông là biển Nam hải. Ngũ Hành Sơn còn có tên là núi Cẩm Thạch hoặc Hòn Non Nước:

*"Quê em có dải sông Hàn,  
Có Hòn Non Nước có hang Sơn Trà".*

Ngũ Hành Sơn là một cụm núi gồm năm hòn Kim sơn, Mộc sơn, Thủy sơn, Hỏa sơn và Thổ sơn, hình thù kỳ dị với màu sắc núi thay đổi theo thời tiết, nằm trên bãi cát vàng rộng phẳng sát biển xanh. Cái đẹp của Ngũ Hành Sơn là vẻ đẹp độc đáo của hang động, đền, chùa, thạch nhũ, măng đá, thạch bích, của gió trắng lồng lộng qua các hang động, với ánh sáng huyền ảo thay đổi bất thường khiến cho vật cũng như cảnh trở nên sống động lạ thường.

Đến Ngũ Hành Sơn, du khách thường chỉ viếng hòn Thủy Sơn hòn núi lớn nhất và đẹp nhất bao gồm nhiều chùa danh tiếng như chùa Tam Thai, chùa Linh Ứng, chùa Từ Tâm hay những hang động như Huyền Không, Linh Nham, Vân Thông. Từ Vọng giang dài có thể nhìn thấy sông Cẩm Lệ uốn lượn quanh co giữa làng xóm và ruộng đồng, xa xa là đèo Hải Vân và dãy Trường Sơn trùng trùng điệp điệp. Từ Vọng hải dài có thể nhìn thấy quang cảnh chung của bãi biển Non Nước xinh đẹp cùng biển Nam Hải bao la xanh dờn đến tận chân trời.

Cảnh đẹp kỳ tú và thiên nhiên của Ngũ Hành Sơn từ xưa đến nay đã làm say sưa biết bao thi nhân mặc khách:

*"Hành Sơn đâu kém Bồng Lai,  
Còn Non Nước đó, mền hoài Nước Non.  
Kỳ Sơn bày sẵn năm hòn,  
Ngắm tranh thiên tạo, lòng còn say sưa...  
Kể chi đâu bể gió mưa,  
Non xanh đá gấm ngàn xưa trắng lờng".*

**Đá Bàn, Đá Nhảy :** Sau Ngũ Hành Sơn du khách cũng nên đến viếng một thắng cảnh bồng lai khác còn thừa vết chân người nằm trong lòng xứ Quảng: đó là vùng Đá Bàn và Đá Nhảy ở quận Thường Đức.

Thường Đức là một quận cách thành phố Đà Nẵng khoảng 60km về hướng Tây. Từ Đà Nẵng có thể đến Hà Tân, quận lỵ bằng xe đò hoặc ghe.

Đời sống ở thị trấn này cũng khá tấp nập. Ai đã đến Thường Đức thì khó quên được phong cảnh quận này. Đường xe chạy nằm giữa, hai bên trồng toàn thuốc lá, nguồn lợi lớn của dân chúng trong quận. Hoặc một bên là bờ sông, một bên là ruộng lúa hoặc vườn chuối. Có thể nói 70% cây ăn trái ở đây là chuối. Dân lại rất hiếu khách. Du khách có thể vào bất cứ nhà nào, chỉ cần nói với chủ nhân một tiếng là được mời ăn thỏa thích khỏi phải trả tiền. Quận Thường Đức có một thắng cảnh thật đẹp đã được nhiều người

quan tâm đến viếng: đó là vùng Đá Bàn và Đá Nhảy. Đá Bàn cách Hà Tân khoảng 10km. Khi xe tới Đại An rồi là bắt đầu vào núi. Đi bộ khoảng hai cây số đường rừng. Đường đi qua những đồi sim mọc đầy thường ra trái vào tháng 8 hay 9. Cảnh đồi sim có giòng suối từ Đá Bàn chảy ra, nước rất ngọt và trong. Đá Bàn là một miếng đá khổng lồ, một tấm thảm bằng đá dẫn vào Đá Nhảy. Đá Bàn rộng khoảng một cây số vuông, bằng phẳng có nhiều màu. Trắng có, đen có, lục có và vài khoảng có màu xanh đậm pha tím. Có chỗ vỡ thành các miệng, ở trên nhìn xuống thấy nước chảy vang âm bên dưới. đẹp làm sao, hùng vĩ làm sao... tiếng suối reo róc rách, xa xa có tiếng khi kêu vượn hú. đôi khi du khách có thể gặp cả một đàn khỉ đang chơi đá với nhau hoặc những con nai ngơ ngác lang thang.

Qua hết Đá Bàn thì đến Đá Nhảy gồm những tảng đá đủ cỡ sắp lộn xộn. Dưới chân các tảng đá là một suối sâu nước rất trong, cùng có rất nhiều loại cá bơi lượn rất đẹp. Hai bên bờ suối lại có rất nhiều bướm đủ màu bay phất phơ trông rất ngoạn mục. Hương thơm của hoa rừng theo gió phảng phất trong không khí khiến cho du khách tưởng mình đang lạc chốn thiên tiên.

#### **Trên Dòng Sông Vàng:**

Đoạn đường cuối cùng của tỉnh lộ 14 sẽ đưa du khách đến một địa danh từng đã có một thời thu hút bao khách hành hương đó là Bàu Quyền. Dọc con đường xuyên ruộng đưa đến Bàu Quyền phảng phất đầy hương vị tinh khiết của hoa sen, hoa súng. Bàu Quyền rất sâu và có rất nhiều cá. Tại đây có một thủy huyết rất sâu. Những người lặn xuống được, có thể thấy một bậc đá trắng đục nằm gọn trong lòng nước trong xanh thăm vên triền núi có hai hòm bằng đá trông rỗng. Khách vẫn nên đi nữa đến sông Vàng. Nơi đây khách chỉ nên dùng thuyền để có thể thưởng thức hết những vẻ đẹp thi vị của miền thôn dã. Hai bên sông những hàng tre lá ngọn in vào mặt nước lững lờ trôi. Mấy bển nước với bao cô thôn nữ dịu dàng gánh nước đi vào làng. Thuyền sẽ đưa du khách ngược dòng sông Vàng để đến một nơi bờ bên xanh bên vàng. Vãng khách dùng thuyền để viếng Non Tiên. Nơi đây là một phiến đá phẳng lì khá rộng xung quanh được che phủ bởi những cây cao như một ngôi nhà thiên nhiên. Trên phiến đá có những gộp đá lớn nhỏ, dài để ngồi ngắm cảnh. Bên cạnh có ao nước rất trong và sâu. Xung quanh mọc rất nhiều rau, gần đó rừng lại có nhiều cây ôi có trái rất ngọt.

Trở lại thuyền để tiếp tục ngược dòng sông Vàng, du khách sẽ gặp một chiếc cầu mà dân địa phương gọi là "cầu Đá Nhảy". Cầu được thiết lập bằng đá lờm chờm không liền nhau. Du khách sẽ ngỡ ngàng hay kinh ngạc trước lối kiến trúc kỳ dị của người Thượng. Đá lại sắp loanh quanh ngoắt ngoéo, nếu tự mình muốn vượt qua khách có thể đi lộn hoài giữa các chông đá lờm chờm như một mê cung, đành phải nhờ

người địa phương chỉ cho cách qua cầu cho khỏi lộn. Theo triền núi đi thêm đoạn đường nữa sẽ đến Khe Nước Nóng. Sau đó là Khe Mòn, Khe Dó, Khe Đông và cuối cùng đến vùng đất Hà Tân với khu Cẩm Thị mọc đầy những cây thị to lớn xum xuê nếu gặp độ thị chín là cả toàn vùng sức nức mùi thơm.

**Quận Trà My :** Trà My là một quận vùng núi nằm cách thành phố Đà Nẵng 130km về phía Tây Nam có thể đến Trà My từ nhiều hướng nhưng phần nhiều du khách thường đi theo ngã quận Duy Xuyên đi lên để luôn tiện được ngắm những cảnh đẹp thơ mộng dọc bờ sông Thu Bồn cùng để viếng các phế tích Trà Kiệu, Mỹ Sơn.

Từ hơn thế kỷ nay quận Trà My thường được nổi tiếng nhiều nhờ sản xuất và xuất cảng được nhiều quế hảo hạng. Các nhà khảo cổ cũng thường hay đến Trà My để tìm kiếm di tích cùng nghiên cứu về đời sống của số dân tộc thiểu số Co, Xo Đăng đang còn lối sống du mục. Trước kia mỗi khi nhắc tới Trà My, nhân dân trong tỉnh ai cũng e ngại, mừng tượng đến một vùng núi cao xa xôi, hẻo lánh heo hút và cách trở, như một nơi thâm sơn cùng cốc nhưng ngày nay đường đi dễ dàng hơn nên ai cũng muốn trong đời mình một lần được đặt chân lên phần núi này của dải Trường Sơn một nơi bốn địa rộng lại có biết bao cảnh đẹp thiên nhiên.

#### **Lời Kết :**

Nói chung Quảng Nam Đà Nẵng là một trong những tỉnh của Việt Nam có được rất nhiều danh lam thắng cảnh. Đã vậy cảnh đẹp ở đây lại muôn hình vạn trạng, khách viếng thăm không thể quên.

Từ những bãi biển cát trắng với những hàng dương liễu là lướt phôi mình dưới ánh nắng đến những cảnh núi non hùng vĩ cao ngất, những hang động ăn mòn sâu thẳm đầy thạch nhũ, măng đá huyền bí, những dòng sông hiền hòa qua những cánh đồng xanh mướt bao la. Mỗi một đoạn đường, mỗi một cảnh vật đều mang sắc thái riêng. Cảnh trí lại luôn thay đổi dành cho du khách nhiều bất ngờ và thú vui không lường.

Quảng Nam Đà Nẵng không những đã đẹp mà còn rất trù phú. Ngoài những sản phẩm nông nghiệp tràn trề từ những cánh đồng Đại Lộc. Duy Xuyên, Điện Bàn, Thăng Bình cung cấp, hoa quả ở đây cũng không thiếu thứ gì. Ngược lại ở đây lại có những cây trái mà các nơi khác khó có thể có. Ví dụ như trái lòn-bon. Truyền thuyết có kể lại rằng lúc chúa Nguyễn bị Tây Sơn ví đuổi, chạy tới địa phận làng Dương Sơn bị đói khát quá, may nhờ ăn tạm trái lòn-bon mà thoát chết nên sau đó đặt thêm tên mới cho trái lòn-bon là trái "nam trôn".

Nhân nói chuyện ăn uống, du khách dù khó tính đến bao nhiêu đi nữa cũng phải công nhận rằng tại Quảng Nam Đà Nẵng có gần đủ những món ăn Việt Nam ngon lành thường thấy có ở các nơi khác nhưng



ngược lại cũng có những món ăn khó tìm thấy nếu phải rời khỏi tỉnh này: như món cao lâu Hội An và đặc biệt là món "mì Quảng". đây có thể nói là món ăn dân tộc. Dọc khắp nẻo đường trong tỉnh, tại tỉnh thành hoặc tại quận, huyện, làng, xã cho đến những quán nhỏ sơ sài ở vùng hoang dã, khách đói bụng ghé vào thì tại đây tối thiểu cũng có bán "mì Quảng". Mì Quảng là một món ăn thanh nhã bao gồm những chất liệu dễ có ở địa phương. Sợi mì được làm bằng bột gạo rồi nhuộm nghệ cho vàng. Nếu làm với bột gạo lúc mới gặt thì không nhuộm nghệ nên có người tình nghịch gọi là "Mì gỗ". Một bát mì Quảng gồm đủ sợi mì bỏ chung cùng rau sống và bắp chuối xắt mịn. Khi ăn chan thêm vài muỗng nước nhân gồm thịt ba chỉ nấu với tôm khô và chút nước lèo xương hầm.. Thêm một ít đậu phụng rang, một ít bánh tráng vụn, một ít ớt băm, vài giọt giấm là có món ăn ngon lành.

Miền Tây Quảng Nam Đà Nẵng không chỉ có quê Trà My mà còn nổi tiếng với chè Tùng Sơn, Đức Phú. Công nghệ trong tỉnh cũng đạt được mức tinh xảo trong sự sản xuất những lụa là, lãnh cái hoa nhuộm màu rất khéo và đẹp.

Lòng đất Quảng Nam Đà Nẵng cũng có nhiều mỏ: mỏ than ở Nông Sơn, mỏ chì ở Đông Sơn, mỏ kẽm ở Đức Bó, mỏ Cao Lanh ở Quế sơn...

Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng như vậy đấy! Cảnh đẹp đất giàu, tất cả hồn thiêng sông núi đã un đúc thành tạo được người dân hiền hòa nhưng kiên cường. "Quảng Nam hay cải, Quảng Ngãi hay co...", chính cái bản tính trời cho hồn nhiên ấy đã tạo nên những con người chất phác hiền hòa nhưng vẫn ngay thẳng bộc lộ tư tưởng của mình, un đúc cho tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng lắm nhà cách mạng, chí sĩ, sĩ phu lỗi lạc để phù trợ quốc gia.

Ngày nào Tự do và Thanh bình trở lại trên quê hương thân yêu, có cơ hội hội hương cũng nên đến viếng Quảng Nam Đà Nẵng một lần cho biết. Bạn hãy nên đến để làm quen với hàng vạn đồng bào đang cần cù sinh sống ở đây, từ núi rừng Trà My, Thạch Bích hay ruộng đồng Thăng Bình, Duy Xuyên cho đến tỉnh thành Đà Nẵng hoặc thị trấn Tam Kỳ, Hội An. Bạn hãy đến đây để nhìn dãy núi Sơn Trà với bao bãi bên và con thuyền bám quanh như một chỗ núp vững chắc phòng lúc bão bùng. Đến để có dịp ngồi thuyền lướt trên sông Hàn ra vịnh Đà Nẵng, giữa làn gió mát nhẹ, dưới bầu trời xanh trong đẹp để nhìn nhìn lên mây trắng Ai Vân Quan. Hãy đến đây để thả bước thăm Ngũ Hành Sơn hòng nghe lòng mình hòa nhịp cùng tiếng gió, tiếng sóng, tiếng chuông chùa mà ngẫm nghĩ cho nhân tình thế sự, để tìm tới được chân lý sâu xa của cuộc sống.

## THƠ Ngọc Hoa

---

### Đọa Đày

*17 năm rồi quê hương tôi  
Sa vào tay lũ giặc tanh hôi  
Bao nhiêu xương máu và nước mắt  
Khổ ải, tù đày dân tộc tôi.*

*17 năm rồi nơi xa xôi  
Vừa hè loang lỗ bé mồm cười  
Cha đi cải tạo không về nữa  
Mẹ đã chết rồi đêm mưa rơi.*

*17 năm rồi tóc bạc phơ  
Cha tôi năm tháng sống hững hờ  
Mẹ tôi gầy yếu đời lam lũ  
Khó nhọc nuôi chồng, nuôi cháu thơ.*

*17 năm rồi giải phóng ai ?  
Mà sao dân tộc quá đọa đày  
Hôm rau, hôm cháo, đời tăm tối  
Đói khát bên đường bao đắng cay.*

*17 năm rồi trong đêm sương  
Bao người lặng lẽ trốn "thiên đường"  
Rừng sâu, biển cả vùi thân xác  
Hoang mộ bên đường không nén hương.*

*17 năm rồi không tình thương  
Tôi đi lạc lõng giữa phố phường  
Quê người đất khách, ôi xa vắng!  
Lòng vẫn cảm hờn, hận ly hương!*

*17 năm rồi tôi vẫn mơ  
Quay về đất Mẹ buổi đợi chờ  
Cờ bay trong gió ngời chiến thắng  
Nước Việt thanh bình muôn ý thơ.*

Nhớ về 30.4.1975  
**Ngọc Hoa.**

# Trang Đặc Biệt Tưởng Niệm Nguyễn Ang Ca

**Hồi ký của Đặng Văn Nhâm  
Nhân dịp giỗ đầu người Bạn cố tri  
NGUYỄN ANG CA  
ra đi như là biết trước?!**

## Cuốn Phim Dĩ Vãng



**Hội ngộ cuối cùng giữa đôi Bạn cố tri:  
NGUYỄN-ANG-CA và ĐẶNG-VĂN-NHÂM  
bên tượng Thân "Nữ-Nhân-Ngư"**

Tuy nhỏ hơn anh Ca đến 6, 7 tuổi, nhưng tôi đã tham gia nghề làm báo cùng thời kỳ với anh ở Sài Gòn. Lúc ấy, dưới thời chánh phủ Trần Văn Hữu, rồi đến Nguyễn Văn Tâm, tục gọi "con hùm xám Cai Lậy, tình hình chánh trị và báo chí ở trong Nam rất rối ren. Những vụ ám sát xảy ra như cơm bữa. Hai anh Đình Xuân Tiểu và Nam Quốc những nhà báo nổi danh thời ấy đã bị bắn chết trong quán cà phê, ngay đầu hẻm đường Frères Louis (sau gọi là Võ Tánh, đầu Ngã Sáu, có tượng Phù Đổng Thiên Vương). Người ta đồn hai anh còn làm việc cho Tây, nên bị thanh toán. Phần tôi, chẳng biết thực hư thế nào, nhưng cũng lo sợ giữ mình. Lúc ấy, tôi đang ở Phú Nhuận, đầu ngõ nhà tôi ra vào, gần như sáng nào cũng có vài tử thi bị giết trong đêm, kéo ra bỏ đó, với bản án cảnh cáo vu vơ: "viết gian" gắn trên ngực. Lúc ấy, tôi rất khoái kháng chiến chống thực dân, nhưng lại nghĩ rất nhiều về những vụ giết người bừa bãi, đến không gớm tay của những người xưng là yêu nước. Tôi ở rất gần gũi

với xóm của các anh nhà văn nhà báo nổi tiếng trong Nam, có tinh thần kháng chiến chống thực dân rất cao như: Nguyễn Văn Hiếu (sau làm đại diện cho Mặt trận giải phóng miền Nam), anh chị Triệu Công Minh và Ái Lan (thời đó đã có hai con - bạn học với tôi - đi du học ở Nga), anh Phi Vân, anh Việt Quang (nhà giáo, nhà văn kiêm nhà báo, bố vợ của nhà văn, nhà báo Hải Bằng, hiện đang định cư ở St. José, Mỹ), anh Cao Minh Chiêm, bác Văn Mai, tục gọi Bảy Mai, đã từng ở tù khám lớn và bị đày Côn Đảo vì tội kháng chiến chống Tây. Sau năm 1975, bác Bảy Mai đã được Cộng Sản cho làm dân biểu trong quốc hội bù nhìn của họ ở Hà Nội).

Còn nhiều nữa, nhưng tôi chỉ kể sơ vài người ấy, vì các bậc đàn anh này đã không ít thì nhiều có liên hệ đến cuộc đời làm báo của tôi. Thuở ấy tôi còn là một học sinh Pétrus Ký, đã cùng với Trần Văn Ôn tham gia tích cực vào các vụ đấu tranh bạo động, bãi khóa, biểu tình, đốt chợ Sài Gòn v.v... Tôi rất được bạn bè ngưỡng mộ, và các bậc đàn anh thương mến. Đặc biệt gia đình anh Nguyễn Văn Hiếu, bác gái thương tôi như con, chị Hai thương tôi như em ruột, vì tôi là bạn học của thằng Trọng, thằng Tâm. Mấy đứa em gái nhỏ thì coi tôi như anh. Hồi chưa theo Cộng Sản, thỉnh thoảng anh kỹ sư Hiếu còn kèm tôi thêm về các môn toán lý hóa. Ngoài công việc dạy học anh còn viết báo và vẽ tranh hí họa, ký tên NHAO, mà tôi quên tịt chẳng hiểu ý nghĩa quí gì. Anh thường sai tôi đạp xe đến mấy tòa soạn như: Tiếng Chuông của ông Định Văn Khai, Ánh Sáng của bà Anna Lê Trung Cang và anh Lư Khê để bỏ bài và trình hí họa của anh. Một mặt anh cũng khuyến khích tôi viết bài và vẽ tranh hí họa như anh. Rồi tôi được quen biết với những ký giả nổi tiếng ở Sài Gòn lúc bấy giờ như các anh: Nguyễn Bảo Hóa, Nguyễn Duy Hình, Văn Bìa (chuyên viết phóng sự, điều tra), Việt Nhân, Tam Đức, Tam Mộc (tức Mai Lan Quế, chủ nhiệm nhật báo Buổi Sáng và tuần báo Thế Giới, thân phụ của họa sĩ Mai Lan Phương, tốt nghiệp ở Pháp, sau có thời về làm giám đốc trường trang trí Mỹ Thuật Gia Định), anh Ngô Công Minh (chủ nhiệm báo Lễ Sống, lúc ấy còn ra hằng tuần). Tôi cũng được làm quen với các vị chủ báo thời ấy như các ông: Nam Đình, Trần Tấn Quốc, bà Bút Trà v.v.. Về phía các văn nghệ sĩ, tôi làm quen với các anh Thẩm Thế Hà, Lý Văn Sâm (hồi chưa ra tập kết ngoài Bắc, vẫn thường ở một ngôi nhà trước nhà thương Thuốc Chó - tức bệnh viện Pasteur-), với những nhà thơ như: Quách Thoại Trụ Vũ, Vũ Anh Khanh, Từ Trầm Lệ v.v.. Người ta nói: làng báo miền Nam không có cửa ngõ. Có lẽ chính vì vậy mà tôi đã gia nhập làng này hồi nào cũng không hay. Tôi chỉ còn nhớ khi được giới thiệu đến nhận việc phóng viên thời sự cho nhật báo Việt Thanh của cựu Thủ tướng Nguyễn Phan Long, do ký giả Văn Hoàn làm chủ bút, một nhà báo già cốp, ốm tong teo, nghiện thuốc phiện đến lỗ đít ra, da thâm sì tưởng chừng như bầm ra được cả sai thuốc phiện. Trong khi đó Tổng thư ký là anh Tam Đức, người nhỏ thó, mắt hơi lé mại, cũng nghiện thuốc phiện và nghiện rượu một cây, nhưng cất tin và xào nấu tin tức thì nhanh như cắt. Trong tòa soạn ấy còn có anh Hoàng Phố, chuyên lấy tin tòa án, như anh Trần Hương Nhựt. Anh Hoàng Phố gầy ốm, đã lớn tuổi nhưng nét

mặt lúc nào cũng tươi cười, để lộ chiếc răng vàng kín đáo trong khoe miệng. Anh còn có một đặc điểm mà trong báo miền Nam thời bấy giờ ai cũng chú ý là lúc nào cũng diện bộ com-lê, thắt cà vạt chững chạc, dù cho trời nắng đến đổ lửa cũng vậy! Tôi còn thường gặp anh Hư Chu, một nhà văn có nho học, dáng người gầy ốm, cao lêu nghêu, nhưng tóc lại hớt cua, đeo kính trắng. Lúc ấy, anh phụ trách trang văn nghệ mỗi tuần ra 1 lần. Về sau anh cũng đi dạy học tư với tôi. Trong khi tôi dạy văn thì anh dạy Sử.. Trong thời gian này, tôi đã có dịp quen biết anh Nguyễn Ang Ca. Bởi không làm việc cùng 1 tòa soạn, và không cùng một ngành, vì anh Ca chuyên viết phóng sự thể thao và sân khấu kịch trường, là những bộ môn tôi không ưa thích, nên ít khi tôi gặp anh, ngoại trừ những phiên họp của Nghiệp đoàn ký giả hay những nơi công cộng khác. Tôi chỉ thực sự: thân anh" khi anh có ý định viết một quyển sách về Trần Văn Ôn và cuộc đấu tranh của học sinh Pétrus Ký vào đầu năm 1951, mà tôi là một chứng nhân duy nhất còn sống sót, với đầy đủ tất cả hình ảnh từ đầu đến cuối, từ cái chết của Trần Văn Ôn dưới chân tôi, trong ngôi nhà sau gốc cây da, trước dinh Thủ tướng Hữu, đến các vụ đâm chết một Thiếu tá Pháp trước Tòa Đô Chánh, và những vụ đốt phá chợ Sài Gòn v.v... (Sau ngày 30.4. 1975, khi Cộng quân đã chiếm Sài Gòn, tờ báo "Sài Gòn Giải Phóng" số ra mắt đầu tiên đã đem hình cũ của tôi trong cuộc đấu tranh ấy đăng nơi trang nhất. Anh Ca đã kể cho tôi nghe chuyện này, khi anh vừa tới Bỉ tỵ nạn). Lúc ấy anh chị Ca còn ở chung nhà với cha mẹ, trong một con hẻm, ăn ra đường Cổng Quỳnh, mà bên lề đối diện có trường dạy Anh Văn Ngô Cẩm Chương còn dạy luôn cả đánh máy và tốc ký. Khu hẻm này còn có nhà bà quả phụ Phan Văn Hùm, mẹ của Phan Tùng Mai nữa !

Vài năm sau, tôi nghỉ làm báo, đổi sang nghề dạy học, nhưng vẫn duy trì tốt mọi liên hệ sâu xa với anh em viết văn viết báo ở Sài Gòn., vì tôi vẫn còn thường xuyên viết bài và vẽ tranh hí họa cho các báo. Sau giờ dạy học, mỗi ngày tôi vẫn đến tòa soạn các báo chơi, đấu láo với các thân hữu, đồng nghiệp cũ, trong đó có anh Nguyễn Ang Ca. Tôi thấy tất cả ký giả thể thao thời bấy giờ như các anh: Huyền Vũ, Thanh Đạm, Phan Như Mỹ, Nguyễn Ang Ca đều là những người khả ái, tốt bụng với bạn bè. Duy có Tô Yên Châu là ồn ào và hay gây gổ kiêu du côn nhưng tôi với Tô Yên Châu vẫn thuận hòa, suốt cuộc đời làm báo chưa một lần to tiếng với nhau.

Tiếp theo là thời kỳ di cư. Làng văn, làng báo miền Nam rộ hẳn lên, có phần khởi sắc hơn, nhưng sự cạnh tranh cũng vì thế mà quyết liệt hơn. Trong khi tôi vẫn tiếp tục "đi hai hàng: một chân trong làng báo, một chân trong giáo giới. Tôi cho rằng đi bằng 2 chân đều nhau như thể đứng vững vàng hơn. Trong thời gian này tôi thường viết cho các tạp, chí: Đời Mới, Bách Khoa, Phổ Thông, Nhân Loại v.v..

Đến cuối năm 1963, sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị sụp đổ, chánh phủ quân nhân đóng cửa một số báo của chế độ cũ và cho ra một số báo mới, mà chủ báo đa số đều là những ký giả nhà nghề như anh Nguyễn Ang Ca và tôi. Từ đây, sự gắn bó giữa tôi và anh Ca càng chặt

chẽ hơn, bởi vì cùng phải sinh hoạt trong - một guồng máy nghề nghiệp, cùng chia xẻ với nhau những quyền lợi vật chất, lẫn tinh thần, kể cả những sự thiệt hại, những thương tổn do nghề nghiệp gây nên, hoặc do những biến chuyển chánh trị trong nước tạo ra. Trong số các chủ báo thời bấy giờ, tôi là người trẻ tuổi nhất, mới 30 tuổi đầu. Người trẻ tuổi kế tôi có lẽ là anh Ca, lúc ấy chưa đầy 40 tuổi. Còn lại những vị khác như các ông: Nam Định, Trần Tấn Quốc, Tam Mộc, Hồ Văn Đồng, Phạm Việt Tuyên, Đặng Văn Sung, bà Bút Trà... đều là những - người đã trên dưới 50 tuổi cả rồi!

Mặc dù giới chủ báo ở miền Nam lúc ấy chẳng có bao nhiêu, nhưng do vị trí quan trọng và phức tạp của nghề nghiệp, chúng tôi vẫn phải thành lập nên "Hội Chủ Báo" là một tổ chức tranh đấu cho quyền lợi của giới chủ báo trước chánh quyền, đối với các lực lượng nghề nghiệp khác, đồng thời nhằm mục đích bảo đảm tối đa quyền tự do ngôn luận trong quần chúng. Bất kỳ một nhiệm kỳ nào, tôi và anh Ca cũng đều có chân trong Ban chấp hành của Hội Chủ Báo. Các bậc huynh trưởng, một là vì tuổi đời đã làm cho mệt mỏi, hai là vì đã từng trải kinh nghiệm nghề nghiệp qua các trào chánh phủ độc tài trước, nên các vị lão thành ấy thường dè dặt trong công cuộc đứng ra gánh trách nhiệm tranh đấu, bảo vệ quyền lợi chung cho nghề nghiệp, mà Ban chấp hành Hội Chủ Báo, theo điều lệ, phải đảm nhiệm. Các bậc đàn anh cứ lấy cố già yếu, mệt mỏi đùn việc "nguy hiểm", thường bị chánh quyền ghi sổ đen và đóng cửa báo như chơi, cho mấy thằng đàn em, còn hăng tiết vệt, mà lại thêm điếc không biết sợ sủng! Báo tôi đã bị đóng cửa nhiều lần rất phí lý và cực kỳ cay nghiệt, đến nỗi làm cho tôi phải bị phá sản nhiều phen. Nhưng một khi đã dây vào nghề làm báo rồi thì chẳng khác nào đã gian díu với Á Phù Dung, không dễ dàng đoạn tuyệt được.

Trong thời gian này, tôi và anh Ca đã cùng nhau chu du nhiều nơi ở ngoại quốc nhất. Đi du ngoạn tự túc cũng có. Nhưng thường là được chánh phủ ngoại quốc, hoặc các đoàn thể hay tổ chức nghề nghiệp ở ngoại quốc mời tham quan. Chúng tôi đã cùng nhau đến Nhật Bản, Đại Hàn, Hồng Kông, Thái Lan và Pháp quốc. Nơi nào cũng ghi đậm những kỷ niệm vui thú khó quên. Về sau này khi anh vượt biên sang được Bỉ quốc, thỉnh thoảng chúng tôi gặp nhau, vẫn thường ôn lại những khúc phim dĩ vãng ấy, để nhớ lại thời xa xưa...

### **Lần Gặp Gỡ Cuối Cùng!**

Khoảng gần cuối Hè năm 1990, tôi được anh Ca cho biết "Hội Cao niên và Trung niên ở Bỉ quốc" dự định tổ chức một chuyến du ngoạn trong vòng một tuần lễ, cho khoảng trên 70 hội viên, gồm đủ nam nữ, qua các nước: Đức, Đan Mạch, Thụy Điển và Na Uy. Chương trình rất hạn hẹp, mỗi nơi chỉ ở lại 1 đêm và ăn uống một bữa thôi. Tôi đề anh kéo dài thời gian thêm, để tôi còn đưa đi thường ngoạn vài nơi danh lam thắng cảnh của thủ đô Cô-ben-hao chứ. Về phần cư ngụ thì khỏi lo! Cha con tôi có một võ đường Thái cực đạo, nằm gần trung tâm .thủ đô, có đủ phòng tắm, phòng vệ sinh, một cái bếp nhỏ, sạch sẽ và rộng rãi, có thể chứa được cả trăm người như

không. Nhưng anh vẫn nhất định cho rằng chương trình không sửa đổi được!

Đoàn người du hành từ Bỉ quốc vào đến vùng thủ đô Cô-ben-hao khoảng 3 giờ chiều, bằng một chiếc xe buýt khổng lồ, cao lênh nghênh. Chúng tôi lái xe ra đón tại điểm hẹn. Để tranh thủ thời gian, cho bà con Vương quốc Bỉ có cơ hội "cởi ngựa xem hoa" một vài nơi danh lam thắng cảnh, tôi lái xe nhỏ chạy trước dẫn đường, còn bà xã tôi thì leo lên xe buýt đóng vai "hướng dẫn viên" bắt đầu đi. Tôi đưa đoàn du ngoạn đi ngoặt qua hoàng cung vương quốc Đan Mạch, hoa viên, rồi thẳng đường ra bờ "langelinc" để chiêm ngưỡng bức tượng thần "nữ nhân ngư", đặt ngay cửa thủy lộ đưa lên vùng Bắc hải đạo.

Hôm ấy chỉ vắng mặt có một mình chị Nguyễn Ang Ca. Anh Ca cho biết chị phải ở nhà giữ cháu cho con!

Sau khi đã lo vấn đề bao tử xong, tôi đưa bà con về trường dạy võ để nghỉ ngơi. Riêng anh Ca, tôi giữ lại nhà tôi, dành một phòng riêng, để cho anh được thêm phần yên tĩnh, vì trông anh đỡ bơ phờ, hốc hác lắm rồi. Từ lâu tôi đã biết anh, tuy to xác nhưng lại nhiều bệnh hoạn. Anh kể ra nào là suyễn, máu cao, đau tim... Mỗi khi đi đâu xa, tôi thường thấy anh chuẩn bị cả đồng thuốc men đủ loại rất là linh kinh. Khi ngồi vào bàn ăn, việc trước tiên của anh là đổ ra một nắm thuốc, kiểm điểm đủ mặt, đủ loại, xong rồi mới rót nước uống thuốc. Tôi thầm nghĩ chừng đó thuốc vào bao tử cũng đủ làm cho anh... đỡ đói rồi, cần gì phải ăn thêm nữa!

Sáng hôm sau, vợ chồng tôi thức sớm, lo bữa ăn sáng cho anh xong rồi tôi lái xe đưa anh xuống

trường để anh nhập đoàn du ngoạn, tiếp tục lên đường qua Na Uy, Thụy Điển...

Trước giờ khởi hành, tôi lên xe buýt trao cho anh Ca 2 bài viết của tôi, để dọc đường anh đọc lên cho bà con nghe giải trí. Một bài kể chuyện lai lịch bức tượng "nữ nhân ngư" đã mô phỏng theo cốt truyện lừng danh, bắt hủ của văn hào H.C Andersen, người Đan Mạch. Một chuyện khác kể về ông hoàng phối ngẫu Henri de Montpéziart, hiện là chồng của đương kim Nữ hoàng Đan quốc, đã từng sống sót thời thơ ấu ở Việt Nam, và đã có rất nhiều kỷ niệm với nhân dân Việt Nam. Chẳng hiểu sao, khi chúng tôi trao đổi nhau lời từ giả, bỗng nhiên cả hai chúng tôi đều ôm nhau khóc òa, khóc mùi mẫn như hai đứa trẻ con. Chúng tôi kể lại tình bạn với nhau qua 36 năm trời, từ ngày còn là những thanh niên mới bước vào đời, Bây giờ tuổi đã già, lại lưu lạc nơi đất khách quê người, biết bao giờ mới trở về được quê xưa, sống lại những ngày nên thơ thuở trước, hay mỗi người phải gởi nắm xương tàn nơi đất khách? Chúng tôi vừa khóc vừa kể lể, khiến nhiều bạn nam nữ trong chuyến du ngoạn ấy cũng phải mùi lòng khóc theo. Cuộc du ngoạn ấy thì vui, nhưng sao mà buổi chia tay lại đau khổ và nhiều nước mắt đến thế? Về nhà, hôm ấy, tôi thầm nghĩ hay đây là một điềm bất thường, báo trước buổi chia tay này là ngày vĩnh biệt giữa tình bạn của chúng tôi? Ai sẽ lên bàn thờ ngồi trước?

Thời gian trôi qua, tôi và anh Ca không gặp nhau nữa, nhưng vẫn liên lạc thơ từ và điện thoại cho nhau thường xuyên. Trong thời gian này, anh cứ viết thơ lãng mạn, thúc hối tôi viết cho anh về cách thức làm sơn mài, và hỏi tôi đã học làm sơn mài với ai? Thậm chí anh còn bắt tôi phải viết gấp cho anh ngay một bài nói về tình bạn giữa tôi và anh, cùng với những cảm nghĩ chân thực nhất của tôi đối với anh. Anh hỏi thúc bằng thơ chưa đủ. Anh còn sốt ruột gọi điện thoại ban đêm cho tôi để nhắc nhở vấn đề này. Bắt đầu từ đây, tôi cảm thấy khó chịu trong người, hình như một triệu chứng gì bất thường đang manh nha và sắp sửa xảy ra giữa tôi và anh. Bởi thế tôi cảm thấy không chút gì hứng thú để viết những bài mà anh đề nghị. Tôi cứ tìm mọi cơ khát lần. Càng khát, anh càng thúc hối gấp thêm. Thậm chí cho đến một ngày anh gọi điện thoại từ nhà thương qua cho tôi để hỏi bài. Tim tôi chột nhối lên. Tôi vội vàng gạt bỏ mọi công việc, viết ngay và gửi gấp sang cho anh bài nói về cảm tưởng của tôi đối với anh. Còn bài viết về cách làm tranh sơn mài, tôi viết vài ngày sau đó. Khi vừa hoàn tất, tôi được tin anh đã qua đời. Tối hôm đó cháu Thu, con trai anh từ Bỉ gọi sang cho tôi, nghẹn ngào nói qua hơi thở và nước mắt: "Bác ơi, Ba cháu đã

chết rồi... " Tôi sững sốt, đến điếng cả người, vò nát bản thảo "cách làm sơn mài" định gửi cho anh.

Về sau bài này tôi đã gửi trên Viên Giác. Còn bài nói về cảm tưởng của tôi đối với anh, chắc anh đã đọc được trước khi nhắm mắt lia đời, và chắc chắn sẽ mỉm cười vĩnh viễn, vì biết rằng thằng bạn này lúc nào cũng thương mến anh như một người ruột thịt!

### **Một Phản ứng Bất Ngờ !**

Chuyện anh Nguyễn Ang Ca qua đời tưởng đến đây là hết, nhưng không ngờ nó lại còn một cái đuôi dài lê thê, nhưng rất kỳ cục, cũng xin kể hầu bạn đọc luôn; đồng thời mong rằng, dưới tuổi vàng khi đọc chuyện này anh cũng không khỏi mỉm cười.

### **Chuyện ấy đầu đuôi như sau:**

- Vì một ngẫu nhiên trong cuộc sống thích giao du, tôi được quen biết một thanh niên ở Na Uy. Anh này cũng tập tành viết lách lãng mạn, nghĩa là có máu văn nghệ chút đỉnh. Sự quen biết thông thường ấy của buổi ban đầu đã theo thời gian mà tăng trưởng, khiến anh có thể mời tôi đến nhà chơi, và ngược lại anh đến nhà tôi ăn ở mà không ngại ngần gì. Mặc dù chúng tôi vẫn ở cách xa nhau khá nhiều đường đất. Đến một mùa Hè năm nọ, cũng gần đây thôi, bỗng chú ta gọi điện thoại hỏi vợ chồng tôi có đi nghỉ Hè ở Paris không, cho chú ta theo với Chú ấy chỉ "quá giang" xe thôi. Đến Paris, chú có nhà người quen để trọ. Vợ chồng tôi vui vẻ nhận lời ngay, vì nghỉ đi xa có thêm bạn đường để đầu lảo cũng vui thôi. Tôi không ngờ sự đồng ý, có tính cách hẹn hò này đã kéo theo một chuỗi dài những phiền toái ngay sau đó. Trước hết, chú ta báo cho tôi biết chưa có quốc tịch Na Uy, nên cần phải có "chiếu khán thông hành" trên Rejsedokument (loại sổ thông hành cho những người tị nạn VN ở các nước Bắc Âu) thì mới vào đất Pháp được. Trong khi đó, chú

ấy không quen biết ai ở Paris Đây là lần đầu tiên chú ta muốn đến viếng thăm kinh đô Ánh Sáng cho biết. Chú ngó lơ nhờ tôi lo liệu giúp, để chú được thỏa mãn một phen. Tôi liên lạc với bạn bè cũ ở Paris, hỏi thủ tục, làm giấy mời họp hội hè, kèm theo cả "Certificat d'Hebergement" có thị thực sẵn của chánh quyền địa phương Pháp, gửi thẳng sang cho chú ta, để nộp cho tòa đại sứ Pháp tại Na Uy mà xin chiếu khán hợp lệ. Năm ấy, vợ chồng tôi dự tính nghỉ Hè 3 tuần lễ, và trên đường xuống Paris sẽ ghé qua thăm anh chị Nguyễn Ang Ca và anh chị Vũ Ký, ở Bỉ vài hôm. Tôi đã viết thư thông báo cho anh chị Ca biết trước ngày vợ chồng tôi đến Bruxelles, đồng thời cũng nói rõ về "cái rờ mọt" bắt đắc đi này. Anh chị Ca vui vẻ chấp nhận ngay, không một chút do dự nào. Nhưng đến ngày sắp khởi hành, tôi được điện thoại từ Na Uy cho biết, giấy tờ chiếu khán của chú ta chưa xong. Chú ấy xin vợ chồng tôi nán lại cho chú ta thêm một tuần lễ nữa. Đồng thời, chú ta cho biết sẽ đem theo một thằng con trai nữa, khoảng 10 tuổi, để làm vui cho chú ta trong chuyến đi này. Vợ chồng tôi bảo nhau đã lỡ làm đẹp rồi thì chấp nhận luôn cho đẹp đẽ mọi bề! Chúng tôi đành cắt ngắn chương trình du lịch 1 tuần lễ, ở lại nhà, để chờ đón cha con chú ta đến.

Hôm ấy, chúng tôi đến thành phố Bruxelles vào khoảng 5 giờ chiều. Tôi lái xe. Tuy trước kia vợ chồng tôi đã có đến thăm anh chị Ca rồi, nhưng vẫn không thể nào tìm được lối đến nhà. Tôi điện thoại cho anh Ca, nhưng mấy cháu trai đều đi vắng, không ai ra đón được. Cuối cùng tôi phải thuê 1 chiếc Taxi nói tên đường cho Taxi chạy trước, tôi lái xe theo sau.

Vào đến nhà, sau khi đã chào hỏi và giới thiệu nhau xong, anh Ca vui vẻ đưa khách lên lầu, chỉ phòng ngủ cho mọi người. Vợ chồng tôi ngủ riêng một phòng. Hai cha con chú em Na Uy kia một phòng, nhưng chỉ có một giường rộng thôi. Sau khi đã tắm rửa và nghỉ ngơi giây lát, anh chị Ca mời khách xuống nhà dùng cơm. Đến bây giờ tôi mới chợt nhận ra vẻ mặt khó chịu và thái độ hầm hầm kỳ cục của chú em vẫn nghệ mà tôi đã đem theo. Tôi thắc mắc, hỏi nhỏ bà xã. Bà xã tôi cho biết đã để ý thấy thái độ đó của chú ta từ lúc mới đặt chân vào nhà. Tôi thúc dục mấy lần xuống ăn cơm, theo lời mời của anh chị Ca, nhưng, mặt chú ta vẫn sừng sĩa lên, và vẫn làm lì không đáp. Không bữa ăn có vẻ nặng nề, khác hẳn những bữa ăn chỉ có vợ chồng tôi và anh chị Ca thôi. Vừa ăn xong, anh Ca tề nhị kéo tôi ra một góc nhà nói nhỏ:

-Nè, anh Nhâm ơi, anh bạn của anh nói với muốn ra kiểm phòng ngủ riêng. Anh nghĩ sao?

Đầu tôi tự nhiên choáng váng. Đáng lẽ tôi nên mượn cơ ấy, vui vẻ chở ngay cha con chú ta đi cho rồi. Nhưng tôi lại không khôn ngoan như thế. Tôi lên lầu kiểm chú ta ôn tồn, nhỏ nhẹ nói:

- Sao chú lại làm như thế? Chú không sợ anh chị Ca nghĩ rằng giữa vợ chồng tôi với chú có điều gì xích mích dọc đường chăng? Tôi để dành chú ta ở lại cho vui. Sáng hôm sau, chị Hai là chị ruột của chị Ca, gọi điện thoại từ Hòa Lan mời vợ chồng tôi qua chơi với chị và các cháu cho vui. Anh Ca đã sốt sắng nhận lời đưa đi. Còn chị Ca

thì kiêu từ, vì bận công việc không tháp tùng được. Câu chuyện đã thu xếp xong, chỉ còn chờ ăn điểm tâm rồi đi, thỉnh linh chú em ở Na Uy lại sừng sĩa, vùng vằng đòi đưa chú ta ra ga xe lửa, để cha con chú đi Paris một mình. Tôi với anh Ca thực là bối rối khó chịu. Đầu tiên tôi nhận thấy vẻ khó chịu thoáng hiện trên khuôn mặt hiền từ, dễ thương của anh. Tôi cũng không hiểu tại sao đến lúc này, hai anh em tôi đều còn ngu đần, cố tiếp tục năn nỉ chú em Na Uy đi cùng mà không chịu ném quách cái "của nợ" Ấy ra ga Xe lửa cho rồi?!

Đến nhà chị Hai và vợ chồng cháu Thắng ở Hòa Lan lại xảy ra thêm những chuyện bực mình nữa. Chị Hai có đưa cháu nội gái, khoảng chừng một tuổi, còn phải bế ẵm trên tay. Đang lúc cháu nhỏ ngu, thằng con trai của chú em ở Na Uy đang chạy nhảy, bỗng quát thét om sòm với bố, khiến cháu thức giấc. Chị Hai tỏ vẻ không vui. Chú em Na Uy nói với tôi và anh Ca như để phân trần:

- Thằng này, nó là cháu đích tôn của mẹ tôi Mẹ tôi còn ở Việt Nam. Bà đã nhờ người viết thư

sang nói: không được rầy la nó. Rầy la nó là mang tội bất hiếu với bà.

Anh Ca và vợ chồng tôi cùng chị Hai hết sức ngạc nhiên, chỉ còn biết đưa mắt nhìn nhau, mà yên lặng cho rồi.

Khi cháu Thắng, con trai của chị Hai, đưa anh Ca và vợ chồng tôi đi thăm con đê ngăn nước biển, chụp hình lưu niệm, rồi đi xem thành phố Amsterdam về đêm, cha con chú em Na Uy này cứ làm lì đi theo, giữ một khoảng cách chia rẽ khá xa, và cật răn cùng chẳng nói một lời. Thậm chí,

chúng tôi mời ăn mời uống cũng chỉ lác đầu.

Ngày hôm sau, chúng tôi từ giả Hòa Lan trở về Bruxelles. Cuộc du ngoạn đáng lẽ vui thú biết bao, nhưng trong lòng chúng tôi ai cũng cảm thấy bực bội vô cùng. Sau khi đã lại nhà anh chị Ca một đêm nữa, vừa mở mắt ra, xuống bếp, tôi đã nghe anh Ca thì thào cho biết: "Ông bạn vàng Na Uy" lại đòi đưa ra ga, để cha con anh ta đi Paris trước. Lần này, tôi không nhẫn nhục được nữa. Tôi liền kêu chú ấy đến nói thẳng:

- Nghe nói, bây giờ chú muốn ra ga để lấy xe lửa đi Paris trước phải không?

Chú ta cúi gầm mặt xuống, ấp úng:

- Dạ, em không dám phiền anh. Em nhờ cháu, con anh Ca đưa đi cũng được.

Tôi nói gằn giọng, dứt khoát:

- Tôi đã đưa chú đến đây, tức tôi có trách nhiệm đưa chú ra ga. Không phiền gì cả! Chú nhờ thằng cháu Thu đưa đi mới là phiền cho người ta đó. Biết không? Có điều gì bất như ý, tại

sao chú không nói với tôi, mà lại giờ trò thế này làm mất mặt vợ chồng tôi và làm buồn lòng anh chị Ca ?

Chú ta làm thinh không trả lời. Mà tôi cũng chẳng buồn nghe lời nào nữa cho bản lĩnh tai. Tôi kêu chú ta thu xếp hành lý xuống Xe để tôi chờ ra ga ngay lập tức. Câu



chuyện dĩ nhiên còn nhiều chi tiết rất kỳ quái, ngay cả khi chúng tôi tới Paris, nhưng tôi cắt ngang nơi đây, để kể những sự việc chỉ có liên quan đến anh Ca mà thôi.

Sau chuyến nghỉ hè "nực nội" ấy ở Paris, vợ chồng tôi về nhà và tiếp tục đi làm như thường lệ. Tôi rửa hình kỷ niệm cuộc du ngoạn, trong đó có nhiều tấm chụp cả cha con chú em văn nghệ Na Uy. Tôi giận nên cắt vào một xó, không gửi cho chú ta với ý định đoạn giao luôn cho rồi. Nhưng bất đồ vài tháng sau, bà xã tôi mở ngăn kéo ra trông thấy hình, liền hỏi tôi sao không gửi đi cho người ta. Tôi nói rõ ý định của tôi. Bà xã tôi ôn tồn nói:

- Minh người lớn, nên cư xử theo người lớn. Hình của cha con chú ấy, mình đã chụp cho họ, thì cứ gửi cho họ làm kỷ niệm. Cắt đây làm gì? Còn việc, không muốn giao thiệp với chú ấy nữa thì mình vẫn chủ động cơ mà. Ai bắt mình phải giao thiệp được?

Tôi nghe vợ nói có lý. Nhưng thâm tâm tôi linh cảm, nếu gửi hình cho, người ta sẽ nghĩ mình

không giận hờn gì, hoặc đã hết giận rồi và bây giờ muốn mon men làm quen lại.. Tiếp theo sau sẽ là thơ từ qua lại, rồi lại giấy đưa nữa v.v..

Tuy nghĩ thế, nhưng tôi vẫn nghe lời vợ, nghĩa là muốn cư xử theo... "người lớn", chứ không theo kiểu con nít hay thù vật!

Quả đúng như dự đoán của tôi, sau khi nhận được hình rồi, chú em văn nghệ Na Uy lại tiếp tục

thơ từ thăm hỏi vợ chồng tôi, có vẻ còn mặn mòi, tha thiết hơn xưa. Đến Giáng Sinh tôi nhận được thiệp mừng rất sớm, có kèm theo cả quà và tiền. Tuy thế, tôi vẫn cảm thấy vui vui, thêm bạn bớt thù. Vợ tôi nói hay đấy chứ!

Thế rồi thời gian lặng lẽ trôi đi, qua nhiều năm tháng, êm đềm như không có gì xảy ra giữa chúng tôi cả. Một hôm, anh Ca điện thoại cho tôi hỏi xin địa chỉ và số phòng của "chú em Na Uy". Tôi ngạc nhiên hỏi lý do. Anh Ca cho biết vắng tất là để viết thư cho chú em đó, giải thích về 1 bài báo nào đó mà chú em ấy đã đăng trên một tờ báo ở Âu Châu, tố cáo anh Ca là Cộng Sản nằm vùng. Tôi chưng hửng! Nhưng không mấy quan tâm, vì cái trò vu cáo nhau là "việt cộng" bây giờ đã lan tràn khắp nơi rồi. Ngay chính bản thân tôi ở cái đất Đan Mạch nhỏ bé này, ai mà không biết, tôi chỉ cần nổ một phát "trung tiện" là cả nước đã biết ngay, thế mà vẫn có người dám vu cáo tôi là Cộng Sản, làm tay sai cho chánh quyền Đan Mạch v.v..

Mấy năm sau này, vì công việc dồn dập, nhất là anh Ca đã ra người thiên cổ rồi, tôi không còn

gì để nhớ lại những chuyện lật vạt cũ. Bỗng một mùa hè gần đây, "chú em Na Uy" lại đề nghị vợ chồng tôi cho anh ta đưa cả gia đình, gồm vợ chồng và 2 con (một trai, một gái) cộng thêm đứa cháu gái gọi bằng chú, tất cả 5 người, qua Đan Mạch nghỉ hè ở nhà tôi, trong, vòng 2 tuần lễ. Vợ chồng tôi vẫn vui vẻ nhận lời ngay. Khi gia đình chú em ấy đến, tôi đã lái Xe ra phi trường đón về nhà. Những kết nối, Hè năm nào cũng vậy, nhà tôi luôn luôn đầy khách khứa. Có những vị khách, ở Âu Châu,

đến bất ngờ vào nửa đêm, có khi gần sáng, vì đi lộn đường. Có người đến nơi rồi, ngủ ngoài bãi đậu xe, chờ đến sáng mới vào nhà, khiến vợ chồng tôi vô cùng ái ngại. Lần này, khi gia đình chú em Na Uy tới, "thì đúng lúc nhà tôi đang có mấy anh em thanh niên từ bên Đức qua chơi và đang tổ chức nướng thịt ăn nhậu vui say ngoài vườn. Vợ chồng tôi và các bạn trẻ bên Đức mời vợ chồng chú em tiện dịp tham gia luôn cho vui, nhưng chú em Na Uy đã xiụ mặt xuống rồi. Khi tôi tạm thu xếp đưa vợ chồng, con cái, cháu chắt của chú vào một phòng ngủ riêng cho gọn, thì chú đã lộ vẻ không bằng lòng, nhưng bề ngoài

còn cố gắng ra vẻ tươi cười xã giao. Tôi đã thấy rõ. Tôi và mấy anh em thanh niên phải nói trước là anh em, chỉ còn ở lại đây một hôm nữa rồi đi thôi, nhưng chú vẫn không dè nén nổi sự bất mãn ra mặt.

Ngay tối hôm ấy, chẳng hiểu nghĩ sao, chú em Na Uy lại đem chuyện anh Nguyễn Ang Ca ra khoe với tôi, trước sự hiện diện đông đủ mọi người. Chú ta kể đã đọc bài anh Ca viết khóc thương và kể lể mối giao tình thắm thiết với một tên cán bộ Cộng sản gốc miền Nam là Ca Văn Thịnh. Chú ta còn đem chứng cho tôi coi danh sách mặt trận giải phóng miền Nam có tên Ca Văn Thịnh. Với lời lẽ chống Cộng hung hăng bằng mồm của nhưng kẻ chưa từng biết Cộng Sản là gì của chú ta đã làm cho tôi bực mình và nhiều anh em hiện diện - có người cũng đã quen biết anh Ca từ lâu - rất khó chịu, đên nhăn mặt. Nhưng chú ta vẫn không quan tâm đến những chi tiết quan trọng ấy, cứ thao thao bất tuyệt, lớn tiếng quả quyết anh Ca là 1 cán bộ Cộng Sản nằm vùng đang lãnh nhiệm vụ tuyên truyền đề cao Cộng Sản trên báo chí hải ngoại. Nói xong chú em Na Uy hí hửng móc trong cặp ra 1 bài do chú ta viết tố cáo Nguyễn Ang Ca là một cán bộ CS nằm vùng đưa cho tôi xem. Tôi không buồn đọc, chuyền qua tay người bạn trẻ kể bên và hỏi gạn chú em:

- Nè, chú có biết tôi với anh Ca là bạn thân, đã chơi với nhau ngót 40 năm nay rồi không?

Chú ta ngần ngừ rồi đáp:

- Có, em biết chứ, nhưng đâu có ăn thua gì đến anh ?

- Có! Ăn thua lắm chứ?! Chú có biết chú chơi cái trò này, nếu mối giao tình giữa tôi và anh Ca không đủ thân, không hiểu nhau cận kề, thì chúng tôi đã nghi ngờ lẫn nhau và có thể hóa ra kẻ thù của nhau rồi không? Chú phải biết rằng: tôi là người đưa chú đến nhà anh Ca, giới thiệu chú với gia đình anh Ca. Anh chị Ca đã tiếp đãi chú thân mật như đối với tôi. Không khác biệt! Vậy tại sao ngay ngày đầu tiên chú đã làm xấu mặt tôi, làm cho anh Ca khó chịu nhất định đòi ra đi trước..

Vợ tôi ngồi đó, gạt ngang câu chuyện:

- Thôi chuyện cũ bỏ đi, nhắc lại làm gì !

Vợ chú em Na Uy ngồi kể bên chồng, bắt ngờ nghe câu chuyện cũng lộ vẻ ngạc nhiên, nhìn chồng. Mọi người đều chăm chú nhìn về phía chú em Na Uy. Tôi thông thả nói tiếp:

- Trước hết, tôi dám khẳng định với Chú: 100% anh Ca không phải là người Cộng Sản. Hồi còn trẻ, hoàn

cảnh tôi cũng như anh Ca, ở trong Nam, chúng tôi đã có rất nhiều bạn bè thân thiết, đủ mọi lứa tuổi, theo đuổi lý tưởng chống thực dân giành độc lập cho xứ sở. Ai cũng yêu mến những người kháng chiến! Về sau, có người qua phía quốc gia, có người còn ở lại, theo mặt trận giải phóng miền Nam. Tuy nhiên, chúng tôi đối với những anh em còn trong chiến khu hay đã về thành đều một lòng thương mến như xưa. Tôi dám nói thẳng cho chú biết: những anh em trong giới văn nghệ, báo chí cũ ở Sài Gòn, có người vẫn còn lên lút hoạt động cho phía bên kia, như: Vũ Hạnh, Sơn Nam, Ngọc Linh, Kiên Giang Hà Huy Hà, Nguyễn Bảo Hóa, Văn Mại, Trần Quân (tay tổ gián điệp của CS) v.v.. đều là những bạn cũ của chúng tôi từ nhiều thập niên qua. Chúng tôi biết, nhưng chúng tôi không làm điều "lừa thầy, phản bạn" bao giờ. Thậm chí trong tòa soạn tôi lúc nào cũng có những người bạn ấy công tác. Tôi sẵn sàng curu mang họ, giúp đỡ cả vợ con họ khi túng thiếu. Người quốc gia chúng ta quân tử, rộng lượng và bao dung ở chỗ đó. Chúng ta là "người, hết sức người" cũng ở chỗ đó.

- Nhưng, nếu ngày 20.4.75 vừa qua anh kẹt lại, chắc họ sẽ bắt nhốt anh, chứ không tha? Chú em Na Uy cất vấn lại tôi.

- Đúng vậy! Điều đó chính anh Ca đã bảo cho tôi biết, khi anh còn trốn lánh ở nhà, chưa vượt biên được... Nhưng ta đừng quan tâm tới khía cạnh đó. Ta cứ hành động đúng với lương tâm mình là đủ!

Chú em Na Uy vẫn còn cố cãi :

- Như vậy là các anh đã bao che cho Cộng Sản nằm vùng để đến nổi mất nước.

- Chú khoan hãy kết tội làm mất nước về ai Trước hết, tại miền Nam có tình báo, cảnh sát, an ninh quân đội. Ngoài ra còn có tình báo Mỹ nữa. Trách nhiệm nằm trong những cơ quan ấy. Tại sao họ không bắt? Đó là việc của họ. Một Huỳnh Văn Trọng, Vũ Ngọc Nha, một Phạm Xuân An kia thì sao? Ấy là chưa kể trong hàng ngũ nhân viên cao cấp của chánh phủ trung ương, những người có liên hệ thân thuộc với CS thiếu gì. Tôi kể thí dụ như trường hợp bà Nguyễn Thị Bình (đại diện của mặt trận giải phóng miền Nam tại Hòa hội Paris, từ năm 1968 đến năm 1972) là ai, chú biết không? Bà ta tên thật là Nguyễn Thị Châu Sa, con gái của ông cán sự công chánh thời Tây Nguyễn Văn Hảo, người Bắc đổng vô Nam làm việc ở Bến Tre, sanh bà Bình (tên thật Châu Sa) ở đó. Lớn lên bà Bình đã kết duyên với ông Đinh Khang (cùng ngạch cán sự công chánh của Tây) anh ruột của các ông Đinh Phụng, Đinh Các, Đinh Trinh Chính (cựu Tổng trưởng Thông Tin và Chiêu Hồi, cựu Đại sứ VNCH tại Thái Lan, dưới chánh phủ Thiệu, Kỳ) và Đinh Hiến. Ông Đinh Khang theo CS và đã từng làm đại biểu của

Bắc Việt ở Nga Sô. Còn bà Nguyễn Thị Bình là chị dâu của các ông: Đinh Phụng, Đinh Các, Đinh Trinh Chính, Đinh Hiến... Nếu những ai trong thời gian qua đã biết "mặt trái của xã hội" và "hậu trường chánh trị" như thế đều phải biết giữ câu ngạn ngữ "có mồm thì cắp, có nắp thì đập" để mà sống cho ra người!

- Trường hợp anh Ca đã viết bài khóc thương một tên cán bộ CS như Ca Văn Thịnh là em không chịu ...

Tôi cắt ngang:

- Chú có thể điện thoại hoặc viết thư nói riêng ý kiến của chú như thế cho anh Ca biết thì được. Nhưng chú viết bài tố cáo anh Ca là CS, tức chú làm tâm bậy: Trước hết, trên phương diện tình người với nhau, "một ngày là nghĩa, chuyển đồ nên quen" chú nỡ nào trở mặt làm như vậy? Ngoài ra, chú không nghĩ đến hậu quả bất lợi cho tôi là người đã đưa chú đến nhà anh Ca. Nếu chú không tiện nói thẳng với anh Ca, sao chú cũng không nói gì với tôi trước? Như vậy, có phải chú muốn gây ly gián giữa tôi với anh Ca không? Chúng tôi là những người trọng nghĩa khí, quý tình bạn, chủ trương không bao giờ "lừa thầy, phản bạn". Chú hành động như vậy là đâm sau lưng một lúc cả 2 thằng tôi. Chú biết không?

Chú em văn nghệ Na Uy vẫn lảng nhảng cố cãi, chưa chịu phục thiện. Lúc đó, trời đã khuya, tôi quay sang bảo các bạn trẻ đang gà gât: "Thôi ta đi ngủ cho khoẻ!"

Sáng hôm sau chú em Na Uy và gia đình dậy sớm, sửa soạn hành lý sẵn sàng, ngồi chờ dưới phòng khách Khi tôi bước xuống vợ chồng chú chào tôi và ngỏ lời xin ra khách sạn tạm trú. Tôi lại đưa ra ga. Tôi lại chia tay chú ta trong cảm giác ngỡ ngàng, ngượng ngập của ngày nào ở Bi năm xưa!

(Đan quốc, 26.3.1992)

---

## Vài câu về chữ Đ

Tôi thường nghĩ:

*"Đa đảng đến, Đạo Đồi đều đẹp để*

*Độc đảng đến, Đạo Đồi đều đau đớn đảo điên"* .

Ngày nay điều đó đã được thực tế khắp nơi chứng minh như một chân lý. Để có một thí dụ chứng minh ta có thể lấy câu:

*"Đại Đức đó đa đảng, Đạo Đồi đều đã đẹp.*

*Đông đó đây độc đảng, Đạo Đồi đang đau đớn đảo điên"*.

Và muốn có vắn, tôi lại nhanh chóng đặt được câu:

*"Đa đảng đẹp để Địa đảng*

*Đến đâu Độc đảng, Địa đảng đảo điên"*.

Các bạn muốn chơi chữ cho vui hoặc muốn bày tỏ tình cảm của mình đối với nhân dân Việt Nam đang sống trong địa ngục cộng sản đều có thể suy nghĩ và tìm được nhiều câu với chữ Đ rất thú vị.

• Nguyễn Huy Việt.

## "Khi Chim Sắt Bay..."

Vũ Nguyên Khang chuyển ngữ  
Nguyên tác "The Boy Lemd"  
của Vicki Mackenzie)



### Thay lời tựa

Năm 1986, Đạt Lai Lạt Ma đem đạo Phật Tây Tạng và thanh danh của mình ra thách thức búa rìu dư luận toàn thế giới; ngài tuyên bố rằng Osel Hita Torres, một chú bé Tây Ban Nha vừa mới 14 tháng, là hóa thân của bậc thầy Tây Tạng và lia đời vào tháng Ba năm 1984 tại California, Lạt Ma Thubten Yeshe

Đạo Phật cầm những chiếc rế khỏe mạnh của mình vào "Nóc nhà của Thế giới" từ thế kỷ thứ tám. Kể từ đó, vùng đất được thánh hóa này đã giữ lại cùng băng tuyết ngàn năm một dạng đại thừa giáo phong phú và phức tạp nhất, giữ lại cho đến khi những con chim cánh sắt bắt đầu cất cánh tung bay và dân Tây Tạng bị phân tán khắp mặt địa cầu.

Khi chim sắt bay... "là một tài liệu sống động và cảm động về sự tuôn chảy mãnh liệt hùng tráng của dòng Tuệ giác. Mặt trời từ đầu nguồn Tây tạng đến những vùng đất lạ Tây phương, qua bước chân đi của đại sư Thubten Yeshe. Đó là người truyền trao minh triết, kẻ vượt qua mọi chướng ngại địa lý, phong tục tập quán, thành kiến tôn giáo... để đánh thức, khơi dậy những điều tốt đẹp nhất nằm sâu trong lòng người, kẻ bị y học của thời đại chim sắt phán quyết là phải chết nhưng vẫn sống và sống hùng tráng như một mặt trời.

- Vấn đề được Lạt Ma Yeshe thường xuyên đề cập đến là KHÔNG TÍNH và SỰ TÁI SINH CÓ CHỦ ĐỘNG. Qua ngòi bút của Vicki Mackenzie, người quen biết của Lạt Ma Yeshe trong 8 năm trước khi ông chết, người đọc sẽ cùng hàng ngàn Phật tử Tây phương lắng nghe, ngắm nhìn bậc Thầy đó giảng giải về hai đề tài này - giảng giải không chỉ bằng lời mà còn bằng cách ông vượt qua mọi nhân hiệu người khác dành cho mình, bằng cách thông dong đi giữa hai bờ sống - chết và bằng cách thân nhiên xếp đặt cái chết để một lần nữa quay trở lại cuộc đời ngộ hầu tiếp tục sứ mệnh cứu độ.

Trong phần thứ hai của "Khi chim sắt bay ..." người đọc sẽ theo chân Mackenzie đi khắp cùng thế giới để cùng chia sẻ với bà và những đệ tử khác những bản khoán, những hoang mang nghi hoặc, những hiểu biết và suy tưởng về TÁI SINH, khi nhìn ngắm, xem xét và lắng nghe từng tiếng khóc cười của kẻ được sinh ra để làm một trong những nhà lãnh đạo tinh thần quan trọng và dị thường nhất thời đại: Hải đồng Lạt Ma Osel, hóa thân của Lạt Ma Yeshe.

Nhìn ngắm, xem xét, lắng nghe, suy tưởng ... để đoán định xem đâu là và đâu không là Lạt Ma Yeshe trong con người bé bỏng đầu cạo trọc thân mang tăng phục đồ. Để rồi cuối cùng đôi mắt với chính KHÔNG TÍNH lung linh: Thực tại không là những điều có thể nghe, thấy, sờ chạm, đo đếm, khái niệm... mà siêu việt qua những giới hạn này và tất cả những cái không là những điều này.

Người dịch

### Vào chuyện

Buổi sáng hôm đó trời đất thật âm đạm. Bầu trời âm u nặng mây và màn mưa che mờ cả một vùng sông nước mênh mông trên giòng Chelsea, London. Tôi ngồi ôm gối nhìn những lượn sóng sẫm đen đang quần quai bên mạn thuyền, đó là nhà mới của tôi từ 3 tháng qua, một chiếc thuyền buồm vuông dài 26 thước đã được cải biến thành một thước đo xứng đáng đến ngạc nhiên cho cái gọi là tiện nghi hiện đại, đang được neo giữa những nhà thuyền khác bên bờ sông. Tôi thường cảm thấy hạnh diện và vui thích vì cái nhà trên nước này. Nhưng buổi sáng đó, một sáng thứ bảy tháng 10 năm 1986, dường như thời tiết đang phản chiếu tâm trạng của riêng tôi.

Với sự thay đổi màu sắc không ngừng của ánh sáng trên mặt nước và nhịp điệu lên xuống bất tuyệt của thủy triều, khung cảnh nơi đây thường tràn ngập lòng tôi với một niềm hạnh phúc yên lặng và cảm giác thỏa mãn dám làm kẻ cô đơn sống ngoài khuôn khổ. Nhưng sáng hôm đó thì quả thật đời sống đây về buồn bã khác thường. Thành thật mà nói, nỗi buồn phiền riêng tư này nay chỉ phản ánh một nỗi bất bình nào đó, không rõ ràng lắm, nhưng lớn lao và sâu đậm, đến nỗi khung cảnh thơ mộng của nơi cư trú mới cũng không làm tôi nguôi. Tôi không dám chắc nỗi bất bình này là gì. Có lẽ là một sự chán ngán vì nhận ra sự trống rỗng không thể lấp đầy của đời người.

Đúng ra thì tôi chẳng có gì để phàn nàn cả; thành công trong trường đời, được ưu đãi, sống nhàn hạ và phong phú, đã đi qua nhiều nước, tham dự vào nhiều cuộc phiêu lưu và học hỏi được rất nhiều điều... Là một ký giả với tâm hoạt động khắp nước, cuộc sống 18 năm qua của tôi đã trở nên phong phú với nhiều thách đố, nhiều niềm vui, nhiều hiểu biết mới, và những thăng trầm. Nhưng bây giờ, ở số tuổi 40, sự hăng say nhiệt thành nghề nghiệp không còn nữa; không còn hăm hở gặp kẻ có danh vị hay những điều ty tiện; không còn say mê vật lộn với trí não và giấy bút để bài viết kịp đăng. Bây giờ đôi mắt nhà nghề luôn luôn phê phán và châm chọc đã nhu thuận quay ngược lại nhìn vào tự thân. Đó là chuyện xưa như trái đất, nằm trong một sách ngữ sùng sơ: "Ý nghĩa cuộc sống"!

Những tình thân chắc chắn có làm vui đi phần nào. Đó là suối nguồn phong phú dưỡng nuôi bồi bổ cuộc đời, làm

cuộc đời trở nên thú vị hơn, vui tươi hơn và an ủi về ta trong những khi buồn đau. Nhưng dù sao đi nữa...

Và rồi chuông điện thoại reo vang. Một giọng nói dịu dàng vang lên từ bên kia đầu giây. Đó là một sự cô người Uc có pháp danh Yeshe Khadro, người tôi quen ở Anh, và tôi cũng thường hay gặp cô mỗi khi đến Ấn Độ và Népal.

"Chào, Vicki. Có người muốn chuyện trò cùng chị đây". Khadro im bật, và một lát sau từ ống điện thoại vang lên tiếng trẻ thơ u a u o, gù gù... những âm thanh chắc chắn là có ý nghĩa với người nói!

Tôi không biết mình phải phản ứng như thế nào nữa. Người ở đầu giây bên kia đang ngon trớn, cứ thế mà tiếp tục. "đó," Yeshe Khadro nói khi cô nhận lại ống nghe, "là Lạt ma Osel".

Tôi im lặng trong sự kinh ngạc cực độ. Lạt ma Osel chỉ mới được 20 tháng, một hiện tượng tôi chỉ mới được nghe. Hai tháng qua, giới Phật tử Tây Tạng, trong đó tôi là một thành viên sinh hoạt không đều đặn nhưng chân thành, đã xôn xao với một tin tức dị thường về một chú bé người Tây Ban Nha được xem là hóa thân của bậc thầy kính yêu của chúng tôi là Lạt ma Yeshe, người đã lia đời ở California 30 tháng trước đó, vào ngày 8 tháng 3 năm 1984.

Nỗi buồn bã chán chường tan biến tức thì. Tôi biết Lạt ma Yeshe được 8 năm, đã chuyện trò cười nói với ông, lắng nghe những lời ông thuyết giảng và trong thời gian đó đã dành cho ông niềm kính yêu sâu xa. Hơn bất cứ ai khác, ông là người làm thay đổi cả cuộc đời tôi. Tôi chỉ mới nhận ra ảnh hưởng lớn lao của ông nơi chính mình khi ông chết vì bệnh tim ở cái tuổi quá trẻ đến độ phi lý: 49! Tôi đã buồn phiền đau đớn cùng với nhiều ngàn người khác - những kẻ được ông chạm tay vào đời sống của mình - và mãi đến giờ vẫn chưa nguôi tiếc nhớ.

Lạt ma Yeshe đã nói, như một Phật tử Đại thừa chân chính (theo quan điểm Tây tạng), rằng khi chết đi thì sẽ tái sinh hoà hoà, trở lại đời sống này hoà hoà, cho đến khi mọi chúng sinh hữu tình đã được dẫn dắt vào Giác Ngộ. Tôi đã chăm chú lắng nghe và vì biết ông không nói dối nên cố gắng ghi nhớ. Tái sinh là một đề tài có sức đánh động lớn. Tôi đã đánh vật với đề tài này, ít nhất là cho đến khi ý niệm về sự liên tục của tâm thức hiển lộ qua các hình thái vật lý trở nên thuận lý.

Tôi được dạy rằng con người tái sinh liên tục từ "vô thùy", thườ trước khi có một mốc thời gian mờ ảo mà ta lầm lẫn gọi là khởi đầu, nhưng chỉ có người đã phát triển sâu xa về tâm linh mới có thể kiểm soát được tiến trình tái sinh để đầu thai trong một hoàn cảnh và thời gian thích hợp hầu tiếp tục công việc chưa hoàn thành trong kiếp trước.

Đó là lý thuyết. Bây giờ tôi đang đối mặt với thực tại. đúng như thế hay sao? Đúng là Lạt ma Yeshe đã giữ lời hứa, quay trở lại? Có thật là ta có thể đầu thai trong một thân người mới sau khi chết đi? Và có thật là ta có thể điều khiển tiến trình này? Toàn những câu hỏi lớn, vượt thật xa những hiểu biết hiện có về sự sinh diệt của con người.

Phải đến nhìn tận mặt chú bé kia! Nghĩ như thế, tôi vội vàng xin phép gặp Osel và cha mẹ của chú bé đó vào ngày kế tiếp, nhân dịp họ ghé ngang London. Họ đang trên đường đến California để Lạt ma Osel gặp gỡ các Phật tử ở đây và nhìn lại nơi mình đã lia đời trong tiền kiếp!

Trời vừa sáng là tôi đã có mặt tại cổng vào của Manjushri Centre (Trung tâm Văn Thù), một ngôi nhà đôi ở

Finsbury Park, North London, được Lạt ma Yeshe chính thức khánh thành năm 1978 để cung cấp triết học và thiền pháp của đạo Phật Tây Tạng cho những tâm hồn ngán ngẫm cuộc đời tại thủ đô rộng lớn này. Trung tâm này là nơi sinh hoạt thường xuyên của một cộng đồng Phật tử ngày một lớn mạnh, đứng đầu là Geshe Wangchen, một tăng sĩ thường trú người Tây tạng cao lớn, mặt tròn, tính tình vui vẻ hiền từ, do Lạt ma Yeshe phái đến.

Yeshe Khadro, người đàn bà duyên dáng, khả ái trong y phục màu vàng và đỏ nâu với đầu tóc cắt thật ngắn, mở cửa cho tôi vào.

Đứng ngay phía sau vị sư cô này là một nhóc tí rần ròi, khỏe mạnh, mặc quần áo bằng vải thô màu xanh sáng; một đứa bé tóc vàng hoe cắt ngắn, má phính, vẻ thông tuệ toát ra từ vầng trán cao và đôi mắt màu hạt dẻ. Chú bé đang mài miết để hết tâm trí vào một món đồ chơi buồn cười: một đôi mắt vung vẩy trên hai lò so nối vào một vòng đeo quanh đầu, được chiếu sáng bằng pin điện điều khiển bằng tay.

Tôi đứng ngẩn ra, không nói được một tiếng nào. Làm sao chú nhỏ này lại có thể là vị thầy kính yêu của chúng tôi được? Lạt ma Yeshe có làn da nâu, tóc đen, mắt hình trái hạnh, cao thước bảy, nặng bảy mươi hai ký rưỡi, bốn mươi mấy tuổi và, dĩ nhiên, người Tây Tạng. Làm sao có thể đồng nhất đứa bé trai Tây phương trắng trẻo tóc vàng, không nói được tiếng Anh hay Tây Tạng - và kể cả tiếng Tây Ban Nha nữa - với "Sư", như mọi người vẫn thường mền gọi ông như thế?

Những câu hỏi bắt đầu nổi sóng. Có thật những dáng vẻ, điệu bộ và hình thái bên ngoài, điều làm ta thường nghĩ đến một cái tên và một nhân cách nhất định, là những thành tố cấu tạo nên căn tính chân chính của một người? Và một người là gì nhỉ?

Đứa bé không ngẩn đầu nhìn lên, nói trong tiếng cười quen thuộc: "Chào Vicki thân ái. Mừng gặp lại cô một lần nữa. Cô ra làm sao rồi? Gia đình cô vẫn vui, khỏe chứ? (Sư luôn luôn gọi mọi người với hai chữ "thân ái" kèm theo). Đó là những gì tôi chờ đợi trong thâm tâm: Lạt ma Yeshe chắc chắn sẽ nhận ra tôi ngay lập tức, chắc chắn sẽ kéo tôi đến bên ông, sẽ cười mím, nói mấy câu bông đùa và tỏa chiếu ra tình thương, sự nồng ấm và từ hòa,... như ông vẫn luôn luôn làm với tất cả mọi người.

Còn chú bé này chẳng buồn nhìn hỏi gì tôi cả. Không có vẻ gì thân thiết. Không có chuỗi cười thật tươi. Không có gì cả! Chú chỉ tiếp tục trò chơi của mình. Làm sao Osel lại là hóa thân của Lạt ma Yeshe được?

Nhưng đây chính là kết quả của cuộc tìm kiếm dai dẳng được phụ trách bởi Lạt Ma Zopa, người thân thiết nhất và là kẻ đồng hành đồng sự của Lạt ma Yeshe. Rồi đích thân Đạt Lai Lạt Ma, lãnh tụ giáo quyền và thế quyền của dân Tây Tạng, một nhân vật được nể trọng có tầm vóc thế giới, đã phê chuẩn kết quả đó và công khai tuyên bố rằng Osel chính là Lạt ma Yeshe tái sinh. Hai con người siêu phàm đó không hạ thấp phẩm giá của mình với một điều nguy tạo và chắc chắn không muốn kích động lòng người; họ chỉ bị thiệt thòi khi đưa cổ ra thách thức búa rìu dư luận, làm nhiều điều trở nên bất ôn, và chắc chắn họ biết rất rõ là người Tây phương sẽ đón nhận lời tuyên bố trên với sự dè bĩu và nghi ngờ.

Thế nên dù rất hoang mang và nghi hoặc trong những giây phút gặp gỡ đầu tiên, tôi vẫn cho đó là một sự lỗ mãng

- nếu không nói là xác xược - khi vất bỏ dễ dàng sự thẳm định của hai bậc thầy đó. Phải lưu lại đây một lúc nữa và quan sát; ít nhất đó là điều mình làm được dễ dàng.

Tôi chợt mỉm cười khi nhìn lại con người bé bỏng, thấp lùn thùn này. Hoàn toàn thờ ơ với những đôi mắt hiếu kỳ dán lên người, chú bé đi qua đi lại, đặt món đồ chơi buồn cười của mình lên đầu, tay nhấn vào nút điều khiển để làm hai con mắt to tướng chớp lên, rồi nghiêng đầu ngoẹo cổ nhìn xuống những mẫu hình ánh sáng hiện ra trên thẳm với một thích thú âm thầm bí mật. Rồi chú chấp chững bước ra vườn, vắn dầy về vui thích với món đồ chơi; từng bước đi, từng nét mặt của chú đều toát ra vẻ khô hải lạ lùng. Tôi bật cười thành tiếng. Sự nghiêm trang vờ vĩnh trong đó chú tiếp tục với trò chơi của mình chỉ làm tôi buồn cười thêm. Chú đang làm trò hề, vui thích với bộ điều hoạt kê của mình và khoan khoái với đôi mắt thêm vào trên đỉnh đầu. Rõ ràng như thế!

Và rồi một ý nghĩ chợt sáng trong trí tôi. Chẳng phải Lạt ma Yeshe luôn luôn là một vai hề độc diễn? Lạt ma Yeshe nhăn mày nhử mắt, kể chuyện khôi hài, làm điệu bộ dừ tợn chế nhạo cái xấu, và đôi khi những trò hề của ông trở nên thái quá nếu ông cho rằng chúng có thể làm sáng tỏ điều muốn trao truyền. Nhưng nói gì thì nói, điều hiển nhiên là Lạt ma Yeshe đã chứng tỏ rằng một con người tâm linh phi phạm không phải là kẻ kiêu ngạo, lạnh nhạt và xa cách với cuộc đời, không có khí vị khô hải.

Tôi lại nhìn Osel một lần nữa. Chú bé này rõ ràng là một đứa bé kín đáo nhất trong số những đứa trẻ mà tôi đã gặp. Chắc chắn bạn bè tôi không có ai có đứa con nào trong lứa tuổi đó lại có thể chơi đùa với một món đồ chơi đơn giản bằng sự chuyên chú đặc biệt trong một thời gian lâu dài như thế; gần một giờ trôi qua mà chú vẫn không lộ vẻ nhàm chán và mệt mỏi. Chú cũng chẳng hề mất tự nhiên và những tia mắt soi mói của những người đang tập trung lại Trung tâm chỉ để nhìn vào chú.

Ngày hôm sau, tôi lại đến Trung tâm một lần nữa để tham dự vào buổi lễ đặc biệt, được tổ chức để chào mừng Lạt ma Osel đến London. Thiền phòng đông nghẹt với những học trò cũ của Lạt ma Yeshe từ khắp nơi đổ về, khao khát chờ nhìn tận mắt bằng chứng sống của sự tái sinh. Chẳng ai biết mình sẽ nghĩ như thế nào. Khi những bài đạo ca và kinh cầu vang lên, một cánh cửa thiền phòng mở ra, và Paco, cha của Osel, bế chú trên tay tiến vào rồi đặt chú ngồi lên pháp tòa (hay "ngai", như người Tây tạng vẫn gọi), nơi chỉ dành riêng cho những bậc thầy. Không một ai trong chúng tôi dám tin ở mắt mình. Trước mắt chúng tôi là vị Lạt ma nhỏ nhất thế giới đang ngồi ngất ngưỡng trên cao, bộ quần áo xanh hôm qua đã được thay thế bằng tăng phục! Nhưng trên tay vị Lạt ma bé bỏng này là một bình sữa và một quả bóng nho nhỏ. Ngồi dưới chân chú là "người bạn cũ" Geshe Wangchen và cha mẹ của chú, Paco Hita và Maria Torres.

Osel ra dấu tiếp nhận tất cả chúng tôi, rồi bật ra một tràng cười dài. Tiếng cười lỏng lẻo, như một tia nắng ấm phủ xuống tất cả, và chúng tôi bỗng cảm thấy lòng phơi phơi; tuy có sự khác biệt hiển nhiên ở hình dáng bên ngoài nhưng chuỗi cười vang động này cũng có thể phát ra từ chính Lạt ma Yeshe. Chẳng phải Sư luôn luôn chào đón chúng tôi bằng một chuỗi cười? Sự căng thẳng trong chúng tôi tan biến. Rồi chỉ sau một thoáng ngắn ngủi, Osel đã

hoàn toàn làm chủ tình thế và nhanh chóng tạo nên một không khí vui tươi và thoải mái của một buổi sinh hoạt ngoài trời. Chú bé này không phải là một đứa bé hiền lành bị ép buộc một cách phản tự nhiên vào một vai trò tôn giáo, như tôi đã nghi hoặc khi thấy chú mặc tăng phục và được đặt lên pháp tòa.

Đây là một lãnh tụ, một kẻ có khí độ sắc sảo và trí tuệ minh mẫn, có khả năng thu phục nhân tâm, một đứa con nít bé xíu nhưng chứa đựng sức mạnh vô biên và có một uy thế kinh khủng làm người khác không thể không chú ý đến. Tôi cứ nhìn và nhìn mãi, không biết mình phải nghĩ gì nữa. Sau đó, khi tôi hỏi, Geshe Wangchen trả lời: "Dù chưa có bằng chứng hoàn hảo nhưng tôi cảm thấy, bằng cái này, "ông áp tay vào tim, "rằng Osel chính là Lạt ma Yeshe".

Tôi đến bên Maria và Paco, ngỡ lời muốn đến Bubion tại Nam Tây Ban Nha để thăm họ. Con người ký giả trong tôi mược có rằng đây là một chuyện hấp dẫn, ăn khách và phải được đeo đuổi đến cùng; nhưng thật ra tôi còn muốn nhiều hơn thế nữa. Phải nhìn ngắm, xem xét thật kỹ lưỡng để biết Osel là ai và là gì.

Chiều hôm đó tôi ở nhà, suy đi nghĩ lại mãi về chuyện lạ lùng trong ngày, và tôi chợt nhớ đến một giấc mơ mấy tháng trước đó. Khi tôi đang đứng trong một gian phòng rộng với rất nhiều Phật tử Tây phương khác thì Lạt ma Yeshe xuất hiện, đến bên tôi cười nói một lát rồi bước đi; nhưng một chốc sau ông lại tiến vào với một đứa trẻ sơ sinh trên tay, đặt nó vào tay tôi, rồi lại quay gót ra đi trong sự sùng sốt của tôi. Đứa bé nào có phải là con mình đâu; thật thế, nó thuộc về một người khác, đang có mặt trong phòng. Và tôi chẳng biết làm gì với đứa bé này. Hiển nhiên Sư muốn chỉ cho tôi cái gì đó. Giấc mơ này đến với tôi rất lâu trước khi tôi nghe tin về Osel.

Có thể nào Osel là Lạt ma Yeshe trong một hình hài khác? Có hàng triệu điều không ổn.

Nhưng dù sao đi nữa thì làm sao tôi biết chúng là những điều không ổn? đã được khoát lên người y phục tu sĩ, đặt lên pháp tòa và được đối đãi như Lạt ma Yeshe, thì chắc gì Osel còn cơ hội để không trở thành Lạt ma Yeshe? Thêm nữa, chú bé này có thể bị điều kiện hóa để hoàn thành một vai trò; các tu sĩ Dòng Tên đã từng nói: "Chỉ cần để đứa nhỏ cho chúng tôi giữ cho đến khi nó lên 7 thì suốt đời nó sẽ thuộc về chúng tôi!". Có gì khác biệt trong trường hợp Osel? Tôi quyết tâm phải tìm cho ra câu trả lời.

Nhưng nếu Lạt ma Yeshe quả thật có chọn lựa trở lại đời sống này thì việc ông tái sinh trong một thân xác Tây phương là điều hoàn toàn hợp lý, vì công việc vĩ đại của Sư là trao quyền cho Tây phương cái học cổ truyền và tinh thuần của mình; như một bậc Bồ Tát, kẻ từ bỏ Niết Bàn để quay trở lại cuộc đời đau khổ lo giải cứu chúng sinh. Sư do đó phải tiếp tục với công trình còn dang dở. Và có nơi chốn nào tốt hơn là giữa những người Sư đã mở rộng tay đón nhận?

Ước vọng lớn lao của Lạt ma Yeshe là đập cho tan những phân cách giữa con người với nhau và bắt cây cầu nối liền cương vực Đông - Tây để ta nhìn mặt nhau như người chứ không phải là những nhãn hiệu. Sư là một người phi thường, một trong những con người dị thường nhất mà tôi đã gặp.

**(Còn tiếp)**

## Truyện ngắn Nghịch Quả - Trần Bảo Toàn - (Schweiz)

Trời đã về khuya, tiếng động chìm xuống, nhường chỗ cho sự tĩnh mịch của màn đêm. Đầu đây chỉ còn lại vài tiếng xào xạc, lạo xạo của lớp tuyết đóng trên cành cây bị gió thổi rơi xuống mặt đất. Tôi trần qua trở lại mãi, không sao dễ được giấc. Bên cạnh, vợ tôi đã ngủ thật say. Hơi thở nàng nhẹ nhàng, dáng nằm thư thả, tay mặt nàng đặt nhẹ trên ngực, tay trái duỗi thẳng thoải mái. Lớp áo ngủ mỏng làm nổi bật những đường nét đầy quyến rũ, tấm thân ngọc ngà của nàng. Có lẽ nàng đang thấy mộng đẹp nên môi nàng hé mở, điểm nụ cười thật dễ thương. Cũng nụ cười này 6 năm về trước đã cuốn lấy hồn tôi và tôi không thể rời nàng.

Tôi rón rén ngồi dậy, khua chân tìm đôi dép Nhật đi trong nhà, khoác lên mình chiếc Kimono, tôi bước thật nhẹ ra khỏi phòng. Ngồi trên chiếc ghế bành trong phòng khách, không hiểu nghĩ sao, tôi đứng dậy đi lần về phòng ngủ của hai đứa con tôi. Tôi khẽ mở cửa phòng, bật đèn. Dưới ánh sáng lờ mờ của chiếc bóng đèn vàng, mặt hai đứa con trai ánh lên rực rỡ. Tuần trước thằng Quân Bảo vừa tròn 4 tuổi. Còn Quân Sơn tháng sau sẽ là sinh nhật thứ 3. Hai đứa hồng hào, khỏe mạnh, phá phách nhưng thật dễ thương. Chúng đã đem hạnh phúc lại cho vợ chồng tôi. Phải, tôi cảm thấy hạnh phúc! Tôi có phòng mạch riêng, có thư ký và y tá phụ việc. Về đời sống vật chất, chúng tôi hoàn toàn đầy đủ, sung túc. Vợ tôi đẹp, ngoan, thông minh, thánh thiện. Nàng luôn chiều theo ý tôi, chăm lo nhà cửa, con cái gọn gàng, chu đáo.

Với cha mẹ tôi, nàng hiểu thảo, ngoan hiền đúng phận dâu con, nên đời sống gia đình cứ êm ả trôi qua. Tôi vẫn thường tạ ơn Trời Phật đã mang lại cho tôi tất cả. Tắt đèn, đóng cửa phòng ngủ của hai con, tôi trở lại phòng khách. Châm điều xì gà, nhâm nhi vị ngọt cay của khói thuốc, tôi ôn lại nguyên nhân đã làm mình mất ngủ.

Không! Tôi không thể tưởng tượng nổi cảnh tượng sáng nay! Bao năm qua trong nghề thuốc, mổ xẻ, phẫu thuật, máu me, phèo phổi, tôi đã thấy rất nhiều. Tôi chưa bao giờ rùng mình, ớn lạnh khi đụng tay vào vết thương bệnh tật, nhưng sáng nay sau khi biết câu chuyện về người đàn bà bất hạnh kia và nhìn bộ mặt đáng ghê tởm của hung thủ, kẻ đó chính là con ruột của bà, tôi đã rùng mình, tay chân run rẩy vì sợ hãi. Tôi không bao giờ dám nghĩ, trên đời này lại có đứa con trời đánh thánh đâm như nó, nó đã cả gan cầm gậy đập bể đầu mẹ ruột để

khảo tiền bạc. Mặc dù hai tay nó đã bị Cảnh sát còng lại, nhưng thấy cái mặt nhâng nháo, con mắt hận thù của nó, tôi muốn thấy người ta lấy búa đập bể đầu nó như nó đã làm với người từng mang nặng, đẻ đau, nuôi nấng nó.

Vết thương trên đầu người đàn bà này khá nặng, xương hộp não bị bể, lớp da đầu bị lột mất một mảng lớn khiến máu tuôn ra xối xả. Bà bị bất tỉnh nhân sự sau khi bị hành hung. Tôi phải băng bó và tiêm cho bà một lượng Vitamine K khá lớn để cầm máu. Tôi làm việc trong cơn xúc động mạnh. Tại sao một đứa con lại có thể đả thương mẹ như thế? Dòng máu nó mang trong người ai đã ban cho nó? Tôi phạm luân lý không thể tha thứ được. Nếu tôi có quyền lực trong tay, tôi đã treo cổ thẳng mắt dạy ấy lên rồi.

Nạn nhân tỉnh dậy với gương mặt nhợt nhạt và đã mất quá nhiều máu, đôi mắt thất thần, tuyệt vọng còn phảng phất sự kinh hoàng đến cực điểm. Đôi môi bà mấp máy: Nước! Nước! Xe cứu thương của bệnh viện tỉnh tới, bà được y tá đặt lên cáng chờ đi.

Trở lại phòng mạch, tôi tự kiểm cho mình ly rượu mạnh, để trấn tĩnh. Gương mặt máu me, nhợt nhạt, vết thương thật lớn trên đầu của bà cứ ám ảnh tôi mãi. Không phải tôi sợ máu, nhưng sợ nguyên nhân làm ra sự chảy máu này. Nếu tôi đoán không lầm, bà không phải người Thụy Sĩ.

Nét mặt bà góc cạnh, những nếp nhăn hiển hiện cuộc sống đầy lo nghĩ, âu sầu, mớ tóc râu ngô xơ xác, bàn tay có nhiều vết chai cứng chứng tỏ bà phải lao động chân tay thật cực nhọc. Bà trông phải trên 40 nhưng cảnh sát cho biết bà mới 37 tuổi. Với vết thương trầm trọng, xác suất sống sót của bà thật mỏng manh. Ôi, đời người sao có kẻ bất hạnh đến vậy? dù rằng ai cuối cùng cũng phải trở về với thiên nhiên, Thượng đế nhưng cái chết từ đứa con của mình thì thật đau đớn lắm thay!

Suốt buổi trưa và chiều 14 bệnh nhân đến rồi đi, song nỗi xúc cảm trong tôi không hề vơi đi, nó cứ lớn vồn, vòng vo trong đầu óc, trí não tôi. Tôi chợt nhớ trong cuốn kinh Vu Lan viết về đức chí hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát, Ôi! đời sao lắm chuyện trái ngược vậy! Một người cứu mẹ khỏi kiếp ngạ quỷ lưu đày, lại có kẻ biến mẹ thành loài xú quỷ. Phải chăng nghịch quả của người đàn bà này quá nặng, nên kết cuộc đời bà quá thảm thương? Nếu đúng, vậy bà đã tạo tác bao giờ, kiếp trước hoặc kiếp này? Từ một bác sĩ tây học, trong giây phút xúc động tột độ, tôi suy ngẫm về thuyết duy tâm, hay đúng hơn tìm hiểu về cội nguồn nghiệp chướng trong đạo Phật.

Cô y tá bước vô cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi:  
- Thưa Bác sĩ, ông có điện thoại.



Tôi cảm ơn nàng rồi nhắc ông nghe. Giọng người đàn ông đầu giây kia hấp tấp:

- Thưa, có phải Bác sĩ Uyên Trần đây không ạ?

Vâng, tôi đây, ông cần gì?

- Tôi là y tá của bệnh viện tỉnh, bà bệnh nhân sáng nay ông đã băng bó cho, chắc ông còn nhớ chứ?

Nhớ, nhớ. Bà ta cần gì?

- Bà ấy nói muốn gặp ông, gặp ông lần cuối.

Ông có thể tới chứ?

Đương nhiên, tôi tới ngay. Tôi tính cúp điện thoại nhưng chợt nhớ một điều lại hỏi thêm: Ông làm ơn cho tôi biết số phòng?

- Hiện tại còn trong phòng cứu cấp A5. Chào ông.

Tôi đặt điện thoại xuống, với áo khoác trên mình, tôi vội xuống Garage lấy xe phóng đi.

Tôi tới bên giường người bệnh, một bình huyết thanh, 1 bình máu đang chảy thật chậm chạp vào thân thể rũ rượi, nhợt nhạt như xác chết của bệnh nhân. Tôi cúi xuống bắt mạch tay trái bà. Mạch đập yếu, chậm,, vô lực. Bà từ từ hé mắt ra. Trong con mắt lơ đãng, thất thần chợt loé lên chút ánh sáng như que diêm trước khi tắt ngấm, bà thều thào:

- Chào... Bác... sĩ, tha lỗi... cho tôi... Tôi không ngồi dậy được.

Tôi vội trấn an bà: không sao, bà cứ nằm yên nghỉ đi, đừng cử động sợ chấn động đến vết thương.

Bà khép nhẹ mắt xuống ra dấu hiểu lời tôi. Bà gắng gượng:

- Tôi... tôi có chuyện muốn nói với Bác sĩ, nói một lần cuối!

Tôi gật đầu:

- Bà nói đi, tôi nghe đây. Nhưng bà cứ an tâm, bà sẽ khỏi. Vết thương của bà không trầm trọng quá đâu.

Bà khẽ lắc đầu:

- Bác sĩ không phải an ủi tôi. Tôi hiểu tôi lắm. Trước khi con người lia bỏ cõi đời thường có linh tính. Tôi sẽ không qua khỏi tới nay đâu. Đây là cơ hội cuối cùng để tôi nói ra điều tôi giữ kín trong lòng suốt bao năm qua, điều đã đưa tới hôm nay.

Bà dừng lại một chút để thở. Tại sao bà lại nói với tôi? Tôi đang thắc mắc thì bà tiếp tục:

- Bác sĩ ơi, Bác sĩ có biết tại sao tôi muốn nói với bác sĩ không? Tôi có thể nói với bác sĩ khác, nhưng tôi đã không làm như vậy, tại họ là người Tây phương, họ không sống nội tâm tình cảm như bác sĩ đâu, ông bác sĩ Á Đông ạ.

Tôi thoáng ngạc nhiên, bà này cũng người tây phương tại sao bà lại có lối suy nghĩ đó?

Bà nói tiếp:

- Điều tôi giấu kín suốt 20 năm qua đã làm khổ tôi không ít. Tôi phải cắn răng chịu đựng, vì mình làm mình chịu. Phải không bác sĩ. Tôi cố gắng tìm đường giải thoát trong nỗi khổ tâm cùng cực, bằng cách làm việc với tất cả sức lực, kiếm ra nhiều tiền để cung phụng con tôi. Những lúc rảnh, tôi có đọc nhiều sách về đạo Phật và phong tục, tâm hồn Á Châu của các ông...

Bà là đi vì kiệt sức, hơi thở đứt quãng, mắt nhắm nghiền, quầng mắt thâm đen, các móng tay, chân bắt đầu thâm bầm lại. Tôi biết, bà không thể có hi vọng gì nữa. Tôi cũng tự hỏi tại sao bà phải làm việc cực nhọc đến thế để cung phụng thằng con, bà có lỗi lầm gì với nó. Bà thở ra :

- Tôi kể cho bác sĩ nghe câu chuyện đau lòng của tôi đây, bác sĩ hãy ráng nghe, nghĩ xem có cách gì giúp tôi không, giúp con tôi không? Xin đừng ngắt lời tôi vì thời gian cấp bách lắm rồi.

Tôi nhìn bà tội nghiệp:

- Vâng, xin bà kể đi, tôi lắng nghe đây!

Bà bắt đầu:

- "Tôi không hẳn người Thụy Sĩ đâu. Bố tôi người Thụy Sĩ, mẹ tôi người Ba Tây. Tôi lớn lên trên mảnh đất quê mẹ. Tuổi thơ của tôi thật hạnh phúc, êm đềm, tôi được sống đầy đủ vật chất, tình thương dưới mái ấm gia đình. Chị em tôi hòa thuận và cũng được cấp sách tới trường. Tôi học lớp 11 năm 16 tuổi, tuổi của tình yêu. Tôi có những thềm muốn, rạo rức trong thể xác đầy nhựa sống, có lúc tôi chỉ muốn mình có một tình yêu thật đẹp, tinh khiết, vậy thôi! và có lúc ma quỷ đã dẫn tình yêu tinh khiết của tôi qua con đường dục vọng. Tôi yêu anh nghệ sĩ của đường phố, vì anh có thân hình cân xứng, nụ cười quyến rũ, đặc biệt tại anh ấy có bộ ria thật đẹp, đôi mắt tinh tứ thâm thẳm. đúng là ngu dại, nông nổi, yêu ai không yêu, đi yêu thứ hát rong không nhà không cửa đó.

Hắn chỉ đá lông nheo với tôi vài lần, mời tôi uống cà phê một lần, rồi hắn mời tôi... lên giường trong phòng trọ. Do ngây thơ, do tò mò, do xác thịt đòi hỏi, tôi đã nhắm mắt làm tất cả. Khi tỉnh ngộ vì thân xác rã rời đau đớn, tôi chỉ biết để nước mắt tuôn rơi và yêu cầu hắn cưới tôi. Hắn hứa, tôi tin ngay lời hắn. Cứ như thế một lần, rồi hai, rồi ba... lần thứ sáu, tôi tới tìm hắn để đưa về nhà ra mắt cha mẹ tôi, thì trời ơi! phòng trống không! Chủ nhà cho biết hắn đã ra đi từ sáng sớm hôm ấy. Tôi bàng hoàng, đau đớn, tức tưởi, căm thù, khóc... Tôi chỉ cần sao đừng có hậu quả nào đến với tôi sau mấy lần ân ái ấy. Thật khốn nạn thay cho tôi, thân thể tôi biến đổi dần. Tôi biếng ăn, mệt mỏi, ói mửa và bụng lớn lên. Tôi sợ không dám nói với cha mẹ, chị

em. Cho đến ngày nọ, mẹ tôi nhận ra nét thay đổi, không còn thanh tú của tôi. Bà vặn hỏi, tôi đành thú nhận. Mẹ tôi bắt tôi phải hủy bỏ "của nợ" này đi, nhưng cha tôi, con chiên ngoan đạo, không đồng ý. Ông nói ở Thụy Sĩ luật pháp cấm phá thai và nếu làm như vậy phạm vô tội sát nhân. Mẹ tôi, cha tôi bất đồng ý kiến, to tiếng với nhau, rồi bao nhiêu chuyện lục đục trong nhà xảy ra. Gia đình tôi không còn ấm êm hạnh phúc như xưa nữa. Chiến tranh xảy ra giữa cha mẹ tôi càng mạnh bao nhiêu, càng gây nên những nỗi khổ đau cho tôi bấy nhiêu. Tôi biết tôi là đầu dây mối nhợ gây nên các cuộc xáo xáo trong gia đình. Nhiều lần tôi tính tự tử cho xong nợ nhưng tôi không dám.

Chúa ơi! Ngài còn bắt tôi phải sống thêm để trả hết oan nghiệt mình đã tạo. Cha tôi sẵn bị bệnh áp huyết cao, vì bị xúc động quá, ông đã xuất huyết não và bán thân bất toại. Tài chánh gia đình thiếu hụt, các em tôi lần lượt phải nghỉ học, đi làm. Tôi không chịu đựng nổi nữa, bèn trốn khỏi nhà trong một đêm giông tố. Tôi lặn lội về tận miền quê ngoại xa xưa nương nhờ người hàng xóm đã mua lại cơ ngơi nhà cửa của bên mẹ tôi bán trước khi lên thành phố. Hàng ngày tôi làm các công việc vặt vãnh phụ vợ chồng ông chủ. Lạy Chúa đáng tội, ông bà chủ nhà thật tử tế, chứa chấp tôi, cho tôi căn phòng nhỏ bên chái nhà, để chờ ngày sinh tháng đẻ. Đủ 9 tháng 10 ngày, tôi sinh ra đứa bé trai kháu khỉnh, cặp mắt của nó thật đẹp, cũng thăm thẳm giống thằng cha mất dạy của nó. Do sản phẩm của tội lỗi, nên tôi không hề thương mến đứa bé. Nhìn đến nó, tội lỗi trong tôi lại dâng đầy - Hình ảnh cha tôi nằm bất động, cảnh cãi cọ trước đây trong gia đình, các em tôi phải thôi học đi làm - tôi ghét đứa bé, tôi ghét tôi. Trong lúc hồi hận, buồn khổ, với bàn tay quỷ Satan tôi định làm một việc mất hết nhân tính, ác hơn cạp dũ là giết chết đứa nhỏ. Tôi đặt đứa bé trong chiếc giường gỗ dành cho trẻ sơ sinh, lấy mềm cuốn nó lại và dùng gối chèn lên mặt nó.

Tôi nghĩ sau mấy phút thế nào đứa bé cũng chết ngạt, gia đình nhà chủ không biết, còn tôi sẽ tự nói dối tôi lần nữa: "Tại số nó yếu nên chết ngạt". Tôi định sau khi thủ tiêu đứa con, tôi sẽ trở về với cha mẹ, các em, sẽ làm lại cuộc đời, bằng cách cố gắng kiếm việc lương thiện, kiếm tiền cho cha già thang thuốc và mấy đứa em tội nghiệp đi học lại. Song, than ôi! trời bất dung gian. Sáng hôm sau khi tôi coi lại: đứa bé không bị chết ngạt như tôi tưởng. Bàn tay nào đó (hay đứa bé cua cào) hất tung chiếc gối qua một bên, tấm chăn được kéo xuống để hở đến lỗ mũi. Đứa bé dương mắt thao láo nhìn tôi. Trời ạ! cặp mắt mà trước đây tôi cho là đẹp như mắt cha nó đã biến mất. Thay vào đó đôi mắt đầy hận thù, khinh bỉ, đôi mắt ấy muốn hét lên, chửi vào mặt tôi:

"đồ ác độc, người mẹ khôn nạn, tại sao bà lại cố giết tôi?". Tôi sợ hãi lùi lại, dựa vào tường và từ bỏ hẳn ý định giết hại con tôi. Tôi ở lại quê ngoại đến ngày đứa bé được 3 tuổi. Năm ấy ở vùng này mất mùa, đói kém, nên tôi không thể ở lại ăn bám vào người hàng xóm, ông bà chủ của tôi nữa. Mẹ con tôi bồng bế nhau trở lại thành phố. Cha tôi đã qua đời trước ngày tôi trở về ít tháng. Gia đình đã ổn định lại, mấy em tôi có người đã lấy chồng, mẹ tôi cũng nguôi ngoai không còn chửi bới trách móc tôi nữa. Tôi kiếm được việc làm trong hãng sản xuất cao su, đắm đầu vào công việc, kiếm tiền, tôi mua cho con tôi những đồ chơi đẹp, quần áo đẹp, thức ăn ngon như những đứa bé con nhà khá giả khác. Nhưng lần nào tôi nuông chiều, ôm ấp, nâng niu nó, nó đều lạnh nhạt quay đi hoặc nhìn tôi bằng con mắt diều cợt, oán thù. Tôi có thể đọc trong con mắt ấy: "Thôi, bà đừng làm bộ làm tịch thương yêu tôi nữa, bà đã từng kiếm cách giết tôi, bà quên rồi sao? hỡi con đàn bà độc ác hơn hổ đói kia? đồ khôn nạn". Rồi nó cố vùng thoát khỏi tay tôi, chạy đi chỗ khác. Tôi biết tôi có tội, tôi càng cung chiêu, bỏ qua tất cả các thói hư tật xấu của nó, tôi không dám mở miệng trách phiền nó. Nó đã trở thành đứa bé hư đốn khi mới lên năm tuổi đầu. Nó lấy tiền của tôi, ăn uống lêu lổng với bạn bè. Nó vô lễ xúc phạm tới mẹ tôi, tới người lớn tuổi ngoài đường, trong nhà, các cậu dì của nó. Nó đánh con hàng xóm đến thâm tím mặt mày, cho tới ngày nó 10 tuổi, nó dùng sức vật ngựa cô bé hàng xóm cùng tuổi, xé rách hết áo quần của cô bé, tính chuyện tôi bại. May mà cha cô bé biết được, chạy tới lôi nó ra, đánh cho nó một trận thừa sống thiếu chết. Tôi hay được đau lòng lắm, tủi nhục tới cùng cực, tôi không còn mặt mũi nào ở lại đó nữa, tôi không thể nghe hết bao lời xỉ vả của mọi người. Mẹ tôi bảo tôi nên qua vùng quê nội của tôi, biết đâu nơi đó cảnh vật, con người hiền hòa sẽ thay đổi tính tình của đứa bé. Tôi nhận lời mẹ tôi và từ giả mọi người xách khăn gói đến Thụy Sĩ. Bắt đầu tôi sống ở vùng làng cũ của cha tôi, nhưng thằng nhỏ làm những việc tai tiếng nhanh quá, tôi đành thu xếp ra ngoài thành phố Zuerich này sống. Nơi đây ít ai để ý đến mẹ con tôi, tôi vẫn tiếp tục lao vào các công việc tay chân như lau chùi, dọn dẹp... để kiếm tiền cung phụng nó. Nó không hề nhúng một móng tay vào công việc nhà, nó không thèm nghĩ tới chuyện học hành hay đi làm kiếm tiền.

Nó coi tôi như người ở, mắc nợ nó không bằng. Hết tiền, nó hạch tôi phải đưa cho nó cấp kỳ. Bác sĩ biết không, trong trương mục của tôi chẳng cuối tháng nào còn sót quan nào hết. Nó ăn uống, nhậu nhẹt, trác tán. Nó dắt gái điếm về nhà, làm tình khơi khơi trước mặt tôi, nó chích xì ke lúc nổi cơn phê

nó chửi đánh tôi. Trời ơi, nó làm tất cả những cực hình khổ nhục nhất với tôi. Tôi cắn răng chịu đựng coi như trả nghiệp. Tôi tìm cách giải thoát bằng sách vở có liên quan tới tôn giáo, tới nghiệp chướng. Tôi đọc sách viết về đạo Phật đông phương. Tôi tin lắm. Tôi vẫn cầu nguyện hết Chúa rồi đến Phật, cho tôi trả hết nợ nần trong kiếp này. Những hậu quả luân hồi đừng hành hạ tôi trong kiếp sau nữa. Lời cầu của tôi đã thành hiện thực, chấm dứt cuộc đời tôi bằng tấm lai lịch đau lòng nhất. Bác sĩ ơi, tôi đã trả xong nghiệp quả. Tôi xin bác sĩ hãy tìm cho tôi một vị Linh mục làm lễ rửa tội cho tôi và một vị Sư cầu siêu cho tôi..."

Bà nắc lên mấy tiếng rồi quẹo đầu sang một bên! Tôi đưa tay tính vuốt mắt cho người quá cố, chợt xác chết lay động bà lại mở mắt ra, cố gắng thều thào:

"Bác sĩ... Bác sĩ hãy kể chuyện này cho tòa nghe, đừng bắt tội nó, nó vô tội, tôi có tội đã trả rồi... ui dà..."

Bà thở hắt ra 2 lần, rồi đi hẳn. Tôi vuốt mắt cho bà, đưa tay lên tắt bình máu và huyết thanh, bây giờ bà không còn cần những thứ này nữa. Tôi gọi y tá tới đưa bà về nhà xác. Tôi điện thoại cho Linh mục xứ và vị đại đức tới hoàn tất tâm nguyện hương hồn của người quá cố. Tôi ra về với nỗi băng khuâng khôn tả. Tôi có nên kể câu chuyện thương tâm này cho tòa nghe để giảm tội cho kẻ khốn nạn kia không? Nếu tôi không kể, sẽ làm trái điều nguyện cuối của người đàn bà khốn khổ nhất thế gian. Nếu tôi kể, biết đâu hung thủ được tha bổng, nó còn làm bao tội ác nữa?

Suốt bữa cơm tối, tôi nuốt không trôi. đêm nay tôi mất ngủ. Tôi so sánh lại cuộc đời của tôi với người đàn bà bất hạnh. Tôi thờ dài vì nhận thấy những điều ân huệ, hạnh phúc của Thượng đế, Trời Phật đã ban cho tôi, mà đôi khi chưa làm tôi... Có tiếng bước chân. Tôi ngẩng lên. Vợ tôi nhìn tôi khẽ hỏi:

- Sao không nghỉ đi anh? khuya rồi.

Tôi gật đầu, đứng dậy. Tôi chợt thấy trong mắt vợ tôi một chút gì nghi ngờ ái ngại. Tôi cười khê: Cái bệnh "viêm mũi dị ứng" anh nghĩ mãi không ra phương cách dứt nọc. Tức quá, ngủ không được. Tôi không dám kể chuyện đó cho nàng nghe đêm nay, sợ nàng bị xúc động, ám ảnh. Nàng đưa tay kéo tôi vào phòng ngủ, treo chiếc Kimono lên mắc, đặt lưng xuống nệm, kéo chăn ngang cằm. Chuông nhà thờ điểm 3 tiếng, 3 giờ rồi.

- **Trần Bảo Toàn**

Burgstr 19 . 9000 St. Gallen  
Schweiz

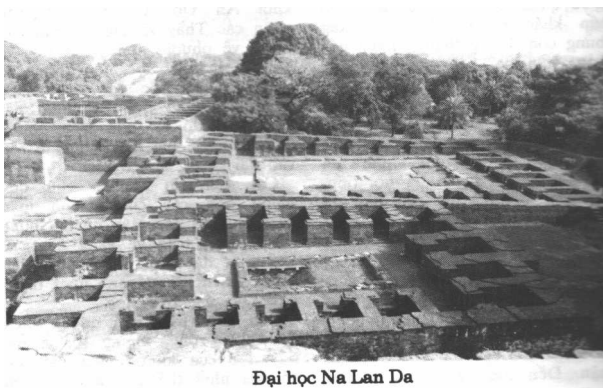
## Thăm Chùa Tàu ở Mỹ

Năm kia đi chơi Ca-ly  
Mấy người bạn rủ tôi đi thăm chùa  
Ngôi chùa Tàu thật quá to  
Có thể gấp mấy lần chùa Vĩnh Nghiêm  
Người Hoa họ cũng lắm tiền  
Bảo nhau quyên góp xây nên ngôi chùa  
Công Tam Quan xây cũng to  
Từ công vào chùa đi cũng khá xa  
Chánh điện ba tượng Phật to  
Còn trên vách chùa toàn Phật, Phật không  
Phật nhỏ Phật lớn Phật trung  
Thấy nhiều giấy dán lung tung bệ ngồi  
Lấy làm lạ hỏi thăm chơi  
Tòa sen Phật ngồi dán giấy làm chi  
Sư Cô mới kể cho nghe  
Đây là Phật Tử đã mua cúng dường  
Từ trăm đô tới mười ngàn (US)  
Ai phát tâm để họ tên mình vào  
Vách chùa cũng thật là cao  
Hàng hà sa số Phật sao quá nhiều  
Chùa Viên Giác Thầy mới kêu  
Tạm xong chùa, tháp có điều chưa xong  
Mới xây được đủ bảy tầng  
Tô tường lợp ngói tháp xong hoàn toàn  
Còn hồ sen, Phật lộ thiên  
Trái đá, lót đường cho bãi đậu xe  
Vấn đề thật quá nhiều khê  
Tịnh tài không có làm gì được đây  
Bà con Phật tử tiếp xây  
Chỉ mua vật liệu công thầy khó lo  
Vi muốn cho mau xong chùa  
Thầy đến tận nhà từng tiệm để quyên  
Việt, Hoa, Thái Lan, Cao Miên  
Thầy trò đi suốt ngày đêm không ngừng  
Nhưng việc gì cũng có chùng  
Quang Kính cô động cũng ngưng lâu rồi  
Bây giờ xin có đôi lời  
Thưa cùng Phật tử khắp nơi xa gần  
Và đây chỉ là một lần  
Chót nữa kêu gọi Phật tâm đồng bào  
Chùa đức tượng Phật thạch cao  
Đề thờ trong tháp xây cao bảy tầng  
Mười ngàn tượng để chung quanh  
Phát tâm xin cứ ghi danh, họ vào  
Hay là muốn tặng người nào  
Cũng cứ ghi vào còn sống trắng tinh  
Mãn phần tượng Phật đổi hình  
Vậy xin Phật Tử tận tình giúp cho  
Trăm hai mươi Mác cũng to (120 DM)  
Nhưng giúp việc chùa công đức lắm thay  
Văn hóa Phật giáo xứ này  
Cũng nhờ Phật Tử tiếp tay mới thành  
Thăm chùa Người ngắm chùa mình  
Cả hai công trình tương tự như nhau  
Bởi vì Người Hoa họ giàu  
Tịnh tài sẵn có chùa mau hoàn thành  
Còn chùa Viên Giác của mình  
Phật Tử tận tình đóng góp để xây  
Áo may còn thiếu vài tay  
Bà con ráp lại xong ngay mấy hồi  
Phật Đản lễ Phật về coi  
Chùa mình rục rờ khắp nơi huy hoàng  
Thành tâm xin gửi mấy hàng  
Phật tâm cố gắng xin đừng bỏ qua  
Chúc quý vị được an hòa  
Thanh tâm an lạc mọi nhà an vui

**Hannover - Mùa Xuân 92**  
**Quang Kính**

# Đường Sang Thiên Trúc

- Từ Hùng Trần Phong Lưu -



## (Tiếp theo)

Hôm sau, cũng vào lúc sáng sớm xe đưa chúng tôi chạy về quê hương tu học của các Ngài Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân... cách kinh thành Vương Xá 12 cây số về hướng Bắc.

Xe bỗng dừng lại theo cái khoác tay của Thầy. Bên đường một chú nai Ấn mặc áo dài quá gối đang dắt một con voi to ngà trắng dài. Tuy ngà đã bị cắt đi 2 ngọn nhọn và tròng vào dây ba vòng bạc, nhưng trông thót tượng cũng bề thế lắm. Thầy muốn cho chúng tôi đi chuyển bằng voi một đoạn.

Theo lệnh truyền từ cái sào ngoéo bằng cây tre già đầu bịt sắt nhọn và mấy tiếng nói kỳ lạ của chú nai, voi từ từ quì xuống cho tôi leo lên, rồi cũng đứng dậy chậm chậm và bước đi. Chưa bao giờ tôi thấy bắp bênh như trên lưng voi cao. Tuy chỗ ngồi rộng, nhưng mình voi to nặng. Mỗi bước voi đi sáng qua, đưa lại khiến mình phải nắm chặt dây chẳng nệm ngồi vì không còn điểm tựa nào khác. Coi bộ những ngòi cao, nếu mình không chuẩn bị đầy đủ trước, không trang bị chỗ tựa vững chắc, thật khó mà ngồi yên. Đến khi vừa cảm thấy hơi thoải mái, để ý được gió mát bên mặt và ngắm quanh người vật bên dưới thì lại phải sửa soạn xuống voi. đứng ra là vừa "Lên voi xuống xe hơi". May! chưa đến nỗi xuống chó. Bác nai chỉ là người chặn voi cho một ông Bá Hộ trong vùng, tiện đường qua đây. Nên khi tôi đưa bác 5 Rubis cùng với một số tiền của các bác các anh chị vừa lên voi hay chỉ đứng bên chụp hình, bác mừng lắm, vì bỗng được một món tiền ngoài dự định.

Xe chạy vào vùng Nalanda, quê hương của Ngài Xá Lợi Phất (Sariputta), qua làng quê của Đại Sư Giới Hiền (Thầy của ngài Huyền Trang). Hai bên đường, những thửa ruộng, ngăn bờ đê chạy dài ra tận chân trời nhắc lại những hình ảnh, cảnh vật và những chi tiết về cách sinh hoạt cách đây non 15 thế kỷ đã được ghi rõ trong hồi ký Tây Du của ngài Huyền Trang. Ngài Tam Tạng Pháp Sư đã gọi lúa trồng trong những thửa ruộng này là lúa Trời với hạt dài, nấu rất thơm ngon và mô tả loại bánh chiên nhúng đường rất nổi tiếng tương tự như bánh quai chèo. Đến nay bánh ấy vẫn còn được dâng cúng trong các buổi lễ lớn. Chúng

tôi đã chạy xe lên chính con đường mà ngày xưa đã từng in bước ngài, nhưng nay đã được tráng nhựa. Con lộ này đã dẫn vào tận khu Đại học Nalanda cũ rộng mênh mông với nhiều khu còn nằm sâu trong lòng đất, những khu mới phát hiện, những khu đang được các nhà khảo cổ Nhật và Mỹ khai quật và những khu lộ thiên đã trải bao nắng gió thời gian. Dĩ nhiên bản họa đồ hướng dẫn đặt tại khu bảo tàng chưa vẽ lại được đầy đủ dù quy mô đã rộng lớn lắm rồi.

Từ chỗ đậu xe đến cổng trường chúng tôi còn phải duyệt qua hai dãy gian hàng bán đồ kỷ niệm. Như một khu chợ nhỏ với đầy đủ từ những món thủ công nhỏ, đan tre, đục gỗ, những đồ đồng chạm, những khoen chìa khóa chạm thành kiểu lịch 25 năm của Ấn Độ cho đến những tượng Phật điêu khắc trên đá hoa, ngọc thạch...

Qua hai trụ cổng vuông, mũi nhọn kim tự tháp, chúng tôi theo con đường đất đỏ, hai bên trồng cau kiềng thân to đi vào một vùng đất rộng mênh mông, phối hợp nhiều quần thể kiến trúc lớn, cao thấp khác nhau, liên kết bằng những con đường thẳng, thẳng góc nhau, viền hai bên hai hàng cây kiềng thấp cắt xén đều đặn.

Ngày xưa Phật đã nhiều lần viếng thăm vùng đất xinh tốt này và đã từng nhận của cúng dường một vườn xoài sai trái tại chính nơi đây. Có lẽ cơ duyên đã nối tiếp. đến thế kỷ thứ hai nơi này đã hình thành trung tâm tu học Phật giáo nổi tiếng. Tư tưởng gia cự phách của Đại Thừa, Thầy Long Thọ (Nagarjuna), sinh vào giữa thế kỷ thứ hai đã được thọ giới ở đây và đã chủ trì Trung tâm tu học Nalanda sau khi trước tác hai bộ Trí Độ Luận và Trung Quán Luận. đến thế kỷ thứ năm đại học Nalanda đã phát triển đến hồi cực thịnh. Các thầy Đề Bà (Aryadeva), Vô Trước (Asanga), Thế Thân (Vasubandhu), Trần Na (Dinnaga), Hộ Pháp (Dharmapala), Giới Hiền (Silabhadra) và Pháp Xứng (Dharmakirti) vốn là những nhà tư tưởng nổi tiếng nhất trong các hệ thống Bát Nhã, Duy Thức và Nhân Minh, đều đã từng tu học và giảng dạy tại đây. Đến thời Thầy Huyền Trang sang du học (vào thế kỷ thứ 7) đã được đón tiếp rất niềm nở. Thầy đã ghi lại trong Tây Du Ký, viện trưởng viện Đại học lúc đó là ngài Giới Hiền, trường giảng dạy hơn 100 môn học cho hơn 6000 sinh viên. Một qui mô quá to lớn mà chính các trường phái triết học Socrate, Platon của thời La Hy cổ đã mơ tưởng mà chưa thực hiện được.

Vậy mà chỉ đến thế kỷ 12, sau cuộc chiếm cứ của người Hồi giáo, Nalanda đã bị phá hủy hoàn toàn đổ nát. Thầy Nhất Hạnh có lần đã thuyết giảng tại đây : "Tuy rằng cuộc xâm chiếm Hồi giáo có tàn bạo, tuy họ đã đốt chùa và giết các Thầy, nhưng đạo Phật không phải chỉ vì lý do đó mà bị đẩy ra khỏi Ấn Độ. Chính vì nguyên nhân các Thầy về sau đã quá chú trọng về phương diện triết học và nhất là luận lý học, nên không có thì giờ chăm sóc đến sự tu học của đại đa số quần chúng. Phật giáo thời đó lại dựa trên những

người có thể lực mà không đi sâu vào đại chúng nghèo khổ.

Các thầy lo chuyên chú quá nhiều đến các cuộc tranh luận triết học với các giáo phái. Những cuộc thắng trận về vang của các Luận sư Đạo Phật, chỉ gây thêm thương tích và sự ganh ghét trong giới Lục phái triết học".

Đến nay hầu hết những điện đường to rộng, những tòa ngang dãy dọc của khuôn viên đại học cổ xưa nhứt thế giới này chỉ còn để lại những bức tường gạch dày rêu phong, những tầng nền cao lát sa thạch nám đen. Nhưng về bề thế của những tòa kiến trúc nhiều tầng vây quanh chân tháp Xá Lợi Phất, cách phân bố nhiều phòng của các tu viện Vihàra, phối hợp theo một thể đứng rất hiện đại và những bờ tường cao vây quanh những sân nội lát gạch hay trồng cỏ đủ phân định rõ rệt từng khu giảng đường, khu tu học, khu cư xá sinh viên, nơi nấu nướng cũng như các nhà kho chứa thóc gạo với những lu, hũ đựng dầu ăn... Mà muốn đi giáp vòng hết tất cả tổng thể thắng tích này ta phải mất đôi ba ngày. Muốn xem kỹ từng khu nhiều người phải mất cả buổi. Trong khi những chuyên viên khảo cổ Nhật vẫn tiếp tục dùng tay bươi từng hòn gạch, dùng cọ phủi bụi từng tảng đá, dùng cuốc móc đất quanh từng mảng tường, thì không biết đến năm tháng nào mới khai quật được hết các khu đang và sẽ phát hiện trong toàn khuôn viên viện đại học mà khi xưa ngay cả ngài Padmasambhavada đã từng tu học, rồi sau qua xứ Tây Tạng lập ra Lạt Ma Tôn (Lamaism) vẫn còn thịnh hành cho đến ngày nay.

Chúng tôi không thể viếng thăm hết các khu tu học trong một ngày du ngoạn ngắn ngủi. Nên đã theo chân Thầy Huyền Diệu đi qua một lộ trình hướng dẫn quen thuộc để được xem những công trình quan trọng nhứt. Khi thì đứng tại khu giảng đường ngược lên xem các cây tháp cao 6, 7 tầng vây quanh chân tháp Xá Lợi Phất. Lúc lại leo lên bờ tường cao như trên sân thượng một tòa cao ốc nhìn xuống toàn khu kiến trúc. Mới đầu còn khô ai cũng len lỏi vào tận từng gian phòng, xem xét từng ngõ ngách ra vào. Sau một đành ngồi xuống đoạn tường thấp, hay thềm gạch cao để nghe Thầy diễn giảng những mẩu chuyện sử ký, những tích xưa. Nhìn chân tháp cao bốn năm chục thước to như một ngọn đồi chỉ kém ngọn Châu Thới, Biên Hòa vài ba chục thước, ai cũng thắc mắc không biết phía trên, lúc xưa còn bao nhiêu tầng tháp nữa. Tháp xây đặc ruột hay có chừa ngầm những ngõ ngách hang động nào như trong Kim Tự Tháp. Vì đến nay chưa có người nghiên cứu việc này. Theo sử chép ngài Xá Lợi Phất xuất thân tại làng này nên sau khi thị tịch Ngài được đưa về đây dựng tháp thờ.

Khu tu học phối hợp bởi nhiều Vihàra hình vuông không theo phương hướng cân đối cổ điển, mà gắn bó chặc chẽ theo thể cách rất hợp với thẩm mỹ thiết kế hiện đại. Tất cả tường gạch đều xây dày cả thước. Dĩ nhiên tường ngăn trong mỏng hơn tường ngoài vài tấc. Nhưng cách bố trí từng Vihàra đều giống nhau gồm

nhiều gian nhỏ cũng hình vuông gần giống với các xà lim (Cellule) của các tu sĩ Thiên Chúa, chỉ có một cửa ra vào không có cửa sổ. Tất cả các gian phòng nhỏ đều vây quanh một sân nội - với giếng nước tròn đào ở một góc. Sân hoặc lát gạch ở giữa, viền cỏ xung quanh chừa một khoảnh nhỏ trồng hoa cuối sân, hoặc tất cả trồng cỏ chỉ xây một bờ tường thấp giới hạn vuông sân nhỏ ở giữa có thể để trồng hoa kiềng. Lối vào mở ngay trên trục giữa mỗi Vihàra, hai bên đều xây thêm hai phòng nhỏ ra khỏi vuông tường ngoài, có thể là văn phòng điều hành. Phòng giữa cạnh cuối cũng xây to hơn các gian bên và tường cũng xây nhỏ ra khỏi tường ngoài dành cho tu sĩ trưởng nhóm.

Mỗi gian phòng tu học đều xây 2 giường hoặc sạp gạch châu đầu thẳng góc hình chữ L vào bàn gạch vuông xây cao hơn ở ngay góc giữa, để đặt kinh sách, tập vở. Giường trong dành cho vị Thầy hoặc tu sĩ đàn anh ngồi diễn giảng hoặc giảng kinh. Giường ngoài dành cho đệ tử hoặc tu sĩ đàn em ngồi nghe giảng, học hỏi. Cách truyền dạy trực tiếp như vậy để đạt hiệu quả trọn vẹn. Trước thềm mỗi gian lại đặt một tảng sa thạch lớn để phản chiếu ánh sáng mặt trời vào trong phòng mà ngăn được nắng chói trực tiếp. Cũng như tường dày mái hiên de ra xa chỉ đón gió mát vào cửa mà ngăn mưa tạt. Giếng nước trong sân đều được đầy nắp song sắt để lấy nước uống và tắm giặt cho mỗi Vihàra.

Khu nhà bếp cũng được bố trí theo một kỹ thuật đặc biệt. Nhà trù thuở xưa đã cho xây 2 hàng, 6 bếp to mỗi bên đầu lưng nhau. Khi nấu cơm canh chỉ cần đút hai thanh củi thật dài từ hai đầu xuyên qua 6 bếp lò thông gió hai bên. Lửa bùng cháy cùng một lúc để nấu chín 12 nồi cùng một lượt. Gần đó cũng đào một giếng nước và xây nhà kho chứa thực phẩm. Khi quân Hồi xâm chiếm Ấn Độ theo sử ký, đại học Nalanda đã có gần 10.000 tu sĩ cùng nhân sự điều hành và giúp việc. Ngọn lửa đốt sách của đại học này mãi đến 6 tháng sau mới tàn.

Lúc còn giảng dạy môn Lịch Sử Kiến Trúc tại đại học Saigon, chúng tôi vẫn tưởng chỉ những đại học Trung cổ Âu Châu mới có qui mô to lớn, để lại nhiều di tích đầy đủ nhứt, từ thời đại xa xưa nhứt. Nhưng hôm đó chúng tôi đã hoàn toàn đổi ý trước vẻ bề thế, cách thiết kế thuận lợi, phù hợp với khuôn thước vàng của Mỹ học và niên đại cổ xưa hơn, từ cuối thế kỷ thứ nhứt sang đầu thế kỷ thứ hai, của đại học Nalanda. Cũng như trước đây các nhà đô thị học đã đổi ý khi khai quật được các thành phố cổ của Ấn Độ xưa hơn các thành phố thượng cổ Lưỡng Hà (Mésopotamie) và Ai Cập cả ngàn năm.

Về qua công trước, chúng tôi còn kịp ghé thăm viện Bảo tàng xây cao 2 tầng nằm đối diện trước cửa đại học. Những hình tượng điêu khắc tinh vi từ thế kỷ thứ 5 thứ 6, những dấu ấn bằng đất nung chạm trổ khéo léo, những khí cụ sinh hoạt như những cái chum đựng thóc lúa rất to cùng những lu, hũ đựng dầu ăn.. tuy phần nhiều đã bị đập phá bởi giặc Hồ, nhưng cũng

đủ diễn đạt được phần nào thời đại văn hóa giáo dục cực thịnh của Phật giáo hồi đầu thiên niên này.

Vòng qua, chỗ đậu xe chúng tôi định vào xem một tòa kiến trúc Trung Quốc mới xây mang tên "Hen Suyen Museum" nơi tàng trữ những tạc kinh, di tích kỷ vật cùng hình ảnh và tượng thờ của ngài Huyền Trang. Nhưng tiếc, bảo tàng viện Huyền Trang đã đóng cửa vì hết giờ. Chúng tôi đành đi chung quanh để ngắm những góc mái ngói sành uốn cong, những đả sơn vẽ hình hoa văn ngũ sắc và dãy cột tròn sơn son bao quanh.

Chuyên về, chúng tôi dành thì giờ viếng đại học Nalanda mới, được hoàn tất hồi thập niên 50, theo kiến trúc Ấn mới. Những bức tường gạch quét vôi vàng mở ra những cửa sổ 3 khung viền màu xanh. Khung giữa 2 cánh cửa gỗ lớn. Hai khung 2 bên nhỏ và thấp hơn chỉ mở 1 cánh và bên trên các cánh cửa đều chừa khoảng kiếng. Mái hiên che ở trên cũng uốn cong thành vòm cung với đầu nhọn nơi cửa giữa. Tất cả đại học mới này không đại diện được phần nhỏ quy mô và hình thể của đại học Nalanda cũ, mà cũng chỉ bằng chừng phân nửa Phật học viện Huệ Nghiêm tại Phú Lâm miền Nam Việt Nam thuở trước. Nhưng chính đó là nơi xuất thân của Thượng tọa Minh Châu, Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, Hòa thượng Thích Huyền Vi, Thượng tọa Thiện Thanh, Sư Pháp Nhẫn, Sư Kiêm Triều, Thầy Thiện Giới (Nam Tông). Qua sân cỏ viên những hàng kiếng thấp cất xén đều đặn, chun dưới những cây cau kiếng thấp, chúng tôi bước vào khoảng sân tròn lát đá trắng để chiêm bái di tượng bằng thạch cao trắng, đặt trên bệ ngang giữa sân. Bảng cẩm thạch gắn dưới bệ tượng khắc rõ tên vị Thượng Tọa sáng lập Đại học, Ven. Jagadisa Kassapa Mahathera mất năm 1962. Thầy hướng dẫn chúng tôi vào xem thư viện mây giăng đường, lớn hơn lớp học chút đỉnh và nhiều phòng nhỏ cho các tu sinh nội trú. Thầy còn chỉ các phòng cũ của Hòa thượng Huyền Vi, Thượng Tọa Thiện Thanh...

Chợt qua một gian phòng rộng có bàn thờ Phật, lại thấy bày mấy chiếc giường ngủ che màn, đồ đạc để ngón ngang. Hỏi Thầy, mới hay ngoài 240 tăng sinh, Đại học còn nhận một số đệ tử tục gia, mà số phòng ở lại chỉ có hạn, nên chúng tôi mới thấy áo quần treo, máng la liệt trên cọc màn, thành giường tại nơi nhĩ mục quan chiếm cứ như ở Đại học xá Minh Mạng Chợ Lớn thuở trước.

Tại đây ngôn ngữ giảng dạy thường dùng tiếng Phạn Pali. Dù vậy, khi còn theo học tại đây Thượng Tọa Minh Châu đã nổi tiếng là một tăng sinh ưu tú, nhờ tu học rất chuyên cần. Những khóa hội thảo (Seminar) do Thượng Tọa tổ chức lúc còn là phụ khảo được nhiều người nhắc nhở đến cho tới bây giờ, kể cả những lời khen ngợi của các bậc Thầy. Nhớ lại lúc nhỏ đọc báo thấy đăng hình Thầy nhận bằng Tiến Sĩ Phật Học có thể vào khoảng năm 57, 58 gì đó.

Chúng tôi quành qua sau nhà bếp đến một gian phòng nhỏ bán bánh kẹo và được giới thiệu với một

bác Ấn Độ mặc áo bành tô vàng không tay, khoác ngoài áo trắng, đầu vấn khăn hàng in bông xanh trông quắc thước như người mới trên năm mươi tuổi. Ông ngồi trên chiếc sạp gỗ cũ kỹ bên hộp tiền bằng cây và giữa những tủ kiếng xưa treo gắn trên các mặt tường chung quanh đựng những keo bánh, hủ kẹo, như đã ngồi tại đó từ 40 năm nay. Sau khi trao đũa cháu nội cho con trai đứng gần đó, ông mời trà và mời chúng tôi những chiếc bánh những chiếc kẹo mà quý Thầy đã từng dùng cách đây mấy mươi năm. Bác kể rõ đặc tính của từng Thầy Việt Nam đã từng du học tại đây. Cách học của Thầy này ra sao, thói quen của Thầy kia thế nào... Nghe chuyện mà chúng tôi như hình dung ra cảnh sinh hoạt của quý Thầy lúc xưa. Bác còn lôi trên đầu kệ tủ gương hai ba quyển tập giấy học trò cũ xưa, bìa đóng dày một lớp bụi, cấu, mờ hồi nay đã thành đất. Bác mở mấy quyển sổ "ăn trước trả sau" đó để chỉ cho chúng tôi tên mấy Thầy quen thuộc ăn món nào, bánh kẹo gì.. Khi tôi hỏi tên, bác tự xưng là cựu nhân viên nhà bếp theo Ấn giáo và ghi nắn nót vào quyển sổ tay kỷ niệm của tôi hàng tên : Rudra Narayan Jha, Vill Nalanda. Tôi cũng mời Bác ra chụp chung bức ảnh để sau này có dịp gặp lại quý Thầy trưng ra để nhắc lại kỷ niệm xưa. Vì nhớ có lần vào năm 69, tôi đã đến Viện Đại học Vạn Hạnh gặp lại một người bạn xưa lúc đó đã trở thành Đại Đức Thích Ngươn Tánh, Khoa trưởng phân khoa Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn. Bất ngờ được hưởng cái thú nhắc nhau những kỷ niệm chung lúc thiếu thời.

Nắng tắt dần, chúng tôi đi qua sân cỏ, trở lại vườn hoa, ra cổng đi về phía bờ hồ lớn thả sen để nhìn cảnh hoàng hôn trên ruộng đồng bên kia mà nhớ nhà. Chắc quý Thầy xưa kia cũng từng ra đây đứng, cũng ngắm sen nở và cũng nhìn ánh trời chiều. Tâm trạng của quý Thầy ra sao? Mấy ai biết?

Phái đoàn trở về ghé qua "Trung Hoa Phật Tự" do vị sư già người Hoa đã xây nên và trụ trì tại đây từ lâu đời. đến khi ngài thị tịch không ai coi sóc, chùa được giao lại cho một vị sư Tiểu Thừa người Miến Điện ở trụ trì. Tuy theo truyền thống Nam Tông nhưng để nhớ ơn người sáng lập, nên chuông mõ vẫn để đúng vị trí cũ, mọi cách thờ tự trong chùa đều để nguyên theo nghi thức Bắc Tông. Khiến chúng tôi càng có hảo cảm với vị sư trẻ tuổi này. Trong khi chờ bữa cơm tối do chính tay sư sửa soạn nấu, chúng tôi ra dạo chung quanh để nhìn lại cây chùm ruột vươn cao, cây xoài um tùm, cây ổi treo lủng lẳng mấy trái xanh, vài trái đu đủ chín ươm quanh ngọn và buội chuối sau hè.. ần hiện lúc chạng vạng tối mà tưởng như đang vào sân chùa tại một làng quê Việt Nam. Mùi tôm khô, khô mực thơm phức lôi chúng tôi vào bàn, mới hay cơm được dọn thành hai mâm, mặn và chay. Bữa ăn ở đây gần giống như ở trong nhà các đồng bào Phật giáo Hòa Hảo ở miệt Long Xuyên Châu đốc, dưới ánh đèn dầu trong khi bên ngoài trời càng lúc càng tối hẳn.

**(Còn tiếp)**



# Gia Đình Người Tỵ Nạn Đông Dương Và Sự Thành Công Ở Học Đường

**Nathan Caplan, Marcella H.Choy và John K. Whitmore (Scientific American, tháng 2, 1992)**

L.T.S. Sau đây là bài nghiên cứu tập thể của ba tác giả người Mỹ Nathan Caplan, Marcella H.Choy và John K.Whitmore đăng trên tạp chí khoa học "Scientific American" số ra tháng 2/92 vừa qua, viết về "hiện tượng" học giỏi của người tỵ nạn Đông Dương mà tuyệt đại đa số là người Việt tại hải ngoại. Viên Giác xin đăng tải bài này qua sự dịch thuật của Châu Văn cùng với lời bàn của tờ Thời Báo xuất bản tại Canada để bà con ta cùng suy ngẫm. Chúng ta có thêm cơ hội để tự thẩm định giá trị của người Việt, bảo tồn các nền nếp tốt đẹp của gia đình, phát huy hơn nữa các ưu điểm sẵn có của dân tộc. Chúng ta có lý do để tự hào, tự tin nhưng tuyệt đối không tự kiêu, tự mãn và không có lý do để mang mặc cảm tự ti, thấp kém trong cuộc sống đua chen với các nước văn minh, tiên tiến. Đó là phần thưởng tinh thần lớn nhất cho người Việt tỵ nạn chúng ta và là tiềm năng quý báu cho Tổ quốc mai sau, thời kỳ hậu Cộng Sản.

Ai cũng công nhận trẻ em Á Châu thành công trong việc học. Thành quả ngoạn mục của các em -đặc biệt về toán và khoa học- khiến nhiều nhà giáo dục Hoa Kỳ, Canada đi sang tận Nhật Bản và Đài Loan để mong tìm đến gốc rễ của sự thành công này. Các chuyên gia đề nghị học đường ở Mỹ áp dụng các điểm trong nền giáo dục ở Á Châu, như kéo dài niên học, thúc đẩy học sinh làm bài một cách chặt chẽ hơn, để nâng cao trình độ của sinh viên, học sinh ở Bắc Mỹ.

Nhưng không cần phải đi ra ngoại quốc mới hiểu được tại sao các trẻ em Á Châu thành công. Sự thành công của trẻ em gốc Á Châu cho thấy chúng ta có thể tìm hiểu được nhiều điều về lý do tại sao các em thắng thế ngay trong hệ thống trường học ở Bắc Mỹ. Một cách cụ thể, trong những năm cuối thập niên 1970 và 1980, các tai họa chính trị và kinh tế đã thúc đẩy bao nhiêu gia đình người Việt, Lào, và người Việt gốc Hoa chạy sang Mỹ, Canada làm lại cuộc đời. Việc định cư của các "người vượt biển" từ Đông Dương cho ta một cơ hội hiếm có để nghiên cứu sự thành công về học vấn của con em họ.

Các đứa trẻ tỵ nạn đã mất mát nhiều tháng, có thể cả nhiều năm không được đi học đàng hoàng vì sống trong các trại tỵ nạn. Các em cũng bị bứt ra khỏi đời sống và trải qua các cơn hãi hùng như cha mẹ các em, khi trốn thoát từ vùng Đông Nam Á. Với các kinh nghiệm khổ cực đó, và với vốn tiếng Anh rất ít ỏi, các em đã thích ứng nhanh chóng trong các trường học mới và bắt đầu trội vượt hẳn lên.

Trong khi nghiên cứu về sự thành công trên mặt kinh tế cũng như giáo dục của 1400 gia đình người tỵ nạn những năm đầu thập niên 1980, nhóm nghiên cứu ở đại học Michigan chúng tôi tìm hiểu các động lực đã gây nên sự thành công của các trẻ em tỵ nạn. Một số cách giải thích thông thường -như sự khích lệ của cha mẹ và óc hiếu học- có thể cho ta hiểu tại sao các học sinh nhỏ tuổi thành công, nhưng có nhiều lý thuyết giáo dục khác thì không đem ra dùng được.

Trong những điều chúng tôi tìm ra, có nhiều điểm có tính chất thuần văn hóa tập tục, những điều khác thì đã chứng tỏ vai trò vô cùng quan trọng của gia đình trong sự thành công về học vấn của trẻ em. Những điểm này vượt ra khỏi phạm vi văn hóa cá biệt, vì thế có giá trị đối với tất cả các nhà giáo dục, các nhà khoa học xã hội và các người nắm quyền định chính sách giáo dục, chứ không phải chỉ các người tỵ nạn mới nên quan tâm. Chúng tôi thấy rõ là hệ thống giáo dục ở Bắc Mỹ vẫn có thể có hiệu quả -nếu có sự hỗ trợ của gia đình và xã hội cho con em ngoài giờ học.

Chúng tôi nghiên cứu đủ góc cạnh của các người tỵ nạn đã định cư. Chúng tôi phỏng vấn và thu thập dữ kiện về 6700 người sống ở năm vùng đô thị, trong đó tìm hiểu về gốc gác và đời sống gia đình cũng như các dữ kiện về kinh tế và dân số học. Chúng tôi thấy các người tỵ nạn thuộc tầng lớp trung bình, về mặt địa vị xã hội cũng như trình độ giáo dục của họ, bình thường hơn những người vượt thoát khỏi Sài Gòn năm 1975. Những người tỵ nạn này chịu ảnh hưởng văn hóa Tây phương ít hơn, và trước khi đến Bắc Mỹ hầu như không biết tiếng Anh. Nhiều khi họ chỉ còn bộ quần áo mặc trên người khi đến.

## **Giỏi Toán, Lý, Hóa**

Chúng tôi lựa ra 200 tiểu gia đình với 536 trẻ em tuổi đi học trong nhóm trên. Số gia đình có từ bốn con trở lên chiếm 27%. Trung bình các em đã ở Mỹ ba năm rưỡi khi cuộc nghiên cứu tiến hành. Các cuộc phỏng vấn trẻ em và cha mẹ đều bằng tiếng mẹ đẻ của họ, ngoài ra chúng tôi còn được coi học bạ và các tài liệu khác.

## **Gia đình người tỵ nạn...**

Tất cả các trẻ em đều theo học những trường ở khu đô thị, nghèo -thường học sinh ở các khu đó ít khi học hành xuất sắc. Các em ở đủ các cấp lớp, một cách đồng đều : Từ lớp 1 đến lớp 11, mỗi cấp chừng 8%, lớp 12 và mẫu giáo mỗi cấp 5%, trong tổng số các em được nghiên cứu. Chúng tôi đổi các điểm bằng chữ ra số (GPA) : điểm A là 4, D là 1. Tính ra, điểm trung bình của các em là 3.05 tức là điểm B. 27% các em được điểm A, 52% điểm B, và 17% điểm C. Chỉ có 4% dưới điểm C. Điểm Toán còn đáng chú ý hơn điểm trung bình GPA. Khoảng một nửa các em được A về toán, một phần ba được B. Nghĩa là cứ 5 học sinh thì 4 em được A hay B. Các em giỏi toán hơn là

chuyện cũng dễ hiểu. Trí óc các em hấp thụ những môn này nhanh hơn vì các môn đó không đòi hỏi phải thông thạo Anh ngữ : Toán, vật lý, hóa học, và khoa học. Tự nhiên là các môn về văn học các em bị thấp; những môn đòi hỏi phải biết tiếng Anh đầy đủ, như môn Anh văn, Sử, và Khoa học xã hội, thì điểm trung bình của các em chỉ là 2.64.

Để có thể so sánh với phạm vi toàn quốc, chúng tôi dùng điểm của các kỳ thi tiêu chuẩn, đặc biệt là kỳ thi học vấn tiêu chuẩn ở California (CAT). Trong lãnh vực này, chúng ta vẫn thấy các trẻ em mới tới xứ Mỹ thành công vượt bực. Điểm thi trung bình toàn diện của các em ở bách phân thứ 54 (54 th percentile); nghĩa là các em có điểm cao hơn 54 phần trăm số người dự thi, trên số trung bình toàn quốc. Điều lý thú là điểm của các em tụ lại ở khoảng giữa, sự khác biệt giữa các cá nhân không lớn lắm.

Các kỳ thi toàn quốc cũng phản ảnh khả năng trên trung bình về toán của học sinh gốc Đông Dương, so với các em thi cùng một cấp. Một nửa số học sinh tỵ nạn đạt tới tứ phân cao nhất (top quartile), tức là cao hơn 75 phần trăm số người dự thi. Đặc biệt hơn nữa là 27 phần trăm các em đó nằm ở bậc thập phân cao nhất (10 th decile) -tức là cao hơn 90 phần trăm số người dự thi cả nước, và gần gấp ba lần thành quả trung bình (27 gần gấp ba lần 10). Điểm toán trong kỳ thi CAT cho thấy là các em giỏi toán thật chứ không phải chỉ giỏi hơn các trẻ em Mỹ ở trong vùng.

Trong các kỳ thi toàn quốc điểm Anh văn của các trẻ em tỵ nạn cũng thấp, dưới trung bình, như chúng ta có thể đoán trước. Nhưng các em chỉ ở dưới trung bình một chút thôi, và đó là điều đáng kể.

Các điểm GPA và CAT cho thấy trẻ em tỵ nạn rất giỏi, mặc dù các em xuất thân từ các hoàn cảnh khó khăn. Đời sống các em bị những thương đau về thể chất và tinh cảm, lại mất mát về học vấn, mà vẫn không cản trở việc di nhập của các em vào các trường học. Dù các em còn chưa quên được các kinh nghiệm đau đớn, chúng vẫn có khả năng tập trung vào hiện tại và lo học để tiến về tương lai. Nhờ thế mà các em thành công một cách phi thường ở trong trường. Hơn nữa, sự thành công này xảy tới cho đa số các em, không phải chỉ có một vài thần đồng mà thôi.

### **Gia đình đông lại học giỏi**

Sự thành công của các trẻ trên là nhờ những ảnh hưởng mạnh mẽ dù mạnh để vượt qua các yếu tố về địa dư và dân số học. Chúng tôi cố tìm hiểu các động lực tạo nên sự thành công đó, dùng các phương pháp phân tích của thống kê học. Một điều làm chúng tôi chú ý đặc biệt là sự liên hệ thuận giữa số anh chị em trong nhà với số điểm GPA.

Xưa nay nhà đông con thì con học dở đi. Các cuộc nghiên cứu hầu hết cho thấy một liên hệ nghịch : nhà nhiều con hơn thì điểm GPA và các thước đo về thành công học vấn sẽ thấp hơn. Thí dụ, có người đã tìm ra cứ thêm một đứa con thì điểm học vấn sẽ thấp xuống

15 phần trăm. Việc giải thích lý do tại sao như thế hiện còn đang bàn cãi, nhưng ai cũng đồng ý có mối liên hệ nghịch chiều như vậy.

Đối với trẻ em tỵ nạn Đông Dương, điểm bất lợi trên lại được hóa giải để thành lợi điểm.

Chúng tôi nhìn thấy ở kết quả nghiên cứu này vai trò quan trọng của gia đình trong việc thành công về học vấn của trẻ em. Chúng tôi giả thuyết rằng các đặc điểm về đời sống gia đình khả dĩ giải thích tại sao trẻ em và cha mẹ chúng có thể vượt qua các trở ngại về tiếng Anh dở, lợi tức thấp, và khung cảnh trường công ở vùng đô thị nghèo, để đạt tới các thành quả học vấn rất sớm trong cuộc sống định cư.

### **Truyền thống gia đình**

Vì các người tỵ nạn mới đến ít năm cho nên ta có thể nói sự thành công của trẻ em là do gốc rễ văn hóa của chúng. Chúng tôi không bỏ qua các động lực của cơ cấu xã hội -trong đó có cơ hội học hành và thăng tiến- nhưng chúng tôi tin rằng các tập tục và giá trị truyền thống văn hóa thấm nhuần trong các trẻ em Đông Nam Á đã hướng dẫn chúng.

Người ta không tiếp thu văn hóa ở giữa hư không, mà được truyền qua gia đình. Trẻ em thụ đắc tinh thần truyền thống nhờ các cố gắng và chú tâm của cha mẹ ở trong đời sống gia đình. Xưa nay văn hóa của một dân tộc vẫn được truyền thụ từ thế hệ này sang thế hệ khác ở trong gia đình.

Chúng tôi đã tìm hiểu xem các phụ huynh coi những điều gì là giá trị truyền thống họ muốn bảo vệ, các giá trị đó được truyền cho con em họ đến mức nào, và các giá trị đó đóng vai trò gì trong việc thúc đẩy học hành. Chúng tôi dùng 26 câu hỏi để phỏng vấn về các giá trị, các câu hỏi là kết quả của sự nghiên cứu văn học Châu Á và các cuộc khảo cứu về khoa học xã hội. Trong mỗi câu hỏi chúng tôi yêu cầu phụ huynh đánh giá tầm mức quan trọng của mỗi giá trị truyền thống.

Một điểm chúng tôi tìm ra là cách cha mẹ và con cái thẩm lượng các giá trị trên giống nhau, chứng tỏ phụ huynh đã làm vai trò hướng dẫn con em rất giỏi. Nói chung, các giá trị và kỳ vọng trong gia tài văn hóa truyền thống từ Đông Dương đã được các gia đình mang sang Châu Mỹ. Chúng tôi cũng xác định được là các giá trị văn hóa phong tục có vai trò quan trọng trong thành quả học vấn của trẻ em. Các giá trị được bảo tồn đã là nguồn gốc tác động và hướng dẫn cho gia đình đối phó với các vấn đề xã hội khác hẳn cuộc sống ở quê nhà của họ. Các giá trị đó nằm sẵn trong truyền thống của họ, bắt nguồn từ Khổng Giáo và Phật Giáo.

Trong truyền thống ở Á Đông và Đông Nam Á, gia đình là một định chế trung tâm, từ gia đình và trong gia đình mà việc học hỏi, thành đạt được hoàn tất. Chúng tôi đã dùng phép phân tích thành tố (factor analyses) và các phép thống kê học khác để định xem những giá trị chia ra các nhóm như thế nào và mỗi

nhóm có liên hệ gì đến sự thành công về học vấn. Các cuộc phân tích trên chúng tỏ các phụ huynh và trẻ em đề cao những bốn phạm tập thể và hỗ trợ đối với nhau cũng như đối với họ hàng. Họ đều cố gắng để đạt tới sự tương kính, cộng tác và hòa hợp trong gia đình.

### **Cả nhà học hành với nhau**

Không có gì hiểu nhiều hơn về sự quyết tâm học hỏi để thành công cho bằng số giờ học trở làm bài và học ở nhà. Trẻ em tỵ nạn Đông Dương làm việc trung bình 3 giờ 10 phút mỗi ngày, khi ở cấp ba (trung học), hai giờ rưỡi ở cấp 2 (trung học phổ thông) và hai giờ 5 phút ở tiểu học. Các cuộc nghiên cứu ở Mỹ cho biết trẻ em trung học Mỹ trung bình học một giờ rưỡi ở nhà thôi.

Trong gia đình người tỵ nạn, rõ ràng là việc học và làm bài là việc chính trong sinh hoạt ở nhà mỗi buổi tối. Các cha mẹ có thể kém Anh ngữ và không có trình độ học vấn đủ nên không dự được vào việc giảng nội dung bài học, nhưng họ định ra các tiêu chuẩn và mục tiêu cho các con học mỗi buổi tối, và họ giúp cho con học bằng cách lo hộ con các việc gia đình.

Sau bữa ăn tối, dọn dẹp bàn ăn, thế là cả nhà quây quần lo việc học. Các anh, chị lớn giúp các em. Chúng thật sự học được rất nhiều nhờ dạy các em, hơn là chính chúng học. Có thể tin là ngoài nội dung môn học, trẻ em đã học được rất nhiều thứ : về kỹ năng, tập quán, thái độ và kỳ vọng của các em. Các em nhỏ không những học được các môn, mà học hỏi được cả phương cách học như thế nào. Sự tham dự của các anh chị trong việc học của các em chứng minh tại sao một gia đình đông con lại thúc đẩy và củng cố thành quả về học hành. Nhờ học tập ở nhà mà trẻ em đến trường không bị bỡ ngỡ, do đó nên học hành khá hơn.

Việc tham dự của bố mẹ, gồm cả việc đọc sách thường xuyên cho trẻ nhỏ nghe xưa nay việc đọc này vẫn liên hệ thuận với thành quả học đường. Gần một nửa (45%) cha mẹ nói họ đọc sách thành tiếng cho con nghe. Trong các gia đình đó, điểm GPA là 3.14, so với điểm các trẻ em ở những gia đình không đọc lớn tiếng là 2.97. (Sự khác biệt nhỏ này, cũng như các kết quả so sánh điểm GPA khác, đều khá tin theo tiêu chuẩn thống kê học -statistically reliable). điểm đáng chú ý là hiệu quả của việc đọc sách trên xảy ra cả khi cha mẹ dùng tiếng Anh hay khi dùng tiếng mẹ đẻ của họ.

Điều khám phá trên đây cho thấy khả năng nói tiếng Anh của cha mẹ không phải là yếu tố trọng yếu quyết định thành quả học vấn của các con. Đúng ra phải nói là việc học hành được hưởng kết quả của kinh nghiệm chung sống giữa cha mẹ và con cái -mối dây tình cảm, các giá trị văn hóa và các điều khôn ngoan chia sẻ trong những truyện kể bằng tiếng mẹ đẻ, sự tôn trọng việc đọc sách và học hỏi v.v.. Vì ở nhà cha mẹ cũng đọc cho con nghe cho nên biên giới giữa đời sống ở nhà và ở trường cũng bị xóa đi. Trong hoàn cảnh đó

việc học đối với trẻ trở thành việc bình thường, đáng làm, mà lại vui.

### **Nam nữ bình đẳng**

Xưa nay sự bình đẳng nam nữ và việc chia sẻ công việc nhà vẫn liên hệ thuận với thành quả học hành. Người ta đã tìm ra là sự bình đẳng nam nữ tương đối vẫn báo hiệu điểm GPA cao hơn. đối với câu : "Người vợ phải luôn luôn vâng lời chồng"; ở gia đình nào mà người ta không đồng ý thì điểm trung bình của các con là 3.16. Còn ở gia đình nào mà cha mẹ đồng ý với câu đó thì các con chỉ được điểm 2.64. Trong các gia đình mà người cha giúp rửa chén và giặt giũ thì điểm GPA trung bình là 3.21; còn khi người cha không có tay vào thì chỉ có 2.79.

Tinh thần bình đẳng trên không chỉ thu hẹp ở bố mẹ, nó còn lan sang con cái, đặc biệt là giữa quan niệm về vai trò con trai, con gái là liên hệ với lại thành quả học vấn. Trong gia đình nào mà cha mẹ nghĩ con trai con gái đều phải làm việc nhà như nhau thì con cái nhà đó có điểm GPA cao hơn. Nhà nào nghĩ rằng con trai và con gái đều nên lên đại học như nhau thì nhà đó điểm GPA của các con là 3.14; còn nhà nào trọng nam hơn nữ thì chỉ có 2.83.

### **Hiếu học và tự tin**

Ngoài sự hỗ trợ và hướng dẫn của gia đình; các yếu tố văn hóa khác cũng quan trọng trong sự tác động thúc đẩy trẻ em học. Phần lớn cha mẹ cũng như trẻ em coi "óc hiếu học" là giá trị có ảnh hưởng lớn đến thành công của họ. Tánh yêu thích việc học này có hai phần. Thứ nhất, trẻ em cảm thấy thích thú khi giải một vấn đề cho đến thành công. Thú vui nhờ phát triển trí tuệ, nhờ hiểu biết và tư tưởng mới, cộng thêm khả năng mới học được, được trẻ em coi là rất đáng thỏa mãn. Thứ hai, trẻ em tỵ nạn cảm thấy cố giúp cho các em học là một thành tựu của chúng. Việc học và việc dạy các kiến thức được coi là những kinh nghiệm vui sướng chứ không phải các việc cực nhọc.

Mặc khác, sự thỏa mãn khi thành công dựa trên ý thức rằng nỗ lực quan trọng hơn tài năng bẩm sinh. Các người tỵ nạn không nghĩ rằng kết quả việc học là do số phận hay may rủi; họ tin vào khả năng nắm vững các yếu tố ảnh hưởng đến đời họ. Trong truyền thống của họ, họ có một đường lối thực tế để tiến đến thành công, là định ra các mục tiêu thực tế. Nếu không định được các ưu tiên và tiêu chuẩn cho công việc, thì các mục tiêu cũng lơ mơ. Còn người chủ trương phải làm việc một cách có kỷ luật và phải nghĩ đến mục đích xa thì sẽ đặt ra được cái thứ tự ưu tiên và tìm cách đạt tới mục tiêu. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi ủng hộ ý kiến xưa nay rằng niềm tự tin có thể thay đổi đời sống và đạt tới mục đích là một yếu tố chủ yếu của sự hăng hái và thành công. Chúng tôi đã đặt nhiều câu hỏi cho các phụ huynh về chuyện họ nghĩ có thể chế ngự các biến cố bên ngoài có ảnh hưởng đến đời

họ không. Những người tự tin ở hiệu năng này càng nhiều thì con em họ có điểm GPA càng cao. .... Khi giải thích ý niệm của họ về hiệu năng (trong việc tự chủ đời mình) như là một ý niệm của mỗi cá nhân, thì chúng tôi thấy khó khăn. Dù có nhiều bài viết về khoa học xã hội nói khác hẳn, chúng tôi tin rằng niềm tin tự định đoạt đời mình của các người tỵ nạn này nằm ở bản vị gia đình. Chúng tôi có cảm tưởng khi nghĩ đến hiệu năng chung của gia đình là quan trọng, khác với quan niệm Tây phương về hiệu năng cá nhân.

### **Truyền thống liên tục**

Những giá trị văn hóa khác cho chúng tôi thấy gia đình người tỵ nạn không những chỉ nối chặt với truyền thống và quá khứ, mà còn với cả với thực tế trong hiện tại và khả năng tương lai. Hòa hợp cả quá khứ, hiện tại với tương lai, cái khả năng đó có vẻ đã tạo nên một ý thức về sự liên tục trường tồn và định hướng cho đời sống của họ.

Giáo dục là trung tâm của việc hòa hợp đó và việc lập lại cuộc đời ở nước tự do. Giáo dục vẫn là con đường chính giúp các người tỵ nạn sinh tồn và thành công.

Ngược lại, ở các xứ Đông Dương xưa giáo dục là đặc quyền của một nhóm. Tương lai trẻ em tỵ nạn và gia đình chúng, do đó, nối liền với trường học và thành quả học vấn. Vai trò được đề cao của giáo dục, như là chìa khóa để thành công về kinh tế và hội nhập về xã hội, giúp chúng ta hiểu tại sao sự thành công ở học đường lại được cha mẹ khuyến khích hết sức như vậy.

Ý thức về nỗ lực và cầu tiến còn thấy ở chính cha mẹ. Có việc làm và nuôi gia đình là một phần của niềm hãnh diện của mỗi gia đình. Nhà nào phải sống nhờ trợ cấp xã hội bị coi là xấu hổ.

Trong khi các con cố gắng học với đầy nghị lực và quyết tâm thì các phụ huynh gốc từ Đông Dương tìm việc làm để nhất định thoát ra khỏi cảnh nghèo và lệ thuộc về kinh tế.

Trong bản câu hỏi phỏng vấn có 26 câu cốt nói về các giá trị văn hóa để coi người tỵ nạn có thích ứng với phong tục hay không. Trong 26 câu có hai câu có thể đo lường sự hội nhập của họ vào nếp sống. Phụ huynh được hỏi họ có coi hai điều này có phải là quan trọng hay không : "Tìm thú vui và kích động" (seeking fun and excitement), và "Tài sản vật chất" (material possession). Các ý trên đáng chú ý vì nó liên hệ đến tương lai các gia đình tỵ nạn và đánh dấu ảnh hưởng mạnh cũng như hậu quả của lối sống hiện tại có thể gây ra trong người tỵ nạn và con cháu họ. Khi hỏi người tỵ nạn các nhận xét của họ về hàng xóm của họ (những người không phải là tỵ nạn như họ) thì họ hay nhắc đến hai đặc tính trên; điều này chúng ta không ngạc nhiên.

Điều thú vị tìm ra trong cuộc nghiên cứu của chúng tôi là hai giá trị của nếp sống này lại đi đôi với điểm GPA thấp.

Ở gia đình nào mà cha mẹ đồng ý rằng "tìm lạc thú và kích động" là quan trọng ở đời, thì chúng tôi thấy điểm GPA của con cái họ lại thấp : 2.90, so với 3.14 (của các gia đình nghĩ ngược lại). Về tầm quan trọng của sở hữu vật chất cũng vậy, điểm GPA là 2.66 (con cái gia đình nào mà cha mẹ coi tài sản là rất quan trọng), so sánh với 3.19 (cha mẹ không coi sở hữu vật chất là quan trọng).

Chúng tôi không thể giải thích chắc chắn là tại sao lại có mối tương liên ngược chiều trên. Phải chăng nó phản ánh tình trạng các gia đình (Âu Mỹ hóa) thì cha mẹ thả lỏng và dễ dàng hơn? Hay nó cho thấy các gia đình Âu Mỹ hóa nhanh quá thì nền tảng ổn định về văn hóa của họ bị mất? Chúng tôi cho là sự mất ổn định về tập quán văn hóa là cách giải thích đúng hơn. Các người tỵ nạn đồng ý với câu "quá khứ cũng quan trọng như tương lai" thì con cái họ có điểm GPA trung bình 3.14. Còn những người không cho chuyện bảo tồn quá khứ hệ trọng như vậy thì điểm GPA của các con là 2.66. Trong số các yếu tố liên hệ đến thành quả học vấn thì yếu tố (về bảo tồn quá khứ) này là một yếu tố có liên hệ cao hơn cả.

Cuộc nghiên cứu dẫn tới kết quả chúng tôi không ngờ. Thay vì tập nhiễm lối sống Âu Mỹ và đồng hóa vào cái lò luyện chung (the melting pot) thì những gia đình Đông Dương tỵ nạn thành công nhất lại là những gia đình có vẻ muốn giữ lại các giá trị truyền thống. Khi nói như vậy chúng tôi không có ý làm giảm giá hệ thống Âu Mỹ. Chính xã hội cởi mở và đầy cơ hội ở Âu Mỹ đã cho phép người tỵ nạn thành công ở nước đang ở trong khi vẫn bảo tồn di sản văn hóa của họ. Dù có khác nhau về nguồn gốc, các giá trị truyền thống Á Đông và các giá trị của giai cấp trung lưu Mỹ đều nhấn mạnh vào giáo dục, thành đạt, chuyên cần, tự lập, kiên trì và tự trọng. Sự khác biệt giữa hai hệ thống giá trị là sự thành đạt hướng về cái gì. Phong tục tập quán Âu Mỹ khích lệ tính độc lập và thành đạt cá nhân; trong khi đó hệ thống giá trị của Á Đông nuôi dưỡng sự tương quan liên hệ giữa mọi người và sự thành đạt hướng về cơ bản gia đình. đứng trên quan điểm những người tỵ nạn mới định cư ở xứ này thì con đường của họ có vẻ đã thành công như những cuộc đầu tư lâu dài. đó có lẽ là lý do vì sao trẻ em của họ thành đạt cao trong trường học Mỹ.

Không chú ý đến "thú vui và kích động" không có nghĩa là trẻ em tỵ nạn khổ sở đâu. Dù có chứng cứ là nhiều trẻ em Mỹ gốc Á Châu tự tử hơn, chúng tôi thấy các em trong cuộc nghiên cứu của chúng tôi thích ứng rất tốt. Các cuộc phỏng vấn của chúng tôi cho thấy trẻ em không bị cha mẹ thao túng một cách tai hại, hơn nữa chính óc hiểu học phù trợ sự thành công ở học đường của các em.

Các giá trị truyền thống văn hóa Đông Dương khích lệ việc học hành chăm chỉ không phải là các trường hợp duy nhất. Các cuộc nghiên cứu về những nhóm văn hóa khác trước đây đã thấy các kết quả giống như vậy. Con cái của các di dân Do Thái từ Đông Âu đã từng xuất sắc ở trong trường. Năm 1961, J.R.Kramer ở Brooklyn College và S.Leventman ở University of Pennsylvania đã báo cáo là 90% thế hệ thứ ba của các di dân đó đều học Đại Học, dù thế hệ thứ nhất rất ít học hay không có học khi tới Mỹ. Nguyên do của sự thành công này cũng được coi là vì họ chú trọng đến gia đình và truyền thống văn hóa.

Năm 1948 William Candill và G.Devos ở đại Học California ở Berkeley nhận thấy sinh viên học sinh gốc Nhật ngay sau khi Đại chiến thứ hai đã vượt qua hàng rào kỳ thị chủng tộc và thành công xuất sắc. Nguyên nhân của sự thành công cũng được coi là vì những giá trị văn hóa và sự chăm sóc của cha mẹ. Gần đây hơn, cuộc nghiên cứu của R.Clark ở trường cao học Claremont đã ghi nhận sự thành công xuất chúng của các học sinh nghèo da đen ở Chicago, những học sinh có phụ huynh hỗ trợ nhà trường cùng các thầy, cô giáo, và tổ chức một không khí học hành ở trong gia đình.

Các kết quả trên cũng như kết quả cuộc nghiên cứu của chúng tôi có ý nghĩa đối với cuộc tranh luận về giáo dục hiện nay. Rõ ràng là hệ thống học đường ở Mỹ -mặc dù bị bao nhiêu chỉ trích- vẫn có thể dạy trẻ học, như ta thấy nơi các người tỵ nạn.

Chúng tôi thấy những ý kiến cho rằng trường học ở Mỹ thất bại bắt nguồn từ quan niệm đòi hệ thống giáo dục phải đối phó với cả những nhu cầu về dịch vụ xã hội. Người dân cũng như các nhà chính trị đòi hỏi học đường và giáo viên phải lo việc giữ trẻ con cho khỏi lang thang ngoài phố, không sa ngã vào ma túy, ngăn chặn nạn bạo hành trong trường, giáo dục trẻ về sinh dục an toàn, và bao phủ trách nhiệm khác ngoài việc dạy học các môn mà họ vẫn phải dạy.

### **Cải tổ xã hội và giáo dục**

Khi các nhu cầu xã hội của trẻ được đem trút lên cho học đường thì các tài nguyên đáng lẽ được dùng vào việc giáo dục sẽ bị chia xẻ, và nhiệm vụ giáo huấn bị trở ngại. Vai trò chính của thầy, cô đã trở thành vai trò thế cho cha mẹ, người ta mong muốn họ cải hóa cả thái độ và tác phong của trẻ em, mà có nhiều em không được chuẩn bị đủ để đi học.

Muốn đối phó với cuộc khủng hoảng giáo dục chúng ta phải định nghĩa đúng vấn đề trước đã. Ta phải tách biệt việc dạy học và mục tiêu giáo huấn với các dịch vụ xã hội cung ứng trong trường học. Khi tách biệt ra rồi, ta mới ước định được khả năng thật sự của học đường trong việc hoàn tất hai nhiệm vụ đó, hai nhiệm vụ nhiều khi đối nghịch với nhau -hoặc theo lối khác là xác định rõ về các vấn đề không thuộc phạm vi giáo huấn để trao cho các cơ quan khác phụ

trách.

Trong bài này chúng tôi đã nghiên cứu vai trò của gia đình người tỵ nạn Đông Dương và sự thành đạt về học vấn của con em họ. Chúng tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng muốn cho nền giáo dục ở Mỹ thành công, phụ huynh và gia đình phải tham gia nhiều hơn vào việc giáo dục trẻ em. Họ phải tạo nên một niềm kính trọng đối với giáo dục và gây ra trong gia đình họ khung cảnh khích lệ cho việc học. Chính họ phải tham dự vào việc dạy dỗ trẻ để khi trẻ đi học thì thấy thoải mái, tới trường một cách vui vẻ và sẵn sàng để học.

Nhưng chúng ta không thể chờ đợi gia đình gánh cả nhiệm vụ đó. Nhà trường phải tìm đến, tiếp xúc và lôi kéo phụ huynh để họ tham dự đáng kể vào việc dạy dỗ. Sự tham dự của phụ huynh phải nhiều hơn là chuyện mỗi năm đến trường họp một lần, và việc tham dự đó gồm cả việc tìm hiểu các yếu tố nào giúp cho trẻ học giỏi hơn. Cũng tương tự như vậy, chúng ta không thể áp dụng hoàn toàn quan điểm giáo dục của nền văn hóa các xứ Đông Dương, hay nền văn hóa nào khác. Không thể áp đặt các tập quán, tư tưởng trên trẻ em người Mỹ, đặc biệt là những trẻ em ở xứ này mà cơ hội thăng tiến đã bị bao cản trở. Nhưng chúng ta vẫn có thể nỗ lực làm sao cho các gia đình tin tưởng vào giá trị của việc học và, như các người tỵ nạn vẫn tin, tin tưởng một cách khôn ngoan rằng các cố gắng học hành sẽ được đền bù xứng đáng. Hơn nữa, chúng ta có thể học hỏi những điều trong kinh nghiệm của người tỵ nạn về vai trò gia đình trong việc giáo dục. Có thể tìm tòi và định danh các giá trị nào trong phong tục tập quán, các tác phong và chiến lược nào để cho việc học hành của trẻ có kết quả tốt. Trên viễn tượng đó ta thấy tấm gương của các người tỵ nạn Đông Dương -cũng như các di dân Nhật Bản và Do Thái trước họ- có thể ảnh hưởng đến các chính sách và việc thiết định ưu tiên của chúng ta.

(Châu Văn dịch )

**Lời bàn :** Bài nghiên cứu có tính cách khoa học này rất đáng được các bậc phụ huynh Việt Nam ở Mỹ, Canada, Au, Úc Châu đọc và dùng làm đề tài thảo luận.

Có nhiều điểm chúng ta nên thảo luận để trao đổi kinh nghiệm về việc giáo dục trẻ em ở nước ngoài.

1) Các tác giả đã dùng các phương pháp thống kê để tìm ra mối tương liên (statiscicalas sociation) giữa điểm học và các yếu tố khác.

Nhưng giải thích tại sao có các sự tương liên đó lại là chuyện mà chúng ta có thể bàn thảo rất nhiều. Một mối tương liên thống kê học không có nghĩa là một tương quan nhân quả. Dù thấy hai hiện tượng xảy ra cùng với nhau, ta không thể kết luận hiện tượng này là nhân, cái kia là quả. Có thể cả hai đều là quả của một hiện tượng thứ ba.

2) Thí dụ yếu tố "nam nữ bình đẳng" và điểm học cao. Có thể trong gia đình mà con gái được coi trọng

và được khuyến khích đi học bằng con trai thì các em gái bớt được các gánh nặng nội trợ, chia cho con trai, vì thế điểm thi của chính các em gái đó cao hơn, do đó điểm trung bình của cả gia đình cao hơn. Đó là tương quan có tính cách nhân quả. Nhưng cũng có thể cả hai hiện tượng trên đều do một nguyên nhân : gia đình nào biết tổ chức việc nội trợ, chia đều cho cả cha, mẹ, con trai, con gái, thì việc học của các con cũng có tổ chức hơn, các con có thì giờ nhiều hơn và dùng thì giờ một cách hữu hiệu hơn. Vậy cả hai chuyện, nam nữ bình đẳng và điểm thi cao, đều do một nguyên nhân : gia đình hội nhập vào lối sống Âu Mỹ, học được một nếp tốt là tổ chức công việc.

3) Việc hội nhập tốt gây kết quả tốt, còn hội nhập cái không tốt, và ngược lại với truyền thống văn hóa dân tộc thì kết quả xấu. Đó là điều đáng khích lệ cho việc bảo tồn nếp tốt Việt Nam ở nước ngoài. Không theo chủ nghĩa hưởng lạc, không coi trọng tiền bạc, đó là các nếp tốt của dân Việt. Giữ được nếp đó thì con cái học giỏi, thật cũng là điều khích lệ. Có một yếu tố phụ mà các tác giả không nói trong bài là cha mẹ khi mãi lo hưởng lạc và làm tiền thì tất nhiên họ sẽ mất đi nhiều thời giờ, chỉ còn ít thời giờ săn sóc con cái.

4) Các gia đình nghĩ "quá khứ cũng quan trọng như tương lai" chắc phải lo giữ gốc, giữ nguồn. điều đáng chú ý là yếu tố này được tác giả tìm ra là quan hệ lớn nhất (the most powerful predictor) với thành quả học vấn.

5) Một nhận xét xác đáng của các tác giả là người Đông Dương (chính là người Việt) coi gia đình, tập thể quan trọng hơn cá nhân. Hiệu năng, hạnh phúc, thành đạt, đều có tính cách gia đình.

6) Phần kết luận của các tác giả có điểm chúng tôi không đồng ý -cũng vì lối suy nghĩ của người Việt khác người Âu Mỹ. Tác giả muốn phân tách nhiệm vụ giáo huấn ở trường ra khỏi các dịch vụ xã hội. Người Việt và người Hoa sẽ nghĩ khác. Giáo dục không phải chỉ là dạy thêm hiểu biết, kỹ năng cho trẻ, mà còn đào tạo trẻ nên người hiền lương, chánh trực và hữu ích cho xã hội. Trường học, trong truyền thống của chúng ta phải lo việc đào tạo con người, với sự hợp tác một cách phi chính thức (informal) của gia đình. Dạy cho các em gái đừng mang bầu sớm quá, dạy các em không nên nghiện hút, nên tránh bạo lực, đó là các nhiệm vụ của cả cha mẹ lẫn thầy, cô. Không nên phân biệt (differentiale) để chuyên môn hóa (specialize) nhiều quá. Cần một cách nhìn giáo dục như một toàn thể. Nếu người Việt và các giống dân Á Đông giúp cho người Âu Mỹ đã thông qua điểm này và áp dụng nó thì chúng ta đang đóng góp vào xứ sở mà ta cư ngụ; đó mới thật là "intégration" -hòa nhập văn hóa.

## Kỷ niệm 500 năm sinh nhật Nguyễn Bình Khiêm một học giả, một triết gia Việt Nam về thế kỷ thứ 16. - Bảo Vân -

### I. Thân thế và sự nghiệp.

Nguyễn Bình Khiêm, thường gọi là Trạng Trình, sinh năm 1491, mất năm 1585, người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (nay gọi là Vĩnh Bảo) tỉnh Hải Dương. Cha của Cụ là Cù Xuyên tiên sinh Nguyễn văn Định, mẹ là con gái quan thượng thư Nhữ văn Lan. Cả hai đều có văn tài và đức hạnh nên ngay từ thuở nhỏ, Nguyễn Bình Khiêm rất thông minh, đã hấp thụ được một nền giáo dục gia đình rất tốt đẹp. Lớn lên, Nguyễn Bình Khiêm theo học quan Bảng nhãn Lương Đắc Bằng là người tài giỏi, đạo đức, nên như cá gặp nước, rồng gặp mây, tài năng của Cụ phát trên tốt bực, phi thường... Vì thế mà quan Bảng nhãn Lương Đắc Bằng, một vị thâm nho, tinh thông Ly học, đã đem bộ sách quý Thái Ất thần kinh mà truyền cho người học trò lỗi lạc của mình.

Nguyễn Bình Khiêm sinh ra và lớn lên trong lúc nhà Lê suy vong, các phe phái trong triều tranh giành, chém giết lẫn nhau, nay lập vua này, mai phế vua khác. Sau đó Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê mà lập ra nhà Mạc vào năm 1527. Vì thế cho nên Nguyễn Bình Khiêm luôn sống ẩn dật, không thi thố được tài năng kinh bang tế thế.

Mãi tới năm 1535, lúc đã 45 tuổi, Cụ đành lẻu chông đi thi. Đầu ba kỳ thi Hương, thi Hội và thi Đình, Cụ được chấm Đỗ Trạng Nguyên. Từ đấy, Nguyễn Bình Khiêm ra làm quan với nhà Mạc và được phong chức Tả Thị Lang (chức đứng thứ ba trong bộ Hình). Hoài bão của Cụ là đem hết tài trí của mình ra giúp đời, giúp nước chứ không phải vì ham danh, thích lợi. Nhận thấy tài học uyên bác và đức độ cao siêu của Cụ, nên các vua nhà Mạc đã lần lượt thăng chức Thái phó (cực phẩm của Triều đình) rồi còn phong tước Trình tuyền hầu và Trình quốc công cho Cụ. Do đó mà sau này, mọi người đều gọi Cụ là Trạng Trình.

Năm 1544, vào lúc 53 tuổi, Nguyễn Bình Khiêm đã dâng sớ xin chém đầu mười tám kẻ quyền thần, dối vua, hại nước, làm nhiều điều xằng bậy... nhưng lại không được vua Mạc nghe theo. Cụ liền nhất quyết xin về trí sĩ tại quê nhà và lập một cái am nhỏ gọi là Bạch Vân am để lại sống đời ẩn dật, không màng tới phú quý, lợi danh và mang tên hiệu là Bạch Vân ai sĩ. Cụ còn mở trường ở cạnh sông Tuyết Giang (tục gọi là sông Hàn) chảy qua làng nhà để dạy học. Trong các môn đệ của Cụ, đã có nhiều nhân tài xuất chúng như: Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Dữ v.v... Mấy người sau này đều là những khai quốc công thần phò nhà Lê trung hưng. Do đó mà tất cả học trò



đã tôn xưng Cụ làm Tuyết Giang phu tử (tức là ông Thầy ở Tuyết giang).

Nguyễn Bình Khiên đã để lại cho chúng ta một số lớn tác phẩm mà phần nhiều là thơ chữ Hán, thơ chữ Nôm, nhưng đã bị thất lạc khá nhiều. đến nay, người ta thường nhắc tới hai tập là:

1. Trình quốc công Bạch Vân thi tập chừng một nghìn bài thơ chữ Hán.

2. Trình quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập gồm khoảng gần hai trăm bài thơ chữ Nôm còn gọi là Bạch Vân quốc ngữ thơ.

Ngoài ra còn có tập Trình quốc công sấm ký, tương truyền là những lời tiên tri của Trạng Trình. Tuy nhiên, đối với tác phẩm này, người ta vẫn còn phân vân chưa xác định được đó là do Cụ viết hay là do người đời sau soạn ra rồi đem gán cho Cụ để xưng tụng Cụ là am hiểu tất cả...

## II. Thơ chữ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm.

Để ra bên, hàng ngàn bài thơ chữ Hán, trong cuốn Trình quốc công Bạch Vân thi tập, hôm nay chúng tôi chỉ xin chọn một số rất nhỏ trong gần hai trăm bài thơ chữ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm để giới thiệu cùng độc giả, nhân dịp kỷ niệm năm trăm năm sinh nhật của Cụ Trạng Trình (1491-1991) một học giả, một triết gia Việt Nam về thế kỷ thứ 16.

Trong thời gian ẩn dật tại quê nhà, là làng Trung Âm, Nguyễn Bình Khiêm đã miêu tả lối sống đơn giản nhưng rất đậm đà phong vị quê hương như bài:

*Cảnh nhàn*

*Một mai, một cuộc, một căn câu*

*Thơ thần dầu ai vui thú nào*

*Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ*

*Người khôn, người đến chốn lao xao,*

*Thu ăn măng trúc, đông ăn giá*

*Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.*

*Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp*

*Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao!*

Trong hai câu 3 và 4 đã có một chút mỉa mai. Tuy nói là dại nhưng thực ra lại tự cho là khôn và ngược lại. Ở hai câu kết tác giả nhắc lại chuyện Thuần Vu Phần uống rượu say, nằm ngủ dưới gốc cây hòe, rồi mơ thấy mình được giàu sang, phú quý ở nước Hòe an, nhưng khi tỉnh dậy thì hóa ra đó là giấc mộng ngủ say. Vì thế cho nên người xưa thường cho cuộc đời là hư ảo, hão huyền, vinh hoa, phú quý có khác gì một giấc chiêm bao!

*Cuộc đời đã thế thì cũng nên:*

*Mặc chê khen*

*Thị phi chẳng quản, mặc chê khen*

*Ngu dại chan chan, tính đã quen*

*Cảnh cũ điển viên, tìm chốn cũ*

*Khách nhàn sơn dã, dưỡng thân quen*

*Nhà thông, đường trúc, lòng hằng mến*

*Cửa mạn, tường đào, bước ngại chen*

*Thế sự tuần hoàn hay đắp đổi*

*Tình xem thua, được một hai phen...*

Việc đời đổi đổi, thay thay luôn luôn, hết thịnh rồi lại suy hết suy rồi đến thịnh, nên chẳng cần phải bon chen, tranh giành làm chi cho vất vả! Theo ý Cụ thì người đời nên lánh những chốn xấu xa, ăn ở theo đúng đạo đức, để cho cuộc sống được thoải mái, bình yên là tốt nhất. Cụ đã tự mình than rằng:

*Tự than*

*Gần sơn thì đỏ, mực thì đen*

*Sáng biết nhờ ai thừa bóng đèn.*

*Ăn uống miễn theo nơi phép tắc*

*Tới lui cho biết lẽ kinh quyền.*

*Chẳng nên, mặc thế, người lành dữ*

*Giáo giờ, thầy ai, thói đảo điên.*

*Ở thế, có khôn thời có khó,*

*Chữ rằng: "Vô sự tiểu Thần Tiên".*

An ở giáo giờ (hay tráo trò) đen bạc, đảo điên thì mặc thầy họ, vì như thế đâu có phải là khôn ngoan! Và lại dù có khôn ngoan cho lắm cũng chẳng tránh khỏi lúc hoạn nạn, khó khăn!

Nhưng thói đời thường thường không thành thực, chỉ từ tế ở cửa miệng, nên Cụ đã phải thốt ra:

*Thói đời*

*Thế gian biến đổi vũng nên đời*

*Mặn, nhạt, chua, cay, lẫn ngọt bùi.*

*Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử,*

*Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.*

*Xưa nay đều trọng người chân thực.*

*Ai nấy nào ua kẻ dãi bôi.*

*Ở thế, mới hay người bạc ác*

*Giàu thì tìm đến, khó tìm lui!*

Nếu mọi vật trên thế gian này đều biến đổi, vũng nước thành đồi núi, bãi biển hóa ra nương dâu, thì lòng người ít khi giữ nguyên như cũ. Tình đời vì thế cũng đổi thay! Nhiều kẻ đã cậy tài, cậy của, chê bai, khinh miệt người khác, nên

Cụ đã:

*Khuyên nhủ người đời*

*Chớ chi người ngán, cậy ta dài,*

*Hơn kém, dù ai cũng mặc ai!*

*Vị nọ có bùi, không có ngọt*

*Mùi kia chầy thắm, lại chầy phai,*

*Đã hay phân định, đành yên phận*

*Dẫu có tài hay, chớ cậy tài*

*Quân tử ngẫm xem nơi xuất xứ*

*Át là khôn hết cả hòa hai.*

Như vậy, ở đời có biết phận mình là đủ thì mới yên lòng mà sống, không tức tối, ghen ghét kẻ hơn mình. Người quân tử đã suy gẫm mà chọn một trong hai đường xuất xứ rồi thì cũng không cần phải ganh tị với ai nữa. Như vậy sẽ không còn sự tranh giành được, thua, hơn, kém, và mọi người đều sống yên ổn, hòa hợp với nhau vì cần phải thêm bạn, bớt thù

*Dĩ hòa vi quý*

*Ở thế, đừng tranh tiếng trượng phu,*

*Làm chi cho có sự đôi co*

*Đấy cậy đấy khôn, đấy chẳng nhịn*

*Đấy rằng đấy phải, đấy không thua!*

*Duật nợ hãy còn đưa với bạng  
Lương kia hầu để kềm chi cò  
Chữ rằng: "Nhân dĩ hòa vi quý".  
Vô sự thì hơn, kéo phải lo!*

Qua mấy bài thơ tạm trích ra ở trên, hẳn chúng ta cũng nhận thấy rằng: Cụ Nguyễn Bình Khiêm làm thơ cốt để bày tỏ ý chí của mình. Nếu giúp dân, giúp nước chưa thực hiện được hoàn toàn thì tấm lòng son ưu thời, mẫn thế của Cụ cũng không lúc nào phải nhạt và mang một triết lý sâu xa về thời cuộc. Cụ muốn truyền đạt cho mọi người, quan niệm về cuộc sống an nhàn và phép đối nhân, xử thế, sao cho trong ấm, ngoài êm, không con ganh ghét, thù hận lẫn nhau nữa.

Lời thơ của Cụ thường giản dị, hồn nhiên, trong sáng và ít dùng điển cố nên mới đọc lên là đã hiểu ngay, không có điều gì khúc mắc, khó khăn cả! Tuy nhiên, thời Cụ ra đời cách đây đã năm thế kỷ nên có thể là cái quan niệm về an nhàn, ản dật của thời xưa chưa chắc đã áp dụng được ở thời nay mặc dầu tinh thần đạo lý vẫn còn thích hợp không thay đổi mấy!

Tóm lại, với tài học uyên bác, cao siêu, sức sáng tác dồi dào và cách xuất xử gương mẫu, "tiên vi quan, đạt vi sự", Cụ Nguyễn Bình Khiêm đã là một học giả, một triết gia, một tác giả lớn trong nền văn học của nước ta.

### **III. Mấy giai thoại về sự tiên tri của Cụ Trạng Trình.**

Ngày xưa, dân chúng thường cho rằng các ông Trạng là những người học cao, hiểu rộng, tài giỏi bậc nhất vì "thượng thông thiên văn, hạ tri địa lý, tung tri nhân sự" nên biết trước mọi việc và có thể giải đáp được tất cả mọi câu hỏi khó khăn nhất ở trên đời!

Vì thế mà hiện nay còn lưu truyền rất nhiều giai thoại về Cụ Trạng Trình và cuốn Trình Quốc Công Sám Ký (hay Sám Trạng Trình). Sau đây là mấy truyền thuyết đó:

#### **1. Đánh đổ bia.**

Tương truyền, trước đây ở làng Trung Ấm, có hai cha con tên là Khả, nhà nghèo phải đi đào bắt chuột ở các gò đồng để kiếm ăn. Một hôm, họ đào bắt chuột ở gần đền thờ Cụ Trạng Trình, vì đào đất sâu quá nên đã làm đổ tấm bia đá ghi công đức của Cụ Trạng. Khi tấm bia đổ ra thì thấy ở phía dưới chân bia, có hàng chữ Nôm:

*"Cha con nhà Khả  
Đánh ngã bia ta  
Dân làng kéo ra  
Bắt đền tam quán"*

Thế là kỳ mục trong làng bắt cha con nhà Khả phải nộp tam quán tức là ba quan tiền để dựng lại bia. Khổ nỗi cha con nhà Khả nghèo quá, thu xếp mãi mới được một quan, tám tiền kềm để nộp làng. Sau có người bảo: Tam quán nói lái là quan tám nên làng đành nhận quan tám tiền kềm vậy!

#### **2. Cứu ách xà roi.**

Người cháu bảy đời của Cụ nghèo túng, một hôm thắp hương ở đền thờ, thấy dưới bài vị có bao thư dán

kín ngoài đề: "đem ngay lên trình quan huyện Vĩnh Bảo để được giúp đỡ". Người này y lời, mang ngay lá thư dán kín lên trình quan huyện. Lúc đó quan huyện đang nằm nghỉ ở tư thất. Lính lệ vào bẩm là có thư của Cụ Trạng Trình gửi tới. Quan huyện vội vàng bỏ dậy, ra ngoài công đường để nhận thư. Khi quan vừa ra khỏi giường thì chiếc xà bắt ngang trần nhà vì lâu ngày mục nát rơi xuống đúng chỗ nằm của quan huyện. Mọi người đều hú vía và cho là số của quan rất đỏ, nếu còn nằm đó, chắc sẽ bị xà đè chết. Ở công đường quan huyện vui vẻ vì mới thoát chết, đón thư của Cụ Trạng mở ngay ra xem và chỉ thấy hai câu:

*"Ta cứu người cái ách xà rơi!  
Người nên cứu cháu bảy đời của ta"  
(Ngã cứu nhi thượng lương chi ách)  
(Nhi cứu ngã thất thế chi bản)*

Đọc xong, quan huyện sợ thoát mồ hôi và vội sai lính tiền và gạo ra tặng cho người cháu bảy đời của Cụ Trạng vừa đem thư tới.

#### **3. Hoành sơn nhất đáí.**

Năm 1568, Nguyễn Hoàng thấy anh ruột là Nguyễn Ưông bị anh rể là Trịnh Kiểm sát hại nên lo cho số phận của mình, đã ngầm sai người đến am Bạch Vân để hỏi kế an thân. Lúc đó Trạng Trình đang xem đàn kiến bò trên ngọn núi non bộ liền chỉ bảo: "Hoành sơn nhất đáí, vạn đại dung thân" có nghĩa là một dải Hoành sơn, có thể lập nghiệp, dung thân được muôn đời, dài lâu. Thế là Nguyễn Hoàng vội nhờ chị gái là Ngọc Bảo xin với anh rể là Trịnh Kiểm cho được vào trấn thủ đất Thuận Hóa. Nhờ đó mà Nguyễn Hoàng đã lập ra nhà Nguyễn sau này cho tới đời Vua Bảo Đại mới xuống chiều thoái vị.

#### **4. Giữ chùa thờ Phật.**

Tại thành Thăng Long, Chúa Trịnh lấn át quyền của Vua Lê và có ý phế bỏ Vua Lê để lập ra nhà Trịnh. Trước khi quyết định, Chúa Trịnh cho sứ đến nơi ản dật của Cụ Trạng để xin ý kiến. Lúc đó Cụ Trạng Nguyễn Bình Khiêm sắp sửa ra lễ chùa ở đầu làng nên không trả lời ngay. Sứ giả đành lẽo đẽo theo chân Trạng Trình ra đến tận chùa. Gặp nhà Sư trụ trì; Cụ Trạng hỏi thăm về việc cây cối rồi nói: "Giữ chùa thờ Phật thì được ăn oản". Biết ý, sứ giả về kinh khải với Chúa và Chúa hiểu là phải tôn phò Vua Lê thì mới giữ được quyền hành.

#### **5. Cao bằng tuy thiển.**

Sau khi bị họ Trịnh đánh đuổi, nhà Mạc phải chạy lên miền Bắc rồi cho người đến hỏi kế Cụ Trạng. Cụ đã trả lời: "Cao Bằng tuy thiển, khả diên số thế" nghĩa là đất Cao Bằng tuy nhỏ hẹp nhưng còn có thể giữ được vài đời! Quả nhiên, sau ba đời đóng quân, giữ đất Cao Bằng, nhà Mạc mới bị hoàn toàn tuyệt diệt...

Tương truyền Cụ Trạng Trình còn biết trước và hiểu rõ mọi việc lớn về thời cuộc sẽ xảy ra năm trăm năm sau ngày Cụ mất. Thực hư thế nào, còn cần phải chờ sự nghiên cứu của các nhà học giả Việt Nam sau này, chớ bây giờ không ai có thể khẳng định hoặc phủ định ngay được những điều đó!.. (24.11.1991 Báo Văn.)

# Đã Đến Lúc Tập Thể Người Việt Hải Ngoại Cần Phải Có Một Thái độ Nghiêm Chỉnh Đối Với Bùi Tín.

- của Đặng Văn Nhâm (Đan Quốc)-

## Sự Xuất Hiện Của Bùi Tín Ở Hải Ngoại.

Có lẽ đa số người Việt tị nạn cộng sản ở hải ngoại không biết gì về Bùi Tín. Nhưng kể từ sau 7 buổi phát thanh liên tiếp của đài BBC Luân Đôn, từ ngày 28.11.90 đến ngày 10.12.90, tập thể người Việt hải ngoại mới bắt đầu làm quen với cái tên Đại Tá Bùi Tín, qua cái gọi là "kiến nghị của một công dân" gửi từ Paris về nước cho các lãnh tụ cầm quyền của ông ta.

Bản kiến nghị này đã gây nên 1 luồng dư luận khá ồn ào trong 1 thời gian ngắn ở trong nước lẫn hải ngoại. Vào thời kỳ này, theo lời tường thuật của các thân hữu còn kẹt lại trong nước gửi thơ ra cho biết: mấy buổi phát thanh đầu tiên của đài BBC, phỏng vấn Bùi Tín còn được đồng bào miền Nam chăm chú theo dõi, tin tưởng. Nhưng đến mấy buổi sau thiên hạ đã bắt đầu chán nản với lời nhận định: "Tụi Vẹm, thằng nào cũng như thằng này!"

Trong khi đó, dư luận vài thái độ của đồng bào hải ngoại như thế nào? Thoạt tiên, một số người quan tâm. Coi đây là một hiện tượng chống đối quan trọng giữa bọn lãnh đạo cao cấp cộng sản. Nhưng sau khi đã có dịp đọc kỹ "bản kiến nghị của một công dân" rồi, chẳng ai bảo ai, mọi người đều phát biểu chung một ý kiến: "Coi chừng lại bị bọn cộng sản lừa gạt lần nữa! đây chẳng qua cũng chỉ là 1 thứ "cò mồi" thôi!". Có người tinh tế hơn thì nhận định khác chút đỉnh: "Người Việt quốc gia ở hải ngoại không bao giờ có thể đón nhận Bùi Tín như chiến hữu trên mặt trận đấu tranh dân chủ được. Vì trong "bản kiến nghị" ông ta vẫn mù quáng đề cao chủ thuyết Mác Lê, tin tưởng và sùng bái lãnh tụ của ông ta là khôn ngoan, sáng suốt, và tôn thờ những thần tượng Cộng sản như: Karl Marx, Lenin, và Hồ Chí Minh..." Do đó, nên hiện tượng Bùi Tín đã bị xẹp xuống cách thảm hại như cái bong bóng xì hơi. Dư luận trong nước và ngoài nước chẳng còn ai đề cập đến tên Bùi Tín nữa. Nhưng, sau cuộc đảo chánh bất thành ở Liên Xô đã xảy ra vào ngày 19.8.91, dư luận báo chí Việt ngữ hải ngoại lại chiếu cố đến Bùi Tín, để tìm hiểu ý kiến ông ta đối với hiện tình đất nước.

## Bùi Tín: Con Người Đón Gió Trở Cờ.

Những ai đã quan tâm theo dõi hiện tượng Bùi Tín từ đầu đều không khỏi ngạc nhiên, thấy lần này những lời tuyên bố của ông ta đã khác hẳn với lần trước, có khi đến mâu thuẫn và tương phản lẫn nhau. đôi khi ông ta đã tỏ ra bối rối, ấp úng, ngập ngừng giải thích về tư thế và lập trường của mình.

Sự thay đổi lập trường chính trị của Bùi Tín cũng dễ hiểu. Trước đây chưa đầy 1 năm, ngày 27.11.90, khi ở Paris gửi "bản kiến nghị của 1 công dân" về nước cho các lãnh tụ, Bùi Tín còn là 1 đảng viên trung kiên của

đảng CSVN, đã có 45 tuổi đảng. Ngoài những lời lẽ chứng tỏ lòng trung thành với đảng và lãnh tụ trong bản kiến nghị, Bùi Tín còn tuyên bố với báo chí những luận điệu có tính cách tuyên truyền, đề cao chủ thuyết Mác-Lê, đường lối chỉ đạo sáng suốt của Hồ chủ tịch. Tóm lại, khi ấy Bùi Tín còn tin tưởng vào khả năng sinh tồn của đảng Cộng sản Việt Nam, nên chỉ áp ứng chỉ trích để sửa sai, làm đẹp cho đảng. Hành động làm đẹp cho đảng không phải là 1 hành động chống đảng, không cả chống chế độ CSVN, và cũng không chống lại chủ thuyết Mác-Lê.

Như vậy, Bùi Tín vẫn còn là: con người Cộng sản 100 phần 100! Lê lối suy tư của Bùi Tín vẫn còn nằm gọn trong cái khung Cộng sản chuyên chính.

Nhưng bây giờ, sau khi đã bị đảng Cộng sản Việt Nam khai trừ (khoảng tháng 3.1991), và nhất là sau khi đảng Cộng sản Nga đã bị thất bại hoàn toàn trong cuộc đảo chánh ngày 19.8.91, cơ quan ngôn luận chánh thức của đảng bị đóng cửa, đảng bị cấm chỉ hoạt động... Mối hận thù của nhân dân Nga và các quốc gia Đông Âu đối với Chủ thuyết Cộng sản vô nhân đã hiện ra rõ rệt, Bùi Tín mới giật mình tỉnh ngộ hẳn. Trước mặt Bùi Tín bây giờ, còn đường trở lại địa vị "ăn trên ngồi trước" như xưa trong chế độ CSVN đã bị đóng kín.

Nhưng Bùi Tín đã không buồn! Vì hoàn cảnh hiện hữu của Bùi Tín là 1 hoàn cảnh thuận lợi, rất may mắn, chẳng khác nào như 1 anh mù trúng số độc đắc! Trong hoàn cảnh này, dù Bùi Tín có ngu dần, mù quáng đến đâu vẫn không thể nào tiếp tục hoan hô, cổ võ cho cái "tinh thần cốt lõi của chủ thuyết Mác-Lê", cho cái thần tượng nhem nhuốc, bản thiêu của Stalin, của Mao Trạch Đông, của Hồ Chí Minh như mấy tháng trước đây.

## Tìm Hiểu Về Con Người Và Chủ Trương và Đường Lối của Bùi Tín.

Có lẽ Bùi Tín đã hãnh diện lắm về lai lịch gia tộc của ông ta. Con cụ Thượng thư Bùi Bằng Đoàn, một quan lại dưới chế độ phong kiến "kẻ thù bất cộng đái thiên" của chủ thuyết cộng sản, nhưng đã được Hồ Chí Minh tin cậy, cất nhắc cho làm chủ tịch quốc hội đầu tiên của cộng sản, giữa lúc hàng muôn vạn đồng bào khác chỉ vì chút "Hàm Cừu Phẩm", chút chức vụ "hàm Nhiêu, Xã v.v..." cùng với vài sào đất hương hỏa đã bị bọn cộng sản đầu trâu mặt ngựa đem ra đấu tố nhục nhã và chôn sống tại phạm trường. Thậm chí đến bố của Trường Chinh cũng đã bị đem ra đấu tố công khai ở làng Hành Thiện, nơi chôn nhao cát rón của ông ta.

Hơn thế nữa, Bùi Tín cũng đã tỏ ra tự hào lắm về thành tích, công lao đóng góp cho chế độ Cộng sản của hắn. Bùi Tín đã kể ra như sau: Gia nhập quân đội Cộng sản tháng 9 năm 1945. Lúc ấy ông mới khoảng 18 tuổi đầu.- Chỉ nửa năm sau, tháng 3 năm 1946, ông đã được gia nhập đảng Cộng sản. Trong quân đội, ông đã được mang quân hàm đại tá, và mới giải ngũ năm 1982. Về mặt chánh trị, ông đã làm Phó tổng biên tập nhật báo Nhân Dân, cơ quan ngôn luận của trung ương đảng, đặc trách tuần báo Nhân Dân chủ nhật, quyền lợi ngang hàng thứ trưởng.

Từ lâu, người quốc gia vẫn cư xử hào hiệp, quân tử và thân ái đối với những người anh em bên kia chiến tuyến, như trường hợp Đại tá Nguyễn Bé, Trung tá Huỳnh Cự, nhà văn Xuân Vũ, các nhạc sĩ Đoàn Chính, Bùi Thiện v.v..

Nhưng đến năm 1975, sau khi đã chiếm trọn miền Nam, bọn CS lưu manh đã bắt các chiến sĩ quốc gia phải bóc phân bằng tay! Bây giờ, qua những bài học đắng cay và những kinh nghiệm thấm thía về những hành động "Lừa đảo, Lật Lọng" của bọn CS lưu manh, đã mất hết nhân tính, chúng ta không thể nào dễ dàng, nhẹ dạ nghe "giọng kèn, tiếng quyền" của Bùi Tín, 1 cán bộ cao cấp CS đã có đến hơn 40 năm tuổi đảng, và đã từng chiếm giữ những địa vị then chốt trong guồng máy tuyên huấn, là 1 guồng máy đầu não của bọn CS. Một cán bộ CS đã từng gia nhập đảng từ năm 18 tuổi cho đến năm 64 tuổi, cuối cùng chỉ chịu ra khỏi đảng vì đã bị khai trừ, chúng ta cần phải cư xử bằng 1 thái độ thận trọng hơn. Chúng ta không thể cư xử với Bùi Tín như cư xử với Nguyễn Bé, Huỳnh Cự, hay Xuân Vũ, Bùi Thiện, Đoàn Chính v.v... Một cán bộ cao cấp CS đã sống suốt cuộc đời trong biển máu của nhân dân 2 miền Nam Bắc mà bây giờ, đến giờ chót, phút chốc tự xưng là vô tội, là không dính dáng gì đến những thảm họa đã gây nên cho dân tộc và đất nước suốt mấy chục năm qua thì ai mà tin cho được? Dĩ nhiên, chúng ta không bắt chước bọn CS vô nhân, "đòi nợ máu", nhưng chúng ta cũng không thể để cho Bùi Tín huênh hoang, lên lớp người quốc gia ở hải ngoại về tinh thần đoàn kết, hòa hợp hòa giải dân tộc v.v...

Tinh thần khoan dung hòa hợp, hòa giải dân tộc, chúng ta vốn đã có sẵn từ trong tiềm thức, và đã phát hiện ra từ nhiều thập niên qua đối với CS. Huống chi, khi xét lại nội dung bản kiến nghị và những câu trả lời các cuộc phỏng vấn của báo chí (xin xem nguyệt san Phụ Nữ Diễn Đàn, xuân Tân Mùi, vol.7 no. 84) chưa đầy 1 năm trước đây, Bùi Tín vẫn còn tuyên truyền chủ thuyết Mác Lê, và đề cao lãnh tụ của ông ta.

### **Tóm Tắt Những Điểm Chính Trong Tư Tưởng Của Bùi Tín 1 Năm Trước Đây.**

Từ mấy chục năm nay, người VN vốn có câu thành ngữ "Nói Như Vẹt!", và lại còn có câu: "Đừng Nghe Những Gì Cộng Sản Nói, Hãy Nhìn Kỹ Những Gì Cộng Sản Làm" để cảnh tỉnh nhau trước những âm mưu tuyên truyền xảo trá của bọn CS. Nay, trước thái độ huênh hoang tuyên truyền của Bùi Tín, cùng với âm mưu xuất hiện trước tập thể đông đảo Việt kiều hải ngoại để xóa bỏ dĩ vãng, chạy tội, và đồng thời "Lên Lớp" dạy người quốc gia về tinh thần hòa hợp hòa giải dân tộc, tôi xin trích lục lại những lời tuyên bố trước đây của Bùi Tín, để mọi người cùng suy ngẫm và đề cao cảnh giác trước 1 cán bộ CS đang làm chánh trị kiểu "Thò Lò 6 Mặt", kiểu "đón Gió, Trờ Cờ", kiểu "Tứ Thời Xôi Thịt".

### **1.- Bùi Tín Không Từ Bỏ Lý Tưởng Chủ Nghĩa Xã Hội, Chỉ Nhắm Mục Đích Đổi Mới Chế Độ.-**

Trong cuộc phỏng vấn của Đỗ Văn, đài BBC, Luân đôn, Bùi Tín đã tuyên bố về lý tưởng chủ nghĩa xã hội của ông ta nguyên văn như sau: "Trước đây chúng ta

từng chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những điều kiện nhất định của tình hình thế giới là 1 điều dễ hiểu và cần thiết nữa. Chủ nghĩa xã hội ở nhiều nước và bước đầu xây dựng ở nước ta đã có 1 số thành tựu tạo nên sức mạnh trong chiến tranh giải phóng và bảo vệ tổ quốc... Chúng ta không từ bỏ lý tưởng của chủ nghĩa xã hội..." Trong đoạn này, bạn đọc thấy Bùi Tín vẫn còn mù quáng ca ngợi thành quả chiến tranh giải phóng đất nước là do công sức của chủ nghĩa xã hội. Bùi Tín đã không kể đến hàng triệu triệu đồng bào đã phải chết trong cuộc chiến tranh dai dẳng giành độc lập và thống nhất đất nước trong đau thương và nghèo đói khôn cùng dưới sự chỉ đạo của bọn CS khát máu, ngu dốt mà biểu trưng là Hồ Chí Minh. Bùi Tín đã không chịu nhìn sang các nước Đông Nam Á Châu, cùng 1 cảnh ngộ như Việt Nam trước đệ nhị thế chiến, đã giành được độc lập mau chóng mà không phải tốn hao bao nhiêu xương máu của con người.

Thế rồi, từ căn bản đó, Bùi Tín chỉ kêu gọi "Đổi Mới" chế độ. Ta hãy nghe Bùi Tín nói với các lãnh tụ của ông ta ở VN: "Với tinh thần kiên quyết đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới hơn nữa, không chấp chững, không có những bước lùi đáng tiếc, và để làm thế nào tạo nên những điều kiện trong nước và ngoài nước thuận lợi nhất... Trước tình thế khủng hoảng ngày thêm gay gắt hiện nay, đảng đứng trước 1 thử thách lớn cần tỏ rõ bản lĩnh lãnh đạo của mình, can đảm và tinh táo nhìn rõ sự thật, tính đến nhiều khả năng lựa chọn để quyết định 1 phương án tối ưu, giải quyết có hiệu quả các cuộc khủng hoảng, khôi phục lại niềm tin của nhân dân... Công cuộc đổi mới đã đạt được vô số kết quả trong bốn năm qua, nhưng những kết quả ấy chưa đủ, còn xa mới đạt yêu cầu của tình thế..."

Như vậy, rõ ràng Bùi Tín chỉ muốn "đổi mới", để Làm đẹp cho đảng về mặt nội!

### **2.- Bùi Tín Mánh Mung, Xúi Bọn Lãnh Đạo Đảng CSVN Thay Đổi Danh Xưng Để Lừa Gạt Đồng Bào.**

Để lòi cái bản chất lưu manh, chuyên lừa gạt quần chúng nhẹ dạ của một tay CS cốt cán, Bùi Tín đã trắng trợn khuyên bọn lãnh đạo CS ở VN nên thi hành ngay những trò mánh mung bịp bợm sau đây, xin trích nguyên văn: "Tên nước cũng nên trở lại là nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa như trước kia. Tên đảng cũng nên trở lại với tên gọi đảng Lao Động Việt Nam". Bùi Tín còn sợ bọn lãnh tụ ở nhà hiểu lầm, nên phải cố xác định thêm: "đây không phải là những phủ định đối với chủ nghĩa xã hội, mà là sự xác định theo thực tại một cách hợp lý và trước tác... Chúng ta không từ bỏ lý tưởng của chủ nghĩa xã hội..."

Khi đưa ra lời khuyên vừa kể trên cho bọn lãnh tụ ở nhà, Bùi Tín vẫn còn mù quáng lừa dối dân chúng VN ngày nay còn như xưa, vẫn còn ngây thơ, khờ khạo dễ tin, để cho Bùi Tín xúi đảng lừa dân 1 cách giản dị, ấu trĩ như trẻ con vậy.

Cho đến bây giờ nhân dân VN, cả trong lẫn ngoài nước, chẳng ai lạ gì cái cột trụ duy nhất dùng để chống đỡ chế độ vô luân CS là: Sức mạnh võ lực và khủng bố bạo tàn của guồng máy công an vĩ đại và lực lượng quân

đội. Nhưng Bùi Tín cho là hiện giờ đang trên đà suy giảm đáng kể, cần phải thực hiện tốt quốc phòng toàn dân, và "an ninh toàn dân". Đó là một thứ ngôn ngữ CS Bùi Tín, mà người quốc gia và quần chúng cần phải hiểu là Bùi Tín khuyên bọn lãnh đạo nên sử dụng lực lượng công an và quân đội kèm kẹp quần chúng kỹ hơn thế nữa, để "an ninh toàn dân" được bảo đảm và người dân không còn nhức nhối, cựa quậy vào đâu được nữa!

### **3.- Bùi Tín Đưa Ra Đề Nghị Bầu Cử Tự Do Bịp Bợm.**

Nói về một thủ đoạn lừa đảo chánh trị bằng cách "Bầu Cử Tự Do", Bùi Tín đưa cái mồi dân chủ ra như sau: "Một quốc hội mới cần được bầu ra trên tinh thần dân chủ, được lựa chọn bằng lá phiếu của cử tri, những đại biểu thực sự có công tâm và tài năng thuộc các giới các ngành tại địa phương. Chính phủ xây dựng lại đất nước sẽ được lập ra sau đó bao gồm những người liêm khiết và có tài năng thật sự. Chân chính và đề cao Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, để tổ chức mặt trận ở mọi cấp thực sự là nơi đoàn kết tập hợp các giới để hành động xây dựng lại đất nước. Công đoàn, đoàn thanh niên có vai trò hệ trọng trong mặt trận, trẻ hóa cán bộ mặt trận, để mặt trận thật sự đáp ứng yêu cầu của tình thế".

Đọc qua đoạn văn này, bạn đã nhận ra ngay được thủ đoạn "Bầu Cử Tự Do" của Bùi Tín chưa? Muốn thắng cử trong 1 cuộc bầu cử, người ứng cử viên phải hội đủ tối thiểu vài điều kiện căn bản sau đây: nhân cách, thanh danh, tiền bạc và cán bộ vận động tranh cử. Nếu bạn ở ngoại quốc về tranh cử. Dù có tiền rủng rỉnh bạc bẽ, dù có thanh danh lừng lẫy, nhưng sau mười mấy năm xa cách quê hương, xóm làng cũ, nay bạn trở về tranh cử ở địa phương, mà bây giờ lớp bạn bè, thân thuộc xưa, lối xóm cũ không còn ai nữa. (Bọn CS đã dày dạn giết chóc gần hết rồi. Lớp thì vượt biên tản lạc khắp nơi 3 hải ngoại). Làm sao bạn có thể vận động tranh cử được? Ai sẽ là những cán bộ vận động tranh cử cho bạn? Chắc chắn bạn sẽ dùng người địa phương chứ gì? Mặt khác, khi CSVN chấp nhận trò chơi "bầu cử dân chủ", thì lập tức Việt Nam sẽ xảy ra tệ trạng "Lạm Phát Ứng Cử Viên" và "Loạn Đảng", chẳng khác nào tình trạng hỗn loạn, đầy rẫy "Hội đoàn" hiện nay ở khắp nơi hải ngoại.

Trong khi đó, bọn ứng cử viên nòng cốt của CS sẽ giấu kín tông tích, cải danh đổi họ, âm thầm cấu kết nhau để vận động tranh cử, dưới sự ngấm ngấm yểm trợ của lực lượng công an và quân đội.

Bùi Tín đã đưa ra sẵn 1 kế hoạch đoàn ngũ hóa chặt chẽ các tầng lớp quần chúng từ già đến trẻ trong một tổ chức vĩ đại đã có từ lâu đời, mà ai cũng biết vốn là 1 tổ chức ngoại vi của đảng CS, tức là: Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam! là một kế hoạch vô cùng thâm độc, khiến người quốc gia không hy vọng gì thắng cử được. Như vậy, dù bạn có tung bạc triệu ra để nuôi cán bộ tranh cử thì cũng chỉ nuôi béo bọn CS mà thôi! Ấy là chưa kể hành động về nước tranh cử của bạn sẽ trở thành một "vô khí" tuyên truyền hữu hiệu trên trường quốc tế của bọn CSVN lưu manh, cho rằng bây giờ đã nhượng bộ, đã chấp nhận Dân Chủ Đa Nguyên, đã chấp nhận Bầu Cử Tự Do v.v... Còn việc những người quốc gia thất cử chỉ

là và: Không được Nhân Dân Ưa Chuộng, Bất Tài, Vô Hạnh v.v... và v.v... Thế là một chiến dịch chửi bới, sỉ vả nhục nhã, ê chề sẽ được kèm theo, tặng cho những người quốc gia nhệ dạ!.

### **4. Bùi Tín Ca Ngợi Giới Lãnh Đạo đáng Kính Trọng.**

Một câu hỏi khác của ký giả đồ Văn: "Tôi đọc bản kiến nghị của ông, sao không thấy ông chê trách gì giới lãnh đạo đất nước hiện nay?". Bùi Tín trả lời nguyên văn: " Tôi cho rằng trong quan hệ người với người cần luôn luôn đối xử có văn hóa đảng hoàng. Những Người Lãnh Đạo Cao Nhất Ở Đất Nước Tôi Là Đáng Kính Trọng... Về quá khứ của họ tôi thật sự tôn trọng, họ đã vào tù ra tội trong hoạt động cách mạng, nhưng họ có những hạn chế khách quan về trình độ văn hóa, trình độ học vấn là ở mức trung bình..." Như các bạn đã thấy đó: Trong khi bọn CS đối xử với các sĩ quan cải tạo và đối với nhà thơ yếu đuối, bệnh tật Nguyễn Chí Thiện còn tệ hại, đã man hơn đối với những con súc vật vô tri giác thì Bùi Tín lại rêu rao "trong quan hệ người với người cần luôn luôn đối xử có văn hóa đảng hoàng". Đó là một thứ "văn hóa bằng mồm" của cán bộ CS Bùi Tín. Ngoài ra, Bùi Tín còn khẳng định: Những Người Lãnh Đạo Cao Nhất Ở Đất Nước Tôi Là Đáng Kính Trọng! Những người lãnh đạo cao nhất ở " đất nước của ông Bùi Tín" là ai? Hiển nhiên phải là Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh... rồi, chứ còn ai nữa?!

Câu trả lời vừa nêu trên chứng tỏ: Căn Bệnh Tôn Thờ Lãnh Tự Của Bọn CS Giáo Điều, Ngu Xuẩn mà chính bản thân Bùi Tín vẫn còn đang vương mắc nặng nề! Hiện tượng tâm lý trái ngược này thực ra cũng dễ hiểu. Bởi vì, dưới chế độ CS, người dân là tôi đòi, là nô lệ, là giai cấp bị bóc lột đến tận cùng xương tủy. Khổ đau, đói rách mà không được phép hở miệng kêu than! Trong khi đó, bọn cán bộ CS, dù là cán bộ tép riu, cũng được hưởng những đặc ân đặc lợi hơn người, những quyền hành bắt bớ, đánh đập, tra khảo người dân vô tội đến chết cũng không bị pháp luật truy tố. Riêng trường hợp Bùi Tín, là một cán bộ CS cao cấp, dĩ nhiên Bùi Tín phải được hưởng những đặc quyền, đặc lợi hơn bọn cán bộ tép riu nhiều. Vì thế, nên Bùi Tín đã trở thành mù quáng, không hay biết gì đến những lời oán trách, thờ than, nguyện rửa của quần chúng đối với bọn lãnh đạo hại dân, hại nước. đến khi ra được nước ngoài rồi mà Bùi Tín vẫn còn bị mù quáng, vẫn còn đề cao lãnh tụ là đáng Kính Trọng. Bùi Tín lý luận, cho rằng bọn lãnh đạo CSVN là yêu nước và tự nhận ông ta cũng là Người Yêu Nước (sic !). Đến nay, chẳng ai còn lạ gì "Cái Trò Yêu Nước Kiểu CS" của Bùi Tín.

Ngay từ ngày đầu khởi sự cuộc chiến giành độc lập, bọn CSVN đã lợi dụng 2 chữ "Yêu Nước" để giết hại không biết bao nhiêu chiến sĩ quốc gia khác, cùng 1 lý tưởng đấu tranh chống ngoại xâm, giành độc lập cho xứ sở. đối với CSVN, những ai yêu nước ngoài cái kiểu Mác Lê của chúng đều là kẻ thù không đội trời chung và phải thẳng tay tiêu diệt. Không thương xót. Kẻ nào còn nương tay khi giết quân thù tức là chưa dứt khoát tư

tưởng chủ nghĩa xã hội, và lập trường vô sản còn chao đảo...

Khi nghe Bùi Tín vỗ ngực tự nhận là "Yêu Nước", không hiểu tại sao tôi bỗng rùng mình, rợn óc, toàn thân ớn lạnh, như người sắp lên cơn sốt rét. Trong óc tôi chợt hiện lên hình ảnh của 1 vụ thảm sát đã xảy ra trên 40 năm về trước trong 1 hẻm nhỏ ở Phú Nhuận. Nửa đêm, dưới ánh trăng mờ nhạt, bọn CS vô trang không hiểu từ đâu về, bắt loa kêu gọi tất cả đồng bào trong xóm phải tắt đèn và im lặng. Sau đó chúng dùng loa đồng loạt đọc to bản án tử hình 2 vợ chồng 1 người hàng xóm của tôi, khi ấy chưa đầy 30 tuổi. Người chồng làm nghề hớt tóc. Người vợ đang có chửa sắp đến ngày sanh. Bọn chúng cũng nhân danh là những chiến sĩ "Yêu Nước" đấu tranh giành độc lập cho xứ sở, được lệnh phải xử tử 2 vợ chồng này vì tội "Việt Gian". Bản án chỉ vắn tắt có thế, rồi họ lôi cả 2 vợ chồng ra giữa sân mà cũng là con đường mòn hàng ngày là lối đi của cả xóm, trói giắt cánh khuỷu ra sau. Hai vợ chồng nạn nhân lạy lục kêu oan thảm thiết. Tôi ngồi trong nhà, nhìn qua khe ván, thấy cảnh dã man hiện rõ mồn một như trên màn ảnh xi nê. Trước khi chết, người chồng lạy van xin tha chết cho vợ, vì đang có bầu sắp đến ngày sanh. Một tên cán bộ chỉ huy lạnh lùng đáp: "Người chiến sĩ cách mạng nhỏ cô là phải nhỏ tận rễ. Không thể tha thứ cho quân Việt Gian được!" Thế rồi chúng tròng giây thông lọng vào cổ người chồng. Mỗi thằng cầm 1 đầu giây cố sức kéo căng ra cho đến khi nạn nhân không còn dấy dựa gì được nữa mới thôi. đến lượt người vợ. Chúng cũng làm y như vậy! Sáng hôm sau đồng bào trong xóm đổ ra xem đông nghẹt. Trên ngực mỗi nạn nhân còn có 1 tờ giấy viết 2 chữ "Việt Gian"! Trong suốt thời gian đi tản cư, rồi đi ra bưng biển kháng chiến, cho đến khi trở về Sài Gòn, tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu vụ giết người kinh tởm như thế, chỉ vì người ta đã nhân danh 2 chữ "Yêu Nước". Có những người đàn bà, con gái thơ ngây đã bị bắt, tra khảo rồi bị giết chỉ vì miếng vải lưng quần có mấy màu xanh đỏ sặc sỡ! Họ bị gán cho tội đeo cờ Tam Tài, làm gián điệp cho Tây, tức là "Việt Gian!".

### **5.- Bùi Tín Không Chống Đảng, Vẫn Còn Yêu Lý Tưởng Của Đảng!**

Trong cuộc phỏng vấn của Đỗ Văn, một câu trả lời khác, Bùi Tín đã khẳng định, xin trích nguyên văn: "Tôi Không Chống Đảng, Tôi Yêu Lý Tưởng Của Đảng, công bằng xã hội, giải phóng con người trên thế giới đại đồng, xây dựng một xã hội văn minh, sản xuất có năng suất cao, ai cũng làm theo sức mình và hưởng thụ theo nhu cầu, coi trọng về nhu cầu tinh thần lành mạnh, Tôi cho rằng loài người tất sẽ đi đến cái đích ấy, tuy còn xa lắm nhưng tôi tin ở cái thiện của con người. Chính vì thế tôi muốn đảng Tôi tìm ra được con đường cần thiết để thoát ra khỏi khủng hoảng triển miên này. Như vậy sao lại nói là chống đảng?"

- Không, những người quốc gia và tập thể Việt kiều hải ngoại, chẳng ai ngu dại gì lại nghĩ rằng Bùi Tín đã chống đảng của ông ta. Người ta thừa biết 1 cán bộ CS cao cấp, đã được nhồi sọ chủ thuyết Mác Lê, và đã được uốn nắn tư tưởng Trung Thành Với đảng từ thuở 18 tuổi

đầu cho đến nay đã 64 tuổi rồi, thì làm sao có thể chống đảng cho được? Huống chi nhờ cái cơ chế ấy mà người cán bộ mù quáng lại được vinh thân phì gia suốt cuộc đời. Chống đảng chỉ có toàn dân khổ cực, và có chăng là những cán bộ cấp dưới, bị đối xử bất công, bị chèn ép mà thôi!

### **6.- Bùi Tín Vẫn Còn Tin Tưởng Vào Chủ Thuyết Mác Lê Và Đường Lối Cộng Sản Là: Đúng Đắn!**

Khi ký giả Đỗ Văn hỏi về lý thuyết Mác Lê, Bùi Tín đã áp úng trả lời như sau: "Về chủ nghĩa Mác Lenin thì chúng ta đều biết những cơ bản là với thiện chí có phần rất đúng đắn. Thí dụ như là Duy Vật Biện Chứng là điều mà tôi cho là hoàn toàn đúng đắn... Nó là kim chỉ Nam, nó là phương hướng để người ta vận dụng một cách thật hợp với điều kiện của mọi nước. Rất tiếc là chủ nghĩa Mác Lê đã không được coi như thế..." Một đoạn khác, Bùi Tín nói thêm: "Tôi thấy rằng nỗi oan trái của con người, nếu mà đúng theo lý tưởng của cộng sản chủ nghĩa tức là coi nỗi đau của con người là nỗi đau chung của nhân loại, của mọi xã hội, thì phải quan tâm và giải quyết 1 cách sòng phẳng để những người trước đây bị bắt bớ, chụp mũ, lên án, bị day dứt." (nguyên văn). Tóm lại, qua những trích dẫn vừa nêu trên, chúng ta thấy: mặc dù Bùi Tín đã ra khỏi nước và đã gửi 1 bản kiến nghị về cho các lãnh tụ trong nước, nhưng Bùi Tín vẫn còn là con người Cộng Sản thuần túy, từ lời nói, cách lý luận, đến chủ trương đường lối, không có điều nào ra ngoài khuôn mẫu Cộng Sản. Bùi Tín đã công khai khẳng định 3 điều quan trọng sau đây, chúng ta cần ghi nhớ:

- Sùng bái lãnh tụ là đáng Kính Trọng.
- Không Chống đảng Và Còn Yêu Lý Tưởng Của đảng.
- Tin Tưởng Chủ Thuyết Mác Lê Là Kim Chỉ Nam, Là Phương Hướng để Các Nước Noi Theo, Và đường Lối Cộng Sản Là: Đúng Đắn!

### **Sau Khi đã Bị đảng CSVN Khai Trừ Và đảng CS Nga đã Bị Giải Tán, Bùi Tín Quay Lại Chống đảng, Chê Bai Lãnh Tụ, Công Kích Chủ Thuyết Mác Lê...**

Mới đây, sau cuộc đảo chánh bất thành ngày 19.8.91 tại Nga Xô đánh dấu sự cáo chung của chủ thuyết Mác Lê trên khắp địa cầu, và nhất là sau khi đã bị bọn CSVN đá ra khỏi đảng, Bùi Tín mới tỏ ra dứt khoát với CSVN. Từ mấy chục năm rồi, Bùi Tín vẫn đi trong cái ống công nhỏ hẹp, thối tha của chủ nghĩa xã hội VN, nhưng vẫn cứ tưởng là mình đang đi trên một đại lộ thênh thang. Nay thì 2 đầu của cái công thối tha ấy đã bị bịt cứng. Nhìn về đảng sau, Bùi Tín không thể trở lại với đảng của ông ta được nữa. Nhìn tới phía trước, tương lai tối tăm đã hiện ra trước mắt: đảng CS Nga, và chủ thuyết Mác Lê cao siêu của ông ta đã bị phá sản thê thảm. Khắp nơi trên thế giới, bọn cán bộ CS sống vật vờ như lũ "Cò Hồn".

Trong trường hợp này, Bùi Tín chỉ còn 1 con đường độc đáo trước mắt: quay trở lại với tập thể người Việt quốc gia ở hải ngoại, môi trường duy nhất để trở về với dân tộc trong tương lai.



Xuyên qua cuộc phỏng vấn của đài phát thanh quốc tế Pháp (RFI) ngày 25.8.91, và cuộc phỏng vấn của nguyệt san Phụ Nữ Diễn đàn (vol.8, nr.93), Bùi Tín đã nương theo chiều gió trở ngược ngọn cờ, chống lại bọn lãnh tụ CSVN, chỉ trích đảng, và chê chủ thuyết Mác Lê là vô hiệu quả.

Đây là nguyên văn lời của Bùi Tín: "... Ông Võ Văn Kiệt và ông Phan Văn Khải có chút ít quan điểm cởi mở về kinh tế, nhưng căn bản vẫn là bảo thủ cả về kinh tế và chính trị. Còn 11 người còn lại, từ ông Đỗ Mười, ông Lê Đức Anh, ông Đào Duy Tùng v.v... đều cực kỳ bảo thủ về chính trị, rất cũ kỹ, đều thống nhất ở chỗ chống lại dân chủ, bám quyền, để giữ đặc quyền đặc lợi...". Được ký giả Chử Bá Anh hỏi về nhận định đối với chủ nghĩa Mác Lê. Bùi Tín đáp: "...

Những thực tế ở các nước áp dụng chủ nghĩa Mác và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đều đạt kết quả giống nhau: năng suất rất thấp, quan liêu và bảo thủ hoành hành, thiếu thốn hàng hóa, đặc quyền đặc lợi, đảng thống nhất với nhà nước độc quyền lãnh đạo, chống lại dân chủ và di sản nặng nề nhân quyền của xã hội. Do đó, chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lê Nin, chủ nghĩa xã hội trên thực tế đã phá sản...".

### **Bùi Tín Áp Úng, Ngập Ngọng Giải Thích Về Thái Độ Lật Lọng Của Minh.**

Được hỏi về lập trường hôm nay có khác gì với lập trường khi viết bản kiến nghị hồi tháng 11.91 không, Bùi Tín đã xác định rằng Không!

Rồi tiếp theo, Bùi Tín tráo trở, ngụy biện cho rằng: "... Khi tôi đưa ra kiến nghị hồi tháng 11 năm ngoái, thì đối tượng chính của tôi Không Phải Là Ban Lãnh đạo Của đảng, mà đối tượng chính của tôi là đồng Bào Trong Nước..." Rồi Bùi Tín tiếp tục áp úng mơ hồ bào chữa: " Vì vậy, qua kiến nghị, tôi muốn thức tỉnh đồng bào trong nước, hơn nữa để biết rõ những sự thật đã bị bung bít, từ đó tập dượt cho họ con đường đấu tranh cho dân chủ. đồng thời, đối với ban lãnh đạo thì tôi thử 1 lần cuối cùng là kêu gọi lương tâm họ thức tỉnh. Tôi biết là khó lắm, khó kêu gọi sự thức tỉnh của lương tâm họ trước thâm cảnh của đất nước, nhưng tôi vẫn cố 1 lần cuối xem họ có phục thiện hay không, tuy rằng tôi biết muốn họ phục thiện rất khó... đó là lập trường của tôi lúc bấy giờ do cái chiến thuật mà tôi dùng để tập dượt cho đồng bào tôi biết cái sự thật, biết cái dân chủ."

Người ta nghĩ: nếu cần tập dượt cho đồng bào của ông Bùi Tín "biết cái sự thật, biết cái dân chủ", thì tại sao hồi tháng 11.91, ông lại gửi "bản kiến nghị của một công dân" về cho bộ chính trị đảng CSVN? Tại sao lại vẫn còn bộc lộ tinh thần Tôn Thờ Lãnh Tụ Là Đáng Kính Trọng, Kháng định Là Không Chống đảng, Và Tin Tưởng Vào Chủ Thuyết Mác Lê Là Tốt đẹp??? Ông để lộ địa chỉ chẳng?

Vả lại, không biết đồng bào ngoài Bắc, sau mấy chục năm bị bọn CSVN nhồi sọ thế nào, chứ riêng đồng bào trong Nam, từ đứa con nít, với trình độ tiểu học cũng đã biết dân chủ là gì rồi. Vì chúng đã được hưởng dân chủ ngay từ lúc mới lọt lòng mẹ ra chào đời. Và chỉ cần vài tháng sau khi quân đội Bắc Việt vào chiếm miền Nam

chúng cũng đã hiểu thật rõ ràng rồi. Gia đình tan nát, cha mất con, vợ mất chồng, anh em ly tán. Kẻ vượt biên, người ngồi tù cải tạo v.v... Sự thật rõ ràng đến thế, còn gì nữa mà phải chờ được Bùi Tín tập dượt?!

Bị ký giả Chử Bá Anh cật vấn ở tư cách đảng viên CS và không còn là đảng viên CS trong 2 trường hợp khác nhau, Bùi Tín đã tỏ ra áp úng, ngập ngọng phân trần cách gượng gạo, mơ hồ như sau: "Tôi đã nói rõ là tôi hoàn toàn mất tin tưởng ở sự lãnh đạo của đảng từ lâu rồi, có thể nói là Từ 15 Năm Nay (tức chỉ mới mất tin tưởng sau năm 1976 mà thôi!). Hơn thế nữa, điều này còn chứng tỏ Bùi Tín quen thói Vẹm, nói láo trắng trợn, và lật lọng như trở bàn tay. đây, xin nhắc lại nguyên văn câu trả lời của Bùi Tín trong cuộc phỏng vấn của Đỗ Văn, đài BBC 1 năm trước: "Tôi không chống đảng, tôi yêu lý tưởng của đảng... Như vậy sao lại gọi là chống đảng? ... Khi viết bản kiến nghị tôi phải lấy Danh Nghĩa đảng Viên và nhấn mạnh tôi là đảng viên đảng cộng sản, cốt là để giữ mối quan hệ với những đảng viên lương thiện trong đảng... Cho nên, nếu tôi tự ý ra khỏi đảng thì tôi mất thể diện của tôi, nhất là người ta sẽ bảo tôi là phản bội, người ta sẽ bảo tôi là kẻ bỏ trốn, kẻ hèn nhát bỏ chạy. Thế cho nên tôi chờ cái quyết định của họ khai trừ tôi. Như vậy các đảng viên thuộc thành phần lương thiện thấy rằng tôi đã không phụ họ...".

Bùi Tín đã đem cái lý cơ khiên cưỡng: "Tập Dượt Cho đồng Bào Biết Cái Sự Thật, Biết Cái Dân Chủ", rồi lại đem cả đám cán bộ CS gọi là "Lương Thiện Trong đảng" ra để làm chiêu bài chứng minh gượng ép cho lập trường chính trị xu thời của mình.

Tóm lại, nếu đồng bào trong nước và hải ngoại trước đây, nếu có ai đã gán cho Bùi Tín danh hiệu "Cò Mồi", thiết tưởng cũng không có gì quá đáng. Tất cả đều do hành vi và ngôn ngữ của Bùi Tín mà ra. Bây giờ, sau loạt bài này, với những lời lẽ tráo trở vừa kể trên, nếu có ai tặng cho Bùi Tín thêm 1 danh hiệu khác nữa, thí dụ là: "đón Gió Trở Cờ! Chánh Trị Thò Lò Muôn Mặt! v.v...." thiết nghĩ cũng không sai lắm!

### **Vài Lời Nhắn Nhủ ông Bùi Tín Và Tay Sai.**

Tóm lại, qua những bằng chứng cụ thể đã nêu trên, người ta thấy ông Bùi Tín không đủ tư cách để nói chuyện với tập thể người Việt tị nạn hải ngoại về các vấn đề: Hòa Hợp Hòa Giải Dân Tộc, Dân Chủ Đa Nguyên, và Bầu Cử Tự Do v.v...

Cách hay hơn hết, ông nên giữ 1 thái độ im lặng để nghe những người quốc gia thảo luận vấn đề này!

Mặt khác, tôi cũng biết hiện nay chung quanh Bùi Tín đang có 1 số ít người tị nạn làm chính trị theo kiểu "giấy leo", bám vào cái "xác chết chưa chôn" Bùi Tín với hy vọng được chia chác miếng cơm thừa canh cặn của CSVN. Những người này đã phản bội lại tập thể, tạo môi trường và cơ hội cho Bùi Tín bôi nhọ người chiến sĩ quốc gia, giống như trước đây họ đã từng bám vào cái "xác chết chưa chôn" Trương Như Tảng và Hoàng Văn Hoan... Chúng tôi xin các bạn hãy cân nhắc kỹ càng "Lá Bối Rác" Bùi Tín, kéo thêm 1 lần nữa hồi hận.

### **Đặng Văn Nhâm**

(Đan Quốc)

# Nhân lần giỗ thứ hai Tưởng nhớ Cố chí sĩ Nguyễn Long Thành Nam, con người Cách Mạng và tác phẩm văn hóa "Phật Giáo Hòa Hảo trong giòng lịch sử dân tộc" của ông. Bài của Vũ Ký.

Tôi nhận được tác phẩm Phật Giáo Hòa Hảo trong giòng lịch sử dân tộc của Cố chí sĩ Nguyễn Long Thành Nam do gia đình của người gởi tặng đã lâu và tôi đã đọc đi đọc lại nhiều lần. Và mỗi lần gởi thêm cho tôi một giòng suy tư và một phần tinh nội quan khác lạ.

Giờ sách ra, trước khi đi vào ý nghĩa của mỗi trang, là tôi hồi tưởng đến con người - đức độ, chí hướng và sự nghiệp của Cố chí sĩ mà lòng vô cùng bùi ngùi xúc động.

Tôi phân vân quá, không biết nên chọn cái thể tài nào cho bài văn tôi sắp viết ra đây về tác giả và tác phẩm. - Hoặc để tưởng nhớ đến Anh, một nhà Cách Mạng xứng đáng, lãnh tụ một chính đảng quốc gia, chức sắc lớn của một tôn giáo đã đi sâu vào lòng dân tộc ở Miền Nam nước Việt. Hơn 2 năm anh vĩnh biệt trần thế là một khoảng trống vô cùng rộng lớn, anh đã để lại cho chị Thành Nam và các cháu, cho các đồng đạo của anh, cho cộng đồng hải ngoại, các chiến hữu, bạn bè xa gần của anh trên thế giới, trong đó có chúng tôi, người bạn lòng và chiến hữu của Anh - Hoặc để xin phép Anh nhận xét về một tác phẩm lớn mà gần như anh tính hết ưu tư, tâm huyết của cả trọn đời chiến sĩ và tín đồ thuần hậu của anh để hoàn thành -

Từ hồi còn trong nước đến khi ra hải ngoại, anh luôn luôn là nhân vật nổi bật trong chính giới, lấy nguyên lý đoàn kết quốc gia làm phương thế dẫn đạo và quyết định cho công cuộc toàn thắng của chính nghĩa dân tộc.

Mỗi hoài niệm về Anh trong tâm hồn tôi làm sống dậy nhiều biện chứng sâu đậm về con người đạo nghĩa và con người chính trị, cách mạng của Anh.

Được hân hạnh quen anh hơn 1 phần tư thế kỷ, lần đầu tiên là khi ứng cử vào Thượng Viện trong liên danh 3 cây dừa; một liên danh được nhiều phiếu nhất mà hóa ra không trúng cử vì một chính quyền chậm tiến, công khai vi hiến đã thay vào đó một liên danh thân chính ít phiếu hơn. Anh đã tỏ ra phần nộ một cách từ tốn rồi anh phân tích tình hình rất hùng biện để tiên liệu hậu quả mất nước tất nhiên sẽ đến một ngày rất gần, trước sự hiện diện của đông đảo ứng cử viên, trong đó có Cụ Quan Hữu Kim và Cụ Huỳnh Văn Nhiệm, các vị lãnh đạo đảng Dân Chủ Xã Hội của Phật Giáo Hòa Hảo.

Rồi từ ấy đến ngày anh ra đi vĩnh viễn, dù kẻ ở bên này bờ đại dương, kẻ ở bên kia quả đất, xa xuôi nghìn dặm, mỗi lá thư anh gởi là một nỗi lòng sâu nặng, trút ưu tư và tâm huyết của anh, trước thế cuộc, đạo pháp và quốc vận, của một bậc chí sĩ, một nhà cách mạng, một tín đồ nặng lòng với Dân tộc, Chính nghĩa và Giáo lý của Đức Thầy.

"Sức già, hoàn cảnh khó, hai sự nghịch chiều này làm sao giải quyết. Thật là buồn quá anh ơi!" (Thư anh gởi cho tôi đề ngày 1.3.1989).

Không dám tự phô trương nhưng thư qua thư lại, anh vì quá thương tôi mà dành cho tôi nhiều cảm tình đẹp và một sự khen tặng độ lượng và khoan hồng mà tôi tự xét mình chưa xứng đáng như trong thư anh viết cho tôi ngày 22.1.1989.

"Tôi vẫn đọc được bài anh viết trên các báo, tuy ít nhưng rất có giá trị. Cuốn sách anh vừa cho xuất bản - Đạo Làm Người của Nguyễn Công Trứ - cũng nằm trong tủ sách của tôi và tôi rất quý những tác phẩm về văn hóa và lịch sử như vậy. Đuốc Từ Bi sẽ được cải tiến, hiện nay được xem như một diễn đàn chọn lọc nên tôi dám mong có được những bài của những cây bút có giá trị như anh..."

Anh lại theo dõi rất kỹ các bài viết của tôi để rồi biên thư cho tôi, hồng bổ túc và sửa chữa nội dung dùm tôi nếu cần. Như trong bài "Câu chuyện thơ Đường luật của tôi, anh gởi cho bài Trung Thu Ngoạn Nguyệt mà tôi đã dẫn chứng anh thêm cái nguyên tác chữ Hán của Bạch Cư Dị và cho biết dịch giả chính là Bùi Khánh Đan, trong khi tôi ghi là Vô danh. Sau đó, anh gởi cho tôi lá thư phê bình rất trực ngôn bằng những lời chua chát của anh Ngô Văn Thái về sự thiếu sót của tôi không chú thích các từ Hán văn trong soạn phẩm của tôi: "Người Thanh niên Việt trong tâm thức Nguyễn Công Trứ" để tôi để tôi sửa chữa lần in kế tiếp. Tất cả các chi tiết ấy, chừ đây, tôi nhớ hết, nhớ rõ. Nhớ đến mà cảm kích và đạ tạ sự thận trọng và chu đáo của nhà học giả, cái chí tình tri âm của người bạn văn hiếm có và kiến thức uyên bác của nhà văn hóa là Anh. Thương hại và xúc động vô cùng là trong bức thư cuối cùng, hơn 1 tháng trước khi anh mất (thư đề ngày 13.11.89) chữ viết nguệch ngoạc, không thẳng hàng, anh vẫn gắng gượng viết cho tôi, báo tin anh bệnh và xin lỗi bạn, sợ bạn hiểu lầm, trách móc. Mà anh còn lo cho bài vở của tạp chí đuốc Từ Bi kịp lên khuôn nữa. điều làm cho gia đình chúng tôi vô cùng xúc động là tuy lá thư viết hết sức ngắn, anh vẫn rón viết thêm 4 chữ lão đảo dưới góc bức thư: "kính chúc chị mạnh". Dù để thấy rõ cái ân tình và chung thủy hiếm có trong đạo bằng hữu của một nhà nho Việt Tộc! Ấn dấu dưới cái bệ ngoài khá ái và khá kính của một con người Cách Mạng. Điều này lão ký giả Trần Văn Ân cũng đã đồng ý với chúng tôi để ghi nhận một đặc trưng đạo đức nơi Anh.

"Khi tôi nhắc về sĩ khí Việt Nam trong vài soạn phẩm của tôi, tôi đã nhớ đến anh nhiều lắm anh Thành Nam. đúng vậy, vì anh chính là sĩ khí, chí khí của kẻ sĩ Miền Nam nước Việt còn sót lại giữa thời đại chúng ta. Và không ai đem thành bại mà luận bàn tài hoa và tiết tháo của con người!" Tôi đã viết cho Anh vào đầu năm 1984.

"Nếu tôi có chút sĩ khí nào cao trọng như Anh đã ca ngợi - anh đã trả lời cho tôi - thì chắc anh em mình, chúng ta không đến nỗi lệt đệt lưu vong như ngày nay đó, anh Ký ạ".

Suốt cuộc đời đấu tranh và hành đạo của Anh nằm vồn vẹn trong 3 ý niệm đạo đức tuyệt vời: Tâm - Thành - Tín.

Ở hải ngoại trong tình cảnh lưu vong rời rạc, khó khăn, anh đã đích thân di chuyển nhiều nơi để xây dựng lại cơ đồ Phật Giáo Hòa Hảo khắp bốn phương trời từ các trại tỵ nạn đông Nam A đến hầu hết các quốc gia trên thế giới, vốn đã vỡ ra từng mảnh vụn, từ vật chất đến tinh thần tâm linh...

Để củng cố, siết chặt mối tình đồng đạo qua tạp chí Đuốc Từ Bi và giữ son sắt niềm tin của tất cả đạo hữu vào lời Sấm Giảng ghi tâm khắc cốt của Huỳnh giáo chủ. Chờ đợi ngày đại thắng huy hoàng trở về quê hương của bấy con cháu của cái "Toàn Cầu Nghĩa Thực" hiện đại này. Và đó cũng là Ngày Đại Lễ quang vinh mà chân lý của Đức Thầy sáng rực trong cõi U Minh của Nhân Thế...

Theo lời Cô ký giả Nguyễn Ang Ca, anh luôn luôn chủ trương: Người làm báo cũng như làm chính trị đều phải có liêm sỉ và đạo đức!" Triết lý hành động ấy hết sức cao cả và Cô ký giả nói tiếp: "Anh là một nhân tài đa diện, một nhà kinh tế, một nhà kinh doanh trong số ít người tỵ nạn Việt Nam đã thành công về kỹ nghệ dám đương đầu cạnh tranh với các xí nghiệp lớn ở Huê Kỳ. Anh cũng còn là một nhà văn, viết truyện ngắn, tùy bút rất hấp dẫn là soạn giả nhiều sách về ngoại ngữ dành riêng cho người ngoại quốc muốn tìm hiểu về nguồn gốc, giáo lý Phật Giáo Hòa Hảo như các tác phẩm:

"A brief description of Hoa Hao buddhism"  
"Biography and Teaching of prophet Huynh",  
"Introducing to the Hoa Hao - Buddhist church in America v.v..."

Hồi còn bôn tẩu ở Nam Vang, anh đã hết sức mình tìm mọi phương thế kết hợp các lực lượng đấu tranh cứu quốc với lý tưởng Kiến Đạo, bài phong, đã thực, phản cộng. Nói đến đây, tôi cũng lại không quên được cuộc tiếp chuyện hơn nửa ngày với Anh chị trong cuộc Âu du vào năm 1988. Anh duyệt sơ qua cả thiên hạ sự phức tạp và vận nước nổi trôi rồi dừng lại rất lâu với nỗi ưu tư to lớn của chính anh về tác phẩm "Phật Giáo Hòa Hảo" mà anh hằng ôm ấp sẽ hoàn thành vào năm đó. Anh đã cho tôi xem trước một chương của cuốn sách đồ sộ ấy và vì vốn tôi ít kiến thức về Phật Giáo Hòa Hảo nên không có gì đóng góp được với Anh, chỉ gợi đến Anh sau đó vài tuần cuốn Chi Nam Phân khoa Văn học và Sư phạm của Viện Đại Học Hòa Hảo niên khóa 73-74 mà Viện trưởng Huỳnh Văn Tông đã gợi cho tôi góp ý để Anh lấy đó làm tài liệu về Văn hóa Hòa Hảo... Anh cũng lại thở than và buồn sâu về cái thế liên kết khó khăn các tổ chức cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Và rồi anh hỏi tiếc chưa tìm ra được tuyệt chiêu nào cho giải pháp...

Thế rồi, sau đó, giữa đường năng động bỗng nhiên gãy bẻ đi một cánh chim đại bàng, luôn luôn muốn vẫy vùng trong bầu trời tự do đóng góp thiện chí của mình hầu đem lại vinh quang cho Đất Nước, cho Đạo Giáo mà anh luôn luôn là một biểu tượng sáng ngời về chính nghĩa tự do, về chân lý bất diệt của Đức Thầy Huỳnh Giáo chủ. Xin phép Anh được long trọng ca ngợi anh vô cùng! Trong cố gắng cuối cùng của anh để chủ trì cùng với nhiều nhân vật khác trong chính giới ở hải ngoại, một sự kết hợp giữa 9 đoàn thể chính trị hồng phối hợp sức mạnh riêng thành một tổng lực đấu tranh chung vào ngày 17.9.1989 ở Cali.

Trước thế nước lòng dân phân tán, có một số người nêu nghi vấn và thắc mắc và anh đã phải lên tiếng giải thích, yêu cầu thông cảm vì quyền lợi tối thượng của Đất Nước trong một bài báo dài, lời lẽ nung nấu tâm chí, nhiệt huyết kiên trì của một con người quyết dẫn thân cho đại cuộc: "Là một người đã tham gia đại hội này, mưu cầu sự kết hợp các tổ chức đấu tranh, tôi tự xét có bốn phận phải lên tiếng.

Trong giới đấu tranh VN, có nhiều khuynh hướng, xin tạm đúc kết thành 3 khuynh hướng sau đây để dễ nhận xét:

Khuynh hướng 1 của một số cá nhân, cho rằng không cần thiết vận động, chỉ cần vận động được một cường quốc yểm trợ thì người người sẽ quy về một mối.

Khuynh hướng 2 của một số nhóm, cho rằng tập hợp một số trí thức đầu não làm chỉ đạo, một số thanh niên tiến bộ làm cán bộ nòng cốt, chờ thời cơ thuận tiện đứng lên nắm lấy chủ động và lãnh đạo, sự yểm trợ quốc tế sẽ đến với nhóm người có khả năng kinh bang tế thế.

Cả hai khuynh hướng này quan niệm rằng quần chúng chỉ là tiềm lực thụ động, các chánh đảng và tôn giáo cách mạng trong quá khứ nay đã quá thời, không nên bận tâm đến sự kết hợp các tổ chức này.

Khuynh hướng 3 chủ trương phải kết hợp các tổ chức tranh đấu thành sức mạnh chung, gồm trí thức lãnh đạo cán bộ điều hành, quần chúng hậu thuẫn, vừa tạo thế yểm trợ quốc tế, vừa trực tiếp với cuộc đấu tranh và các diễn biến trong nước.

Đối với khuynh hướng này, các đảng phái tôn giáo cách mạng trong quá khứ đã có lịch sử, thành tích cán bộ, quần chúng, được thế giới hiểu biết (không phải hữu danh vô thực) là phần tiềm lực đấu tranh của dân tộc, cho nên cần phải kết hợp lại, chớ không phải là dùng "phế thải của lịch sử" như lối nhìn phiến diện của một số cá nhân.

Tôi đã chọn khuynh hướng 3. Và tôi tin rằng kết hợp vẫn là con đường đúng, cần phải đi theo, và thực hiện. Bởi vì ngay từ 1945, Đức Huỳnh Giáo chủ đã thấy trước đám lãnh tụ CS đệ tam âm mưu nắm quyền độc tài trị, cho nên PGHH trước tiên ở miền Nam nêu khẩu hiệu "chống độc tài đảng trị" như một cảnh cáo ngăn ngừa.

Về chủ trương, Đức Huỳnh Giáo chủ đã nêu quan điểm quần chúng: Quần chúng là tiềm lực nền tảng, trí thức là khả năng lãnh đạo, kết hợp quần chúng với trí thức là củng cố tiềm lực đáy tầng cho cuộc đấu tranh trường kỳ của dân tộc.

Lãnh hội tư tưởng đấu tranh của Ngài, tôi kiên trì trong đường lối chống CS. Lãnh hội chủ trương kết hợp để xây dựng tiềm lực dân tộc của Ngài, tôi mưu cầu đoàn kết giữa người quốc gia yêu nước. Tôi tin mãnh liệt rằng kết hợp là yếu tố kiên quyết để dân tộc tồn tại trong cơn nguy biến, và để đưa cuộc đấu tranh đến thành công.

Cho nên tôi đã âm thầm, tích cực tham gia mưu cầu kết hợp các tổ chức đấu tranh, tiến tới đại hội kết hợp 16, 17.9.89. Tôi cũng biết đây chỉ là bước đầu, cần có nhiều nỗ lực liên tục và hành động tích cực, kiên trì nhưng dù sao việc gì cũng phải có bước đầu trước đã.

Cho nên tôi cảm thấy khích lệ khi phản ứng dư luận, tuy không hồ hởi, chưa tin tưởng nhiều, nhưng không

đánh phá, chống đối. Vì dư luận cũng hiểu đây chỉ là bước đầu, thông cảm "vạn sự khởi đầu nan", dư luận sang suốt chờ xem bước sau.

Đó là một khích lệ phải ghi nhận.

Cho nên tôi có đôi lời cầu xin này gửi đến quý vị chiến sĩ yêu nước

- Tôi cầu xin chúng ta cố giữ sự tương kính, khiêm cung giữa cá nhân và tổ chức tranh đấu, nêu cần cứ chỉ trích, phê bình, nhưng đừng bao giờ miệt thị mạt sát lẫn nhau.

Tôi không cầu xin những người CS, những người hiện đang chạy theo "hòa hợp hòa giải" với CS, những người tự xưng "đỉnh cao trí tuệ" nên không biết cúi mình để nhìn thấy sự thật và thấy cả sự yếu kém bản thân. Tôi nhớ cách đây trên 10 năm, tôi có đọc lời cầu xin của Đức Giáo Hoàng, đọc trong một Đại hội Dục sĩ Quốc tế đại ý như sau:

- Tôi cầu xin quý vị Dục sĩ khi đặt các dục liệu trên bàn cân biện chế, hãy thêm vào đó nỗi đau khổ của các bệnh nhân.

Tôi xin cũng theo gương đó, ngõ lời cầu xin công khai này, tâm tôi không một chút xấu hổ nào cả".

(Thành Nam Nguyễn Long, đuốc Từ Bi 1989).

Trên đây là một bản tuyên ngôn chính trị cao đẹp, từ tốn, điềm đạm, đầy khả năng thuyết phục, một thổ lộ tâm tình vì đại cuộc khá ái chí thành. Và đó phải chăng cũng là những lời trần trối tâm huyết cuối cùng với tất cả chúng ta mà Cố chính trị gia Nguyễn Long Thành Nam đã linh cảm? Hơn 2 năm trời anh vĩnh biệt cộng đồng chúng tôi mà khoảng trống sinh lý từ biệt như kéo dài đằng đằng, khó bề lấp kín. Xin có đôi lời kính cẩn tưởng nhớ đến Anh, nhà chính trị, nhà cách mạng và nhà yêu nước Nguyễn Long Thành Nam ở lần giỗ thứ hai này vậy. Còn phần nhà văn hóa Thành Nam, xin dành cho kỳ sau nữa.

**Vũ Ký.**

## Một tác phẩm vô cùng quý giá: "Phật Giáo Hòa Hảo Trong Giòng Lịch Sử Dân Tộc" của Cố cư sĩ Nguyễn Long Thành Nam.

Tác phẩm Phật Giáo Hòa Hảo trong dòng lịch sử dân tộc của Cố chí sĩ Nguyễn Long Thành Nam thực đồ sộ gồm có 800 trang và nhiều hình ảnh chẳng những là một công trình hoàn chỉnh đúc kết về lịch sử Phật Giáo Hòa Hảo ở Miền Nam nước Việt mà còn là một tác phẩm vô cùng quý giá nghiên cứu về văn hóa Việt Nam nữa.

Nhất là soạn phẩm trả lời thỏa đáng một thắc mắc chủ yếu của số đông người luôn luôn quan tâm đến nền chính trị lịch sử, tôn giáo của nước Việt trong những thời kỳ cận đại hiện kim gần đây mà chưa thấy

ai có đủ thẩm quyền và uy thế tinh thần để giải đáp một cách trọn vẹn như Cố cư sĩ Thành Nam. Và lại đó cũng là tiền đề tối ưu quan thiết mà soạn giả tự đặt ra trong "lời nói đầu" của tác phẩm:

"Phật Giáo Hòa Hảo là một tôn giáo, một chánh đảng, một tổ chức cách mạng, một giáo phái võ trang, một đảng chính trị mang danh tôn giáo, hay một tôn giáo có mục tiêu chính trị?"

Và trong hoàn cảnh lịch sử, bối cảnh chính trị xã hội với nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng và hợp lưu văn hóa nào của đất Nước nói chung và của Miền Nam Việt Nam nói riêng mà Phật Giáo Hòa Hảo đã ra đời?

Theo như tác phẩm của Cố cư sĩ Nguyễn Long Thành Nam thì tôn giáo này khởi nguyên từ giữa thế kỷ 19 với phái Bửu Sơn Kỳ Hương trước khi người Pháp xâm chiếm, tức là từ bối cảnh xã hội và lịch sử của cuộc Nam Tiến và khai phá Miền Nam.

Phát sinh từ quần chúng rồi tác động sâu rộng vào quần chúng, dưới sự khai sáng và truyền giáo của vị Giáo Tổ, Đức Phật Thầy Tây An, tục danh Đoàn Minh Huyền, trước tiên đạo Bửu Sơn Kỳ Hương (1848-1956) vì bức thiết của lịch sử đã dựng lên 2 ngọn cờ tín ngưỡng và yêu nước hồng hướng dẫn con người vào đường đạo Pháp và Dân Tộc. Mục tiêu là giải thoát con người Việt Nam đặc biệt là quần chúng nông thôn trong hoàn cảnh lịch sử, chính trị, xã hội, văn hóa bấy giờ khỏi mấy tầng áp bức, chẳng những về phương diện tâm linh, tinh thần mà còn về kinh tế, vật chất nữa.

Từ 1849 đến 1856, thời kỳ khai lập với Phật Thầy Tây An rồi đến từ 1939 đến 1945 là thời kỳ phát triển với Huỳnh Giáo chủ, Phật Giáo Hòa Hảo đi sát với thời cuộc, với tổ chức xã hội hiện hữu của Đất Nước, với dân tình để kiến đạo cứu quốc. Do đó có dòng lãnh đạo tinh thần, có dòng thế tục.

Theo nội dung tác phẩm của cố cư sĩ Thành Nam thì từ hơn 1 thế kỷ nay, PGHH đã xây dựng cho dân tộc, nhất là cho dân chúng Miền Nam nước Việt, trong thời kỳ rối ren phức tạp của đất Nước một nền văn hóa gồm nhiều đặc trưng nổi bật mà ta có thể gọi là nền văn hóa Hòa Hảo một nền văn hóa tổng hợp hài hòa, nhuần nhuyễn các trào lưu tư tưởng, các nền giáo lý cổ truyền trên đất Việt thích ứng với bản sắc dân tộc. Cần nói rõ trong sự hòa hợp này, Phật giáo chính thống vẫn là chủ đạo của tư tưởng Phật Giáo Hòa Hảo. Cũng là Phật giáo, nhưng trong PGHH còn có Nho giáo và một ít Lão giáo nữa. Tất cả mang đậm sắc thái đặc thù Việt Nam nên được tạm gọi là Việt Phật và Việt Nho. Y hướng giáo lý của PGHH là một thái độ nhập thế tích cực, sống đạo, tu hành với thế gian, phục vụ thế gian để thể hiện tinh thần từ bi ái ái vào công cuộc cải tiến xã hội. Thực vô cùng mật thiết. Mỗi liên hệ giữa Đạo và Đời, giữa Đạo và Dân tộc. Cho nên Đức Dũng trong PGHH, Đức Thầy hướng vào tình yêu Đất Nước. Do đó, giải thích được sự nghịch lý lớn giữa tu hành và đấu tranh hay nói một cách khác, dung hòa được mâu thuẫn này hoặc biện

giải được sự lý mới nhìn thì rất kỳ lạ này là = đấu tranh cũng để phục vụ tu hành mà Huỳnh Giáo chủ giải thích bằng lời nói sau: "Nếu trong cõi nhân gian này còn có chúng sanh tiền tiến áp bức chúng sanh hậu tiến thì là một việc trái hẳn với giáo lý chơn chánh ấy (Phật đạo) (Bài phỏng vấn Đức Huỳnh Giáo chủ ở chiến khu của ông Hồn Quyên).

Chúng tôi nhận định rằng đó quả là một điều rất mới, rất hợp lý mà chỉ thấy có tôn giáo PGHH đề cập đến mà thôi để giải đáp một vấn nạn và không thấy tôn giáo nào giải đáp thỏa đáng.

Chính đó là tích cực - vị nhân sinh mà cũng vị đạo vị Dân tộc của PGHH vậy. Phương diện một tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo là ông Nguyễn Văn Hậu nhận xét thêm:

"Nhu vậy, ái quốc là một khía cạnh của Từ bi, vị chính nghĩa, vì đức hiếu sinh mà đứng lên đấu tranh cứu khổ cho một dân tộc, siêu thoát cho một giống nòi, chấm dứt một tình trạng áp bức bất công, không có gì trái với định luật thiên nhiên cả" (1). Khi nói đến tôn giáo và đấu tranh không giống như số đông người, chúng ta không ngộ nhận sự cách biệt giữa chiến đấu vì yêu nước với đạo pháp để đập vào sự toàn thắng của chính nghĩa dân tộc những nhát búa nửa vời hoặc chấp nhận một cách tiêu cực vấn đề định mệnh quốc gia. Quả thực, đây là một điểm son trong giáo lý PGHH mà chúng tôi xin hoàn toàn ngưỡng mộ.

Trong lịch sử văn hóa dân tộc, vào thời kỳ phồn thịnh trên Đất Nước từ thế kỷ 7 đến thế kỷ 14, các bậc chân tu Phật giáo như Đỗ Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Từ Đạo Hạnh trong khi thuyết pháp về ngũ trược hay ngũ uẩn của đệ nhất diệu đế, đến đệ tứ diệu đế với đạo bát chính trước hết đều là những nhà yêu nước nhiệt tình cho nên các vị ấy ngày đêm ưu tư và đề cập đến quốc sự, quốc đạo. đã có lúc các Ngài thông thái quan niệm linh động, hợp thời và thức thời các ý niệm = khẩu nghiệp, chính kiến, chính tư duy hòng dung hợp mà ứng dụng vào sứ mệnh đối với quốc gia... đến PGHH thì cải biến rất thực tế kinh điển Phật giáo để thích ứng với hoàn cảnh mới của Đất Nước nhất là về kinh Tứ Ân. Ngoài tính chất tôn giáo, Tứ Ân của Phật Giáo Hòa Hảo - nhất là Ân quốc vương của Phật trở thành Ân đất nước của PGHH - còn mang thêm ý thức dân tộc và xã hội với mục tiêu kích thích lòng ái quốc và nhiệt tình vì nước đấu tranh (2) của người tín đồ.

*"Sống không hổ kiếp anh hào*

*Không ham tiền bạc sang giàu cá nhân*

*Thân chiến sĩ vì dân vì nước*

*Vì tự do hạnh phúc đồng bào*

*(Đức Huỳnh Giáo Chủ)*

Chúng tôi say mê đọc và vui sướng nghiên cứu phần giáo lý PGHH nằm trong tác phẩm liên hệ đến các triết thuyết Đông Phương khác đề đi đến một nhận định: Quả thực, "Phật Giáo Hòa Hảo trong giòng lịch sử dân tộc chỉ riêng với các chương này cũng đủ để xứng đáng là một tác phẩm không tiền khoáng hậu luận về tổng quan văn hóa Việt Nam rất chính xác và

vô cùng bổ ích, nếu chúng ta quan niệm rằng văn hóa là phân tinh thần, tâm linh của mọi sinh hoạt.

Đã có lúc chúng tôi tự hỏi: Tại sao cố chí sĩ Thành Nam trước kia không đặt đề mục cho tác phẩm là: "Phật Giáo Hòa Hảo trong giòng sinh mệnh văn hóa dân tộc"? Ở phần giữa và sau, cố soạn giả Thành Nam Nguyễn Long dành phần lớn tác phẩm để luận về tiến trình đấu tranh cách mạng của PGHH và PGHH dưới các chế độ - nhất là chính sách CS đối với tôn giáo và tín đồ PGHH tại miền Nam Việt Nam.

Dựa trên nhiều dữ kiện, sự lý hùng biện, các suy tư và nhận định của soạn giả về giai đoạn này thực vô cùng sắc bén và chính xác mà cho đến nay chúng tôi vẫn chưa tìm thấy trong bất cứ một soạn phẩm về chính trị hay lịch sử nào!

Đối với thực dân, phong kiến rồi Cộng sản, PGHH và đảng Việt Nam Dân Chủ Xã Hội một chính đảng, thoát thai từ tôn giáo này, trở thành mục tiêu bài trừ quyết liệt đến tiêu diệt và là nạn nhân khốc liệt của các lực lượng phản động nói trên, nhất là CS vô thần, duy vật và độc tài đảng trị.

"Sau gần 40 năm hiện diện, bảng tổng kết của Việt Nam Dân Chủ Xã Hội đảng là một danh sách thật dài của những hy sinh, gian khổ, tù đày, tàn sát. Một bảng tổng kết đau thương nhưng oai hùng (3). Đối với CS đệ tam, các lực lượng quốc gia yêu nước, nếu không đặt dưới sự sử dụng của họ để phục vụ cho mục tiêu của họ thì sẽ là mối hại cho họ, cho nên phải tiêu diệt. Nhiều bằng chứng: vụ Hồ Chí Minh báo cáo với sở tình báo Pháp bắt chí sĩ Phan Bội Châu tại Thượng Hải, vụ Tạ Thu Thâu bị giết ở Quảng Ngãi và các lãnh tụ xuất chúng của Đệ tứ quốc tế như: Phạm Văn Chánh, Hoàng Văn Phương, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch bị CS sát hại... Bằng cứ là tài liệu của CS Hà Nội ghi lại chi thị của Hồ Chí Minh đối với các phe đối lập là phải tiêu diệt = không thỏa hiệp, không nhượng bộ, phải dùng mọi cách để vạch mặt chúng, phải tiêu diệt chúng về mặt chính trị (Nguyên tác: il faut les exterminer politiquement). Chỉ riêng Trần Văn Giàu, Chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ chạy sang Bangkok và gặp ông Tịnh Hưng Ngẫu đã thú nhận rằng chính hắn ra lệnh thủ tiêu gần 2500 cán bộ quốc gia trong mấy tháng nắm chính quyền"(1).

Cố soạn giả Thành Nam có nhiều biện luận hết sức chính xác đanh thép về sự sai lầm căn bản mà vô cùng tai hại cho tương lai Đất Nước về phía CSVN trên con đường tìm thế lực hỗ trợ ở ngoại bang. điều này ai cũng nhận thức trong suy tư tiềm tàng của mình như thế nhưng không người nào diễn xuất minh bạch, rạch ròi như cô cư sĩ Nguyễn Long:

"Riêng đảng Cộng sản Đông Dương của Hồ Chí Minh không dựa vào Nhật như đảng Đại Việt hay Quốc Dân Đảng Trung Hoa như Việt Nam Quốc Dân Đảng để chống Pháp, mà ngược lại, đã chọn con đường chiến lược hội nhập hệ thống Cộng sản Quốc tế, và trong đoàn kỳ, lựa chọn con đường bí mật hợp

tác với Pháp dưới danh nghĩa "Đi với Đồng minh chống phát xít Nhật".

Nhiều tài liệu và sự việc lịch sử đã chứng minh thái độ hợp tác với Pháp của Cộng sản Đệ tam Quốc tế tại Việt Nam. Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai đã cộng tác với tổ chức mật thám Pháp ở miền Nam dưới sự điều khiển của viên cò Arnoux. Hồ Chí Minh đã ký hiệp định sơ bộ 6.3.46 cho phép quân đội Pháp đổ bộ lên miền Bắc, để đổi lấy cái thế "chánh thống" cầm quyền của đảng Cộng sản. Trước đó, Staline đã hợp tác với Hitler để bảo vệ quyền lợi riêng, và chỉ quay lại chống Đức Quốc Xã sau khi bị Hitler tấn công bất chấp các thỏa hiệp ngoại giao mà Staline đã ký kết với Hitler.

Một sự thật đã trở thành quy luật của thế giới hôm nay, là các dân tộc nhược tiểu bị uy hiệp không thể nào tự mình đánh tay đôi với cường quốc xâm lược, mà bắt buộc phải nhờ cậy một thế lực, một cường quốc khác giúp đỡ, thì mới có hy vọng đối phó và giải phóng được. Nhưng tạm thời dựa vào một cường quốc, hay nhờ cậy sự giúp đỡ của ngoại bang, để bảo vệ quốc gia của mình trong cơn nguy khó, khác hẳn với việc hội nhập vào hệ thống của một cường quốc, trở thành một bộ phận của hệ thống quốc tế đó, hay trở thành tay sai của đế quốc, để phục vụ quyền lợi, nhắm đạt mục tiêu của hệ thống quyền lực quốc tế hay đế quốc đó.

Tuy rằng tháng 4.1975, đảng Cộng Sản Việt Nam có thể tự cho rằng mình đã dựa đúng chỗ cho nên thắng lợi, và các đảng phái quốc gia đã dựa sai chỗ cho nên phải thất bại. Nhưng từ 1975 đến nay, 1988, thực tế chính trị và xã hội Việt Nam đã chứng minh rằng đảng CSVN chỉ đạt được thắng lợi quân sự, và đã thất bại trên mọi bình diện khác. Như thế, sự hội nhập của họ vào hệ thống đế quốc Nga Xô rõ ràng là một sai lầm, vì sự hội nhập đó đi ngược lại nguyện vọng của dân tộc Việt Nam, và sự áp đặt chủ nghĩa duy vật Cộng Sản nhập cảnh từ tây phương vào xã hội VN là điều nghịch lý đối với truyền thống văn hóa Việt Nam. Nói tóm lại, Việt Nam ngày nay không có độc lập, không có tự do, cũng không có hạnh phúc, ba mục tiêu chính yếu của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc phát khởi từ đầu thập niên 40, cho đến nay vẫn chưa được thực hiện.

Quan điểm của các đảng phái quốc gia Việt Nam, tuy rằng có thể dị biệt lẫn nhau về một số vấn đề, nhưng trên bình diện mục tiêu và sách lược, đều giống nhau, là: tranh đấu đòi lại chủ quyền độc lập quốc gia và tự do cho toàn dân Việt Nam. Cho nên, dù biết rằng Nga Xô sẵn sàng và bèn bí yểm trợ cho "Cách mạng bài phong phản đế" tại Việt Nam, nhưng các tổ chức yêu nước Việt Nam đã không tìm sự yểm trợ đó, bởi đã tiên liệu rằng đi vào quỹ đạo Nga Xô là cầm bán vận mệnh của đất nước và dân tộc cho một chủ nghĩa và một đế quốc hoàn toàn đối nghịch với nguyện vọng và nếp sống của dân tộc mình.

Qua nhận định của tổ chức yêu nước, ở miền Nam cũng như ở miền Bắc lúc đó, ta thấy không phải họ không biết rằng dựa vào Tàu, vào Nhật, là dựa vào những "đồng minh yếu" so với Nga là loại "Đồng Minh mạnh". Họ cũng biết rằng đi với Nhật và dựa vào một cây cột sắp gãy, dựa vào Tàu là dựa vào một cây cột thiếu chắc chắn, nhưng họ đã lựa chọn và ý thức rằng đó chỉ là cái thế chiến thuật giai đoạn có thể thay đổi về sau, trong khi đi với Nga Xô là tự trời mình vào một hệ thống đế quốc không thể thay đổi, không thể cải thiện, vĩnh viễn sẽ là tay sai, là một bộ phận gắn chặt vào hệ thống đế quốc Cộng Sản". Với hiện tình đất Nước, quả nhiên CSVN là những tên Việt gian, nhờ đế quốc Nga giành chính quyền để thực thi chế độ Mác Lê đảng trị biến đất nước trở nên nghèo đói, dân tộc lâm than. Ngày nay chủ nghĩa CS sụp đổ hoàn toàn, CSVN phải chịu tội trước lịch sử.

Tự trung, còn có trong tác phẩm nhiều phân tích tinh vi và sâu sắc về các chính sách mà các chế độ, chính quyền bấy giờ thực thi để đối phó với PGHH. Độc giả sẽ cảm nhận mà kính phục, ngưỡng mộ vô cùng đối với giáo lý và tín đồ của một tôn giáo đã đi sâu thẳm vào lòng dân tộc Miền Nam nước Việt. Một tôn giáo chịu nhiều đau thương trên con đường cứu nước và chấn hưng đạo pháp mà lịch sử và văn hóa sử sẽ ghi công. Cho nên từ sau ngày nhuộm màu tang tóc cho toàn thể tín đồ, ngày 16.4.1947, Đức Huỳnh Giáo chủ bị Việt Minh tức Cộng Sản ám hại, các chiến sĩ và cán bộ PGHH và đảng Dân Chủ Xã Hội Việt Nam dốc hết tâm huyết và nhiệt tình quyết tâm tiếp nối sự nghiệp hưng Đạo, Cứu nước, Dựng nước của Đức Thầy với bất cứ giá nào.

Mà một nhân vật trở thành một biểu tượng xứng đáng góp nhiều công sức để đem đạo vào đời mà PGHH, các tín đồ, các đạo hữu luôn luôn nhắc đến, đó là: Cư sĩ Nguyễn Long Thành Nam, soạn giả của tác phẩm Phật Giáo Hòa Hảo trong giòng lịch sử dân tộc này.

Phải có kiến thức sâu rộng của một nhà học giả, thái độ chu đáo, thận trọng trong sự sưu khảo tài liệu của nhà sử học, cái khối kinh nghiệm dồi dào đa dạng của một nhà chính trị cách mạng và cái tâm thuần lương cao cả, vượt lên trên tất cả thiên kiến thế nhân của một nhà đạo giáo mới biên soạn được một tác phẩm đồ sộ trừ danh như Cổ Cư sĩ Thành Nam đã thực hiện với cuốn Phật Giáo Hòa Hảo Trong Giòng Lịch Sử Dân Tộc.

Nhân ngày giỗ lần thứ hai của Cổ soạn giả, người viết bài này, một bạn lòng, một chiến hữu của Cổ cư sĩ, xin thành tâm ngưỡng mộ cả Con Người, Sự Nghiệp và Tác Phẩm.

**Vũ Ký.**

(1)(2)(3) Phật Giáo Hòa Hảo Trong Giòng Lịch Sử Dân Tộc, trang 251, 252, 412.



# Độc "Hoa Xuyên Tuyết" của Bùi Tín - Vũ Ngọc Long -

Lẽ ra tôi chẳng tốn giấy mực để viết về tên VC Bùi Tín đại diện cho cả triệu tên CS sắt máu, cuồng tín hiện còn đang đày dân, phá nước ở VN. Nhưng thời gian qua một vài tờ báo, hoặc cá nhân, không biết họ có toan tính gì, lại tìm cách "đánh bóng" cá nhân tên đại tá VC Bùi Tín lại. Họ đã trích dẫn, hoặc phân tích vài trang, rút lời tuyên bố của Bùi Tín trong quyển Hồi ký mang tên Hoa Xuyên Tuyết. Cuốn sách đã được Bùi Tín và nhóm thời cơ chủ nghĩa vội vàng cho ra đời, sau khi những âm mưu lừa bịp, "giả đại qua ải" của Bùi Tín bị báo chí và các chính giới người Việt ở hải ngoại vạch trần. Kế hoạch một với "bản kiến nghị của một công dân" cùng kế hoạch 2 nhờ các cơ quan truyền thông, báo chí ở Âu Châu và Mỹ Châu cùng lợi dụng 1 số tên chính khách đón gió, và đám tả khuynh của cộng đồng người Việt ở Mỹ tạo những diễn đàn cho Bùi Tín vận động đổi mới đảng CSVN, cũng như kêu gọi Mỹ bỏ lệnh cấm vận, và các xứ Âu Mỹ viện trợ cứu bạo quyền CSVN. Hai kế hoạch trên đã thất bại. Tên tuổi Bùi Tín đã nhanh chóng bị lãng quên, để cố vớt vát lại được chút nào niềm tin tưởng của mọi người vào sự thực tâm muốn tranh đấu cho Tự do Dân chủ ở VN. Màn lừa bịp thứ ba được Bùi Tín và tập đoàn chính khách đón gió trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại, bèn vội vã cho tung ra tập hồi ký. Như chúng ta biết xuyên qua nội dung bản kiến nghị của 1 công dân, cùng những lời tuyên bố của Bùi Tín khi du thuyết ở Mỹ. Chúng ta thấy rằng Bùi Tín vẫn khư khư ôm lấy cái thần tượng mục rữa Marx Lénin, cùng cái chủ nghĩa CS quái thai của thế kỷ 20. đồng thời chỉ muốn chính quyền CSVN thay đổi vài tên lãnh đạo, để tiện toàn, và mạnh mẽ hơn chế độ CS ở tại VN mà thôi. Để bịp lừa những tên tập tành đón gió, háo danh, háo lợi và những người nhẹ dạ trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Bùi Tín đã khôn khéo lồng vào đó, những lời tuyên bố lên án giới lãnh đạo CSVN hiện tại, cùng những sai lầm về vấn đề cải cách xã hội. để từ đó Bùi Tín tự khoác cho mình 1 lớp áo mới "Chiến sĩ tranh đấu tự do dân chủ cho VN".

Để vạch trần màn bịp lừa ấu trĩ này, sau đây chúng tôi xin lần lượt điếm qua cuốn Hồi ký "Hoa Xuyên Tuyết" của Bùi Tín, mong giúp mọi người, nếu ai chưa nhìn rõ ra tên VC đang đóng trò "khô nhục kè", để khỏi bị bịp lừa thêm lần nữa và những ai còn ngây thơ mong đợi sự cứu dân, cứu nước của những người CS, thì tỉnh ngộ lại.

"Hoa Xuyên Tuyết" được ghi ngay nơi bìa là Hồi ký, sách gồm chín chương, 357 trang kể cả bìa, cùng những bản phụ lục gồm 1 số bài báo viết về các hoạt động của Bùi Tín trong thời gian qua Mỹ mùa may.

Sách cũng có kèm 50 hình ảnh của cá nhân Bùi Tín từ chụp chung với vợ con, cháu chắt, tới hình vào tiếp thu Dinh Độc Lập gặp bại tướng Dương văn Minh cùng những hình mới nhất khi Bùi Tín qua Mỹ được ghi chú phía trên là Hòa Hợp Hòa Giải với người Việt ở hải ngoại (?) và Hòa Giải với người Mỹ (?).

"Hoa Xuyên Tuyết" được ghi là Hồi ký, nhưng nhiều đoạn nó trở thành bút ký và xa hơn nữa có những đoạn trở thành truyện ký, nghĩa là Bùi Tín đã tiểu thuyết hóa đời mình, thêm mắm, thêm muối, tạo cho cuốn sách hư hư thực thực.. chỗ thật, chỗ giả, chỗ trung thực, chỗ bóp méo. Từ đó làm người đọc bị lạc vào "mê hồn trận", sau khi đọc hết hơn 350 trang giấy, sẽ có cảm tưởng như Bùi Tín đã rũ bỏ hoàn toàn lớp áo CS. Một Bùi Tín yêu dân, yêu nước, dám hy sinh bản thân, gia đình cho quê hương dân tộc. Nhưng "vải thưa khó che mắt thánh", những tiểu xảo của người CS vẫn khó che dấu được đại đa số những người đã từng là nạn nhân của trò bịp lừa của những con quỉ đỏ.

Trước khi đi vào chi tiết của "Hoa Xuyên Tuyết" chúng tôi xin lược qua gốc gác Bùi Tín. Cha Bùi Tín là Bùi Bằng Đoàn, căn cứ theo tài liệu của Phạm Khắc Hòe cựu Tổng lý ngự tiền của Bảo Đại trước 1945, lý do Bùi Bằng Đoàn bỏ Bảo Đại theo Việt Minh là Đoàn thâm thù với Nam Phương Hoàng Hậu. Năm 1944 Bảo Đại đi săn ở Ban Mê Thuột, rồi tiện thể đi "bỏ lè" bị Nam Phương nổi máu ghen, bắn vào chân Bảo Đại. Hình bộ thượng thư Bùi Bằng Đoàn chiếu theo hình luật bấy giờ, xin triều đình mang Hoàng Hậu Nam Phương ra xử, Đoàn làm thế để lấy lòng bà Từ Cung Thái Hậu, vì mẹ chồng con dâu đang có chuyện gay go. Một hôm nội các vào thăm Vua và Hoàng Hậu ở điện Kiến Trung, Nam Phương thấy mặt Đoàn nổi nóng mắng và tát cho Đoàn 2 tát giữa mặt bá quan văn võ. Ai cũng tưởng Bùi Bằng Đoàn sẽ từ chức, nhưng Đoàn vẫn tiếp tục làm Thượng Thư cho đến ngày Nhật đảo chánh Pháp. Trước đó vào 1926 tòa án thực dân đem nhà cách mạng Phan Bội Châu ra xử ở tòa Đền hình Hà Nội. Tên chánh thẩm thực dân Pháp hỏi cụ Phan "Comment t'appelles tu?" Bùi Bằng Đoàn quay qua hỏi cụ Phan. "Mấy tên gì?" Cụ Phan khinh miệt mỉm cười. (Trích Lửa Việt số 50, trang 19, 11/1991).

Từ những sự kiện lịch sử ghi trên ta thấy cha Bùi Tín là Bùi Bằng Đoàn là 1 thứ Việt gian, gió chiều nào ngã theo chiều đó. Từ tiếp tay với Pháp để hù dọa, đàn áp những người yêu nước chống thực dân. Rồi khi làm quan cho triều đình Huế, lại 2 lòng, 2 dạ tư thông với Việt Minh cộng sản để phản vua. Đã vậy Bùi Tín không thấy những điều phản trắc của cha là nhục. Trong Hoa Xuyên Tuyết (trang 63) Bùi Tín viết : ..."Từ khi trưởng thành, tôi luôn đặt cho mình 1 thái độ ngay thật và thẳng thắn, không cúi đầu nịnh bợ ai, cũng không muốn ai tán tụng tâng bốc mình. Điều này là do sự giáo dục, dạy dỗ của cha tôi từ khi tôi còn nhỏ. Tôi không thể nào quên, cha tôi luôn nằm thẳng.

Ngủ ban đêm hay ngủ trưa, đều một mực như thế. Hai tay chắp vào nhau để lên bụng. Suốt cả 1 đời ông luôn ngủ với 1 tư thế không thay đổi. Đi từ nhà trên xuống nhà dưới, đi bách bộ ở hành lang, hay ở trong sân nhà, cha tôi bao giờ cũng đi tới góc, rồi rẽ phải hay rẽ trái, không bao giờ đi tắt... Nhưng cái ngay thẳng của người quân tử là như thế, phải như thế... ". Đoạn trên Bùi Tín viết luôn luôn đặt cho mình 1 thái độ ngay thật, thẳng thắn,.. nhưng trong trang 40. Bùi Tín viết "Cuốn sách tôi đang viết đây (Hoa Xuyên Tuyết) là cuốn thứ 9 là cuốn sách tôi viết với nhiều dẫn chứng suy nghĩ nhất. Chắc chắn là cuốn sách mang tâm huyết. Tôi cố viết thật trung thực, đúng như sự thật, có thể nào nói như thế... trong 1 phần khác cùng trang 40, Bùi Tín viết : 8 cuốn sách trước.. đó là những cuốn sách mang nhiều nét cụ thể sống động, được thể hiện với nhiều mục đích tuyên truyền kịp thời.. nghĩa là cả 8 cuốn sách Bùi Tín đều viết giả dối, sai sự thật, uốn cong ngòi bút. Vậy thái độ ngay thật và thẳng thắn do cha truyền lại, chắc có lẽ lúc viết 8 cuốn sách này Bùi Tín bỏ vào thùng rác hết rồi.

Mặt khác để chứng minh lòng dạ thay trắng đổi đen của Bùi Tín, sau đây chúng tôi xin ghi lại lập trường "chong chóng" của Bùi Tín kể từ 11/1990 tới cuối tháng 10/1991, bắt đầu qua cuộc phỏng vấn bằng thư với báo Quê Mẹ ở Paris. Bùi Tín tuyên bố: "Tôi từ bỏ chủ nghĩa CS vì đã thấy rõ những hậu quả thực tế rất nặng nề và đau xót của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở VN, và sau khi nghiêm chỉnh nhìn nhận lại tình hình bằng cái đầu tỉnh táo của chính mình, trong hơn mười năm qua.. Theo lý thuyết, chủ nghĩa CS mang bản chất nhân văn cao đẹp nhất và những người CS phải là những người có trí tuệ và tình yêu thương sâu đậm nhất. Thế nhưng lý thuyết đẹp bao nhiêu, hấp dẫn bao nhiêu thì thực tế lại xấu xí và khó chấp nhận bấy nhiêu. đây là điểm "chết người" của chủ nghĩa xã hội trong thực tế, tức là lý luận 1 đảng, cuộc sống 1 nẻo, nói thì hay mà làm thì tệ, rất tệ. Tôi hoài nghi về chủ nghĩa xã hội, và sự lãnh đạo của đảng CSVN từ 15 năm nay. Từ hoài nghi đến thất vọng, rồi đi đến tuyệt vọng. đó là lý do để tôi tự thấy không còn là 1 đảng viên CS nữa...".

Ở một lần khác trong 1 bài báo đăng trên tờ Washington Post, Bùi Tín viết : ".. Tôi cũng thương xót cho đảng CSVN đã có 1 thời dưới sự lãnh đạo của ông Hồ được coi là biểu tượng của cuộc chiến đấu chống thực dân, ngày nay đã bị hoen ố..."... Tôi cũng gần gũi với các người kế vị ông Hồ và tôi đã thấy họ phản bội các nguyên tắc của ông Hồ như thế nào.. nghĩa là theo Bùi Tín, chủ trương xã hội chủ nghĩa của đảng CSVN do Hồ Chí Minh mang vào VN vẫn là tuyệt hảo, chỉ cần sửa sai, thay đổi 1 vài tên lãnh đạo đảng là có thể cứu dân cứu nước được.. nhưng chưa hết, trong 1 lần khác ở Mỹ, Bùi Tín lại cao giọng tiếp tục tán dương chủ nghĩa CS với những lời tuyên bố sau : ".. Tôi có vị thế của tôi. Tôi có liên hệ trong nước. Vị

trí của tôi là trong nước. Thức tỉnh trong nước là điều quan trọng. CS có những thành tích, CS có những giá trị. Tôi là người CS đến nay đã 45 năm. Chủ nghĩa Marx là phát minh khoa học, là 1 giá trị. Thuyết giá trị thặng dư của Marx là 1 giá trị. Duy vật biện chứng pháp là giá trị đóng góp vào kho tàng văn học nhân loại không phải mình số toẹt tất cả...".

Với cùng 1 con người Bùi Tín, và chỉ trong chưa tới 1 năm, mỗi lúc và mỗi chỗ Bùi Tín đã tự đổi chọi, những lời nói và viết của mình. Bây giờ chúng ta lần lượt đi vào từng trang của Hoa Xuyên Tuyết sẽ nhìn rõ hơn, những lớp vỏ Bùi Tín, sẽ khoác lên cho mình, lúc tỉnh cảm dạt dào của 1 trí thức tiểu tư sản, lúc hùng hục của 1 đảng viên CS, lúc say mê của 1 người cầm bút...

### **Mở đầu Hoa Xuyên Tuyết với chương I.**

Từ những nỗi đau, Bùi Tín đã ghi lại những ngày đầu vào bộ đội. "Tôi sống từ đó lạc quan hùng hục cả thời tuổi trẻ. Vào bộ đội, nhẹ tênh phơi phới, chỉ 1 bộ quần áo cũ, 1 chiếc áo len nâu cụt tay thùng 1 lỗ ở ngực..! Vào đảng ở tuổi 19, tôi tuyên thệ dưới ánh đèn dầu mãi mãi trung thành với lý tưởng giải phóng nhân dân, giải phóng nhân loại.." (trang 1).

Bùi Tín vào đảng CS với lý tưởng to lớn như vậy, để rồi mãi 45 năm sau, khi bị khai trừ ra khỏi đảng (3/1991) lúc đó Bùi Tín mới có thể chột nhìn ra rằng : ".. tôi cảm thấy ngày càng rõ ràng và sâu sắc nhân dân VN đang là cả 1 khối bất hạnh lớn trên thế gian này .." (trang 5).

Sự bất hạnh trùng điệp lớn lao mà dân Việt đã và đang chịu đựng, kể từ ngày Hồ Chí Minh mang lý thuyết Marx Lênin về gieo rắc trên quê hương xứ sở chúng ta. Điều này đại đa số dân Việt cho đến nay ai cũng rõ trắng đen. Nhưng riêng Bùi Tín, vẫn chưa tin hẳn là như vậy. Trong (trang 6).. "và có lẽ điều tệ hại nhất là một cơ chế, 1 hệ thống chính trị, xã hội đã đè nặng, chụp lên số phận của mỗi con người..". Sự kiện đất nước VN đói nghèo, chậm tiến của ngày hôm nay là 1 sự thật rõ ràng, và tội lỗi đó là do những người CS gây ra, không có vấn đề có lẽ hoặc gì khác nữa. Nếu thành thật Bùi Tín 1 người CS với 45 tuổi đảng, phải thành khẩn mở đầu cuốn hồi ký này với những lời tự thú về các hành động nhúng tay vào máu của Bùi Tín nói riêng và đảng CSVN nói chung. Nhưng ở đây Bùi Tín lại viết.. Có lẽ điều tệ hại nhất là 1 cơ chế...

### **Chương II với tiêu đề Dẫn thân.**

Mở đầu của chương này Bùi Tín khoe đã từng đi ra nước ngoài 20 lần. Từ các nước trong khối CS trước đây đến các nước tư bản Âu Mỹ cùng các xứ trong khối A Phi. Nói chung là Bùi Tín đi khắp nơi từ đông qua Tây, từ Nam lên Bắc trái địa cầu này. Nhưng 1 điều lạ là "đi 1 ngày đảng, Bùi Tín chẳng học được 1 sàng khôn nào". 45 năm trong đảng CS, 17 năm người

CS chiếm trọn 2 miền Nam Bắc làm điều đứng, tan hoang đất nước như ngày nay. Mãi tới bây giờ Bùi Tín mới chỉ lờ mờ nhìn ra thấy rằng có lẽ điều tệ hại là 1 cơ chế, hệ thống chính trị xã hội.. Bùi Tín vẫn chưa nhìn thấy, bởi lý thuyết quái thai CS do Hồ du nhập vào VN, 1 hệ thống chính trị độc tài, độc đảng của chủ thuyết CS đã làm VN bi thảm như ngày nay. Trong (trang 9) Bùi Tín viết "từ giữa năm 1975, tôi bắt đầu có những ý kiến riêng và thường xuyên phát biểu những chính kiến của mình bằng cách này hay cách khác.. Bùi Tín viết từng gặp thứ trưởng nội vụ Viễn Chi, bộ tổng nội vụ Phạm Hùng, gặp thứ trưởng Cao Đăng Chiếm.. nói về vấn đề các binh lính và cán bộ VNCH bị cải tạo.. sao nói vài ngày, sau vài tuần, rồi cứ ở lại hoài... điều này Bùi Tín đã bịa đặt, hẳn chúng ta còn nhớ báo chí khắp nơi đăng tải, những lời tuyên bố trích thượng, cao ngạo của Bùi Tín khi vào chiến Dinh Độc Lập, gặp đám bại tướng Dương văn Minh. Rồi những ngày sau đó khi toàn miền Nam dưới quyền người CS mà lúc đó Bùi Tín cũng nắm vai trò quan trọng trong đoàn quân xâm chiếm miền Nam. Hơn 1 triệu quân cán chính miền Nam bị gạt gắm cho cổ vào tròng, rồi lũ lượt kéo nhau đi tù. Trong những ngày đầu này chúng ta còn nhớ, những cơ quan truyền thanh, báo chí (trong đó có Bùi Tín) hàng ngày rả rả tung ra những lời bịp bợm như.. đảng nhà nước triệt để thực thi tinh thần hòa giải, hòa hợp, đại đoàn kết dân tộc.. các "ngụy quân" "ngụy quyền" chỉ phải đi học tập đường lối chính sách nhà nước từ 7 ngày tới 1/2 tháng v.v.. Trò giảng hòa này, chắc chắn lúc đó Bùi Tín đóng góp không nhỏ, đã gạt gắm được đại đa số quân cán chính VNCH để rồi nhiều người đã chết thảm trong chôn lao tù. Mới có 17 năm, Bùi Tín tưởng mọi người có thể lệ làng quên được những trò bịp lừa của Bùi Tín và đồng bọn, để rồi giờ Bùi Tín viết là lúc đó, đã tỏ lòng thương xót đến những kẻ bại trận.

Về vấn đề xâm lăng Kampuchea, Bùi Tín lại phét lác ghi trong (trang 9) tôi gặp đại sứ Ngô Điền cùng thiếu tướng Lê Hai phụ trách công tác chính trị quân tình nguyện VN.. "tình hình hiện nay là bộ đội ta bị sa lầy, chỉ có cách rút sớm toàn bộ các đơn vị ta về nước, trao lại cho bạn và chuyển sớm cho Liên Hiệp Quốc, cùng cộng đồng quốc tế giải quyết vấn đề Miên.." Như chúng ta biết toan tính chiếm Miên Lào có trong đầu óc người CSVN từ khi Hồ Chí Minh còn sống. Cũng như sự chuẩn bị chiếm Miên ngay sau khi CS chiếm được miền Nam, hẳn trong những năm 1976, 1977 và đầu 1978 những ai ở gần các trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp (Bà Rịa) Chi Lăng (Châu Đốc) Núi Đất (Bà Rịa) hàng ngàn tân binh, bộ đội được học tiếng Miên, để chuẩn bị trước cho cuộc xâm lăng Miên. Ngoài ra như chúng ta biết cuộc xâm lăng Miên, bộ đội CSVN qua tận tình vợ vét tài sản của xứ này không biết cơ man nào mà kể. Từ những báu vật cổ, trong các đình chùa, lăng tẩm ở Miên, tới lúa gạo, trâu bò. (Năm 1979 các trại tù ở miền Nam phải ăn

những gạo mục rữa lấy từ Miên mang về). Vấn đề xâm lăng và chiếm đóng Miên là cả 1 chính sách của đảng nhà nước CSVN. Lúc đó gia Bùi Bằng Đoàn, ông già của Bùi Tín có sống lại, cũng chẳng dám đưa ra lời khuyên ngăn, chứ cỡ Bùi Tín.

Trong (trang 17).. "tôi không mong chờ gì ở sự tỉnh ngộ thức thời của những người lãnh đạo. Họ đã khác xưa quá nhiều rồi.. Cho tới nay sau 45 năm ở trong đảng và bị khai trừ ra khỏi đảng Bùi Tín mới nhìn ra là những người lãnh đạo của mình là không thức thời, ù lì, lạc hậu. Rồi Bùi Tín xúi dân chúng hãy đứng lên đạo đạt nguyện vọng, để may ra buộc giới lãnh đạo phải thay đổi, nghĩa là Bùi Tín vẫn tin tưởng vào chủ thuyết CS chỉ cần thay đổi vài cấp lãnh đạo trong đảng CSVN thế là đủ. Cũng trong trang 17 Bùi Tín lên án các lực lượng chống Cộng ở hải ngoại. "... tôi hoàn toàn không tán thành chủ trương này. Nhiều thế lực ở nước ngoài cho rằng chế độ mất lòng dân và độc đoán chỉ có thể lật đổ bằng bạo lực từ bên ngoài đưa vào.. đây chỉ là một ảo tưởng rất nguy hiểm, xét cho cùng chỉ là trò thiêu thân vô ích..". Ở một đoạn khác Bùi Tín viết : "... ngay cả những lực lượng ở ngoài nước có tinh thần dân tộc và dân chủ, đề xướng hoặc tán thành hòa giải và hòa hợp cũng hầu như không có tác dụng gì đối với trong nước. Những tổ chức, những nhân vật của họ hầu như chẳng mấy ai ở trong nước biết đến. Họ không có tiếng nói, không có lực lượng, không có quần chúng, ý muốn của họ mãi mãi chỉ là ý muốn, dù cho có thiện chí tới đâu..". đoạn văn trên Bùi Tín đã phóng bút không thương tiếc "đám chính khách đi giữa trời mơ" ngay những ngày đầu ôm chân, ôm cẳng và tung hô Bùi Tín khi chân ướt chân ráo tới Paris. Những hàng chữ trên phải là bài học thuộc lòng cho đám đón gió cầu danh hám lợi...

Sau khi lên án các phương thức đấu tranh trên, Bùi Tín viết (trang 17) "Tôi nghĩ có thể làm được gì để cứu vãn thịnh thế hiềm nghèo, đưa đất nước vào con đường dân chủ thực sự. Lực lượng quan trọng trực tiếp nhất phải là số đảng viên có lương tâm, có nhân cách và có hiểu biết, cùng với anh em trí thức ngoài đảng và đông đảo tuổi trẻ có tâm huyết với đất nước..". Cũng chỉ trong vòng 1 trang phần trên thì Bùi Tín viết.. chỉ có nguyện vọng của nhân dân được thức tỉnh, và nguyện vọng đó được bộc lộ rõ ràng, rộng khắp, họa chẳng mới buộc được giới lãnh đạo thay đổi. đại ý nói toàn dân phải cùng đứng lên đòi hỏi cho những nguyện vọng chính đáng của mình để ép đảng nhà nước thay đổi còn phần dưới thì Bùi Tín nói là đám đảng viên có lương tâm, nhân cách (?). Thực tế sau 17 năm CS thống trị cả 2 miền Nam Bắc, những tội ác mà những người CS đã làm, ngay cả con người Hồ Chí Minh được thần thánh hóa bởi đám đảng viên CSVN và quốc tế biết bao nhiêu. Nay cũng lòi ra những xấu xa, bi ối, bịp lừa, gian manh. Tìm đâu ra thứ đảng viên CS lương tâm, nhân cách. Sự lương tâm

và nhân cách như đi đạo văn của người khác - tự viết sách ca tụng mình - bị lừa không có vợ con.. v.v.. của Hồ Chí Minh.

Nguyên chương II Bùi Tín viết "hầm bà láng sáng cầu" từ khoe đi nước ngoài cả 20 lần, tới con gái là bác sĩ ở bệnh viện mắt trung ương, con rể là cán bộ ở ủy ban hợp tác và đầu tư, con trai là kỹ sư vượt biên sang Hồng Kông và được bảo lãnh qua Mỹ. Rồi chuyện gặp Trường Chinh đưa kiến nghị cải cách v.v. và v.v.. Rồi ông già 2 lần từ chối không ra làm việc sau cách mạng tháng 8, làm Hồ Chí Minh mời lần thứ 3 mới nhận lời. Cả chuyện ở Paris gặp Đỗ Văn của đài BBC. Tóm lại nguyên chương II, Bùi Tín gom hết các việc thật giả đã làm và đặt tiêu đề là dẫn thân.

### **Chương III với tiêu đề là "cây bút".**

Trong chương này Bùi Tín đã viết về cuộc đời làm báo của mình, từ lúc khởi đầu viết báo Quân Đội Nhân Dân được tướng Nguyễn Chí Thanh cất nhắc. Kể đến Bùi Tín khoe quen biết gặp gỡ các ký giả ngoại quốc (trang 52) Bùi Tín viết : .. "Trong nghề làm báo tôi quen rất nhiều nhà báo quốc tế và không ít là những nhà báo tài năng vì VN là điểm nóng, những tài năng báo chí nhào vô không ít. Tôi học được khá nhiều ở họ, về tính nhạy bén, về lòng yêu nghề nghiệp, về trách nhiệm với bạn đọc. Và nhất là về sự tôn trọng sự thật, sự thật đúng như nó có, không che giấu, không bóp méo, không thêu dệt..".

Chỉ trong mấy chục trang của chương III, Bùi Tín đã viết "bồ lão" nói là học được nơi các ký giả ngoại quốc vấn đề tôn trọng sự thật, không bóp méo v.v.. Như chúng ta biết báo chí của CS là những tờ truyền đơn, không hơn không kém. Trong (trang 44) Bùi Tín viết : ".. quả thật ngành tuyên huấn của đảng và ngành thông tin của nhà nước kiểm soát rất chặt chẽ báo chí cả về nội dung, hình thức, tổ chức tòa soạn, nề nếp làm việc và công tác phát hành..". đảng kiểm soát như vậy Bùi Tín nói Bùi Tín viết tôn trọng sự thật, chuyện thật khôi hài (trang 37).. chỉ trong 1972, tôi viết hơn 80 bài gồm cả xã luận, bình luận...

### **Qua chương IV của Hoa Xuyên Tuyết với tiêu đề "những bài học".**

Chương này dài 40 trang với những dòng mở đầu Bùi Tín viết : .."Từ khi trưởng thành, tôi luôn đặt cho mình 1 thái độ ngay thật và thẳng thắn.." (trang 63), và qua trang 64 .."tôi không thể quay ngoắt lại chữ bới đảng CS, nói xấu đủ điều, phóng đại nhưng sai lầm và tự phủ định chính mình về tất cả mọi mặt..". Tuy viết như vậy nhưng toàn chương IV Bùi Tín đã chê trách 1 số lãnh đạo đảng CS đủ điều, từ bản tính vọng ngoại tới vấn đề điều hành nhà nước, tham nhũng, hối lộ v.v.. Tuy chê bai như vậy nhưng Bùi Tín lại khoe khoang có 45 tuổi đảng .. (trang 82) .."Tôi tự hào về cuộc sống chiến đấu và làm việc hơn 40 năm qua..". Qua chương này chúng ta nhận thấy, đúng là miệng lưỡi con người CS, họ có thể vo tròn bóp méo

mọi vấn đề. để phỉnh lừa những ai nhẹ dạ, ngây thơ. Tại sao nếu Bùi Tín tự hào là con người ngay thật, không luôn cúi bợ nịnh, biết những điều sai quấy của đám lãnh tụ đảng CSVN, Bùi Tín không làm được những việc như các nhà văn, nhà thơ, nhà báo, trong nhóm Nhân văn giai phẩm, hoặc biết bao những trí thức khác đã làm hoặc như một Nguyễn Chí Thiện. Giờ bị khai trừ, Bùi Tín quay lại chệch bại. Trong chương IV, Bùi Tín viết về những bất công, vấn đề cấp phát nhà cửa, cho con cái các đảng viên cao cấp đi du học, lao động nước ngoài v.v.. Nhưng tất cả những thứ này Bùi Tín đều có.. từ nhà cửa ưu tiên, con trai, con gái, con rể... du học, làm việc ở những chỗ ưu tiên.. Chỉ trong chương IV này ta đã thấy Bùi Tín dấu đầu lòi đuôi, nói trước quên sau, và lẽ ra Bùi Tín còn liêm sỉ.. chỉ cần viết mấy hàng.. tôi cũng đã thiết tha nhúng tay vào máu của nhân dân tôi. Bây giờ xin nhận tất cả những lỗi lầm mà cá nhân tôi đã làm. Nếu Bùi Tín viết được như vậy thì cũng còn có thể chấp nhận được và cũng đừng tự cho mình là con người luôn luôn sống thật không cúi lòn, bợ đỡ.

Trong chương IV này chúng ta ghi nhận được 1 vấn đề mà Bùi Tín nhìn đảng CS, giống như những người tranh đấu quốc gia nhìn, vì điều này nó đã quá cụ thể, không thể phủ nhận được. (trang 100) .."cái sai gốc của chế độ CS mang danh chủ nghĩa X.H. ở VN là đã thiết lập 1 chính đảng chính trị, một chế độ chính trị, một chế độ xã hội mang màu sắc tôn giáo. Thà là 1 tôn giáo đích thực thì còn có ý nghĩa và tác dụng nhất định, làm chỗ dựa cho niềm tin, làm cơ sở cho việc làm điều thiện, tránh điều ác của những tín đồ ngoan đạo. đảng này là 1 tổ chức chính trị lại mang màu sắc tôn giáo, còn nặng nề hơn cả 1 tôn giáo, nó bắt buộc đảng viên phải tin ở những nguyên lý và những tín điều, không được phép hoài nghi..". Qua đoạn này chúng ta thấy được "thủ thuật" viết của Bùi Tín là lồng những điều thật vào trong những điều giả, làm người đọc thiếu tinh tế, là sẽ rút ra 1 nhận xét sai lầm ngay, và tin rằng Bùi Tín đã thật lòng không còn tôn thờ chủ nghĩa CS nữa.

### **Chương V với tiêu đề "nhìn nhận lại".**

Qua chương này Bùi Tín đã giáo đầu bằng những dòng chữ .."Một hòn núi cao phải đứng cách xa một quãng mới nhìn rõ hình thù, dáng vẻ của nó trong cảnh sắc chung quanh. Những sự kiện, những nhân vật đã qua cũng cần 1 khoảng cách kiểm nghiệm của thời gian để nhìn cho đúng với giá trị thật. Chủ nghĩa xã hội về lý thuyết và hiện thực cần được đánh giá ra sao? Marx Lénin, chủ nghĩa Marx, chủ nghĩa Lénin cần được đánh giá đúng đắn ra sao?.. Chủ tịch Hồ Chí Minh có thật vĩ đại và sáng suốt?.. Qua những hàng mở đầu trên Bùi Tín đã viết .."Về Các Mác và Lénin, tôi thấy đó là những nhà học giả uyên bác, những nhà lý luận và tư tưởng có tầm cỡ... Theo tôi (Bùi Tín) những công trình nghiên cứu tìm tòi của Các Mác - Ang Ghen là quan trọng, phong phú, nhất là việc phân

tích và mở xê chủ nghĩa tư bản ở thời khởi thủy và ở dạng thức tiêu biểu nguyên mẫu. Việc khám phá ra lao động cũng là 1 loại hàng hóa, ra giá trị thặng dư là rất có giá trị. Việc xây dựng nên biện chứng pháp duy vật cũng là một bước sáng tạo lớn, tạo nên nền tảng cho phương pháp tư duy khoa học...". đấu tranh giai cấp và chuyên chính giai cấp là những nguyên lý quan trọng nếu lệch động lực của phát triển xã hội và bản chất của chính quyền trong xã hội cần vận dụng những nguyên lý ấy và nhiều nguyên lý khác để tìm hiểu và giải lý các hiện tượng xã hội ..".

Xuyên qua những nhận định trên của Bùi Tín trong "Hoa Xuyên Tuyết" một điều cho chúng ta thấy rằng, chủ nghĩa Marx Lenin đã ăn sâu vào máu huyết con người CS Bùi Tín. Nên Bùi Tín đã mù lòa không thể "động não" để nhìn thấy các sai lầm, cũng như tai họa mà nhân loại đã gánh chịu do mớ lý thuyết không tưởng của Marx Lenin vẽ vờ ra, để rồi những tên đệ tử cuồng tín Stalin, Mao, Hồ Chí Minh, Pol Pốt, Kim Nhật Thành... đem áp dụng, khiến các dân tộc nạn nhân của các tên đồ tể này phải hệ lụy những thống khổ thương đau ngất trời. Các chứng liệu lịch sử cận đại đã trung ra rõ ràng, minh bạch, chẳng cần đòi hỏi một thời gian nào dài hơn nữa.

Ở Xô Viết với Lenin, Stalin, trên 40 triệu dân chúng Liên Xô đã bị giết qua các cuộc khủng bố đẫm máu nhất trong lịch sử của Liên Xô vào những năm đầu của thập niên 20, khi đảng CS nắm quyền ở Liên Xô cũng như những năm của thập niên 30, 40 Liên Xô dưới tay tên trùm đồ Stalin. Tại Trung Quốc với Mao Trạch Đông, hàng chục triệu dân Tàu đã bị giết qua các phong trào, trăm hoa đua nở, những bước nhảy vọt, cuộc cách mạng văn hóa, những vụ cải cách ruộng đất v.v..

Tại VN Hồ Chí Minh và đảng CS đã giết dân, phá nước như thế nào ai cũng đã thấy. VN ngày nay nghèo đói lạc hậu, và bị khinh khi như thế nào, trong cộng đồng thế giới. đó là do ai gây ra?

Ngoài Hồ và đảng CSVN thì còn ai nữa? Hàng chục triệu gia đình tan nhà nát cửa, cả xã hội VN ngày nay sống trong bạo loạn, mọi giá trị đạo đức của cha ông đã bị chủ nghĩa CS do Hồ Chí Minh du nhập vào phá nát. Hậu họa còn kéo dài cho một hai thế hệ thanh niên Việt nữa, nếu đảng CS không bị tẩy trừ, trước khi bước vào thế kỷ 21.

Tại Miên với tên đồ tể Pol Pốt con cháu của Marx Lenin đã đày đọa và giết dân Miên như thế nào, tất cả thế giới đã thấy... gần 2 triệu dân Miên bị giết trong 1 dân số hơn 6 triệu, với con số này đủ cho chúng ta chứng nghiệm "giá trị" của chủ nghĩa Marx Lenin như thế nào rồi.

Để mắt nhìn vào xứ Liên Xô ngày nay, nơi quê cha đất tổ của Lenin, nơi thành đồng, vách sắt của chủ nghĩa Marx Lenin. Chúng ta cũng thấy ngay và rõ ràng cái "giá trị" của chủ nghĩa Marx Lê như thế nào

rồi. Bùi Tín có viết ngàn cuốn "Hoa Xuyên Tuyết" để biện bạch, và đặt lại giá trị của mớ lý thuyết không tưởng này cũng bằng thừa. Nếu những gia đình nào, cũng như cá nhân nào đã sống trong giai đoạn cải cách ruộng đất và thời kỳ đầu tổ ở miền Bắc, cũng như vấn đề đấu tranh giai cấp trong xã hội miền Bắc sau hiệp định Genève 1954. Ngày nay đọc những hàng chữ này của Bùi Tín mà không khỏi ứa gan, phi nhỏ tên CS sát máu này... "đấu tranh giai cấp, và chuyên chính giai cấp là những nguyên lý quan trọng, nếu lật động lực của phát triển xã hội và bản chất của chính quyền trong xã hội, cần vận dụng những nguyên lý ấy và nhiều nguyên lý khác để tìm hiểu và lý giải các hiện tượng xã hội.. (trang 105, 106).

Như chúng ta biết vấn đề đấu tranh giai cấp và chuyên chính giai cấp là những lưỡi mã tấu đã man giết hại và đày đọa hàng triệu lương dân vô tội, chỉ riêng ở VN.

Cũng trong chương V Bùi Tín viết về Hồ Chí Minh như sau ... Ông ghét thói hư danh, phô trương, hình thức.. ông có lòng nhân ái, quý mến trẻ em, cảm thông với phụ nữ, động lòng trước kẻ nghèo đói.. (trang 110). Cho tới nay về chân tướng bạo chúa Hồ Chí Minh ai cũng đã rõ, chỉ những tên CS mù lòa, đầu óc đặc sệt mới có thể viết những hàng chữ trên để nhận xét về con người của Hồ Chí Minh được. Tuy nhiên Bùi Tín khi viết ca tụng Hồ nhưng cũng đã tự mâu thuẫn với mình. Bùi Tín viết ... Hồ ghét thói hư danh, phô trương hình thức (trang 110) qua trang 117 Bùi Tín lại ghi lại trò tự nâng mình 1 cách vô sỉ. Khi Hồ Chí Minh viết 2 cuốn sách để tự "đánh bóng" mình : "Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch" ký tên Trần Dân Tiêu và cuốn "Vừa đi đường vừa kể chuyện" ký tên T. Lan... Còn về lòng nhân ái của Hồ nếu có như Bùi Tín viết thì đất nước VN dân chúng cả 2 miền không đến nỗi thống khổ và hận thù như ngày nay. Như chúng ta biết sau khi Hồ nắm quyền sinh sát ở miền Bắc, chính quyền CS do Hồ chỉ đạo, đã phát động những cuộc lùng bắt, thủ tiêu, tù đày, và hành hình biết bao các người yêu nước không đồng chính kiến với Hồ. Những vụ đầu tổ, xét duyệt lý lịch 3 đời, v.v.. Rồi khi phát động cuộc xâm lăng miền Nam, biết bao tội ác do Hồ và bạo quyền Bắc Việt gây ra, Vụ tàn sát trên đại lộ kinh hoàng 1972, Vụ chôn sống tập thể Mậu Thân ở Huế 1968, cùng hàng ngàn vụ pháo kích vào các tỉnh thị miền Nam, chẳng kể khu dân sự hay quân sự. điển hình vụ pháo kích trường tiểu học Cai Lậy... Cùng hàng chục ngàn vụ đặt mìn xe đò chở dân chúng đi lại làm ăn buôn bán v.v...

Về vấn đề Hồ Chí Minh cảm thông với phụ nữ, như Bùi Tín viết thật là mỉa mai. Khi Hồ lúc nào cũng tuyên bố, hy sinh cuộc sống tình cảm cá nhân, chẳng yêu và lấy ai. Nay những chứng tích rõ ràng cuộc đời tình ái của Hồ cũng "linh tinh" chẳng thua những tay "playboy" thời nay. Chữ "cảm thông" với phụ nữ mà

Bùi Tín dùng nên đôi là "tư thông" hay nói rõ ra là Hồ bí mật tư thông với phụ nữ, ăn vụng, rồi chùi mép liền. Tuy viết là Hồ Chí Minh cảm thông với phụ nữ, nhưng trong trang 112 Bùi Tín lại ghi Hồ đã có 2 lần vợ, đó là cô đảng viên xã hội Marie Briere ở Paris vào cuối 1920 và cô nữ hộ sinh Tăng Tuyết Minh ở Quảng Châu 10/1928. Ngoài ra theo 1 số người ở miền Nam cho biết thì Hồ cũng lẹo tẹo với Nguyễn thị Minh Khai, khi nàng này qua Mạc Tư Khoa dự đại hội lần thứ 7 Quốc Tế CS vào 7/1935. Còn nhiều bà mẹ, là chị Nam Bộ đã nạp mình cho Hồ tặc, khi các phái đoàn ra thăm "Bắc", khi trận chiến bắt đầu bùng nổ ở miền Nam...

Gần đây trong sinh hoạt báo chí ở hải ngoại, có nảy ra một "trường phái" thơ Bút Tre các thi sĩ thường có những bút hiệu ngộ nghĩnh.. hoặc ghi vô danh. Sau đây chúng tôi xin ghi lại 2 câu của các thi sĩ trường phái này, viết về máu "dê" của Hồ Chí Minh, dù đã chết và ướp lạnh ở Ba Đình nhưng tính nào cũng tặc ấy.. thơ viết :

*"Ba Đình Hồ tặc ngổng C...*

*"Thị Bình, Thị Định sờ m... hút hà!*

(xin lỗi độc giả lời thơ hơi tục, nhưng trường phái này hay xử dụng các từ tục nhưng mà thanh, và thanh nhưng mà tục...).

Dù tán tụng Hồ Chí Minh đủ điều, nhưng trước thực tế phũ phàng của chủ nghĩa CS ngày nay ở khắp các xứ lâu nay theo đuổi. Cũng như ngay tại VN Hồ Chí Minh là người đóng vai trò chủ yếu đưa mớ lý thuyết không tưởng giết người này du nhập vào. Hậu quả là VN bị thương như hiện nay. Bùi Tín không làm sao biện bác được cho những người CSVN được nữa, mà đầu sỏ là Hồ Chí Minh. Nên Bùi Tín đã phải ngậm ngùi viết... (trang 120)... "Cùng với những người lãnh đạo khác của đảng CS ông Hồ Chí Minh chịu phần trách nhiệm không nhỏ đối với tình hình đất nước ta trong mấy chục năm qua, dẫn đến cuộc khủng hoảng trầm trọng hiện nay, với biết bao thảm họa và bất hạnh cho các tầng lớp nhân dân... có thể là ông có thiện chí, có ý định tốt?, nhưng ý định tốt không đủ..."

Qua trang 121 Bùi Tín viết tiếp "... theo tôi, chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội không sai, mà sai ở chỗ chủ nghĩa xã hội nào? đường đi nước bước sao cho thích hợp?..."

Cũng trong chương 5. Bùi Tín viết về các lãnh tụ CSVN sau Hồ, như Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ... Bùi Tín viết "... Nét chung của các ông này là tận tụy cho mục tiêu và sự nghiệp cách mạng (?) rất tin tưởng và tự tin ở công việc mình làm, sống giản dị, có tấm lòng cởi mở thân tình với xung quanh. Các ông đều tiếp thu phong cách sống của chủ tịch Hồ Chí Minh..."

Trong phần viết về cá tính của các trùm CSVN sau Hồ từ cuối trang 121 tới trang 155. Bùi Tín khoe là đã rất nhiều lần gặp gỡ, tiếp xúc và cả bàn bạc với tất cả những nhân vật trên, cũng như biết rõ cá tính từng người. Nhưng những gì Bùi Tín viết nó đã khác xa với các dư luận quần chúng miền Bắc nhận xét. Sau ngày 30.4.75 khi chiếm xong miền Nam, với những điên cuồng sung sướng của tất cả dân chúng miền Bắc từ Lê Duẩn tới một anh bần cố nông miền Bắc. Vì thấy những chiến lợi phẩm quá vĩ đại ở miền Nam họ chiếm được. Nhưng một điều dân chúng miền Bắc nhận ra rằng lâu nay đảng nhà nước bịp lừa họ là miền Nam nhân dân bị "Mỹ - Ngụy" kìm kẹp đói khổ không có chén ăn cơm, phải ăn bằng gạo dừ. Mọi sự việc đã hoàn toàn không đúng như đảng nhà nước tuyên truyền.

Rồi những năm sau đó, cuộc sống ngày một khó khăn, tuy thông nhất, nhưng hòa bình vẫn chưa có, con em vẫn phải vào bộ đội làm nghĩa vụ quốc tế ở Miền. Cũng như một giai cấp mới nổi lên rõ rệt. Sự phung phí xa hoa của các ủy viên bộ chính trị cùng vợ con phê phỡn rồi các đảng viên trong ủy ban trung ương đảng cũng nhanh lệ giàu sang, sống không khác các quan tướng thời phong kiến thực dân. Hình ảnh Phạm Văn Đồng đang chơi đùa với một đàn chó Nhật trên bãi cỏ trong khuôn viên dinh Thủ Tướng, cũng như những chuyến Anh Ba Duẩn vào tham quan miền Nam ra Vũng Tàu tắm biển nguyên khu Bãi Dứa bị cô lập, nhà của cựu Tổng trưởng Kinh tế VNCH Phạm Kim Ngọc được coi là trung tâm ăn chơi của Anh Ba Duẩn, rất nhiều vợ con Tướng, Tá VNCH cũ bị lừa bắt ra dâng cho Anh Ba "giải trí", Phạm Hùng được đề cử đặc trách miền Nam một thời gian là một tên quỉ râu xanh, cũng xử dụng căn biệt thự này và cả nhà của Thượng tọa Thích Thiện Minh trong cùng khu vực. Còn về Võ Nguyên Giáp hẳn dân chúng Hà Nội đều biết đến tên con trời đánh Võ Điện Biên ý thể cha làm đủ mọi chuyện phạm pháp ở Hà Nội nhưng không ai dám đụng tới. Rồi vợ vợ Văn Tiến Dũng cùng một số vợ các ủy viên bộ chính trị và trung ương đảng đi buôn hột xoàn, cầm thạch với máy bay quân sự.

Có một điểm Bùi Tín đã viết sai sự thật là đổ tội cho Lê Duẩn ngã theo phe Trung quốc, chứ không phải Trường Chinh như chúng ta biết Lê Duẩn được tiếng là thân Nga, con gái yêu của Duẩn được đưa qua Nga học và lấy chồng ở bên đó, còn Trường Chinh mới chính là người chủ trương thân Tàu. Nếu Lê Duẩn thân Trung quốc, thì Hoàng Văn Hoan chẳng phải bỏ chạy qua Tàu, để nhờ Trung quốc giúp đỡ chống Lê Duẩn làm gì. Trong những đoạn viết về cá tính và khả năng của các lãnh tụ CSVN Bùi Tín đã thiếu trung thực. Hai người Bùi Tín được nhờ cậy là Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp, nên Bùi Tín tìm mọi cách bênh vực, nếu có phê bình thì lựa những tiểu tiết.

Phần trên thì Bùi Tín viết "các lãnh tụ CSVN đều tiếp thu phong cách sống của chủ tịch Hồ Chí Minh" như nhân ái, khoan hòa, thân tình với các đồng chí v.v. và v.v... nhưng phần cuối của Chương Năm - Bùi Tín viết "... qua cuốn sách này tôi xin thét lên một tiếng đòi công lý và công bằng xã hội cho các vị sau đây: "các tướng Đặng Kim Quang, Nguyễn Vinh, Lê Liêm.... các GS Bùi Công Trùng, Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh... bị giữ và bị xét hỏi từ lâu vẫn không được đem ra xét xử,... đến nay có nhiều người đã nhắm mắt trong oan ức và uất hận..."

Như dư luận quần chúng miền Bắc được chúng tôi thăm dò trong nhiều năm sống ở VN cũng như trong thời gian gần đây qua các tâm sự với các anh chị em du sinh và lao động ở Đông Âu. Thì Duẩn-Đổng-Chinh là 3 cái tên bị dân chúng miền Bắc thù ghét thậm tệ nhất. Hẳn mọi người chúng ta đều biết ngay từ khi Hồ còn sống, đã có những vụ thanh toán, thủ tiêu, hạ tầng công tác, rất nhiều những đồng chí của Hồ trong những ngày đầu kế cận bên Hồ khi kháng chiến chống Pháp. Vấn đề tranh giành quyền lực, sát hại lẫn nhau ngay trong hàng ngũ cao cấp của đảng CSVN nhiều lúc công khai, hoặc nhiều lúc ngầm ngầm. Từ cái chết của Tướng Nguyễn Bình, Nguyễn Chí Thanh... tới chết Đinh Bá Thi, Lê Trọng Tấn... Rồi cả loạt tướng tá gốc miền Nam bị loại sau khi chiếm được miền Nam... Xuyên qua các hành động đâm chém lẫn nhau này, chắc các đệ tử của Hồ... đã tiếp thu phong cách của "Hồ Chủ tịch" như Bùi Tín viết.

### **Chương 6. Với Tiêu Đề Người Lính.**

Với 37 năm trong đời lính, Bùi Tín đã đưa ra vài nhận xét về trận chiến trước đây lý do Mỹ bại trận. Thật ra các nhận xét này đều được các sách báo ở khắp nơi trên thế giới gồm đủ các thứ tiếng đã viết ra.

Trong Chương 6 có một phần đặc biệt Bùi Tín viết về hai tên gián điệp loại chiến lược của Hà Nội là Vũ Ngọc Nhạ là cố vấn cho cả 2 Tổng Thống Đệ nhất và Đệ nhị Cộng Hòa cho tới khi bị bắt ở trong tù còn được Tòa thánh Vatican tặng cho Huân chương cao quý nhất là "Trái tim đỏ thắm". Khi bị bắt Nhạ khai là người Công giáo ngoan đạo theo đường lối mới của Vatican.

Người thứ 2 Phạm Xuân An (Phùng Ngọc An) bí danh Hai Trung một nhà báo được đào tạo từ Mỹ, phóng viên báo Time, Life mấy chục năm là bạn với Tướng Trần Văn Đôn và Trần Kim Tuyến. Hai tên điệp viên chiến lược này của Hà Nội có một thời làm sôi động báo chí ở Nam Việt Nam trước 1975. Nhưng nội vụ đã chìm xuống vì có sự can thiệp của các thế lực tôn giáo.

Cũng trong Chương 6. Bùi Tín viết về trận chiến ở Miền của bộ đội CSVN. Trong phần này, thói nào tật ấy của một văn nô CS. Bùi Tín viết..."... khi bộ đội VN vào, giữ nghiêm kỷ luật, mang theo cả gạo, muối thịt rau, chịu cực đóng quân ngoài rừng, chia xẻ lương

thực, áo quần, thuốc men cho nhân dân nước bạn, được tất cả nhân dân nước bạn biết ơn quý trọng... Rõ ràng là một nghĩa cử cao đẹp..."

Cuộc xâm lăng Kampuchea của CSVN bị cả thế giới lên án gắt gao, cũng như các quan hệ và viện trợ của Âu Mỹ bị cắt bỏ sau khi CSVN xua quân chiếm đóng Miên. Báo chí truyền thanh, truyền hình thế giới và cả dân chúng Việt ở miền Nam đều biết những gì bộ đội CSVN làm ở Miên. Vào tận tình vợ vệt, bắt kê từ gì có thể lấy được người ta nói nếu những cây thốt nốt được trồng nhiều ở Miên, bộ đội CSVN nhổ được đem về trồng ở VN, họ cũng đã làm. Chúng ta chẳng phải nhìn ở đâu xa, mọi người đều thấy sau ngày 30.4.75 ở Miền Nam, khi những người CS Miền Bắc vào chiếm đóng, họ làm những gì? Ai cũng đã biết họ vợ vệt tận tình mọi thứ của nhân dân Miền Nam có. "Cụm từ "Vào-vợ-vết-về-vui-về" có từ thời gian này. Ở đây Bùi Tín viết, bộ đội CSVN vào Miên giữ nghiêm kỷ luật, mang theo cả thịt, gạo, rau... chuyện khô hài và lão khoét. đối với dân Miền Nam cùng giống nòi mà CS Miền Bắc còn hà hiếp, cướp bóc nữa là đối với dân chúng Miên.

Phần cuối của Chương 6 Bùi Tín viết về số lượng bộ đội CSVN. Theo Bùi Tín cho là quá đông hơn 1,5 quân, điều này ai cũng biết. Trong phần này có Bùi Tín nhấn mạnh "... về quân đội nhân dân VN hiện nay, tôi không thể nói gì đến những vấn đề thuộc lãnh vực bí mật quân sự, bí mật quốc gia. Vì đó là nguyên tắc. Tôi không thể làm gì có hại cho đất nước dù cho những người lãnh đạo đã khai trừ tôi ra khỏi đảng và cắt mọi chức vụ của tôi... Họ nhân danh nhân dân một cách giả dối để phụ tôi. Nhưng tôi không bao giờ phụ đồng bào và Quân đội. đọc phần này chúng ta thấy rõ ràng hơn con người Bùi Tín là vẫn triệt để trung thành với đảng và quân đội CS, nhưng chẳng may bị khai trừ. Cũng trong Chương 6. Bùi Tín có ghi lại những vụ thanh toán nhau giữa các phe nhóm trong quân đội CSVN. Với các cái chết bí mật của Đại tướng Tổng tham mưu trưởng Lê Trọng Tấn, Trung tướng cục trưởng Quân báo Phan Bình tự sát, và con trai là Trung tá bị đụng xe chết cách mấy ngày sau. Rồi Đại tướng Hoàng Văn Thái cũng bị chết đột ngột ở nhà. Qua lối viết úp mở của Bùi Tín nhưng người đọc nhận ra ngay là Bùi Tín nói thủ phạm các vụ thanh toán này là do Văn Tiến Dũng cựu Tổng trưởng Quốc phòng hành động. Những đệ tử của Hồ Chí Minh đã tiếp thu phong cách và việc làm của Hồ, nên cũng tận tình giết nhau, đây chỉ là một vài vụ điển hình, chắc chắn còn nhiều vụ khác nữa.

### **Chương 7 - Với tiêu đề Mở Tầm Mắt.**

Toàn Chương này Bùi Tín viết về những chuyến công tác báo chí ở hải ngoại. Bùi Tín đã được đảng nhà nước ưu đãi cho đi khắp nơi từ những nước CS tới những nước tư bản. Rồi thời gian sống ở Pháp hơn



một năm qua, Bùi Tín đã quan sát thấy gì trong các sinh hoạt của dân Pháp ở Paris, cũng như một số gia đình VN tỵ nạn.

Cả Chương này không có nét nào đặc sắc, nhiều đoạn đã viết ở các Chương trước. Mục đích viết lại của Bùi Tín là cốt ý khoe với mọi người là Bùi Tín đã đi khắp đó đây. Bùi Tín là một nhân vật quan trọng của đảng, nhà nước CSVN....

### **Chương 8 - Với tiêu đề Những Tấm Lòng**

Chương này Bùi Tín thêm lần nữa tự đánh bóng mình. Bùi Tín viết về những cuộc đón tiếp, thư từ khắp nơi thăm hỏi, ca ngợi Bùi Tín là này kia... kia nọ... đọc hết Chương này làm chúng tôi lại nhớ tới "phong cách Hồ Chí Minh" của Bùi Tín. Có lẽ vào một ngày không xa có một cuốn sách do Bùi Tín viết về cuộc đời và sự nghiệp Bùi Tín với một bút hiệu khác. Như trước đây Hồ đã làm. Một ẩn ý khác Bùi Tín viết trong Chương 8 này, là cố cho người đọc thấy một con người Cộng Sản nhup Bùi Tín cũng có tình cảm dạt dào, nào than vãn cô đơn, chạt vật, nhớ vợ con, cháu chắt... Nghĩ là Bùi Tín có tất cả những tình cảm như các trí thức tiểu tư sản có. để rồi Bùi Tín tự nâng mình là dám hy sinh tất cả chỉ vì dân vì nước và hàm chứa cả vì đảng và lý thuyết Marx Lénin nữa.

Vì trong cả tác phẩm Hoa Xuyên Tuyết. Bùi Tín vẫn cho lý thuyết Marx Lénin, chủ nghĩa xã hội vẫn còn có những giá trị của nó. Còn chủ nghĩa CS thì theo Bùi Tín nó tuyệt vời quá, nhưng thể hệ này chưa thể nào thực hiện được, phải đợi tương lai... đây chúng tôi xin ghi lại nguyên văn một đoạn trong "Hoa Xuyên Tuyết" Vì những nhận xét của Bùi Tín với chủ nghĩa Marx Lénin... "tôi coi trọng chủ nghĩa Mác, vâng đúng thế. Nhưng tôi không cho chủ nghĩa Mác là chân lý tuyệt đối và duy nhất. Tôi coi đó là một trong những giá trị của tư duy và và lý luận cần vận dụng một cách thích hợp. Tôi công nhận biện chứng pháp Mác xít là một trong những phương pháp suy luận khoa học, cần sử dụng như một công cụ có ích của nhận thức. Tôi là người Cộng Sản ư? Trước đây tôi là người Cộng Sản như tôi vẫn quan niệm, người CS phải là người yêu nước, thật thà, nhân hậu, không tham lam, ích kỷ, thật lòng phấn đấu cho một xã hội phồn thịnh, không có bóc lột, bình đẳng và nhân ái. Nếu không ai được như vậy mà mang danh Cộng Sản thì chỉ là CS giả, CS vô. Mặt khác tôi thấy chủ nghĩa CS còn quá xa vời, là quá sớm, vì nó ở ngoài tầm với của thể hệ hiện nay và thể hệ tiếp theo..." (trang 285, 286). Qua đoạn văn trên chúng ta thấy rõ hơn con người Bùi Tín, một loại CS bảo thủ, cực đoan, và lạc hậu. Như chúng ta biết ngày nay ở khắp nơi lý thuyết Marx Lénin, họ đem bỏ vào thùng rác, hoặc may mắn hơn đem vào các việc bảo tàng. Còn đoạn viết về 1 con người CS chánh hiệu, Bùi Tín đã xưng tụng con người CS trong những truyện thần thoại. Thuở Lénin,

Mao, Hồ, Stalin... những tay sai CS cao cấp này có được những đức tính như Bùi Tín viết ra không? Vay Lénin, Stalin, Mao, Hồ đều là những tên CS giả, CS vô..? đặt bút viết mà thiếu nhận thức, hoặc đầu óc đặc sệt mù quáng tin vào một mớ chủ thuyết lỗi thời. Bùi Tín cố biện bạch cho sự lạc hậu của mình nhưng càng cho người ta thấy đầu óc Bùi Tín quá thiên cận, không biết gì ngoài lý thuyết đồ.

### **Chương Cuối tức Chương 9 với "Lòng Dân Ý Trời".**

Đây là Chương có lẽ được Bùi Tín thêm vào lúc về sau khi đã bị chính thức khai trừ ra khỏi đảng, cũng như đại hội kỳ 7 của đảng CSVN đã diễn ra, phe cánh Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, tức phe của Bùi Tín bị đẩy ra khỏi quyền lực. Phần Chương 9 này, Bùi Tín diễn giả cho rõ ràng thêm về bản kiến nghị của một công dân mà Bùi Tín là tác giả. Như đề với vát sự thua lỗ nghĩ là thời cơ đã đến, phe cải cách sẽ thắng thế trong đại hội 7, nên Bùi Tín cho tung ra bản kiến nghị, không dè bị "tổ trá" phe cứng rắn lại mạnh mẽ hơn. Giờ để xoa dịu đám lãnh tụ ở Hà Nội sau đại hội 7. Bùi Tín vượt ve "... Những người CS ở cương vị lãnh đạo (Quốc hội, Ban chấp hành trung ương, Ban Bí thư, và bộ chính trị vừa bầu), nếu có công tâm, liêm khiết, và thiện chí cũng có thể nhận ra phương án này (đề nghị của Bùi Tín) là hợp lý để đồng tình ủng hộ... Phần cuối của Hoa Xuyên Tuyết Bùi Tín cố phân trần lòng yêu quê hương đất nước, nên đã hy sinh bản thân, chứ không Vì những lý do gì khác nữa. Nhưng càng viết Bùi Tín lại càng lòi cái vụng dại và hựt hẫng, tung ra bản kiến nghị cải tổ, đổi mới đảng, sẽ được tưởng thưởng, trọng dụng, không dè bị đuổi ra khỏi đảng, một vụ đón gió, thay vì "gió xuân", là bị gió độc làm tiêu đời.

Đọc hết Hoa Xuyên Tuyết của Bùi Tín chúng ta thấy rõ những chân tướng của những người Cộng Sản. Họ có thể nhô, rồi lại liềm, nói đó, rồi chối từ đó. Tuy nhiên lúc nào cũng dờ dờ trở bịp lừa, khoác áo yêu nước, để biện dẫn những tội ác của họ. Ngoài ra qua Hoa Xuyên Tuyết chúng ta rút ra từ Bùi Tín một con người chung của Cộng Sản Việt Nam là lạc hậu, bảo thủ, cực đoan và cuồng tín. Dù ngày nay như ta biết, chắc chắn là rất nhiều đảng viên CSVN thấy chủ nghĩa Marx Lénin lỗi thời, nhưng vì tự ái, vì đã trót tôn thờ, nên cố duy trì niềm tin. Qua những trang sách Bùi Tín viết đó đây vẫn cố gắng biện bạch phân trần cho mớ lý thuyết lỗi thời Marx Lê, và Bùi Tín vẫn tin rằng chỉ cần thay đổi một vài tên trong giới lãnh đạo CSVN hoặc giới này biết sửa sai là thể nào cũng đưa Việt Nam ra khỏi con khủng hoảng hiện tại. Lý thuyết Marx-Lénin và chủ nghĩa xã hội theo Bùi Tín vẫn có những giá trị của nó.

Đọc Hoa Xuyên Tuyết xong chúng ta thấy rõ ràng hơn về những người Cộng Sản, .."rắn có lột da bao nhiêu lần đi nữa thì vẫn là rắn..."



Vũ Ngọc Long

## TIN MỘT CỘT

- Mặc dù đảng Bảo thủ của Thủ tướng John Major của Anh 92 ghế trong Viện dưới nhưng được coi là một đặc thắng cho đảng bảo thủ ở Anh. Sau khi nữ Thủ Tướng Thatcher bị đảng bắt tin nhiệm. John Major 49 tuổi được đảng chỉ định thay thế. Hơn năm qua trong vai trò Major đã cố vùng vẫy để cải tiến xã hội Anh trong giai đoạn khó khăn nhiều nhất các lãnh vực kinh tế xã hội như thất nghiệp, lạm phát, vấn đề Anh cố đương cự với cả khối Tây Âu về một mối. Cựu Thủ tướng Thatcher đã mạnh mẽ cố chống giữ để giữ vị thế độc lập của Anh. Sự cứng rắn của bà đã đi tới sự chia rẽ trong đảng Bảo Thủ và bà đã phải từ chức. John Maior đã mềm dịu hơn, nhưng vẫn theo đuổi đường lối chính trị của người tiền nhiệm. Trước những suy thoái kinh tế nhiều tiên đoán đảng Bảo Thủ sẽ mất quyền trong cuộc tổng tuyển cử này. Nhưng điều đó đã sai lầm, Majors vẫn được dân chúng Anh tín nhiệm và lần thứ 4 đảng Bảo Thủ tiếp tục nắm quyền kể từ 1979. Đảng Lao Động đối lập đã mất một cơ hội chiến thắng. Cũng như đảng Tự Do khuynh hướng cấp tiến cực hữu cũng thất bại điều mà trước ngày tổng tuyển cử người ta lo ngại đảng này sẽ thắng lớn như đảng Cộng Hòa cực hữu ở Đức và phong trào quốc gia của phe Le Pen ở Pháp 77% cử tri Anh đã đi bầu tỷ lệ cao nhất từ 1974 tới nay.

- Bộ Ngoại giao Bỉ đã lên tiếng trục xuất 4 nhân viên gián điệp Nga. 2 trong Tòa Đại sứ Nga và 2 đại diện thương mại. Tất cả phải rời khỏi Bỉ trong 24 giờ

đồng hồ. Tin trên đã được Bộ Ngoại giao Bỉ loan báo cho báo chí và kháng thư được gửi tới tòa Đại sứ Nga ở Bỉ và Bộ Ngoại giao Nga ở Mạc Tư Khoa.

- Sau những quyết định cắt giảm ngân sách quốc phòng của chính quyền Bush. Vấn đề đã trở nên khó khăn cho giới lập pháp ở Mỹ. Nếu quốc hội đồng ý sự cắt giảm sẽ tạo một khủng hoảng lớn cho kỹ nghệ quốc phòng ở Mỹ, khiến hàng trăm ngàn người phải thất nghiệp. Năm bầu cử bán phần Thượng viện và Tổng Thống cũng như một số ghế dân biểu đang diễn ra. Nên vấn đề tạo thất nghiệp thêm nữa sẽ mất phiếu của cử tri, nên các dân biểu, nghị sĩ của cả hai đảng đâm ra khó xử. Nghị sĩ Cohen của tiểu bang Maine tuyên bố "Vấn đề an ninh quốc gia, vấn đề tồn tại của kỹ nghệ vũ khí, vấn đề công ăn việc làm, vấn đề ngân sách quốc gia... tất cả đều quan trọng, rất khó khăn quyết định cho quốc hội.. Phía hành pháp Mỹ thì muốn dùng khoản tiền cắt giảm ở quốc phòng qua vấn đề an sinh xã hội, như y tế, trợ cấp người già v.v...

- Trung Quốc đã phải chấp nhận cho các xứ Âu Mỹ gọi các phái đoàn quan sát về vấn đề nhân quyền tới Trung Hoa. Vào tháng 7.92 này, Úc Đại Lợi là quốc gia đầu tiên sẽ có một nhóm nghiên cứu vấn đề thực thi nhân quyền tại Trung Quốc. Để trả lời báo chí của Ngoại trưởng Úc, lý do Trung Quốc phải nhượng bộ này, Ông Gareth Ewans nói: "có thể Trung Quốc tin rằng họ có một vị thế trên thế giới" cũng như những lá phiếu ở quốc hội Mỹ đã là những động lực thúc đẩy. Như chúng ta biết sau vụ Thiên An Môn nhiều quốc gia đã tỏ ra dè dặt giao thương với Trung Quốc. Được biết hàng năm Trung Quốc xuất cảng hàng hóa hàng tỷ dollars qua các xứ Âu Mỹ, nhưng các xứ này đòi hỏi vấn đề nhân quyền ở Trung Quốc, phải song hành với giao thương. Mới rồi Thủ tướng Trung Quốc Lí Peng làm một chuyến Âu du để "giải độc".

- Các đảng cực hữu đã sống lại mạnh mẽ ở Tây Âu. Tại Đức đảng Cộng Hòa do một cựu sĩ quan SS - thời Hitler là Franz Schoenhuber đã thắng 10,9% trong cuộc bầu cử ở tiểu bang Baden Wuerttemberg - một tiểu bang "ruột" của đảng Dân chủ Thiên chúa giáo (CDU) đang cầm quyền của Thủ tướng Kohl. Tất cả số phiếu mất của CDU đã vào tay đảng Cộng hòa. Chủ trương chống người ngoại quốc. Tại tiểu bang Schleswig Holstein đảng Liên minh Nhân dân Đức (DVU) cũng chiếm 6,3% do Gerhard Frey một triệu phú chủ trương xứ Đức của dân Đức.

- Tại Pháp: Jean Marie Le Pen 63 tuổi một triệu phú với Phong trào Quốc gia đã thắng 13,92% trong cuộc bầu cử các hội đồng ở Pháp. Le Pen cũng chủ trương quốc gia cực đoan.

- Tại Ý: Đảng Lega Nord do Umberto Bossi chủ trương chia xứ Ý làm 3 phần. Vùng Bắc Ý riêng rẽ, và chống người ngoại quốc, đảng chiếm 8,7% trong cuộc bầu cử vừa qua và là đảng mạnh thứ 4 trong các đảng phái ở Ý.

- Tại Áo: Đảng Tự do (FDO) của Luật sư Joerg Haider chủ trương làm sống lại đệ tam cộng hòa Đức thời Hitler, chiếm 22,6%.

Trước những khó khăn kinh tế ở toàn Âu Châu, khuynh hướng chống người ngoại quốc ngày một bành trướng, vấn đề chủng tộc đã thay thế cho trận chiến ý thức hệ. Người ta nghĩ rằng những cuộc chiến đẫm máu sẽ khó tránh khỏi, khi vấn đề sắc tộc đã được khơi dậy và trở thành đề tài ăn khách cho dân chúng toàn Âu Châu.

- Ủy ban quốc tế kiểm soát các cơ xưởng vũ khí nguyên tử và hóa học của Irak tuyên bố họ đã phá hủy 90% các trung tâm tồn trữ và sản xuất các vũ khí nguyên tử và hóa học của Irak. Trưởng toán kiểm soát Dimitri Perricos cùng 26 chuyên viên khác của Liên hiệp quốc và các sĩ quan Irak đã đi kiểm soát khắp nơi trên toàn xứ Irak..

- Khối Nato sẽ thành lập một lực lượng hải quân đặc biệt thường trực ở vùng Địa Trung hải. Giới chức Nato tuyên bố đã có sự đồng ý chung của các ủy ban quân sự của Nato. Một hạm đội thường trực có căn cứ tại Naples, gồm các tàu chiến của Hy Lạp, Thổ, Ý, Anh và Mỹ cùng một số của Đức và Hòa Lan. Trước đây vùng Địa Trung Hải do hạm đội 6 của Mỹ đảm nhận chạy qua tới Ấn Độ Dương và mỗi khi có chiến huy động thêm từ các vùng khác. Nay Nato với một hạm đội thường trực này, nhắm vào các biến cố bất thường diễn ra ở Trung Đông và đây cũng là một sự răn đe của các xứ Âu Mỹ với khối Á Rập Hồi giáo. Là Âu Mỹ sẽ nhanh lẹ nhúng tay vào bất cứ những xáo trộn nào xảy ra ở Trung Đông.

- Đảng Dân chủ ở Albania đã đắc thắng vẻ vang trong cuộc tổng tuyển cử vừa qua. Sali Berisha thủ lãnh đảng Dân chủ đã đánh bại ứng viên của đảng Xã Hội (trước là đảng Cộng sản). Được biết Ramiz Alia đã từ chức hồi đầu tháng 4.92. Sau khi đảng Xã hội của Alia đã đại bại. Đây là chính phủ dân chủ đầu tiên ở Albania từ thế chiến thứ 2 tới nay.

- Với sự tấn công mạnh mẽ của các lực lượng kháng chiến ở A Phú Hãn. Chính phủ Kabul của tướng Najibullah đang sống những ngày tháng cuối cùng. Lực lượng kháng chiến đã chiếm hết các tỉnh biên giới giáp với Liên Xô cũ, cắt tất cả các đường tiếp tế lương thực từ các cộng hòa Trung Á trong xứ Liên Xô cũ với Kabul.

Najibullah đã nói tới vấn đề từ chức để trao quyền cho một chính phủ chuyển tiếp hầu đứng ra tổ chức bầu cử.

Trong khi đó Mỹ tuyên bố viện trợ 10.000 tấn bột mì cho những vùng đang bị đói kém. Giới ngoại giao Mỹ nói số viện trợ này không phải dành cho chính quyền Kabul. Như chúng ta biết thời gian qua Mỹ đã viện trợ lương thực cho các lực lượng kháng chiến có hậu cứ ở Pakistan. Hy vọng một ngày không xa chính quyền cộng sản ở A Phú Hãn sẽ bị lật đổ, lẽ ra sự việc này xảy ra từ lâu, nhưng vì sự thiếu đoàn kết của các lực lượng kháng chiến nhất là có sự nhúng tay của Iran và Irak vào, làm cho các xứ Tây phương e ngại.

- Từ đầu năm 1992 cảnh sát Mã Lai đã được lệnh vào các thư viện trong các trại tỵ nạn người Việt tịch thu tất cả các sách báo được các hội đoàn và báo chí Việt ngữ ở hải ngoại gửi tặng đồng bào trong trại. Và thay vào đó các sách báo từ Việt Nam được tòa đại sứ Việt Cộng cung cấp. Mặt khác nhân viên cao ủy cũng thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện, trình bày nhưng cởi mở tốt đẹp ở Việt Nam hiện nay để khuyến khích mọi người nên tự nguyện hồi hương. Ngoài ra cao ủy còn yêu cầu chính quyền Mã dẹp bỏ mọi tiệm buôn bán, chụp hình ở chung quanh các trại, để tạo những khó khăn và buồn chán hầu tự nguyện hồi hương.

- Rắn lột da vẫn là rắn, thêm một gáo bùn nhờ bản bị lũ con cháu Hồ tặc tạt vào mặt đám ngậy thờ tập tành làm chính trị. Dương Thu Hương nhà văn nữ VC từng làm ồn ào dư luận hải ngoại. Nhiều kẻ phong thánh cho Hương nay trắng mắt. Mới rồi trong bản "tự bạch về tiểu thuyết Vô Đề" vừa được chính tác giả gửi ra hải ngoại đăng trong tờ Diễn Đàn số 6 tháng 3.1292 tại Paris. Dương Thu Hương đã dùng mọi lời lẽ thô bạo nhất để rửa sả những người đã đội y thị lên đầu trước đây ".Tôi không từ bỏ đội ngũ những người Cộng Sản để chạy sang hàng ngũ những người chống Cộng và.. đám treo đèn kết hoa đón ngoại bang, ngoan ngoãn trung thành với mẫu quốc Mỹ, đám đề cho Mỹ đem chất độc da cam gây ung thư máu, quái thai, cho lính Đại Hàn truyền bá vị trùng giang mai...

Ngoài ra còn câu độc đáo nữa Dương Thu Hương đã sử dụng để chỉ đám thầy đồ ngỡ là chín, ngậy thơ và nông cạn. Tin tưởng vào những người CS yêu dân, yêu nước. Sau Bùi Tín giờ tới Dương Thu Hương nhưng tên trí thức đi giữa trời mưa, tin là hòa hợp hòa giải được với người Cộng sản giờ chắc gục mặt, cách hay nhất hãy về nhà phụ vợ chùi bếp, lau nhà, sống và tìm hiểu hơn nữa về bản chất của người Cộng sản Việt Nam trước khi nói chuyện bắt tay, ôm căng họ.....

# Những điều có và không thể xảy ra!

Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp

Cách đây không lâu tôi có đi thông dịch thi lý thuyết bằng lái xe tại Nordhorn và có dịp tiếp xúc với các thí sinh, họ cũng là thành phần "đồng sanh cộng khố". Có bạn đã kể như sau: "Anh ạ ! chúng em từ Tiệp sang đây xin tỵ nạn trên hai năm rồi. May mắn chúng em người nào cũng có việc làm ở các xơ xưởng của người Đức và được cấp giấy phép lao động. Sở liên bang đã bác đơn, nhờ luật sư kiện, cũng bị tòa án hành chánh sơ thẩm bác luôn, nay kiện tiếp lên tòa án trung thẩm. Và nếu cần kiện tiếp lên tòa án hiến pháp liên bang luôn để được tỵ nạn. Chỉ có một điều phiền toái nhất và gây ảnh hưởng trầm trọng cho đời sống tinh thần là các tin đồn và nhất là các tin không chính xác trên các báo Việt ngữ tại Đức liên quan đến việc xin tỵ nạn của chúng em. Họ không giúp gì cụ thể cho việc xin tỵ nạn mà cứ nay loan tin là chính phủ Đức sắp đuổi về nước, mai loan tin của tòa án không nhận người tỵ nạn từ DDR, lúc khác lại đi tin tòa án vùng Bayern cho ở lại theo diện điều 51 v.v... Bạn bè đến thăm hay mình đi thăm bạn thì cũng toàn nghe toàn là tin và chỉ là tin mà thôi, không có gì xác quyết cả. Thường thì họ bảo nhau thôi tìm việc làm đi và làm "chui" mới tốt vì ăn tiền "hai đầu" mới khá được để mà về nước. Em bảo họ rằng: nếu ai thích thì cứ về, chứ nước Đức có năn ní để bạn tỵ nạn không? còn hãy để cho những người khác sống với, đừng có nay nói tin này, bữa nọ tin khác thì làm hoang mang người thật sự trong cuộc. Em mà đến thăm ai, hoặc bạn đến thăm mà nói đến chuyện bị đuổi về nước thì em dọa: hãy để cho ông yên sống, đừng nói nhăng cuội, ông cho một daobây giờ".

## 1. Án quyết của Tòa án dành cho ai ?

80 - Viên Giác 68

Trên đây là mẫu tâm tình, theo thiên ý của tôi nó đã gói ghém khá trọn vẹn tâm tư chung của đồng hương từ các xứ Đông Âu sang Đức xin tỵ nạn chính trị.

Ở đây, tôi xin và muốn nhấn mạnh chữ "tỵ nạn chính trị". Trong số báo Xuân Viên Giác 92 tôi có nói đến việc xin tỵ nạn chính trị là quyền riêng của mỗi cá nhân. Vì thế, tùy trường hợp riêng của từng cá nhân mà Tòa án hành chánh có những án quyết khác nhau; và cũng có thể án quyết ấy có giá trị cho những trường hợp khác, khi những trường hợp ấy có cùng yếu tố như nhau. Như tôi vẫn thường nói là không có việc "chung chung". Trong việc xin tỵ nạn, mỗi người phải tự đấu tranh riêng biệt, vì hoàn cảnh chính trị của mỗi cá nhân khác nhau (subjektiv) trong cùng một trạng huống có thể giống nhau (objektiv).

Những án quyết của các Tòa án trong cùng một tiểu bang có thể đã khác nhau rồi. Tuy nhiên một án quyết thuận (ở đây là việc công nhận tỵ nạn hay công nhận cho tạm trú theo điều 51) có thể, nhưng không hẳn, là chuẩn đối với một quan tòa của một tòa án khác. Có thể cùng một vấn đề được tòa án này công nhận, nhưng bị bác ở một pháp đình khác.

Như chúng ta đã biết, tòa án ở vùng Bayern trước đây đã bác tất cả và cũng không công nhận cho tạm trú theo điều 51. Nay qua án quyết ngày 29. 11. 1991, tòa án Bayern công nhận quyền tạm trú theo điều 51 Luật Ngoại Kiều cho người Việt xin tỵ nạn là điều mừng cho đương sự ấy.

Vì trong án quyết này có nhắc đến tên tôi, vì thế có nhiều bạn đã liên lạc hỏi xem tôi có tham dự phiên tòa xử hôm đó trong tư cách là một Sachverstaendiger (giám định viên, chuyên viên về một vấn đề nào đó được tòa án mời trình bày những hiểu biết và những

bằng chứng liên quan đến sự việc hầu tòa án có những dữ kiện cụ thể để thẩm định và chung quyết) hay không và xin cố vấn. Nay tôi xin mạn phép trả lời chung như sau.

Trong phiên xử hôm 29. 11. 91 tại tòa án Bayern tôi không có tham dự. Nhưng tôi đã được tòa án hành chánh sơ thẩm (Verwaltungsgericht Luenerburg) mời làm giám định viên cho 2 phiên xử trong ngày 21. 08. 1991. Trong phiên xử thứ nhất tôi đã trình bày, dẫn chứng và có những chứng minh thư cụ thể để trả lời cho câu hỏi: những hậu quả nào sẽ xảy đến cho người lao động hợp đồng từ các nước Đông Âu sang Đức xin tỵ nạn, khi họ bị trục xuất về nước?

Ông Ts. Weggel (Hamburg) và ông Ts. Will (Koeln) cũng được mời làm giám định viên cùng với tôi trong phiên xử này. Riêng Ts. Will không tham dự được mà gửi giám định bản trình tòa, nhưng trước sau như một, ông vẫn cho rằng những lao công hợp đồng xin tỵ nạn bị đuổi về nước vẫn có thể bị trừng phạt. Vì phiên xử hai cũng là một trường hợp tương tự nên tôi chỉ trình bày phần giám định của mình trên một giờ đồng hồ để trả lời câu hỏi trên trong phiên xử đầu tiên mà thôi. Gồm 4 điểm:

a. Tình hình chính trị VN sau đại hội đảng CSVN lần 7 không có gì thay đổi, trái lại còn cực kỳ bảo thủ và cứng nhắc hơn xưa để trả lời một số nhận định của vài giám định viên và quan điểm cho rằng sau đại hội 7 CSVN sẽ cởi mở hơn, nên những người xin tỵ nạn bị trả về nước sẽ không hề hà gi cả;

b. Dẫn giải những điều trong bộ luật hình sự của CSVN liên quan đến người xin tỵ nạn và những biện pháp thi hành điều luật này của CQCSVN đối với người phá bỏ hợp đồng và xin tỵ nạn. Trong

phần này tôi đã không có cùng quan điểm đối với lập luận của sở liên bang cho rằng các lao động hợp đồng VN tại các nước Đông Âu là thành phần "đặc ân" của nhà nước CSVN, dẫn chứng tài liệu do tôi viết đã đăng trong tờ Thông dẫn số 1 tháng 7.90 với tựa đề: Notizen: Die "Gelbe Stasi oder das System der vietnamesischen Stasi im Ausland gegenueber den in den Ostblocklaendern lebenden vietnamesischen Arbeiter" (Ghi chép: Bọn "Sói Vàng" hay hệ thống công an VN ở ngoài nước đối với những lao công VN sống trong các quốc gia Đông Âu). Bài này được viết bằng Đức ngữ và gồm những điểm sau:

- aa. Thành phần người lao công VN ở ngoài nước;
- bb. Bộ máy theo dõi của cái gọi là "Ban quản trị lao động" của chế độ Hanoi đối với người lao động VN ở nước ngoài;
- cc. Người lao động VN bị theo dõi và kiểm soát như thế nào?
- dd. Đức kết.

Khi tôi trình cho quan tòa tài liệu này thì lạ thay họ đã có tài liệu này trong hồ sơ của họ rồi.

Qua tài liệu này, tôi đã dẫn chứng cho tòa án thấy rằng, không phải người lao công hợp đồng nào cũng được hưởng đặc ân của CSVN cả, trái với lập luận của viên thẩm định ty nạn của sở liên bang. Điều mà trong quyết định của sở liên bang bác đơn ty nạn đều nhắc đến!

c. Trong phiên tòa tại Lueneburg, tôi đã trình bày cung cách đối xử của cơ quan đại diện CSVN đối với đồng hương xin ty nạn liên quan đến việc xin cấp lại thông hành. Vì trong thời gian trước đây, có một số sở ngoại kiều ở miền Nam Đức gây khó dễ đòi hỏi phải có thông hành VC mới cấp phép cư trú v.v... Hội Từ Thiện Đức (Deutscher Caritasverband) có biên thư ngày 21.05.91 đến văn phòng phụ của sứ quán CSVN tại Bá Linh để hỏi giùm cho vài bạn. Nội dung văn thư ngày 07. 06. 1991, số 67/9 của văn phòng này trả lời Hội từ thiện đã cho thấy rõ bản chất độc tài quan liêu của cái gọi là cơ quan đại diện ở nước ngoài của CSVN đối với các đồng hương; chứ chưa nói đến việc những lao công hợp đồng xin ty nạn bị trục xuất về nước phải gánh chịu những hậu quả gì?

d. Cuối cùng, tôi đã dẫn chứng những biện pháp cụ thể và cường độ của các hình phạt dành cho những người lao công hợp đồng bị trả về nước cùng những văn kiện chứng minh.

Trên đây là những gì tôi đã trình bày trước Tòa án tại Lueneburg. Sau đó, những giám định này, không phải của riêng tôi mà kể cả của những giám định viên khác, đã được các pháp đình khác đưa vào để thẩm định và đi đến một án quyết cho một vụ xử về một người nào đó.

Có nhiều pháp đình công nhận ty nạn; có nơi không công nhận ty nạn nhưng cho tạm trú theo điều 51 luật ngoại kiều; và cũng có tòa án bác luôn cả hai nghĩa là bác ty nạn và không công nhận cho tạm trú theo điều 51.

Vậy khó mà có thể nói rằng án quyết ngày 29. 11. 1991 của tòa án Bayern công nhận quyền tạm dung của người Việt có giá trị chung khắp nơi. Có thể nay mai cũng tại tòa án này sau phiên xử một trường hợp khác lại không công nhận ty nạn kể cả quyền tạm trú theo điều 51 thì sao?

Một án quyết cần được hiểu như sau:

- a. nó thể là chuẩn, là mẫu cho những trường hợp khác, nên chú ý xem đó có giá trị chung;
- b. vì nó chỉ có giá trị cho một vụ liên quan đến một người và sự việc của người ấy; chưa hẳn nó có giá trị cho một người khác chứ chưa nói đến tập thể;
- c. sự diễn giải một án quyết cần phải dè dặt vì lý do nêu trên. Vì sao?

Vấn đề này xin đơn cử một vài trường hợp sau:

aa. thí dụ án quyết của tòa án trung cấp (Oberverwaltungsgericht, viết tắt là OVG) Luneburg số 11 L 6146/91 xử một trường hợp xin ty nạn của một đồng hương từ DDR xin ty nạn và không công nhận cho người này xin ty nạn với lý do:

- (a) họ rời khỏi quê hương không vì bị truy nã chính trị;
- (b) và đã thường xuyên sinh hoạt trong các tổ chức CSVN.

Tin này đăng trên một số báo Việt ngữ đã không cho biết rằng trong án quyết trên có nói gì đến việc cho đương sự ấy có được hưởng quyền tạm trú theo điều 51 không? Ngược lại các bản tin

đăng án quyết của tòa án Bayern chỉ nói đến việc công nhận tạm trú theo điều 51!

Qua án quyết của OVG Luneburg chúng ta cũng phải thấy hai điều:

(1) án quyết này chỉ có thể nói đến một trường hợp của người xin. Có thể bạn này chính thật là thứ "bự", "có cỡ", họ rời khỏi nước đầu có bị "truy nã CT" và thật sự trong nước họ có hoạt động trong các tổ chức CS. Có lẽ qua lời khai của bạn này, quan tòa xét thấy bạn ấy sang lao động là một "đặc ân" chăng? Không, không thể có chuyện chung chung ngược lại những cái chung chung khác được!

Đâu phải tất cả người lao động hợp tác đều như anh bạn này!

Nên án quyết này có giá trị cho bạn ấy, các bạn khác không có gì phải âu lo trong việc trình bày và dẫn chứng cụ thể việc xin ty nạn của mình. Chắc chắn các bạn sẽ có kết quả tốt.

(2) án quyết này có thể là chuẩn, là mẫu, nhưng chưa hẳn mang tính cách chung quyết cho các OVG khác.

Trường hợp không có thắng lợi ở các OVG, các bạn còn có cơ hội tiếp tục kháng lên tòa án hiến pháp liên bang (Bundesverfassungsgericht, viết tắt là BVerfG) nữa kia mà. Án quyết của BVerfG mới có giá trị chung quyết cho tất cả các pháp đình. Nhưng BVerfG chỉ xử những vụ liên quan đến việc vi phạm quyền cơ bản (Grundrecht) của mọi người, ở đây là quyền ty nạn theo điều 16 khoản 2 câu 2 đạo luật cơ bản của Đức quốc còn gọi là hiến pháp (Grundgesetz, viết tắt là GG).

Cần nhắc thêm một điều nữa là, việc chống lại quyết định của sở liên bang gồm có 2 việc song song nhau là:

- quyền ty nạn và
  - quyền tạm trú theo điều 51
- Nên như đã trình bày ở trên, một pháp đình

- có thể công nhận ty nạn là đủ, nghĩa là đương sự được tạm trú ở Đức theo diện ty nạn, điều 51 không có tác dụng;

- có thể không công nhận ty nạn, nhưng cho tạm trú theo điều 51;

- hoặc có thể họ bác luôn cả hai: không công nhận ty nạn và không cho hưởng quyền tạm trú theo điều 51.

Từ "công nhận" được dùng ở trên không có nghĩa là việc công nhận



tự nạn do tòa án quyết định, mà tòa án chỉ xét xử quyết định của sở liên bang đối với một người xin tỵ nạn nào đó có hợp lý hay không qua đơn khiếu nại của đương sự ấy. Việc công nhận tỵ nạn vẫn thuộc thẩm quyền của sở liên bang chứ không phải ở tòa án!

Việc giúp đỡ đồng hương trong vấn đề xin tỵ nạn cần phải tế nhị để tránh mọi sự hoang mang để gây đến những hậu quả không lường trước được. Vì thế việc đăng những án quyết của tòa án cần phải có tính cách nghiên cứu chuyên môn và sự dẫn giải cặn kẽ, cũng như tùy bệnh mà cho thuốc, không thể phát thuốc bừa bãi được, chẳng những không có ích lợi mà hóa thành độc dược! Vấn đề ở chỗ là qua các án quyết như thế có thể rút tĩa ra được những gì hữu ích cho những người khác có cùng trường hợp hay không?

bb. Phải đề dặt trong sự diễn giải án quyết của tòa án.

Chuyện kể sau đây là án quyết của tòa án trung thẩm dân sự tiểu bang (Oberlandesgericht, viết tắt là OLG) Muenchen về việc trả tiền nhà, hồ sơ số 29 U 4154/91. Các ông nhà báo Đức chạy tít lớn "Một án quyết quá đẹp" và các ông diễn giải án này là thay vì bà con mượn nhà phải trả tiền nhà thông thường vào đầu tháng nay qua án này bà con chỉ trả tiền nhà vào cuối tháng. Thế rồi các ông nhà báo chỉ vẽ bà con phải ra ngân hàng đổi lại việc chuyển tiền nhà định kỳ thay vì đầu tháng sửa lại thành cuối tháng v. v ... Pháp đình này sau khi đọc tin giật gân trên, nháy nhồm lên, mình có quyết định như vậy bao giờ. Thế là sáng hôm sau trên mặt báo đã có đăng tin của tòa là không phải thế, các ngài đã diễn giải sai vụ án quyết về vụ xử của tôi rồi các ngài ơi! Sự thật là người mượn nhà đã trả tiền nhà trước cho ông chủ rồi, nhưng vì lý do nào đó có sự tranh cãi tiền bạc, người mượn nhà đòi cuối tháng mới trả, ông chủ không chịu mới thưa tới thưa lui, từ sơ thẩm lên trung thẩm (chỉ còn một thẩm nữa là pháp viện dân sự liên bang - Bundesgerichtshof, viết tắt là BGH). Sau khi cân cân công lý nghiên qua nghiên lại, cuối cùng nghiên qua phía người mượn nhà và quyết định là tiền nhà tháng tới người chủ chỉ được quyền rút ngân hàng, hay nói

khác đi người mượn nhà chông tiền nhà tháng tới vào cuối tháng chứ không phải đầu tháng như theo luật về hợp đồng mượn nhà. Án quyết này chỉ có giá trị để giải quyết về quyền lợi thiệt thòi của người mượn nhà nói trên trong một thời gian nào thôi đối với tên chủ nhà hắc ám. Chứ án trên đâu có nói gì đến việc tòa cho phép những người mượn nhà khác trả tiền nhà vào cuối tháng đâu! Thế là các ông nhà báo ngẩn tồ te, cụt hứng, cho chạy tin xác minh của tòa trong ngày hôm sau có chút tạo.

Rõ ràng là án quyết chỉ có giá trị cho một người nào đó chưa hẳn mang tính cách chung quyết cho những trường hợp khác!

Vì thế việc đăng những án quyết cần có sự thông suốt vấn đề và trung thực diễn giải và dẫn chứng cho bà con biết; và nhất là khoan kết luận vội qua các án quyết và xem nó như là "chính thị" đây rồi!

## 2. Vấn đề thông hành (VC gọi là hộ chiếu) của người đang xin tỵ nạn.

Tất cả những người đang xin tỵ nạn đều chịu luật tỵ nạn chi phối. Cũng theo luật này, họ sau khi nộp đơn xin tỵ nạn và nộp thông hành (nếu còn giữ) cho sở ngoại kiều và thông qua những thủ tục hành chánh sẽ được cơ quan này cấp một giấy phép tạm trú mang tên Aufenthaltsgestattung.

Trong thời gian qua có nhiều bạn đi gia hạn phép cư trú diện này đã bị sở ngoại kiều thu hồi giấy phép tạm trú và được trao trả lại thông hành; trên thông hành có dán "con ó" và đóng dấu tạm dung (Duldung) cho một tháng hay nhiều hơn. Thậm chí có những thông hành hết hiệu lực, họ bắt đương sự phải đến sứ quán VC xin gia hạn v.v...

Các bạn này đã tới tập liên lạc với tôi nhờ giúp đỡ. Tôi đã liên lạc với các cơ quan thẩm quyền trình bày sự việc để tìm hiểu và kết quả như sau:

Bộ Nội Vụ bang Niedersachsen với công văn ngày 15. 10. 1991 gửi cho các chính quyền địa phương và các sở ngoại kiều trực thuộc về việc này (xin xem nguyên văn chụp nhỏ công văn này). Nội dung như sau:

*Bộ Nội Vụ Bang Niedersachsen.*

*gửi đến các cơ quan chính quyền địa phương và các sở ngoại kiều. thông báo đến sở hình sự bang Niedersachsen.*

*v/v: gia hạn và cấp thông hành quốc gia mới của người xin tỵ nạn.*

*Trong thời gian qua có nhiều sở ngoại kiều đã đi quá trong việc đòi hỏi người xin tỵ nạn phải có chiếu khán theo điều 4 luật ngoại kiều, những thông hành của họ đã hết hạn phải gia hạn nơi sứ quán của họ hoặc trong trường hợp nhập nội mà không có thông hành họ phải xin cấp một thông hành mới hay loại giấy thông hành tạm.*

*Sự đòi hỏi như vậy không được dựa theo điều 4 luật ngoại kiều được.*

*Theo điều 19 khoản 1 luật tỵ nạn thì một người ngoại quốc sau khi nộp đơn xin tỵ nạn, họ được phép tạm trú trong lãnh thổ liên bang để lo thủ tục tỵ nạn. Việc cho phép tạm trú như thế dựa trên điều 16 khoản 2 câu 2 hiến pháp và không bị lệ thuộc những điều kiện nào khác. Phép tạm trú loại này*

*(Aufenthaltsgestattung) không phải phép cư trú trong tinh thần luật ngoại kiều (Aufenthaltsgenehmigung); những quy định của đạo luật tỵ nạn về phép tạm trú như là những quy chế đặc biệt đứng ưu tiên hơn những quy định của đạo luật ngoại kiều.*

*Luật tỵ nạn chỉ nói trong điều 26 khoản 1 về việc nộp thông hành hiện có. Trong điều 26 khoản 3 câu 2 quy định thêm việc trả lại thông hành đã nộp cho người ngoại quốc xin tỵ nạn khi họ có ý muốn tự gia hạn. Nhưng ngay điểm này không có việc phải gia hạn thông hành quốc gia họ hoặc việc cấp một loại giấy tờ tương tự. Điều 4 luật ngoại kiều vì thế không áp dụng cho người xin tỵ nạn, cho đến khi họ được quyền tạm trú trong lãnh thổ liên bang. Họ chỉ cần có chứng minh thư theo điều 27 (1) luật tỵ nạn với phép tạm trú là đủ.*

*Tôi yêu cầu ghi nhận và lưu ý.*

*Thừa ủy nhiệm  
ký tên.*

Tôi đã gửi bản sao công văn này đến các bạn liên hệ vì thế họ đã tránh được tình trạng quá độ của một vài viên chức ở sở ngoại kiều trong việc thực thi quyền hạn của họ.

Điều cần lưu ý nơi đây là việc này chỉ có giá trị cho các bạn vẫn còn đang xin tỵ nạn, nghĩa là hiện đang chờ thẩm vấn hay đang chờ xử ở VG chống quyết định bác đơn của sở liên bang hoặc đang chờ xử ở OVG chống án quyết của VG, hay đang nộp đơn khiếu nại hiến pháp (Verfassungsbeschwerde) lên BVerfG. để chống lại án quyết của OVG.

Công văn này không có hiệu lực cho các bạn không tiếp tục chống quyết định, hay chống án quyết của các thẩm tòa, vì các bạn này đã rút đơn tỵ nạn hoặc không kiện tụng tiếp cho quyền tỵ nạn của mình.

Xin các bạn lưu ý kỹ điểm trên.

### 3. Thông báo

Vì lý do riêng nên trong thời gian tới đây tôi sẽ ít thường xuyên ghé TTVHXHPG thuộc Chùa Viên Giác để sinh hoạt. Dù thế việc giúp đỡ và hướng dẫn đồng hương "đồng sanh cộng khổ" tôi vẫn tiếp tục như từ trước đến nay. Mọi thắc mắc liên quan đến luật pháp, nhất là việc tỵ nạn, quyền cư trú v . v . . nếu có xin đồng hương liên lạc bằng thư qua địa chỉ tư gia của tôi.

Những giấy tờ cần phiên dịch hay đồng hương cần thông dịch lý thuyết lái xe hoặc những việc khác cũng xin liên lạc bằng thư tin trực tiếp đến địa chỉ riêng hầu tránh sự chậm trễ cho đồng hương.

Điện thoại tư gia trong thời gian qua đã bị phá quá nhiều nên tôi đã xin một số điện thoại khác, vì thế số điện thoại cũ không còn nữa. Khi văn phòng thông dịch và cố vấn của tôi có số điện thoại khác, tôi sẽ kịp thời thông báo đến tất cả đồng hương sau.

Cũng xin một điều là những thư từ gửi đến để được giải đáp thắc mắc hoặc giúp đỡ ý kiến kính mong xin quý đồng hương vui lòng kèm theo một phong bì có dán tem sẵn hầu tránh tốn phí quá nặng nề cho cá nhân tôi. Hiện nay mỗi ngày tôi trả lời trên 10 thư thắc mắc của đồng hương, như thế mỗi tháng tôi phải chịu trên 300 đức mã tiền tem thì quá tốn kém!

"Tìm hiểu về quyền lợi và pháp lý của những diện cư trú được quy định trong luật ngoại kiều Đức quốc" là tập tài liệu đã được biên soạn. Trong tập tài liệu này còn

Ministerialbüro des Innenministeriums, Postfach 11 01, Postfach 11 01

Bezirksregierungen  
- mit Nebenabdrucken für die Ausländer-  
behörden -

Nachrichtlich:  
Landeskriminalamt  
Niedersachsen

Eingegangen

09.04.1982

3000 Hannover

Ihr Zetelien, Ihre Nachricht vom

(Bitte bei Antwort angeben)  
Mein Zetelien  
66.91-12234/16-26

10 511)  
150-83 87  
Vermittlung  
120-1

Hannover  
.10.91

Verlängerung bzw. Neuausstellung der Nationalpässe von Asylbewerbern

Verschiedene Ausländerbehörden sind in letzter Zeit dazu übergegangen, bereits vor Entstehen der Ausreisepflicht Asylbewerber unter Hinweis auf § 4 AuslG aufzufordern, ungültig gewordene Pässe bei den Heimatvertretungen verlängern zu lassen bzw. sich im Falle der Einreise ohne Nationalpaß einen Paß bzw. ein Paßersatzpapier ausstellen zu lassen.

Eine derartige Forderung kann jedoch aus § 4 AuslG nicht hergeleitet werden.

Nach § 19 Abs. 1 AsylVfG ist einem Ausländer, der einen Asylantrag gestellt hat, der Aufenthalt im Bundesgebiet zur Durchführung des Asylverfahrens gestattet. Diese Aufenthaltsgestattung beruht auf Art. 16 Abs. 2 Satz 2 GG und ist von keinen weiteren Voraussetzungen abhängig. Die Aufenthaltsgestattung ist keine Aufenthaltsgenehmigung im Sinne des Ausländerrechts; die Vorschriften des Asylverfahrensgesetzes über die Aufenthaltsgestattung gehen den Vorschriften des Ausländergesetzes als Spezialnormen vor.

Das Asylverfahrensgesetz sieht in § 26 Abs. 1 lediglich vor, daß ein vorhandener Paß zu hinterlegen ist. Es regelt weiterhin in § 26 Abs. 3 Satz 2 die vorübergehende Herausgabe eines hinterlegten Heimatpases an den asylsuchenden Ausländer, wenn dieser eine Verlängerung

et 56 Verl.v. Nationalpässen

- 2 -

selbst anstrebt. Bereits hieraus ergibt sich, daß eine Verpflichtung zur Verlängerung eines Nationalpases bzw. zur Ausstellung eines solchen Dokuments nicht besteht.

§ 4 AuslG ist daher auf Asylbewerber nicht anwendbar, solange ihnen der Aufenthalt im Bundesgebiet gestattet ist. Sie genügen Ihrer Ausreisepflicht gem. § 27 (1) AsylVfG mit der Aufenthaltsgestattung.

Ich bitte um Kenntnisnahme und Beachtung.

Im Auftrage



## Thông Báo

Chùa Viên Giác đang cần 2 hoặc 3 thợ hồ với tư cách thiện nguyện. Quý vị nào có điều kiện, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc điện thoại:

Chùa Viên Giác  
Karlsruher Straße 6  
3000 Hannover 81  
Tel. 0511 - 879630

có những án quyết của tòa án các thẩm liên quan đến quyền cư trú. Đồng hương nào muốn có để nghiên cứu xin biên thư đặt mua qua địa chỉ sau và kèm theo 05 (năm) đức mã tiền phụ phí. Thư từ xin liên lạc qua địa chỉ NGO, Ngọc Diệp, Dipl. Ing. Nelkenstr. 16, 3008 Garbsen 4 (số điện thoại mới chưa có!)



# Tin Đồng Hương

## Đại Hội Thể Thao - Giỗ Tổ Hùng Vương và Văn Nghệ Dân Tộc

Như thông lệ hằng năm xứ bộ MTGPVN tại Đức đã phối hợp cùng một số đoàn thể đứng ra tổ chức giải thể thao Quốc Khánh cùng lễ tế Tổ Hùng Vương và đêm văn nghệ dân tộc chào mừng Quốc Khánh.

Phần thể thao với các bộ môn thi đấu như bóng bàn, bóng chuyền, cờ tướng, xe đạp chậm .v.v...

Phần văn nghệ gồm các tiết mục ca vũ, nhạc, dân ca v.v... do nhiều ban nhạc đảm trách.

Thời gian địa điểm tổ chức.

19 giờ - 23 giờ ngày 18-4-1992

Paedagogische Hochschule

Henri-Dunant-Str.65 - 4300 Essen

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc Postfach 110559 - 4100 Duisburg 11

## Đại Hội Văn Bút Âu Châu 1992

Với 14 người tham dự gồm những nhà văn, nhà báo và cả thân hữu của các người này. "Đại hội" Trung tâm Âu châu Văn bút Việt Nam Hải ngoại đã diễn ra trong các ngày 28, 29/2 và 1/3/1992 tại nhà Thanh niên của thành phố Bad Homburg miền Trung Đức.

Tuy số ngày đại hội được ban tổ chức quy định như trên, nhưng thực tế các buổi họp chỉ diễn ra trong ngày 29.2.1992. Đặc biệt có lẽ ban tổ chức muốn thể hiện tinh thần tự do, nên chương trình nghị sự được thả nổi. Mọi vấn đề được đem ra bàn cãi từ HHHG tới văn nghệ phản kháng thật hay giả - và cả vấn đề tử vi bói toán nữa. Tuy nhiên đầu rồi cũng vào đó. Một ban chấp hành đã được bầu ra, đại khái cũng như ban chấp hành cũ, với một vài hoán chuyển có thêm thắt, để đúng tinh thần đổi mới và trẻ trung.

Chủ tịch Ô. Phạm Việt Tuyền  
đồng phó chủ tịch Ô. Đặng Văn Nhâm và Ô. Trần Phong Lưu.  
Tổng thư ký Ô. Từ Nguyên Trần Văn Ngô

Thủ quỹ Bà Bích Thu

84 - Viên Giác 68

Ngoài ra còn một số đại diện ở các nước cũng như một số ủy viên chuyên môn, như báo chí văn nghệ cầm tù, phiên dịch v.v...

Đặc biệt Ban chấp hành lần này nhấn mạnh quyết làm cho được một bản tin 8 trang 2 tháng 1 kỳ, ra đều đặn, không trời sập nữa.

## Du Lịch Việt Nam thành Du Lịch Âm Phủ.

Vào dịp giáng sinh 91 vừa qua Lê Thị Hoàng Yến 26 tuổi định cư tại Los Angles Hoa Kỳ, về VN du lịch. Khi ngồi trên một xích lô vòng vòng trong thành phố Sài Gòn, bỗng bị 1 tên lạ mặt nhảy đại lên xe và đè ra lột các nữ trang đeo trên người. Cuộc giằng co diễn ra, Hoàng Yến bị té nhào xuống đường võ sọ chết tốt. Theo tin tức từ VN nạn trộm cướp hiện nay rất thịnh hành đối tượng là "quý vị" áo gấm về làng.

## Hội Phật Tử tại Đức công bố bản xác định lập trường.

Trước những biến chuyển của tình hình thế giới và VN. Hội Phật Tử VN tại Cộng Hòa Liên Bang Đức do ô. Thị Tâm Ngô Văn Phát làm Hội trưởng. Vào đầu tháng 3/92 vừa qua đã cho phổ biến bản xác định đường lối và lập trường của Hội với nội dung:

- Không chấp nhận HHHG với chính quyền CS. Khi họ còn độc quyền cai trị đất nước.

- Không chấp nhận cái gọi là Dân chủ Đa nguyên trong một chính quyền CS độc tài đảng trị.

Được biết Ô. Ngô Văn Phát là cựu sĩ quan cao cấp trong QLVNCH trước 1975, từng trải qua nhiều năm tù CS. Nên ông đã rất thấu đáo những đòn phép lọc lừa của bạo quyền CSVN. Bản xác định lập trường của Hội Phật Tử VN tại Đức được công bố trong thời gian này đã thể hiện đúng tinh thần đại hùng - đại lực của những người con Phật. không chao đảo, cúi lún, a dua một cách mù quáng, tưởng cứu nước, nhưng tiếp tay cho lũ cò mồi phá nước hại dân./.

## Cuộc Triển Lãm Văn Hóa Việt Nam tại Muenster (Thủy Tiên)

Ngày 15.2.1992 vừa qua từ 14 giờ đến 24 giờ, Hội Người Việt ty nạn Muenster đã tổ chức tại hội trường Pascal Gymnasium một đại nhạc hội xuân nhân dịp Tết Nhâm Thân.

Vãng khách đã có dịp thưởng thức những hoạt cảnh cùng những vũ khúc đầy tình tự dân tộc do nhóm văn nghệ Muenster trình diễn và phần dạ vũ do ban nhạc Mây Trắng đặc biệt đảm trách. Phần chợ Tết với nhiều quầy hàng bán đầy đủ nhiều món ăn đầy hương vị quê hương nên thu hút được nhiều thực khách.

Nhưng đặc biệt và hấp dẫn nhất là phòng triển lãm văn hóa Việt Nam do ông Phan Hùng Nhơn với sự bảo trợ của Hội NVTN Muenster.

Tại đây vãng khách có dịp ngắm nhìn những hình ảnh tuyệt vời về phong cảnh rải rác khắp nẻo đường đất nước từ miền cực Bắc Việt Nam đến tận Hà Tiên, Cà Mau. Trước những hình ảnh gợi tình của quê hương thân mến, nhiều người không khỏi ngậm ngùi xúc động.

Khách lại có thể chiêm ngưỡng những di tích lịch sử như Hoa Lư, thành Cổ Loa, đền Hùng, đền Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Phùng Hưng, lũy Thầy, các lăng tẩm cung điện ở Huế cũng như những di tích Chăm từ Đà Nẵng đến Phan Rang.

Tất cả những hình ảnh, tài liệu đều được trình bày rõ ràng bằng Việt ngữ và Đức ngữ.

Này đây những phong tục, tập quán Việt Nam về ngày Tết và những ngày lễ cổ truyền trong năm, những tập tục về hôn lễ tang tế, thờ phụng tổ tiên, nhà ở, cách ăn mặc, cơ cấu tổ chức xã hội hoặc những tài liệu về tiếng nói, chữ viết, văn chương, âm nhạc v.v... đều được giới thiệu đầy đủ.

Nguồn gốc thật sự của dân tộc cũng được trình bày dựa theo những chứng minh lịch sử xác thực hoặc những bằng chứng khoa học của các cuộc thám quật mới nhất của các nhà địa chất nhưng vẫn phù hợp với những huyền thoại xưa được lưu lại. Sự hình thành nước Việt Nam từ thời tiền sử qua các gia đoạn Nam tiến cho đến thời kỳ tiến đến mũi Cà Mau cũng được nhắc nhở.

Nền mỹ thuật Việt Nam cũng được giới thiệu đầy đủ hình ảnh cùng tài liệu phong phú qua một số ngành như kim khí, khắc, chạm, tạc, họa và kiến trúc v.v... Sự trình bày đầy ý thức đã giúp vãng khách tuy nhìn lướt qua các tiêu biểu của ngành mỹ thuật này đã có thể hiểu thấu hiểu được những đặc tính cốt yếu của nền văn hóa Việt Nam.

Khung cảnh phòng triển lãm lại đầy tình tự quê hương khi vãng khách vừa ngắm nhìn các tài liệu vừa thưởng thức các tấu nhạc dồn tranh, dồn cò, độc huyền qua các bản Tú đại cảnh, Nam Ai, Nam Bàng, Lưu Thủy, Long Vân hay cổ bản.... Nếu có khách muốn tìm hiểu sâu đậm hơn về văn hóa Việt Nam ư thì tại một góc phòng một hệ thống Video đang giới thiệu những phong cảnh Việt Nam từ Nam chí Bắc, những điệu múa, vũ cổ truyền của dân tộc, cũng như những lối hát quan họ Bắc Ninh, ca Huế, hò, lý, ngâm thơ...

Những vãng khách Đức rất hài lòng vì được có một khái niệm tốt đẹp về văn hóa của một thành phần dân tộc đến tận cùng ở nước họ. Người Việt Nam sau khi xem triển lãm xong không khỏi sung sướng tự hào rằng Tổ Tiên đã để lại cho mình một cơ đồ vĩ đại, một nền văn hóa huy hoàng.

Tổ chức được một cuộc triển lãm như thế này Hội NVTN Muenster đã đạt được mục đích theo đuổi: ở đâu và bao giờ văn hóa Việt Nam còn sống động trong lòng người Việt Nam thì đất nước Việt Nam còn đó và lúc ấy văn hóa Việt Nam vẫn là nguồn mạch hình thành con người Việt Nam.

**Ngày Quốc Hận 30.4 tại Bá Linh.**

Nhân dịp ngày Quốc hận 30.4.1992. Liên Hội Người VN Tỵ nạn CS tại Cộng Hòa Liên Bang Đức tổ chức một biểu tình tuần hành trên đường phố Berlin và tới trước tòa lãnh sự CSVN tại Đông Bá Linh.

Ban chấp hành Liên hội tha thiết kêu gọi tất cả quý vị đồng hương bỏ chút thời giờ đi tham dự cuộc tuần hành này. Đây là giai đoạn chúng ta cần phải biểu dương thế đấu tranh chống bạo quyền CSVN cho dân chúng địa phương nhận thức được rõ ràng sự có mặt của chúng ta trên quê hương xứ sở họ. Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc :

Võ Hồng Sơn, Wegscheidstr. 34  
6000 Frankfurt am Main 50  
TL. 069/ 54 37 02

**Đại hội toàn thế giới của Hội Đồng Việt Nam Tự Do tại Quốc Hội Hoa Kỳ.**

Một Đại hội toàn thế giới của Hội đồng Việt Nam Tự Do sẽ được tổ chức tại Quốc hội Mỹ vào ngày 27.6.92. Theo Ban tổ chức cho biết buổi đại hội kỳ này có sự tham dự rất đông đảo của cả 2 thành phần người Việt và Mỹ. Được biết hội đồng VNTD do GS Lê Phước Sang làm chủ tịch và tại Âu Châu do GS Đặng Văn Nhâm đại diện. Cũng nên nhắc lại vào cuối tháng 11.1991 một buổi lễ ra mắt ban chấp hành HĐVNTD Âu Châu đã được tổ chức vô cùng trọng thể tại Paris với sự tham dự đông đảo của nhiều đại diện Đảng, Đoàn, cùng các nhân sĩ uy tín ở nhiều nước Âu Châu. Giáo sư Đặng Văn Nhâm đã trình diện ban chấp hành và ban cố vấn cùng hội đồng bảo trợ vô cùng hùng hậu. Trong lần tham dự đại hội thế giới này, một phái đoàn đông đảo của Âu Châu tham dự. Ngoài ra GS Nhâm thay mặt Ban tổ chức đại hội cũng gửi lời mời tới tất cả quý thân hào nhân sĩ ở Âu Châu cùng tham dự đại hội thế giới này. Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc tại Ban chấp hành của mỗi quốc gia hoặc văn phòng liên lạc Âu Châu: Ông Lê Minh Triết, 62 rue de la Rochefoucault 75.009 Paris. TL. 42.80.85.72.

**Đại hội VNQĐĐ Âu Châu tại Đức Quốc.**

Vào ngày 15.2.1992 đại hội VNQĐĐ đã được tổ chức tại tiểu bang California Hoa Kỳ. Một hội đồng chỉ đạo và ban chấp hành trung ương mới đã được các đại biểu bầu. Cũng trong tinh thần thống nhất đảng tại hải ngoại, do đại hội đồng đảng trên đề ra. Tại Âu Châu GS Đặng Văn Nhâm Phó chủ tịch đảng vụ Hội đồng chỉ đạo trung ương, đã nỗ lực hoạt động trong thời gian vừa qua, để đẩy mạnh công việc thống nhất các phe phái trong đảng. Vào cuối tháng 4.1992 tại Đức một đại hội Việt quốc Âu Châu sẽ được triệu tập. Theo như tin tức được biết đại hội lần này ở Âu Châu sẽ là một khởi mốc vô cùng quan trọng cho sự thống nhất các phe cánh trong đảng, đã bị phân hóa từ nhiều năm qua. Cũng theo tin tức

từ các anh em Việt quốc cho biết do uy tín cùng khả năng và thiện chí của GS Đặng Văn Nhâm nên tất cả anh em Việt quốc ở Âu Châu đã xóa bỏ mọi nghi ngờ, đổ kỵ bắt tay ngồi lại cùng nhau, đặt tinh thần Việt quốc lên trên mọi mặc cảm tị hiềm. Lấy lửa Yên Bái làm đuốc soi đường cùng tiến lên quyết giải phóng quê hương và hưng đảng. Đại hội VNQĐĐ Âu Châu lần này sẽ mang một sắc thái mới và cũng mở đầu một giai đoạn công khai hóa hoạt động của đảng. Ngoài ra đại hội cũng sẽ bầu một Ban chấp hành mới cho đảng bộ Âu Châu, hầu trẻ trung hóa và hữu hiệu hóa các công tác trong thời gian đấu tranh cam go hiện nay với bạo quyền CS.

**Đại tá Võ Đại Tôn tới Mỹ 30.4.92.**

Sau một thời gian tĩnh dưỡng Đại tá Võ Đại Tôn sẽ sang Hoa Kỳ vào ngày 30.4.92 để vận động quần chúng Việt Nam tại hải ngoại nỗ lực hơn nữa trong công cuộc đấu tranh lật đổ bạo quyền CS. Tại Hoa Kỳ ông sẽ đến vùng Bắc và Nam California sau đó Texas và vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Được biết chuyến du thuyết của ông do Phong trào Thanh niên Sinh viên VN hải ngoại đứng ra mời. Như chúng ta biết Đại tá Võ Đại Tôn sau nhiều năm tháng bị tù đày, tra tấn, sau khi ông từ hải ngoại tìm đường trở lại quốc nội và bị sa lưới CS tại vùng Hạ Lào. Cuối năm ngoái do áp lực mạnh mẽ của quốc tế nhất là chính phủ Úc, bạo quyền CSVN đã phải phóng thích và cho ông đoàn tụ gia đình tại Úc. Người ta hy vọng chuyến du thuyết Bắc Mỹ và có thể cả Âu Châu lần này sẽ tạo một sinh khí mới cho phong trào đấu tranh ở hải ngoại có lẽ Đại tá Tôn sẽ nói rõ cho những tên trí thức sống trong tháp ngà ở Âu Châu biết thế nào là phương thức hữu hiệu nhất để đấu tranh với người CS. Còn phương thức hô hào suông từ hải ngoại kêu gọi dân chúng trong nước biểu tình, tụ họp, còn hải ngoại đi tiêu lòn với CS để xin xỏ, lạy van xin xoi thịt. Trò này chỉ làm tập đoàn CS khinh bỉ mà thôi. Nếu như không đó là một trò đạo diễn của bạo quyền, thì làm dân chúng quốc nội hết còn tin tưởng vào các tổ chức đấu tranh ở hải ngoại và xuôi tay an phận chấp nhận sự đè ép của CS.

Số: 09/HPTVNTNTĐ

PL.2535, Hannover ngày 03 tháng 3 năm 1992

**Kính gửi :** Quý Đạo Hữu Chi Hội Trưởng Chi Hội PTVNTN tại các địa phương.  
**Trích yếu :** V/v Xác định đường lối và lập trường của Hội Phật Tử Việt Nam Tỳ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Kính thưa Quý Đạo Hữu,  
Trong những ngày gần đây, có nhiều Đạo Hữu đã gửi thư hoặc gọi điện thoại cho chúng tôi để hỏi về đường lối hoạt động và lập trường của Hội PTVNTN tại Đức trong giai đoạn hiện tại khi bức tường Bá Linh bị đập vỡ gây ra sự sụp đổ hoàn toàn các nước cộng sản Đông Âu làm cho "thành trì của Tổ Quốc XHCN" kiên cố tưởng như không bao giờ bị lung lay thì nay cũng bị tan rã ra từng mảnh, bị xóa tên trên bản đồ thế giới đó là nước Cộng Hòa Xã Hội Liên Bang Xô Viết; cái nôi của Cộng Sản.

Các biến cố lịch sử trọng đại này gây ảnh hưởng sâu đậm đến chính quyền các nước còn đang cố bám một cách tuyệt vọng chủ nghĩa vô sản hóa đất nước, bản cùng hóa nhân dân trong đó có Việt Nam.

Hôm nay, thay mặt Hội PTVNTN chúng tôi gửi văn thư này đến quý Đạo Hữu để nói rõ đường lối hoạt động và lập trường của Hội trong hiện tại và tương lai như sau:

Hội PTVNTN tại Đức luôn luôn sẵn sàng hy sinh cho DÂN TỘC tức là cho chính nghĩa QUỐC GIA và ĐẠO PHÁP. Vì chúng tôi quan niệm rằng DÂN TỘC còn thì ĐẠO PHÁP còn. DÂN TỘC bị chính quyền cộng sản vô thần thống trị như ở Việt Nam hiện nay thì ĐẠO PHÁP bị triệt tiêu, chùa chiền bị phá hủy, Tăng Ni, Tín Đồ Phật Giáo bị thủ tiêu, bắt bớ, giam cầm v.v... Do đó chúng tôi xác định rằng:

### **ĐỐI VỚI CỘNG SẢN VIỆT NAM**

- Không chấp nhận hòa hợp hòa giải với chính quyền cộng sản khi mà họ còn độc quyền cai trị đất nước với chính sách Đảng lãnh đạo Nhà Nước quản lý. Vì Đảng và Nhà Nước tuy hai nhưng chỉ là một ! Nếu hòa hợp với họ là cố ý tiếp tay với bạo lực để có thêm phương tiện đàn áp và bóc lột nhân dân.
- Không chấp nhận cái gọi là Dân Chủ Đa Nguyên trong một chính quyền cộng sản độc tài đảng trị. Vì sao? Vì Dân Chủ đối nghịch với Độc Tài. Dân Chủ là ánh sáng, Độc Tài là bóng tối. Ánh sáng bừng lên thì bóng tối phải bị xóa tan. Do đó không thể nào có Dân Chủ hay Dân Chủ Đa Nguyên khi mà chính quyền CSVN chưa từ bỏ dứt khoát chính sách Đảng lãnh đạo Nhà Nước quản lý tức là còn độc tài đảng trị.
- Sẵn sàng ủng hộ và tích cực tham gia với các Hội Đoàn, Tổ Chức bạn khắp mọi nơi trong công cuộc đấu tranh loại bỏ chính quyền CSVN độc tài đảng trị để đem lại cho đất nước TỰ DO - DÂN CHỦ, cho người dân **ÂM NO - HẠNH PHÚC**.

### **VỀ ĐẠO PHÁP**

Hội Phật Tử VNTN đặt dưới sự lãnh đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất - Chi Bộ Phật Giáo Đức Quốc có bốn phận:

- Hộ trì TAM BẢO, có nghĩa là phải sống và hành theo lời Phật dạy, nhờ đó mới có thể hỗ trợ được Giáo Hội và chư Tăng Ni, cũng như gìn giữ "MÁI CHÙA" vì đó là nơi "CHE CHỖ HỒN DÂN TỘC" và nơi ấy cũng là phương tiện cho sứ mạng truyền đăng Giáo Pháp, hóa độ chúng sanh.
- Phối hợp với Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử hướng dẫn và nhắc nhở các Chi Hội Phật Tử xúc tiến việc thành lập và phát triển các GDPT tại địa phương để học hỏi Phật Pháp, trau dồi đạo đức và động viên tinh thần các đoàn sinh cố gắng học hành, tiếp thu những khoa học kỹ thuật hiện đại hầu một ngày không xa sẽ đem tài năng ra phục vụ cho DÂN TỘC tức là cho ĐẠO PHÁP vậy.
- Tận dụng triệt để mọi khả năng và phương tiện của Hội trong việc bảo tồn và phát huy VĂN HÓA DÂN TỘC ở xứ người, đó cũng là một trọng trách và bổn phận đối với DÂN TỘC cho công cuộc phục quốc và kiến quốc. Vì sao? Vì mỗi người Việt chúng ta là một thành phần của DÂN TỘC mà cũng là một phần hồn của DÂN TỘC, nên chúng ta phải giữ gìn và phát huy cái quốc hồn quốc túy ấy để mai này chúng ta sẽ không phải là những người ngoại quốc hay một đoàn quân viễn chinh trở về phục quốc và kiến quốc trên một dải đất tuy là quê hương nhưng vẫn còn xa lạ !

Kính xin Quý Đạo Hữu cho phổ biến rộng rãi văn thư này trong các buổi sinh hoạt Phật sự, để đồng bào Phật Tử hiểu rõ đường lối và lập trường của Hội trong bối cảnh lịch sử thế giới đang thay đổi quan trọng hiện nay. Nguyễn cầu hồng ân TAM BẢO gia hộ cho tất cả quý Đạo Hữu cùng gia đình thân tâm an lạc, Phật sự viên thành.

### **NAM MÔ THƯỜNG TÍNH TẮN BỒ TÁT MA HA TÁT.**

t.m. Hội Phật Tử Việt Nam Tỳ Nạn tại CHLB Đức  
Thị Tâm **NGÔ VĂN PHÁT**, Hội Trưởng  
(đóng dấu và ký tên)

Bản sao kính gửi:

- Chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni trong Chi Bộ Phật Giáo Tây Đức "Để kính tường"
- Quý Đạo Hữu trong Ban Chấp Hành Hội PTVNTN tại Đức.
- Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPTVN để tường
- Hồ sơ lưu



## Biên bản đúc kết việc thành lập

### "Ủy Ban Điều Hợp Thành Lập Ban Tổ Chức

### Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ"

Thời gian: Ngày 20, 21 tháng 03 năm 1992

Địa điểm: Giảng đường Phật Học Viện Quốc Tế

Hiện diện: 15 vị (Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức theo danh sách đính kèm)

Chủ tọa: Hòa Thượng Thích Hộ Giác

Kiểm soát đoàn: T.T. Thích Thắng Hoan, T.T. Thích Thiện Trì

Thư ký đoàn: T.T. Thích Viên Lý, Đ.Đ. Thích Hạnh Tuấn

Sau hai ngày tích cực làm việc trong tinh thần tương kính, tương thuận. Cuộc họp đã đạt được các kết quả như sau:

1) Khâm thừa, quyết tâm thực hiện nghiêm chỉnh tinh thần bức Thông Điện ngày 31.10.1991 của Viện Tăng Thống G.H.P.G.V.N.T.N.

2) Thành lập Ủy Ban với danh xưng là: "Ủy Ban Điều Hợp Thành Lập Ban Tổ Chức Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ".

3) Thành phần nhân sự của Ủy Ban Điều Hợp này gồm có:

Trưởng ban: Hòa Thượng Thích Hộ Giác

Phó trưởng ban: Thượng Tọa Thích Chánh Lạc

Thượng Tọa Thích Thắng Hoan

Thượng Tọa Thích Đức Niệm

Thượng Tọa Thích Thiện Trì

Thư ký: Thượng Tọa Thích Viên Lý

Phó thư ký: Đại Đức Thích Minh Dung

Thủ quỹ: Thượng Tọa Thích Giác Lương

Ủy viên thông tin liên lạc: Thượng Tọa Thích Minh Đạt

Thượng Tọa Thích Nguyên Trí

Đại Đức Thích Hạnh Tuấn

4) Tất cả chư Tăng hiện diện trong cuộc họp và những vị vắng mặt như T.T. Thích Pháp Nhân, T.T. Thích Trí Hiền, T.T. Thích Tịnh Từ đều là thành viên của Ủy Ban Điều Hợp này.

5) Ủy Ban Điều Hợp sẽ giải tán sau khi Ban Tổ Chức Đại Hội

Thống Nhất P.G.V.N. tại Hoa Kỳ đã được thành lập.

6) Cuộc họp để bầu Ban Tổ Chức Đại Hội Thống Nhất P.G.V.N. tại Hoa Kỳ sẽ được triệu tập vào ngày 17 và 18 tháng 04 năm 1992 tại Phật Học Viện Quốc Tế thuộc miền Nam California.

7) Hòa Thượng Thích Hộ Giác thay mặt cho Ủy Ban Điều Hợp sẽ gửi thư mời đến chư tôn đức đang hành đạo và tu học tại Hoa Kỳ để triệu tập cuộc họp nói trên.

8) Danh xưng của tổ chức Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ dự định sẽ là: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Chi Bộ Hoa Kỳ. Viết tắt là: G.H.P.G.V.N.T.N. C.B.H.K. Hệ thống tổ chức của Chi Bộ gồm 2 Hội đồng:

a) Hội Đồng Chứng Minh Chí Đạo

b) Hội Đồng điều Hành

9) Danh xưng của Giáo Hội Trung Ương là Chi Bộ. Danh

xưng của tiểu bang là Phân Bộ. Đơn vị cuối cùng là Hội. Tùy theo địa dư và dân số, Chi Bộ sẽ được phân chia thành nhiều miền như Vạn Hạnh, Khuông Việt, Quảng Đức v.v... Trong khi chờ đợi sự quyết định phê chuẩn của Hội Đồng Tăng Thống Viện

G.H.P.G.V.N.T.N. tại quê nhà, Chi Bộ tại Hoa Kỳ sẽ ban hành một quy chế sinh hoạt tạm thời sau khi được Đại Hội Đồng Thống Nhất thông qua.

10) Hòa Thượng Trưởng Ban Ủy Ban Điều Hợp có nhiệm vụ đánh điện thư (FAX) đệ trình Đức Đại Lão Hòa Thượng, Chánh Thư Ký Xử Lý Viện Tăng Thống Việt Nam.

Cuộc họp đã kết thúc trong bầu không khí thông cảm hòa hợp với đầy tin tưởng và nhiều hứa hẹn.

Chủ Tọa

H.T. Thích Hộ Giác (đã ký)

Kiểm Soát Đoàn

T.T. Thích Thắng Hoan (đã ký)

T.T. Thích Thiện Trì (đã ký)

Thư Ký đoàn

T.T. Thích Viên Lý (đã ký)

Đ.Đ. Thích Hạnh Tuấn (đã ký)

## Tin Phật Sự

### Phật Giáo và nền hòa bình

Ngày 3 tháng 3 năm 1992 tổ chức tại Freiermaueri tại Hannover đã thực hiện 3 giờ thuyết trình về đề tài Buddhismus und Friedenstoleranz do T.T. Thích Như Điển và Chú Thiện Tín đảm nhiệm. Qua sự giới thiệu của ông Dr. Meihorst, là ân nhân của chùa Viên Giác, nên T.T. Thích Như Điển đã đến đây. Những thỉnh giả hầu hết là những vị trí thức và những người có nhiều tôn giáo khác nhau. Sau buổi thuyết trình là giờ trả lời những thắc mắc với cử tọa về những vấn đề liên quan đến Phật Giáo. Tham dự buổi thuyết trình hôm ấy có chừng khoảng 50 người Đức.

### Người Đức và thiền học.

Đạo Phật đã có mặt tại Âu Châu gần 100 năm nay; nhưng hầu hết người Đức chỉ biết đến Thiền

nhều hơn là những tông phái khác của Phật Giáo. Để tìm hiểu sâu xa hơn về Đạo Phật, nên vào ngày 7.3.92, ông Dr. Ficker và nhiều sinh viên, nghiên cứu sinh người Đức ở nhiều nơi trên miền Bắc Đức đã về chùa tham gia thiền tọa và nêu lên nhiều câu hỏi về Đạo Phật. Thượng Tọa Thích Như Điển và chú Thiện Tín đã khéo léo trả lời hết mọi câu hỏi đã được đặt ra. Có khoảng 30 người tham dự buổi tọa thiền và văn đạo này.

Ngày 9 và ngày 10.3.1992 cũng đã có 2 lớp học sinh Trung học Đức đến chùa tọa thiền, học Phật và dùng cơm chay đạm bạc tại chùa. Đây là những cơ hội nhằm trao đổi văn hóa của Phật Giáo với văn hóa Đức và mang giáo lý từ bi nhiệm màu của Đạo Phật đến với tất cả mọi người.

### Một chuyến Đông Du

Nhằm trao đổi văn hóa giữa Phật Giáo Đại Hàn và Phật Giáo Việt Nam, nên từ ngày 17.3 đến 1.04 năm 1992 vừa qua, suốt 2 tuần lễ, T.T. Thích Như Điển đã cùng với Đại Đức người Đại Hàn Byong Oh hiện ở tại NPĐ Linh Thửu Berlin đến thăm những nơi quan trọng của Phật Giáo tại đó.

Mục đích chính của chuyến đi này là thăm các Đại Học Phật Giáo và các tự viện nơi đây. T.T. và Đ.Đ. đã thăm cũng như nói chuyện tại các Đại học Tăng già Phật giáo Tong Do Sa (thuộc chùa Thông Độ) Hei In Sa (thuộc chùa Hải Ấn) Un Mon (Văn Môn Đại học thuộc Ni bộ) và Trung ương Tăng già Đại học tại thủ đô Seoul. Tại mỗi Đại học, Thượng tọa đã nói về sự hiện diện của Phật Giáo tại Âu Châu cũng như mối tương quan giữa Phật giáo Việt Nam cũng như Phật giáo Đại Hàn bằng tiếng Nhật, tiếng Đức và tiếng Anh.

Nhân dịp này T.T. đã đến thăm và ủy lạo cũng như nói chuyện với đồng bào Việt Nam hiện đang ở tại trại tỵ nạn Pusan, cách thủ đô Đại Hàn về phía Nam chừng 300 km. T.T. và Đ.Đ. sau 1 giờ nói chuyện với đồng bào đã gói tặng lại cho Ban đại diện trại 180.000

Won (tiền Đại Hàn) để chi tiêu cho những lễ lộc trong năm. Ngoài ra, để tưởng nhớ đến những chiến sĩ đồng minh đã hy sinh cho một Việt Nam tự do trước 1975, nên T.T. và Đ.Đ. đã đến từng ngôi mộ người lính Đại Hàn đã tử trận tại Việt Nam để cắm bông và cầu nguyện.

Cũng trong dịp này tờ báo lớn của Phật Giáo Đại Hàn tên là Pháp Bảo và Radio BBS cũng đã phỏng vấn Thượng Tọa bằng tiếng Nhật cũng như tiếng Anh và truyền đi vào ngày 30.3.1992 vừa qua.

Đây là một chuyến đi có nhiều thành quả và hy vọng trong tương



Radio BBS phỏng vấn



Nói chuyện với đồng bào VN tỵ nạn tại Pusan Đại Hàn vào ngày 20. 03. 92



Thăm mộ chiến sĩ Đại Hàn đã hy sinh cho Vn tự do trước 1975



lại sự liên hệ giữa Phật Giáo Đại Hàn và Phật Giáo Việt Nam ngày càng chặt chẽ hơn.

**Chi Hội Phật Tử VNTN tại Fuerth - Erlangen và Nuernberg.**

Vào ngày 11 và 12.04 vừa qua, Chi hội PTVNTN tại 3 vùng trên đã tổ chức một buổi lễ Phật định kỳ cũng như thọ bát quan trai.

Gia đình P.T Chánh Dũng đã hỗ trợ đắc lực cho Chi hội trong thời gian qua và nhân dịp này P.T Thiện Nguyễn Lý Hùng Sơn cũng đã tổ chức lễ cưới theo truyền thống Phật Giáo dưới sự chứng minh của T.T. Thích Như Điển.

Có rất đông Phật tử tham dự trong những lễ này.

**Trier và VPC**

Vào lúc 10 giờ ngày 14.3.1992 tại Sankt Helenastr.2 - 5000 Trier, Chi hội PTVNTN Trier và vùng phụ cận đã tổ chức buổi lễ Phật cho các Đạo hữu, Phật tử quanh vùng. Mặc dầu buổi lễ nhằm vào ngày thứ bảy, nhiều bà con bận đi làm, ngót 100 Đạo hữu, Phật tử đã đến dự buổi lễ Phật định kỳ.

Bắt đầu buổi lễ, GDPT đã làm thành hàng rào danh dự cung nghinh T.T. Thích Như Điển chủ tọa buổi lễ. Các em đã chào

mừng Thầy bằng các bài hát "Kính mến Thầy" và "Trầm Hương Đốt".

Sau khi lễ Phật, Thầy đã dành gần 2 giờ đồng hồ thuyết giảng đạo pháp, đồng thời Thầy đã giải đáp các câu hỏi của một số đạo hữu, Phật tử. Không khí buổi họp mặt thật vui vẻ đầm ấm. Các đạo hữu rất hài lòng sau lời giảng giải của Thượng Tọa.

Kết thúc buổi lễ Phật và thuyết pháp, Thầy cùng các Đạo hữu Phật tử đã thân mật ngộ trai, bữa cơm do ban trai soạn của Chi hội thực hiện. Buổi lễ Phật định kỳ hoàn mãn vào lúc 15 giờ cùng ngày.

(Thiện Lương ghi)

**Tại chùa Viên Giác**

Mỗi tối 14 và 30 âm lịch vào lúc 20 giờ tại chùa Viên Giác đều có lễ sám hối định kỳ, cũng như mỗi tháng vào chủ nhật thứ nhất và chủ nhật thứ ba, từ 10 giờ sáng có GDPT Tâm Minh sinh hoạt và 11 giờ sáng là khóa lễ Phật định kỳ. Quý Đạo hữu và quý Phật tử trong Chi hội Hannover thường tham gia đông đủ. Quý Phật tử ở xa cũng có thể về chùa Viên Giác tham dự những lễ đã nêu trên.

**An Cư kiết hạ**

Ngày 18.05.1992 (tức 16 tháng 4 âm lịch) như thông lệ hằng năm chùa Viên Giác sẽ tổ chức An cư kiết hạ cho chư Tăng Ni tại trụ xứ. Hằng ngày sẽ có 4 thời công phu lễ bái và thiền tọa trong vòng 3 tháng. Sáng 6 giờ công phu tọa thiền cho đến 7 giờ. Trưa 11 giờ quá đường kinh hành. Chiều 17 giờ Thí thực cô hồn. Tối 20 giờ lễ Pháp Hoa nhứt tộ nhứt bái (mỗi chữ một tạy). Quý Phật tử ở xa muốn về tông hạ tu học đều có thể thực hiện, từ 1 ngày cho đến nhiều ngày. Vì năm nay phòng ốc tương đối đầy đủ.

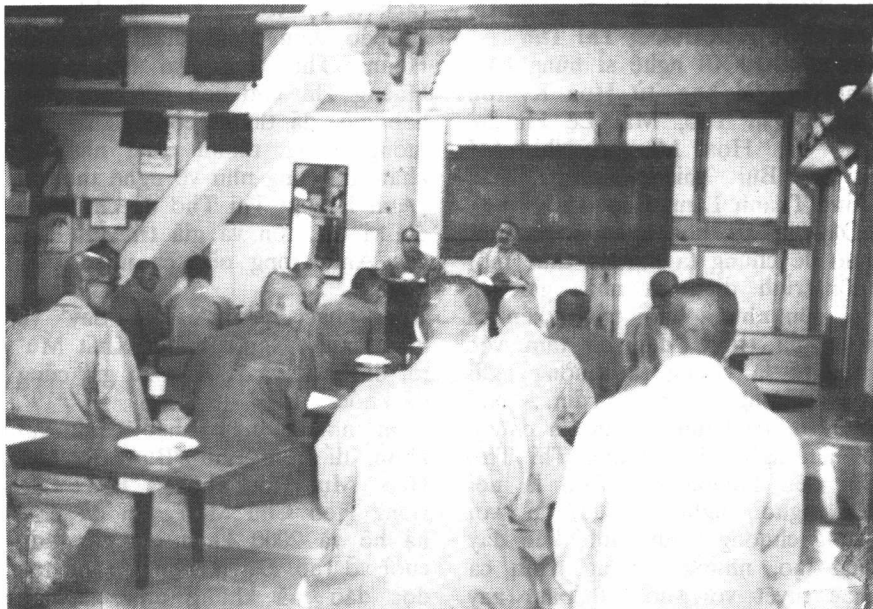
**Khóa giáo lý Âu Châu**

Khóa giáo lý Âu Châu năm nay sẽ được tổ chức tại Bern, Thụy Sĩ từ ngày 25/7 đến 2/8/92. Có 2 lớp căn bản và chuyên khoa. Ngoài ra một lớp huấn luyện cho các Huynh trưởng các GDPT tại Âu Châu cũng sẽ được lồng vào trong kỳ học này. Quý vị nào muốn tham gia, xin lấy phép nghỉ trước. Mọi chi tiết xin liên lạc về chùa Khánh Anh tại Pháp, Viên Giác tại Đức, hoặc các chùa tại Âu Châu.

**Lễ Vu Lan chùa Viên Giác**

Lễ Vu Lan năm nay sẽ được tổ chức từ ngày 14 - 16 tháng 8 năm

**Viên Giác 68 - 89**



Nói chuyện với Sinh Viên Tăng tại Đại Học Tăng Già Tong Do Sa



Chi Hội Saarland

1992. Kính mong quý vị về chùa tham gia đông đủ nhân mùa Vu Lan báo hiếu này.

**Tin về lễ cầu an cho Đức Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu tại Phật Học Viện Quốc Tế Hoa Kỳ.**

Sau khi tiếp nhận điện thư (Fax) của Tăng chúng từ Tổ đình chùa Linh Mục, Huế (Việt Nam) thông báo cho biết Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Chánh thư ký, Xử lý Viện Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà đang lâm trọng bệnh; nhân dịp về Los Angeles hội họp thảo luận về việc kết hợp thống nhất các tổ chức Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, toàn thể chư Tăng đã long trọng cử hành khóa lễ cầu an cho Đức Đại Lão Hòa Thượng tại Phật Học Viện Quốc Tế, 9250 Columbus Ave., Sepulveda, CA, vào lúc 11 giờ sáng thứ bảy, ngày 21.03.1992 vừa qua. Hiện diện trong buổi lễ có gần 200 chư Đại đức tăng: H.T. Thích Hộ Giác, T.T. Thích Đức Niệm, T.T. Thích Trí Chơn, T.T. Thích Chánh Lạc, T.T. Thích Thiện Trì, T.T. Thích Thăng Hoan, T.T. Thích Tín Nghĩa, T.T. Thích Minh Đạt, T.T. Thích Giác Lượng. v.v... và rất đông đồng bào Phật tử xa gần khắp nơi. Nhân dịp này, Phật Học Viện Quốc Tế đã trang nghiêm tổ chức lễ cúng dường trai tăng và T.T. Thích Trí Chơn, đại diện cho hàng đệ tử xuất gia và tại gia của Hòa Thượng tại Hoa Kỳ, đã đứng ra tác bạch, đánh lễ ngưỡng mong chư Đại Tăng thành tâm chú nguyện, hồi hướng công đức, cầu Tam Bảo gia hộ cho sức khỏe của Hòa Thượng sớm được bình phục. Buổi lễ kết thúc vào lúc 1 giờ trưa cùng ngày. Liên sau đó, được tin từ quê nhà cho biết sức khỏe của Đức Đại Lão Hòa Thượng dần dần hồi phục, trong niềm vui chung đầy tin tưởng của chư Tăng và tín đồ Phật tử hiện diện vào tương lai gần được nhìn thấy sự hòa hợp, thống nhất thực sự của các tổ chức Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

#### Tin đã kiểm chứng

Cộng Sản đã trả H.T Quảng Độ về Sài Gòn 10 ngày rồi - Bình an. (Vừa phone về Ấn Quang kiểm chứng lại đúng 100%). H.T. Huyền Quang cũng sắp được trả về - (Thích Quảng Ba)

## THÔNG BÁO

**Văn nghệ Phật Đản 2536 tại Hannover**

Năm nay chùa Viên Giác tại Hannover đã cùng với các chùa tại Âu Châu tổ chức những đêm văn nghệ Phật Đản do đoàn văn nghệ của nghệ sĩ Hoàng Thi Thơ đến từ Hoa Kỳ trình diễn. Thành phần nghệ sĩ được liệt kê bên dưới. Đêm văn nghệ sẽ được tổ chức vào lúc 19 giờ ngày 23 tháng 5 năm 1992 (thứ bảy) và ngày hôm sau là Lễ Phật Đản. Giá vé đồng hạng là 20DM. Quý vị nào muốn có chỗ ngồi tốt, xin liên lạc về chùa để có vé.

Sau 17 năm xa xứ, lần đầu tiên tại **Đại Nhạc Hội Hoàng Thi Thơ**

Thành phần 10 nghệ sĩ hùng hậu, tên tuổi, tài hoa, từ Hoa Kỳ tới: Hoàng Thi Thơ, Mai Lệ Huyền, Sơn Ca, Họa Mĩ, Ý Nhi, Mỹ Huyền, Bùi Thiện, Kenny Thái, Dũng Thanh Lâm, Bảo An

Đây là cơ hội ngàn năm một thuở để chúng ta thưởng thức một buổi trình diễn ca nhạc giá trị. Nói đến những buổi trình diễn ca nhạc giá trị vĩ đại, có tầm vóc quốc tế là chúng ta thường nghĩ đến chương trình Maxim... Nói đến chương trình Maxim là chúng ta liền nghĩ đến Hoàng Thi Thơ. Nói đến Hoàng Thi Thơ là nói đến người nghệ sĩ đa tài với những chương trình trình diễn đầy sáng tạo, những chương trình ca nhạc tuyệt vời suốt 30 năm nay cũng như hiện tại, đã lôi cuốn mọi tầng lớp khán giả già cũng như trẻ, trí thức cũng như bình dân, những Show ca nhạc hay nhất, nghệ thuật nhất, ý nghĩa nhất, quê hương nhất, mới lạ và sống động nhất mà chúng ta không thể nào bỏ qua....

Xem Đại Nhạc Hội Hoàng Thi Thơ cho kỳ được, để:

- Giải trí một cách ý nghĩa và nghệ thuật
- Chứng kiến nền văn hóa dân tộc phong phú
- Rung động với hình ảnh quê hương tuyệt vời.
- Khóc và cười với những kỷ niệm và tình tự quê hương sống mãi trong lòng chúng ta....
- Ý kiến báo chí về Show Hoàng Thi Thơ

Báo Saigon Time, California, USA số 124

"Bây giờ chúng ta mới hiểu tại sao khán giả thêm khát những chương trình ca nhạc Hoàng Thi Thơ. Một Show Hoàng Thi Thơ bằng 10 Show khác. Xem Show

khác chúng ta chỉ được xem ca, chỉ được nghe năm ba ca sĩ thay phiên nhau hát. Nhưng khi xem Show Hoàng Thi Thơ chúng ta được thưởng thức tất cả, dù thứ: ca, vũ, nhạc, hài hước, nhạc cảnh, nhạc kịch v.v... Mà tất cả đều rất nghệ thuật, rất mới lạ, rất sống động, lại còn rất quê hương. Phải công nhận chương trình Hoàng Thi Thơ là chương trình ca nhạc hay nhất từ xưa đến nay. Và Hoàng Thi Thơ là người nghệ sĩ tài hoa và đa năng nhất của nền ca nhạc Việt Nam chúng ta."

Báo Kịch ảnh, California, USA số 79 viết: "Đại Nhạc Hội Hoàng Thi Thơ vừa mới được tổ chức một cách vĩ đại với uy tín lẫy lừng và sự bảo đảm nghệ thuật của anh Hoàng Thi Thơ. Đại Nhạc Hội Hoàng Thi Thơ bao giờ cũng như bao giờ, đã thành công ngoài sức tưởng tượng, thành công nhất về khán giả cũng như về nghệ thuật.

Anh Hoàng Thi Thơ đã chúng tôi địa vị độc tôn và giá trị vĩnh cửu của Anh trong nền ca nhạc Việt Nam.

Xem nhạc kịch "Á Đào Say" và nhạc cảnh "Người Hành Khất Mù" tôi đã khóc và 2000 khán giả cũng đã khóc.

Xem những màn nhạc cảnh vui nhộn, dí dỏm như "Bún Bò Giò Heo Mụ Rớt" hoặc "Phá Lấu Lòng Heo Chú Méo", tôi đã cười hả hê và 2000 khán giả cũng đã cười vỡ rạp. Đó là những sáng tạo độc đáo mà không nghệ sĩ nào khác có thể làm được. Đó là kho tàng giá trị của văn hóa Việt Nam.

Chương trình Đại Nhạc Hội Hoàng Thi Thơ hay ho và hấp dẫn như vậy, nếu không xem được, quả là một thiệt thòi lớn cho người Việt chúng ta..."



### Giới thiệu

\* Tác phẩm có giá trị của Giáo sư - Nhà Văn VŨ KỶ

**ẤN TƯỢNG MỘT THỜI**

Những mẫu chứng tích thoáng qua các ấn tượng độc đáo, một bút pháp chọn lọc mà nhà văn nghệ sĩ VN hiện tại tự nguyện đóng góp vào bia đá nghìn thu của tội ác thời đại. Nhà Xuất Bản Hưng Đạo, Florida, Hoa Kỳ ấn hành, giá 12MK. Muốn mua, xin liên lạc Bà Nguyễn Thị Hạnh, 502 Ave, de la Couronne, 1050 Bruxelles - Belgium, Tel. 02/640 85 38 hoặc Cô Vũ Tường Vân, 1237 Culpeper



pet Dr., San José, CA 95121 USA,  
Tel. & Fax. (408) 286 2569

### \* Nữ Nghệ sĩ BÍCH THUẬN

Cựu giáo sư Trường Quốc Gia Âm  
Nhạc & Kịch Nghệ Saigon

Cho những ai muốn theo học :

- Lớp ngâm thơ, kịch thơ và cải  
lương, do nghệ sĩ BÍCH THUẬN,  
cựu Giáo sư trường Quốc Gia Âm  
Nhạc & Kịch Nghệ Saigon đảm  
trách

Chương trình học gồm có:

- Lớp ngâm thơ: Thơ cổ - Thơ Tao  
Đàn - Kiều lấy - Tàn Cung Oán -  
Ru em - Bồng Mạc - Sa mạc - Hát  
Ả Đào - Trống quân - Hát Săm -  
Quan họ Bắc ninh - Cờ lá v.v..  
- Lớp trình diễn sân khấu: Cải  
lương - Kịch thơ - Thoại kịch  
- Lớp vũ: Múa kiếm - Múa quạt -  
Múa lụa

Tư gia Giáo sư Bích Thuận  
33, rue Saint-Blaise, Điện thoại:  
(1) 43.67.89.66, 75020 Paris  
(Métro: Maraichers)

### NHẮN TIN

\* Em Phạm Tuấn Huy sanh ngày  
23.06.1968 từ LX qua Ba Lan, sau  
đó qua Đức vào tháng 9/1991  
Hiện nay ở đâu xin liên lạc về  
Trương Thị Thanh Tùng - Curd  
Juergen Str.6 - 8000 Muenchen  
83. Gia đình VN rất trông tin.

\* Tim Châu Hoàng Bình, đi du  
học tại Đông Đức tháng 11/1988,  
con bà Nguyễn Thị Nhu ở 7B Phố  
235 Quận Hai Bà Trưng Hà Nội,  
trốn sang Tây Đức, nay ở đâu liên  
lạc gấp với Bác là ông Nguyễn  
Quang Hán - 6727 Tooney Drive -  
Orelans - Ontario K12-6R2 -  
CANADA, Tel. 001613 - 830-9386

\* Hai Cháu Trần Thị Mỹ Ngọc &  
Trần Tuấn trong năm 1988 ở  
chung với cậu mợ và các cháu tại  
Dodge City 67801 - USA. Nay ở  
đâu liên lạc với Chú Trần Duyên -  
Tromsoer Str. 6 - 1000 Berlin 65 -  
W. GERMANY - Hoặc có ai biết  
xin mách giùm cám ơn.

\* Đặng Văn Ninh, vợ Nguyễn Thị  
Phương sang Đức tháng 10/1991  
(từ Tiệp Khắc qua). Nay ở đâu  
liên hệ ngay cho chị Đào Thị Lan,  
Marklohe-Oyler-Str.8, 3072 Nien-  
burg, Đức

\* Con là Chu Thị Vân Hằng quả  
phụ của Lê Tấn Lộc cùng 3 cháu  
trai Lê Thanh Tâm, Lê Thanh  
Liêm, Lê Thanh Long, ở số nhà  
159 Nguyễn Văn Thủ (Tự Đức cũ)  
Phường Đa Kao, Quận I, T.P Hồ  
Chí Minh VN. Rất mong muốn  
được tin tức của : Hai Cụ Louis-  
Hun-Bon-Hoa-Thứ 15-Chú-Hỏa

## Chúc Mừng

Được tin Anh Chị Lương Hiền Sanh làm lễ thành hôn cho

Thứ Nam LƯƠNG HIỀN NHƠN

cùng Cô LƯƠNG THỊ BÍCH THUẬN

Thứ nữ của Ông Bà Lương Đình Sơn tại Thụy Sĩ

Hôn lễ đã cử hành ngày 11.04.1992 tại Đức.

Chúng tôi xin chung vui cùng hai họ và chúc hai cháu TRÂM  
NĂM HẠNH PHÚC

Ban Biên Tập Báo Viên Giác

## Chúc Mừng

Được tin Ông Bà Lý Ngọc Sanh làm lễ thành hôn cho

Thứ nam Lý Hùng Sơn

với cô Nguyễn Kim Ngọc

Thứ nữ của Ông Bà Nguyễn Văn Lượm.

Hôn lễ đã cử hành ngày 11.04.1992 tại Đức.

Chúng tôi xin chung vui cùng hai họ và chúc hai đạo hữu  
HÙNG SƠN & KIM NGỌC trăm năm hạnh phúc.

- Hội Phật Tử VNTN tại CHLB Đức và các Chi Hội tại địa phương.

- Ban Hướng Dẫn GDPTVN tại Đức Quốc và các GDPT tại địa phương

## Chúc Mừng

Được tin Ông Bà Đào Trọng Hiếu làm lễ thành hôn cho

Thứ nữ Đào Quỳnh Hoa

với Volker Schoelles

Trưởng nam của Ông Bà Werner Schoelles.

Hôn lễ được cử hành ngày 22.05.1992 tại Đức.

Chúng tôi xin chung vui cùng hai họ và chúc đôi bạn trăm  
năm hạnh phúc.

- Hội Phật Tử VNTN tại CHLB Đức.

- Ban Biên Tập Báo Viên Giác.

(thân sinh của Lê Tấn Lộc) và tin  
tức của Lê Huy Hoàng, Lê Huỳnh  
Mỹ Linh (hai em của Lê Tấn Lộc)  
hiện ở Pháp.

\* Đặng Quang Vang và Khổng  
Văn Minh, hai người này trước kia  
ở thành phố Vysokémýto-Karosa,  
Tiệp Khắc) anh đã chạy sang Tây  
Đức. Nếu ai biết xin nhắn dùm và  
liên lạc về địa chỉ : Lê Anh Sử,  
Uhlenbusch 2, 2887 Elsfleth-  
Dalsper

\* Em là Châu Minh Hiền, 190 Ấp  
4, xã Hướng Thọ Phú, Thị xã Tân  
An, Tỉnh Long An, VN. Rất mong  
tin Anh Châu Phụng Thời (tự  
Thiệt). Kỹ sư tiến sĩ điện tử tại  
Tây Đức - Cha là Châu Thành  
Lân, Mẹ là Nguyễn Thị Thơm.  
Chúng em muốn biết tin của Bác  
Tư.

### SANG NHÀ HÀNG

Ở tỉnh Viersen có một nhà hàng  
muốn sang lại.

- Nhà hàng nằm cạnh phố, địa  
điểm tốt đẹp

- Có bãi đậu xe rộng cho khách

- Tầng dưới là nhà hàng, tầng trên  
để ở

- Tiền muốn nhà rẻ

- Mọi chi tiết xin liên lạc về số Tel:  
(02162) 20 455

### ĐÍNH CHÁNH

Bài Chữ AN số Viên Giác 67 phát  
hành tháng 2/1992 của Quảng Đệ  
vì sơ ý kỹ thuật xin đính chánh  
như sau: chữ GIAN SAN ở trang  
31 hàng thứ 5 từ trên đếm xuống  
chữ GIANG thiếu chữ G. Nay xin  
đọc là GIANG SAN.

## Thông Báo

Chùa Viên Giác đang cần 2 hoặc 3 thợ hồ với tư cách thiện nguyện. Quý vị nào có điều kiện, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc điện thoại:

Chùa Viên Giác  
Karlsruher Straße 6  
3000 Hannover 81  
Tel. 0511 - 879630

## PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động,  
Được tin Anh **NGUYỄN MẬU** đã thất lạc tại Saigon, ngày 25 tháng 01 năm 1992, hưởng thọ 78 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính chia buồn với chị **TÔN NỮ TÍCH LAN** và Gia đình cháu Nguyễn Thị Phương Diệp (Canada) và nguyện cầu hương linh anh tiêu diêu miền cực lạc.

Gia đình Võ Ngọc Liên - Võ Thị Trợ - Võ Khắc Trí - Phan Ngô - Phan Thiệp - Phan Công Hân - Phạm Đình Nghị - Nguyễn Văn Bình - Nguyễn Đình Lương - Vũ Kỳ

## PHÂN ƯU

Được tin Thân Mẩu của Văn hữu T.S Bùi Hạnh Nghi  
**CỤ CỐ BÙI VĂN CẤP**

Nhũ danh Maria **VÕ THỊ TỊNH**

đã được Thiên Chúa gọi về vào ngày thứ sáu 28.2.1992 lúc 19 giờ tại Moers, Đức Quốc hưởng thọ 86 tuổi.

Ban Chấp Hành và tất cả các thành viên Trung tâm Âu Châu/Văn bút Việt Nam Hải ngoại chân thành chia buồn và chung lời cầu nguyện với Anh Chị Bùi Hạnh Nghi cùng toàn thể tang quyến.

Trung tâm Âu châu - Văn bút Việt Nam Hải ngoại

## PHÂN ƯU

Chúng tôi đau buồn khi hay tin Anh:

### VŨ TRỌNG SANG

sau cơn bạo bệnh đã đột ngột từ trần hưởng dương 45 tuổi.

Tang lễ được cử hành theo nghi thức Phật Giáo dưới sự chủ trì của Đ.Đ. Thích Minh Phú vào ngày 19.03.1992 tại nghĩa trang thành phố Weil am Rhein

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng tang quyến, cầu chúc cho hương hồn Anh sớm siêu thoát đến cõi niết bàn.

Toàn thể nhân viên hãng Suchard Jacobs tại Loerrach.

- Bùi Văn Duật - Dương Quang Minh - Bùi Ngọc Toàn - Đặng Văn Phượng - Đoàn Ngọc Xuân - Lê Văn Tâm - Đoàn Văn Sung - Lê Văn Phương - Lê Văn Dân - Lê Trọng Dũng - Bùi Ngọc Tích - Ngô Chánh Khiển - Nguyễn Hoàng Hùng - Lê Văn Bình - Nguyễn Tiến - Nguyễn Văn Tới - Ngô Quốc Thanh - Lưu Tứ Phước - Đặng Nhất Trí - Trần Văn Hiệp - Nguyễn Bá Tông - Trần Văn Súa - Tự Vi Minh - Lê Quốc Tuấn.

## CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau đớn kính báo cùng Thân Bằng Quyen Thuộc xa gần: Vợ, Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Bà Cố của chúng tôi

### CỤ CỐ BÙI VĂN CẤP

Nhũ danh Maria **VÕ THỊ TỊNH** đã mệnh chung lúc 19 giờ ngày thứ sáu 28.02.1992 tại Moers, Đức Quốc, sau khi nhận lãnh các Phép Bí Tích của Giáo Hội Công Giáo, hưởng thọ 86 tuổi.

Kính xin quý Thân Bằng Quyen Thuộc chung lời cầu nguyện cho linh hồn MARIA sớm về hưởng Nhan Thánh Chúa

Tang gia đồng kính báo

Chồng : Bùi Văn Cấp

Các con: Bùi Hạnh Nghi, vợ và các con, cháu

Bs Bùi Văn Nghiệm và vợ

Bùi Thị Thanh Tâm, chồng và các con, các cháu

Bùi Thị Huệ Minh, chồng và các con

Bùi Vĩnh Quang, vợ và các con.

## CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi chân thành cảm tạ quý thân bằng quyến thuộc ở Vinh Long đã đến chia buồn, phúng điếu cúng như đưa Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

### Bà NGUYỄN THỊ ÚT

đã thất lạc tại Vinh Long ngày 10.02.1992 nhằm ngày 07 tháng Giêng năm Nhâm Thân thọ 69 tuổi.

Gia đình chúng tôi cũng chân thành cảm tạ CH/PTVNTN Saarland Trier & VPC đã tổ chức lễ cầu siêu tại tư gia chúng tôi, cùng chân thành cảm tạ quý Ông Bà Cô Bác Anh Chị Em tại Đức đã điện thoại và đến phân ưu với gia đình chúng tôi.

Trong lúc tang gia bối rối có điều gì sơ sót xin Quý vị niệm tình tha thứ cho.

Trưởng nam Huỳnh Thành Hưng, vợ và các con (Đức)

Thứ nữ Nguyễn Ngọc Hoa, chồng và con (Việt Nam)

Thứ nam Huỳnh Thiện Khiêm (Đức)

## PHÂN ƯU

Được tin thân phụ Anh Chị Trương Sĩ Bằng

### Bác TRƯƠNG SĨ LƯU

từ trần ngày 08.01.Nhâm Thân tại Sài Gòn - Việt Nam hưởng thọ 80 tuổi.

Gia đình em xin chia buồn với Anh Chị và các cháu. Nguyện cầu hương linh Bác sớm siêu sanh miền cực lạc

Gia đình Trương Thị Thanh Tùng

## Phân Ưu

Được tin buồn thân mẩu của ông bà Bùi Hạnh Nghi là:

### Cụ Maria Võ Thị Tịnh

mạng chung ngày 28.2.1992 tại Moers- Đức Quốc hưởng thọ 86 tuổi.

Chúng tôi xin chung lời cầu nguyện với tang quyến, nguyện cầu cho linh hồn của cụ Bà được về cảnh giới giải thoát và thành thật chia buồn với ông bà Bùi Hạnh Nghi cùng tang quyến.

Chùa Viên Giác Hannover và một số thân hữu đồng kính phân ưu.

## PHÂN ƯU

Được tin buồn thân phụ của anh Lê Hồng Nam và chị Lê Hồng Liễu cũng là nhạc phụ của anh Trần Hữu Đạm là:

**Cụ Ông**

**LÊ VĂN THƯỜNG**

đã thất lạc ngày 05.03.1992 tại Hamburg (Đức) hưởng thọ 79 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng Cụ Bà, gia đình anh Lê Hồng Nam, chị Lê Hồng Liễu, anh Trần Hữu Đạm và tang quyến; xin chân thành kính nguyện cầu hương linh của cụ Ông sớm được tiêu diêu miền Cực Lạc

- Gđ. Nguyễn Hòa - Thúy Lan  
- Gđ. Võ Xuân Khôi - Huỳnh Thị Tuyết.

## CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Đ.Đ. Thích Minh Phú, trụ trì chùa Thiện Hòa Moenchengladbach.

- Nhân viên, trưởng ban phụ trách công đoàn và đồng nghiệp hãng vải K.B.C.

- Các thân hữu người Đức

- Cộng đồng Công Giáo người Việt tại Weil am Rhein và vùng lân cận.

- Bạn bè thân hữu tại Weil am Rhein và vùng phụ cận cùng quý Cô, Bác, Anh Chị em xa gần đã thư từ, điện thoại, chia buồn, giúp đỡ chúng tôi trong tang lễ Chồng và Cha chúng tôi là:

**Anh VŨ TRỌNG SANG**

từ trần ngày 10.03.1992 (tức ngày 07.02 năm Nhâm Thân) tại Weil am Rhein, hưởng dương 45 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ sót, kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái

- Vợ Phan Thị Lan

- Các con Vũ Trọng Đức, Vũ Ngọc Hạnh.

## CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- LM. Seidel, cha sở giáo giới xứ St. Oliver

- LM. Nguyễn Trung Điểm, Tuyên Ủy trung tâm mục vụ vùng Bắc Đức

- Quý Cô đại diện Chùa Viên Giác

- Cộng đoàn Công Giáo VN Hannover và Vùng phụ cận

Các Cộng Đoàn Công Giáo các địa phương khác

- Chi Hội Phật Tử và Gia đình Phật tử Hannover

- Ban Cố Vấn và Hội NVTNCS Hannover & VPC

- Trung Tâm Nhân Quyền Hannover

Hội NVTNCS Hamburg

- Hội NVTNVS Bremen

- Tổ chức Thanh Niên Sinh Viên Phan Bội Châu

- Nhóm Sinh Viên FH Hamburg

- MTQGTNGPVN Xứ Bộ Đức

- Quý Cụ, Ông, Bà, Cô Bác cùng toàn thể thân bằng

quyến thuộc xa gần đã hợp ý dâng thánh lễ, cầu nguyện,

xin lễ, phúng điếu, phân ưu, giúp đỡ và tiễn đưa linh cửu

Vợ, Mẹ và Bà của chúng tôi là

**Bà Therése NGUYỄN VĂN HUYNH**, nhũ danh HOÀNG THỊ THIẾT, đến nơi an nghỉ

cuối cùng vào ngày 26.03.92,

hưởng thọ 66 tuổi

Nguyện xin Chúa và Mẹ MARIA trả công bội hậu cho toàn thể Quý vị. Trong lúc

tang gia bối rối không tránh khỏi sơ sót, kính mong Quý vị

niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng cảm tạ

Chồng Nguyễn Văn Huỳnh

Trưởng nam Nguyễn Hoàng

Thứ nam Nguyễn Hoàng Hà

vợ và các con

Trưởng nữ Nguyễn thị Hoàng

Oanh, chồng và các con

Thứ nam Nguyễn Lập Pháp,

vợ và con

Thứ nữ Nguyễn thị Hoàng

Yến, chồng và con

Thứ nữ Nguyễn thị Mỹ Liên,

chồng và con

Thứ nữ Nguyễn thị Hoàng

Hải và chồng

Thứ nam Nguyễn Hoàng

Nam

Thứ nam Nguyễn Hoàng Thái

## PHÂN ƯU

Được tin buồn thân mẫu của Anh Chị Phạm Văn Thế. Bà Quả phụ

**PHẠM GIA THUY,**

Nhũ danh Maria VŨ THỊ MỘT, đã được Chúa gọi về

ngày 24.02.1992 tại Báo Lộc - Lâm Đồng - Việt Nam

Hưởng thọ 82 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng Anh Chị Phạm

Văn Thế và tang quyến. Nguyện xin Chúa nhân từ đưa

linh hồn bà Maria về hưởng Nhan-Thánh-Chúa.

- Gđ. Nguyễn Hòa

- Gđ. Huỳnh Thoảng

- Gđ. Nguyễn Hữu Huấn

- Gđ. Phạm Trọng Nguyễn

- Gđ. Từ Ngọc Phong

- Gđ. Nguyễn Ngọc Tuấn -

Thu Cúc

- Gđ. Phạm Văn Hóa

- Gđ. Vũ Ngọc Long

- Gđ. Nguyễn Châu

## PHÂN ƯU

Được tin trể Nhạc Mẫu của anh Nguyễn Thái Đế, là Bà:

**Huỳnh Thị Lai**

đã qua đời tại California (USA) ngày 23.03.1992, hưởng

thọ 87 tuổi

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng Anh, Chị Nguyễn

Thái Đế & gia quyến

Các thân hữu & gia đình tại CHLB Đức.

Võ Thành Nhung - Nguyễn

Công Thắng - Nguyễn Thành

Bê - Trần Ngọc Khôi - Phạm

Hồng Sáu - Nguyễn Phấn

Chấn

## CHIA BUỒN

Được tin

Phật tử **Bùi Văn Nam** pd Minh Vũ đã thất lạc ngày

18.03.1992. Ban Hộ Trì và Phật Tử NPĐ Phật Bảo xin

thành thật chia buồn cùng tang quyến.

Nguyện cầu cho hương linh siêu đặng Phật Quốc.



## CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ

- Đại Đức Thích Thiện Sơn  
- Sư Cô Thích Nữ Diệu Hạnh  
- Thầy Từ Trí (Tịnh Thất Pháp Hoa)

- Niệm Phật Đường Phật Bảo cùng quý Phật tử - Quý bạn hữu xa gần

- Quý vị thân bằng quyến thuộc

đã có lòng thương đánh điện, phân ưu, cùng dự tang lễ của con, em chúng tôi

**Bùi Văn Nam**

vãng sanh ngày 18.03.1992

tại Barntrup

trong lúc tang gia bối rối có điều chỉ sơ xuất xin quý vị niệm tình tha thứ.

Ông Bà Bùi Văn Hai

Ông Bà Bùi Văn Phụng

Ông Bà Âu Đức Toàn

Bùi Văn Hoang, Bùi Thị Thu Thanh, Nguyễn Đức Hoàng

## Cung tiễn Giác Linh

Chúng con toàn thể tăng tín đồ Phật Giáo Việt Nam tại Đức Quốc vừa hay tin

**Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu** chánh thư ký xử lý Viện Tăng Thống Giáo Hội PGVNTN vừa viên tịch vào ngày 23 tháng 4 năm 1992 tại Huế: thượng thọ 89 niên lập.

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thù từ tiếp độ giác linh cố Đại Lão Hòa Thượng cao đăng thượng phẩm và xin phân ưu cùng Tăng Ni cũng như Hiếu Đồ của cố Đại Lão Hòa Thượng

## PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

(Tính đến ngày 13.04.1992)

*Danh sách phương danh cúng dường của Quý Đạo Hữu & Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH ở bên trên.*

### Tam Bảo

ĐH. Trần Việt Hồng (Berlin) 20DM. Dr. Bạch Quang Minh (Hockelsdorf) 200DM. Bạch Quang & Ngọc Anh (\*) 50US. Như Thân (Hannover) 50DM. Bùi Kim Huệ (Aerzen) 50DM. Khuru (Nienburg) 50DM.

## PHÂN ƯU

Được tin buồn thân phụ của bà Huỳnh Kỳ là,

**Cụ Ông TRẦN HỮU NGHĨA** đã thất lạc vào ngày 28.01.1992, tức là ngày 25 tháng 12 năm Tân Mùi, tại Sài Gòn, Việt Nam. Hưởng thọ 82 tuổi.

Chúng tôi chân thành phân ưu cùng gia đình bà Huỳnh Kỳ, và thành kính cầu nguyện hương hồn Cụ Ông sớm được tiêu diêu miền cực lạc.

Ban Chấp Hành Chi Hội Phật Tử Reutlingen & VPC

## PHÂN ƯU

Được tin

**Bà BÙI VĂN CẤP**

Nhũ danh Maria VÕ THỊ TỊNH, Thân Mẫu Ông Bùi Hạnh Nghi mất ngày 28.02.1992 tại Moers - Tây Đức. Hưởng thọ 86 tuổi.

Chi Hội Phật Tử Ty Nạn tại Frankfurt & Vùng Phụ Cận thành kính phân ưu.



Tăng Báo, Tăng Quốc Việt, Tăng Quốc T., Nguyễn Thế Cường (Berlin) 130DM. Lâm Minh (Ramberg) 20DM. Trần Chương Phú (Hildesheim) 200DM. HHHLDH Huỳnh Thị Huệ. Lý Tam (\*) 100DM. Nguyễn Thị Tuyết Hồng (B.O.I) 25DM. Trần Diệu Huyền (Ravensburg) 35DM. Trần Thị Ân (Bỉ) 2.000FB. Nguyễn Thị Xuân (Krefeld) 30DM. Phạm Thị Hạnh (\*) 20DM. Nguyễn Văn Tường (\*) 40DM. Huỳnh Thị Mỹ Liên (Osnabrueck) 40DM. Hoàng Lý Trần (Hannover) 10DM. GĐPT. Nguyễn (Frankfurt) 200DM. HHHLDH Nguyễn Ngọc Thành. Huỳnh Sang (Suisse) 50FS. Huỳnh Thuyền Lang (Pforzheim) 50DM. Âu Hà Thị Hồng (Laher) 20DM. GĐ họ Ngô (Muehlacker) 600DM. HHHLDH Ngô Lân. Nguyễn Thị Ngao (Mainaschaff) 120DM. GĐĐH Tôn Nữ Chung Anh (Karlsruhe) 2.000DM. HHHLDH Nguyễn Văn Tú pđ Phúc Mẫu. Trưởng (Holland) 25 Guld. Hải Yến (Berlin) 10DM. Nguyễn Hữu Hậu (Spaichingen) 10DM. Trưởng A Mai (Huerth) 100DM. Mạch Cường Tân (Bremen) 20DM. Trần Hoa Kiến (Buer-scheid) 50DM. Hoàng A Cầu (\*) 50DM. Trưởng Tường Kết (Huerth) 700DM. HHHLDH Trần A Ngụ. Lý Thanh Quang (Moers) 200DM. Trưởng Đại Hứa (Burscheid) 50DM. Lý, Khánh Sinh (Ler-Onladen) 100DM. Đình Thị Nhân (Berlin) 10DM. Thanh Hương 5DM. Phạm Thanh Bình (Berlin) 100DM. Trần Thị Hiền (\*) 10DM. Ngô Doãn Duệ (\*) 10DM. Nguyễn Thị Thiên (\*) 10DM. Đức Hiền (\*) 5,0DM. Trần Tuấn Khanh (\*) 10DM. Lê Thái Bạc (Neerstedt) 10DM. Hà Thị Bê (Đan Mạch) 200Kr. Lê Văn Lợi (Totoschwaeb-Gmuend) 30DM. Trưởng Thị Thanh Tùng (Muenchen) 50DM. Phạm Trung Thành (Reichenbach) 10DM. Phạm Văn Minh (Leipzig) 10DM. Trần Quang Hùng (\*) 10DM. Hoàng Thị Cúc (Geisa) 20DM. Jang Philipp (Wiedenhoff) 10DM. Nguyễn Hữu Đăng (Leipzig) 10DM. Đặng 20DM. Diệu Hiền (Laatzen) 20DM. Nguyễn Thị Hạnh 10DM. Đặng Quý Hải (Lehrte) 3DM. Nguyễn Đình Thăng (\*) 5DM. Mai Xuân Quốc (Hannover) 10DM. Bửu Trí (Suisse) 100DM. Phan Trưng Trần Vũ (Hamm) 20DM. Đào Thị Liên (Reckling-hausen) 30DM. Lôi Trạch 80DM. Thu & Dung 10DM. Tô Mỹ Hạnh (Bremerhaven) 70DM. Peter Trần (USA) 50US. Lê Thanh Bình & Lê Thị Thu Nga (Bremen) 400DM. HHHLDH Phan Trọng Hoan. Trần Tường (Pháp) 100FF. Vũ Văn Tâm (Darmstadt) 100DM. Ngô Chánh Kiệt (Muehlacker) 100DM. HHHLDH Ngô Thoại Lân. Chiêu Hoàng (Krefeld) 70DM. Tô Thị Sáu (Saar-burg) 100DM. Keo Kosa (Pháp) 200FF. CHPTVNTN Saarland (Trier) 300DM. Đặng Thị Xứng (Lebach) 20DM. Lý Kiến Hoàng (Saarland) 20DM. An danh (\*) 20DM. Lê Thị Ngo (\*) 20DM. Trịnh Hy (\*) 20DM. Giang Liên (\*) 20DM. Chung Văn Tấn (\*) 20DM. Lý Kiến Phi (\*) 20DM. Lý Thị Phúc (\*) 20DM. Lý Kiến Không (\*) 20DM. Nguyễn Thị Bích Ngọc (Trier) 30DM. Trưởng Đắc (\*) 20DM. Tiêu Chí Chung (Saarland) 20DM. Tuyết Hambusch (Lebach) 100DM. Trần Văn Đường (Wittlich) 10DM. Trần Ngọc Xuân (\*) 10DM. Nguyễn Thanh Tâm (Merzig) 100DM. Ân danh (\*) 10DM. Nguyễn Quang Bình (Trier) 30DM. Phạm Thường (Wittlich) 20DM. Huỳnh Văn Thới (Saar-land) 20DM. Lê Quang Dũng (Muenchen) 50DM. Dr. Vương Thế Anh (Bielefeld) 40DM. Trần Thị Chi 50DM. Hôi Sinh Hoang (Berg-Gladbach) 50DM. Lê Thị Thanh (Berlin) 20DM. Trần Thị Xê (Karlsruhe) 20DM. Phương Linh (Bad

Pymont) 50DM. Thái Thị Bền (Gronau) 30DM. La Long (Solingen) 30DM. Lý Nguyệt Thường (Bonn) 50DM. Vũ Thị Minh Hằng (Karlsruhe) 100DM. Đặng Văn Đốc (Koeln) 20DM. Vương Đức Đại (Pháp) 200FF. Ngô Thị Nhiệm (Hamburg) 30DM. Tô Khải Đức (Schweinfurt) 10DM. Fam. Tsang (Rietberg) 150DM. Lâm Minh Đức (Filderstadt) 30DM. Phạm Hữu Phước (Berg-Gladb.) 100DM. Bành Chúc Quân (Ludwigshafen) 100DM. Lê Thị Nam (Bỉ) 500FB. Lý Tranh 50DM. Thang Trạch 200DM. Mã Xuân Hồng (Hamburg) 20DM. Trưởng Thị Dung 50DM. Huỳnh Văn Minh (Speyer) 100DM. Trưởng Hồn Quyền (Vechta) 30DM. Dettet Schoene (Wurmlingen) 100DM. Hai Kim Mỹ (Osnabrueck) 100DM. Nguyễn Thị Anh Nga (Neustadt) 250DM. Nguyễn Thị Tường Linh 10DM. Au Bích Ngọc (Cottbus) 10DM. Nguyễn Thị Thôi 20DM. Châu Minh 100DM. Đào Hoàng Minh (Hannover) 50DM. Hoa & Hiếu (Ahaus) 50DM. Sinh Viên Duisburg 50DM. Mạch Hạnh 10DM. Nguyễn Thị Yến 20DM. Nguyễn Đức Hòa (Berlin) 20DM. Wong Chee 20DM. Andre & Yung (Hamburg) 50DM. Phùng (\*) 20DM. Tam, Hiam Awrie (\*) 50DM. Hao Huynh (Lausenhagen) 40DM. Mạch Cường Tân 20DM. Trần Ngọc Quyền (Greiswald) 10DM. Phan Thị Thu Hà (Thalheim) 10DM. Nguyễn Thị Vương (VN) 10DM. Wong Yết Soon (Mainheim) 50DM. Trưởng My Mỹ (Ludwigshafen) 20DM. Lý Hữu Châu (Lingen) 50DM. Ngô Ngọc Lê (Mosbach) 20DM. Quý Đức Quân (Berlin) 10DM. Nguyễn Thị Mỹ Dung (Uelzen) 20DM. Vũ Nhân Sau 50DM. Ngô Quốc Cang (Berlin) 70DM. Chiêm Liên (Alten Kirchen) 20DM. Nguyễn Văn Hồng (Pháp) 300FF. Lâm Quan Nam 20DM. Trần Thanh Hải (Berlin) 20DM. Vũ Công Bang (Hilter) 20DM. Cam & Ngô Phạm (Berlin) 150DM. Thanh Huyền 10DM. Thiện Đăng 20DM. Đỗ 10DM. Rest. Tuyết Viên (Laatzen) 30DM. Nguyễn Đức Thịnh (Vech-eilde) 1,20DM. Nguyễn Văn Toàn (Peine) 5DM. Lê Đức Hùng (Braun-schweig) 3DM. Hồ Quốc Việt (Oberthau-sen) 20DM. Trần Vĩnh Cam (Muenster) 50DM. HHHLDH Trần Văn. Mai Thanh Diêu (Hannover) 100DM. Lô Hing Pong (Oldenburg) 1.000DM. Kim (Hamburg) 500DM. Lương Mỹ Bửu (\*) 300DM. Nguyễn Ngọc Quyền (Berlin) 10DM. Nguyễn Thị Nhuận (Erfurth) 10DM. Vũ Thúy Hòa (Ronnberg) 10DM. Lê Thị Quỳnh Hương (Wolltorf) 10DM. Lư Thị Mùi 10DM. Dr. Dienemann (Hannover) 20DM. Fam. Lương (Paderborn) 300DM. Chi 100DM. Tăng Qui Hào (Hamburg) 50DM. Phù Di Tạ (Frankfurt) 50DM. Triệu Thành 100DM. Liêu Khanh Quốc 100DM. Lê Kim Phi (Langenhagen) 10DM. Sue Yuen (Laatzen) 30DM. Mai Xuân Quốc (Hannover) 20US+10DM. Từ Thu Mưởi (Laatzen) 50DM. GĐ Lý Như Trác 50DM. Ô Hòa (Muenchen) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Cẩm (Langenhagen) 10DM. Diệu Hiền (Laatzen) 50DM. Minh Hùng (Bremen) 20DM. Thiện Pháp (Seelze) 50DM. Lý Nguyễn Thanh 50DM. Tăng Quốc Cơ (Laaten) 50DM. Quang 30DM. Lý Tú Lệ, Lý Yên Chương 40DM. Trần Thái Xương (Wunstorf) 50DM. Phạm Thành (Laatzen) 50DM. Tăng Quốc Lương (\*) 50DM. Praphot. Bunlna (Koeln) 200DM. Võ Thị Sáu (Nettetal) 20DM. HHHLDH Huỳnh Nguyễn (Bremen) 300DM. Hồ Thị Mai (Pháp) 200FF. Tsang (Bielefeld) 20DM. Nguyễn Ngọc Thanh (Villingen) 20DM. La Thị Vân (Aô

50DM. GĐĐH Lê (Berlin) 60DM. Sue Yen (Laatzen) 30DM. Thanh Hương (Berlin) 100DM. Trịnh Thị Liễu (Pohle) 10DM. Nguyễn Thị Ngọc Thu (Seelze) 10DM. Bùi Văn Hà (Barntrup) 50DM. HHHLDH Bùi Văn Nam pđ Minh Vũ. Diệu Thiện (Erlangen) 50DM. Diệu Hương (\*) 100DM. Tô Thanh Quang (Bayreuth) 50DM. Giang Liên (Nuernberg) 50DM. Giang Lăng Hía (\*) 80DM. Lê Thị Ngọc Diệp, Lê Anh Đào, Lê Ngọc Lan (Erlan-gen) 50DM. Diệu Pháp (Nuernberg) 20DM. Lê Cư (\*) 20DM. Thiện Như (\*) 20DM. Minh Nhật (\*) 10DM. Thiện Hữu (Stuttgart) 10DM. Nguyễn Tịnh (Nuern-berg) 20DM. Nguyễn Ngọc (\*) 20DM. Ân danh 30DM. Thiện Hạnh 10DM. Quảng Hiền 10DM. Diệu Phát 20DM. CHPTVNTN tại Erlangen, Fuerth, Nuern-berg 200DM. Thị Thu (Suisse) 108,20DM. HHHLDH Nuesch Matthias. Nguyễn Thị Bình (Rosengarten) 100DM. Bành Xiêu Đức (Hannover) 120DM.

### Báo Viên Giác

ĐH. Trần Tăng (Berlin) 22DM. Nguyễn Tăng (Bremen) 30DM. Lê Thị Lệ Thủy (Canada) 100DM. Lê Văn Hiền (D'dorf) 20DM. Âu Hà Thị Hồng (Laher) 20DM. Lương Thanh Tâm (Muenchen) 20DM. Nguyễn Anh Dũng (Bamberg) 50DM. Hồ Thành Nam 20DM. Trần Đình Khải (Schnega) 100DM. Phạm Thị Kim Xuân (Langenhagen) 70DM. Lương Thị Liên (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Ngọc Đường (Hamburg) 50DM. Đặng Quốc Khánh (Berlin) 100DM. Phạm Nguyễn Huy (USA) 20US. Đào Trọng Cường (Canada) 50Can. Lê Anh Sử (Elsfelth) 10DM. Nguyễn Thị Dung (Bielefeld) 50DM. Lâm Thanh Thủy (Wiesbaden) 50DM. Trần Tường (Pháp) 100FF. Quách Hồng Hoàng (Steinheim) 40DM. Lê Anh Mueller (Lebach) 20DM. Tuyết Hambusch (\*) 20DM. Nguyễn Tấn Lê (Pforzheim) 20DM. Mã Thị Kim Hồng (Nettetal) 30DM. Trịnh Thị Diễm 50DM. Lê Văn (Karlsruhe) 20DM. Dr. Bùi Hạnh Nghi (Offenbach) 200DM. Vương Thúy Hồng Thuận (Rheine) 50DM. Phạm Minh Đức (Eschenbach) 20DM. Thanh Hòa Trần Thị Thám & Minh Tôn Nguyễn Văn Phong (Laatzen) 60DM. Huỳnh Thanh Hùng (Voelklingen) 100DM. Kiều Tấn Tài (Berlin) 50DM. Bành Thị Xiêu (Friedrichs-hafen) 50DM. Nguyễn Thị Hà Vinh (Giessen) 20DM. Đặng Thị Thu Hồng (Ravensburg) 10DM. Đào Huy Vinh (Oberhausen) 20DM. Lê Bảo Đức (Pforz-heim) 30DM. Nguyễn Ngọc Minh (Muen-shcen) 40DM. Hứa Mỹ Hằng (Holland) 25Guld. Lâm Văn Nam (Mannheim) 20DM. Nguyễn Xuân Dũng (Rheine) 10DM. Diệp Văn Dũng (Oberhausen) 10DM. Vũ Ngọc Tuấn (Reutlingen) 50DM. Nguyễn Đam (Koeln) 20DM. Đỗ Kim Anh (Erlangen) 30DM. Nguyễn Thị Diệu Liên Huệ (Đan Mạch) 200DM. Roãn Thị Luân (Berlin) 20DM. Lý Thanh Tài (Sweden) 250DM. Đình Văn Thắng (Hartenstein) 20DM. Nguyễn Văn Nam (Springe) 50DM. Tôn Nữ Mỹ An (Hamburg) 50DM. Trần Văn Biểu (Muenster) 20DM. Phan Thị Lan (Weil am Rhein) 100DM. Đặng Văn Bá (O. Bamberg) 20DM. Lâm Minh Đức (Filderstadt) 20DM. La Kim Thuận (Suisse) 60FS. Dương Trí Quan (Pháp) 300FF. Phạm Hanh (Ratingen) 50DM. Nguyễn Thị Hồng (Hirschau) 50DM. Phan Văn Lai (Neu Anspach) 20DM. Lê Ngọc Chấn (Pháp) 200FF. Đặng Đức Liêm 10DM. VN. tại Hãng Jacobs Suchard (Lo-errach) 72DM. Nguyễn Thanh Danh (Essen) 20DM. Đặng Hữu Mỏ (Bỉ) 500FB.



an Ngọc Bảo (Dorsten) 40DM. Nguyễn an Huỳnh (Laatzten) 50DM. Bành Chúc Quân (Ludwigshafen) 50DM. Trần Trung Hòa (\*) 50DM. Lý Huỳnh Bách (G.Schalke) 20DM. Hoàng Minh Phúc (Herbrunn) 20DM. Phạm Văn Nhân (Oberhausen) 50DM. Lê Thị Nam (Bi) 500FB. Trương Kim Học (Landstuhl) 20DM. Đặng Thị Tuyết (Cuxhaven) 30DM. Hội SVVNTD (Aachen) 50DM. Trương (Nettetal) 50DM. Thanasahm Quý (Riegelsberg) 40DM. Đặng Văn Căn (Suisse) 50DM. Hàn Cường (Reutligen) 50DM. Vũ Ngọc (Filderstadt) 30DM. Nguyễn Tam (USA) 20US. Lê Viết Cường (Pháp) 20DM. Diệu Thanh (Pháp) 100FF. Tăng Bích Phân & Tăng Bích Thường (Lingen) 20DM. Lý Quốc Đống (Hamburg) 50DM. Trương Anh Tú (Mossaual) 10DM. Nguyễn Thị Xuân Hiếu (Suisse) 100DM. Nguyễn Thời Đức (Tuttlingen) 50DM. Chùa Hoa Nghiêm Gronobe (Pháp) 100DM. Reiniger Lan (Suisse) 51DM. Trần Văn Minh (Memmingen) 20DM. Trần Thị Nhật Hưng (Suisse) 50DM. Nguyễn Gia Tài (Neumarkt) 20DM. La Thị Vân (Aó) 100DM. Đặng Xuân Hùng (Bad Eilsen) 10DM. Trần Thị Nguyễn (Konz) 20DM. Nguyễn Hữu Kỳ (Hartenstein) 20DM. Nguyễn Văn Nam (Wuppertal) 20DM. Lê Quy Kỳ (Canada) 10Can. Trần Thị Tuy (Dortmund) 20DM. Nguyễn Kim Loan (Pforzheim) 20DM. Nguyễn Phúc Hậu (Wiesbaden) 20DM. Lương Đình Sơn (Burgdorf/Suisse) 50FS. Huỳnh Hồng Nhung (Hamburg) 20DM. Mai Hồng Nhung (Erlangen) 20DM. Kim Hoa, Trung Điểm (Pháp) 200FF.

#### Ấn Tống

ĐH. Hồ Thế Lam (Bietgheim) 40DM.

#### Tết & Rằm Tháng Giêng

ĐH. Châu Nam (Spaichingen) 20DM. Nguyễn Hưng (Suisse) 30FS.

#### Phật Đản

ĐH. Chiêu Hoàng (Krefeld) 20DM. Huỳnh Hồng Nhung (Hamburg) 30DM.

#### Xây Chùa

GD. Bounseam B. & PT. Lào, Thái, Việt (Kiel) 800DM. Trần Tấn Huỳnh 20DM. Quan Gia An (Wetter) 30DM. Trương Tư (Aachen) 40DM. Trương Tu Niên (\*) 500DM. Hà Văn Thành (Frankfurt) 100US. Trần Xuân Tử (Hannover) 100DM. Đình Thị Lành (Pfaffenhafen) 100DM. Wolfgang Heschler (Langenhagen) 800DM. Trịnh Tr. Nở Hoa (Lippstadt) 300DM. Rest. Bambusgarten (Trier) 200DM. Rest. Drachendorf (\*) 300DM. Huỳnh Thanh Hưng (Saarland) 50DM. Lê Hữu Trí (Lebach) 40DM. Mã Thị Kim Hồng (Nettetal) 70DM. Nguyễn Thị Xuân (Canada) 100Can. Lothar Rieder (Hemmingen) 100DM. Ngô Vĩnh Phúc (Norden) 30DM. Hồ Bửu Hiệp (Hamburg) 100DM. Nguyễn Quốc Thông (Bonndorf) 100DM. Hồ Thị Thu Hà (Muenster) 20DM. Nguyễn Kiều Long (Melle) 50DM. Mai Văn Mạnh (Anen) 30DM. Trần Thị Tuy (Dortmund) 60DM. Nguyễn Kim Loan (Pforzheim) 100DM. Lý Kiến Hoàng (Saarbruecken) 1.000DM chuyển từ HT sang. Trịnh Hi (\*) 1.000DM (\*). Hồng Lai Phát (Nuernberg) 100DM. Rest. Peking & Diệu Hương (Erlangen) 500DM. Ngango Rest. (Nuernberg) 100DM. China Rest. (\*) 100DM. Long Thai Rest. (\*) 300DM. China Rest. Tang (\*) 300DM. Triệu Học Thanh & Thu Mai (\*) 100DM. China Rest. Jade (\*) 300DM.

#### Báo Viên Giác / Xây Chùa

ĐH. Bùi Văn Dân (Pháp) 200FF.

#### Tượng Phật Xây Chùa

ĐH. Mỹ Quyển (USA) 250US/4. Lê Thị Bích Ninh (Muenchen) 120DM. HL. Nguyễn Thị Biên (Canada) 100Can. HL. Lê Quang Minh (\*) 100Can. Nguyễn Thị Lan (\*) 100Can. HL. Mã Thị Mai (Karlsruhe) 120DM. Sư Cô Thích Nữ Trí Hạnh (Suisse) 120FS. HL. Hà Thúc Huyền (Canada) 80US. HL. Tôn Nữ Thị Sang (\*) 80US. HL. Nguyễn Nhơn (\*) 80US. HL. Nguyễn Lăng (\*) 80US. Hà Thị Đào (\*) 80US. Nguyễn Giảng (\*) 80US. Ni Cô Trí Hào (Suisse) 240DM/2. HL. Nguyễn Đăng Trọng (VN) 120DM. Ngô Thị Nga (VN) 120DM. Nguyễn Thị Huyền Nga (Pháp) 120DM. GD. Nguyễn Thị Thoàn (Na Uy) 1.500DM/12. Nguyễn Thị Long (Pháp) 500FF/1. Đặng Văn Đình (Bi) 2.500FB/1. Võ Thị Huệ (\*) 2.500FF/1. Nguyễn Quang Di (Canada) 100Can/1. Lê Thị Ngọc Dung (\*) 100Can. Võ Thị Tĩnh (\*) 100Can. HL. Phạm Thị Sáu (\*) 100Can. HL. Nguyễn Hoàng (\*) 100Can. HL. Nguyễn Thị Thông (\*) 100Can. HL. Thân Thị Kiều (\*) 100Can. HL. Lê Bá Trác (\*) 100Can. HL. Phan Thị Mạnh Nường (\*) 100Can. HL. Quách Mậu (Bi) 120DM. HL. Quách Phú (\*) 120DM. Lâm Thị Hương (\*) 120DM. HL. Phú Bình Quận Vương Miêu Anh (VN) 120DM. HL. Võ Thị Trinh (\*) 120DM. HL. Phú Bình Quận Công Hồng Vinh (\*) 120DM. HL. Hồ Thị Tĩnh (\*) 120DM. HL. Phú Bình Hương Công Ung Đồng (\*) 120DM. HL. Phan Thị Độ (\*) 120DM. HL. Châu Văn Tuấn (\*) 120DM. HL. Đặng Thị Bội (\*) 120DM. HL. Bửu Thọ (Bi) 120DM. Ni Cô Thích Nữ Đàm Hòa (Bi) 120DM. Nguyễn Phước Vĩnh Toại (\*) 120DM. Lương Thế Mỹ (\*) 120DM. Nguyễn Phước Bảo Tùng (\*) 120DM. Nguyễn Phước Bảo Lân (\*) 120DM. Nguyễn Phước Vĩnh Tiết (\*) 120DM. HL. Châu Vĩnh Phương (\*) 120DM. HL. Nguyễn Thị Toa (\*) 120DM. Ấn danh (\*) 120DM. HL. Cao Kỳ Trân (\*) 120DM. Ấn danh (\*) 120DM. Lý Khánh Vân (Merzig) 120DM. HL. Lai Long Bồn (VN) 120DM. HL. N.L (\*) 120DM. Đặng Thị Xứng (Lebach) 120DM. Dương Thị An (Lebach) 120DM. Hồ Thị Di (Bad Soden) 120DM. Đặng Đình Thành (Speyer) 120DM. Đoàn Thị Hồng Xuân (\*) 120DM. Võ Thị Nghi (Bi) 2.500FB. Thiện Liên Lê Thị Hồng (Hannover) 360DM/3. Thiện Ý Lê Thị Ty (\*) 120DM. Minh Tôn Nguyễn Văn Phong (Laatzten) 120DM. Thanh Hòa Trần Thị Thắm (\*) 120DM. Gùi Kim Hía (Goeterborg) 500Skr/1. Trương Thị Liễu (USA) 140US/2. Bửu Đông Nguyễn Thị Như Khuê (USA) 160US/2. Quách Hữu Thành (Hamburg) 50DM. Châu Lê Anh & Trần Bác Dân (Sweden) 250DM/2. Bánh Phát, Bành Chúc Quân, Tô Thiếu Phương (Ludwigshafen) 360DM/3. Đ.Đ. (Thích Minh Thời (VN) 120DM. HL. Phạm Văn Huệ (\*) 120DM. HL. Nguyễn Thị Búp (\*) 120DM. HL. Phạm Thị Tờ (\*) 120DM. HL. Dương Nung (\*) 120DM. Võ Văn Trinh (Suisse) 120DM chuyển từ HT sang. HL. Đào Văn Môn (Suisse) 120DM. Nguyễn Đăng Bút (\*) 120DM. Nguyễn Thị Liệp Tuyết (\*) 120DM. Phạm Minh Mẫn (\*) 120DM. HL. Lê Thị Chán (VN) 120DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 120DM. Công Tăng Tôn Nữ Xuân Trâm (Pháp) 120DM. Đặng Thị Em (\*) 120DM. HL. Phạm Thị Thanh (VN) 120DM. Phan Tiểu Muội (Hagen) 120DM. Phan H. Q. (\*) 120DM. Phan A.H. (\*) 120DM. VI P.C. (\*) 120DM. Nguyễn Văn Nguyễn (Stutt-

gart) 50DM. Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe) 120DM. Dương Thị Quỳnh (\*) 120DM. Tăng Bích Phân, Tăng Bích Thường (Lingen) 120DM. HL. Nguyễn Thị Tuyết Minh 120DM. GD. Thị Chơn (Hannover) 760DM/6. Lý Cẩm Liên (Bremen) 120DM. GD. Quảng Ngộ (Laatzten) 120DM. HL. Vũ Ngọc Lý 120DM. HL. Nguyễn Thị Triêm (Aachen) 120DM. Đồng Mãn Nguyễn Khoa Thị Thóa (Muenchen) 120DM. Nguyễn Thời Đức (Tuttlingen) 80US. Hồ Thế Lâm (Bietigheim) 80US. HL. Trần Xuân Nhuận (Recklinghausen) 120DM. Nguyễn Minh Nguyệt (Pháp) 120DM. Trần Thị Liễu (USA) 70US. Hứa Thị Tánh (\*) 70US. Huỳnh Hồng Hạnh (\*) 70US. Trần Minh Châu (\*) 70US. Hoàng Thị Vê (VN) 120DM. Bùi Thị Luyện (\*) 120DM. Hồ Thanh (Fuerth) 120DM. Hoàng Thị Thủy (\*) 120DM. Hồ Trung (\*) 120DM. Hồ Thị Kim Hiếu (\*) 120DM. Hồ Thị Kim Hạnh (\*) 120DM. Hồ thị Kim Loan (\*) 120DM. Hồ Thị Thanh Bình (\*) 120DM. Hồ Đức (\*) 120DM. Hồ Thắng (\*) 120DM. Hồ Thị Kim Oanh (\*) 120DM. Đỗ Thị Hiền (Suisse) 150DM. HL. Nguyễn Văn Lưu (VN) 120DM. Đặng Thị Lợi (Đức) 120DM. Nguyễn Thị Bê (D'dorf) 120DM. Trần Hữu Lai (\*) 120DM. Trần Ngư (\*) 120DM. Vương Thị Hía (\*) 120DM. Trần Hữu Lộc (Stuttgart) 120DM. Đỗ Thị Thanh Vân (\*) 120DM. Đỗ Cao Thạch (\*) 120DM. Huỳnh Thị Ty (\*) 120DM. Nguyễn Thị Thu Thủy (Pháp) 420FF/1. HL. Trần Tú Chơn (\*) 420FF. Trần Kim Hoa (\*) 420. Trần Thị Ngọc Anh (\*) 420FF. Nguyễn Thị Tèo (\*) 420FF. Nguyễn Thị Lai (\*) 420FF. Hồ Văn Nguyên (\*) 420FF. Phạm Thị Bông (\*) 420FF. Đào Thị Chác (\*) 420FF. Trần Minh Thuận (\*) 420FF. Võ Nhơn Nghĩa (\*) 420FF. Henri Bùi Thị Cúc (\*) 420FF. Bùi Xuân Hiến (\*) 420FF. Philippe Henri, Michel, Pascal (\*) 420FF. Nguyễn Thị Hiền (\*) 420FF. Phạm Thị Huệ (\*) 420FF. Beaufat (\*) 420FF. Nguyễn Văn Giàu (\*) 420FF. Võ Thị Tươi (\*) 420FF. Võ Thị Nhờ (\*) 420FF. Võ Thị Tộc (\*) 420FF. Võ Thị Chóc (\*) 420FF. Lê Thị Vàng (\*) 420FF. Nguyễn Văn Đại (\*) 420FF. Ngô Lãnh Yên (\*) 420FF. Nguyễn Văn Khải (\*) 420FF. Nguyễn Thị Quyên (\*) 420FF. Đinh Văn Thuận (\*) 420FF. Đinh Kim Biếu (\*) 420FF. Đinh Mạnh Thường (\*) 420FF.

#### Xây Hồ Sen

ĐH. Hồ Huỳnh Ngọc Anh (Muehclacker) 500DM + 4.000DM = 4.500DM.

#### Phòng Vệ Sinh

ĐH. Võ Văn Đờn (Lào) 200DM.

#### Lọ Bảo Tháp

ĐH. Phạm Thị Khai (Suisse) 280DM.

#### Trai Tăng

ĐH. Hồ Thị Di (Bad Soden) 30DM.

#### Trại Cùi - Trại Mù - Cô Nhi Viện

ĐH. Phương Linh (Bad Pymont) 50DM.

#### Hội Thiện

ĐH. Lê Thị Lan (Berlin) 2.500DM/ trả mỗi tháng 150DM từ 3/92 - 7/93. Tiêu Thị Thì (Erlangen) 5.000DM. Huỳnh Tường Hoan (Berlin) 200DM.

#### Chương trình Kiến lập Bảo Quang Ni Tự tại Hamburg



ĐH. Cao Thọ Quang China Town Rest. (Kiel) 600DM. China Rest. Cao Chiêu Nam (\*) 200DM. Đặng Thị Báo (\*) 200DM. Đặng Văn Khoa & Diệu An (\*) 200DM. Vi Ngọc Minh (\*) 5DM. Nguyễn Văn Chiến (\*) 10DM. Đỗ Mai Lâm (\*) 6DM. Huỳnh Thị Hoa (\*) 300DM. Lưu Châu Trân (\*) 200DM. Trần Mỹ Hồng (\*) 100DM. Trần Chí Hưng (\*) 50DM. TrầnBo (\*) 100DM. Hà Mang Chung (\*) 100DM. Lê Hồ Kim (\*) 50DM. Trần Mã Lê (\*) 50DM. Đinh Thu Hằng (\*) 20DM. Phan Thị (\*) 30DM. Nguyễn Thị Thu Nga (\*) 50DM. China Rest. Hà (Hamburg) 600DM. Rest. Happy Palace "Nhân Viên" (Hamburg) 400DM. China Rest. Boeningstedt (\*) 500DM. Trần Hữu Lượng (Usingen) 500DM. Malee Losse (Kiel) 20DM. Nguyễn Văn Thanh & Bảo Khánh (Kiel) 20DM. Thiện Hải (Berlin) 500DM. An danh (Pháp) 900FF. Đức Hương & Diệu Tịnh (Fuerth) 500DM. Diệu Nữ (Stadtthagen) 200DM. Giang Lăng Hiá & Chúc Hương (Nuernberg) 200DM. Lý Ngọc Phương & Lay diu Kin (Frankfurt) 1.000DM. GDPT Pháp Quang (Hamburg) 500DM. Rest. New China "cô Hòa" (Hamburg) 500DM. Bạch Huệ & Tạ Văn Hợp (M'Gladbach) 500DM. Nguyễn Trí & Nguyễn Tử (Usingen) 200DM.

**Chùa Viên Giác & Bảo Quang Ni Tự**

ĐH. Tiam Heisterkamp (Kiel) 50DM. Stebner Subin (\*) 200DM. Liou (\*) 200DM. Phao & Sou (\*) 20DM. Fa. Laganga Surporm (\*) 10DM. Prathum Schulze (\*) 50DM. Chiana Garten (\*) 200DM. Ân danh (\*) 50DM. Ảnh danh (\*) 20DM. Ân danh (\*) 30DM. Ân danh (\*) 250DM. Fa. Viraphone (\*) 20DM. Leckband (\*) 29DM. Herr Vong Tip (\*) 30DM. Maly & Moury (\*) 20DM. Trần Boi & Luu Chau (\*) 200DM. Thong Outsa (\*) 20DM. Anney (\*) 20DM. Cha (\*) 10DM. Klea & Mouey (\*) 20DM. Teo (\*) 10DM. Amnuey (\*) 10DM. Chip (\*) 10DM. Pla (\*) 10DM. Chim (\*) 20DM. Yet (\*) 20DM. Somphone (\*) 40DM. Tipvong (\*) 40DM. Kau (\*) 30DM. Johann Wolfgang Strauß (\*) 20DM. Phen (\*) 20DM. Joutin (\*) 15DM. Hong (\*) 20DM. Rattana (\*) 44DM. Rolf Wuerthele (\*) 10DM. Ratvichon (\*) 10DM. Tao (\*) 10DM. Songken (\*) 10DM. Nene (\*) 10DM. Chey (\*) 50DM. Erdmann (T) (\*) 20DM. Ringel (\*) 20,15DM. Rest. Sala Thai (\*) 110DM.

**Hội Thiện**

ĐH. Phan Văn Quang (Hamburg) 10.000DM. Phan Văn Đức (\*) 10.000DM. Vũ Ngọc Hoạt (Suisse) 1.000DM. Trần Tường Vi & Trần Văn Hương (Hamburg) 1.000DM. Ngân Tuyên (\*) 1.000DM. Giang Chí Cương (\*) 10.000DM.

**Định Kỳ Hàng Tháng Xây Chùa Viên Giác**

Số tịnh tài ủng hộ định kỳ xây chùa Viên Giác của Quý vị qua ngân hàng bằng lối chuyển Dauerauftrag hoặc Lastschrift cũng như tiền mặt chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải danh sách của Quý vị để Quý vị dễ theo dõi. Đồng thời để đơn giản hóa vấn đề giấy tờ chúng tôi xin được phép đăng tải tên của Quý vị chỉ một lần trong suốt thời gian hộ trợ. Vậy kính mong Quý vị

thông cảm. Tiếp theo Viên Giác từ số 41 đến 68.

- 1154 Trương Hiếu Đạo 60DM 3/92
- 1155 Phan Thị Thiên 30DM 3/92
- 1156 Lý Cẩm Dung 10DM 1/92
- 1157 Nguyễn Xuân Hùng 100DM 4/92

Chúng tôi thành tâm kêu gọi Quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng định kỳ hàng tháng qua ngân hàng lối Dauerauftrag để việc thực hiện xây Chùa có thể khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin Quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích chuyển cho mục gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa.

Xin thành thật cảm ơn Quý vị. Tất cả mọi sự cúng dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, Quý vị đều có thể lấy giấy khai thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm Quý vị có thể khai khấu trừ thuế với chính phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại chúng tôi sẽ gửi giấy đến Quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài việc xây Chùa xin chuyển vào Konto như sau:

**Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V.**  
**Konto Nr. 865 74 70 01.**  
**BLZ 250 700 70**  
**Deutsche Bank Hannover**

Quý vị chuyển về Chùa trong những mục khác, xin chuyển về một trong hai số Konto sau đây:

**Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V.**  
**Konto Nr. 865 74 70**  
**BLZ 250 700 70**  
**Deutsche Bank Hannover**

hoặc:

**Pagode Viên Giác**  
**Konto Nr. 865 02 28**  
**BLZ 250 700 70**  
**Deutsche Bank Hannover**

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của Quý Đạo Hữu Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi Quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên, để ước nguyện chúng ta sớm thành tựu.

**Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát**

**HỘP THƯ VIÊN GIÁC**

Trong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư tín, tin tức, tài liệu và bài vở của Quý vị và Tổ chức Hội đoàn dưới đây. Viên Giác xin chân thành cảm tạ. Riêng những sáng tác của Văn, Thơ hữu gởi về, chúng tôi đã chuyển đến Ban đọc và chọn đăng. Xin cảm ơn và đón nhận thêm những sáng tác mới:

Tôn Thất Hứa (Wuerzburg), Hoàng Nguyễn Nhuận (Đức), Cao Hữu Đình (Đức), Cử sĩ Đông Phương Mai Lý Cang (Pháp), Văn An (Esterrhegen), Trần Bảo Toàn (St. Gallen Thụy Sĩ), Đặng Văn Nhâm (Đan Mạch), Huy Giang (Schramberg/Đức) Nhạc sĩ Đức Thành (Sulzgiat/Đức), Trương Minh (Koen/Đức) T.T. Lê Ngọc (Neufahrn bei Freising), Vũ Nguyễn Khang (Đức), Hồng Nhiên (Emstang/Đức) Ngân Khanh (Bad. Pyrmon/Đức), Hoài Hương (Muenster/Đức), Vũ Kỳ (Pháp), Trần Đại Nghĩa (Troisdorf/Đức), Thiểu Mai (Úc), Quang Kính (Hannover/Đức), Vũ Ngọc Long (Lichtenstein), Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ), Nguyễn Huy Việt (Leezdorf/Đức), Ngọc Hoa (Pháp), Lê Nguyễn Thịnh (Đức), Thích Trí Chơn (Mỹ), Trương Anh Tú (Mossautal/Đức), Trần Thị Nhật Hưng (Thụy Sĩ), Văn Nương (Pháp), Nguyễn Đức Hoàn (Pháp), Nguyễn Hữu Nhật (Na Uy), Hoài Hương (Muenster/Đức).

Ngoài ra trong thời gian qua, chùa Viên Giác đã nhận được những kinh sách, báo chí của các Chùa, các Tổ chức, Hội đoàn khắp nơi gửi về biểu. Viên Giác xin chân thành cảm tạ và xin trân trọng giới thiệu đến quý độc giả xa gần:

Đức: Việt Nam diêm báo Nr.61/91; Das Beste Nr.3,4; Thông Tin Vidi Nr.2/92; Hướng về Phục sinh; Tờ Mục Vụ CDCDDP Trier Nr.34; Informationsmaterial Suedostasien-Fluechtlinge; Sinh hoạt cộng đồng Nr.2/92; Việt Nam Đi tới 2/92, 3/92; Tin Tổng Hợp số 29, 30; VN Info Nr.2/92; Dân Văn số 21, 22; Kháng Chiến số 107; Woche im Bundestag Nr.4; Politik Information aus Bonn Nr.1,2; Diễn Đàn Việt Nam 15, 16; Việt Nam Liên Minh 3/92, 4/92; Dân Chúa 113, 114; Waldhaus am Laacher See; Bản Tin Đức Quốc 3/92, 4/92; Lotusblaetter Nr.1,2/92; Tibet und Buddhismus Nr.2/92; Bản Tin Tâm Giác số 3/92; Bản Tin CHPT Nuernberg-Fuerth-Erlange; Cao Đài Giáo lý số 22; Rundbrief Heft 1.3.92; Entwicklung und Zusammenarbeit 33/92; Tin Tổng Hợp số 31; Pháp: Kỳ yếu Đại giới đàn liễu quán Âu Châu lần thứ nhất và Đại lễ Khánh thành chùa Thiện Minh Pháp Quốc; Tân Dân Xã Nr.8; Phật Giáo trong đời sống văn minh - Trần ngọc Bích; Ái Hữu 112, 113; Diệu Pháp số Tết; Nhân Bản số 179, 180; Buddhist Studies Rview Vol. Nr.1,2; Khánh Anh số 41; Hoà Lan: Việt Nam Nguyệt san số 77; Thụy Sĩ: Mục vụ số 106, 107; Hoa Kỳ: Nguồn sống số 2; Lịch âm dương đối chiếu TX. Minh Đăng Quang; Hoa Sen số 15; Đời - Đồng quê miền Nam Việt Nam - Nguyễn tấn Đời; Sen Trắng số 4; Giao điểm số 6; Truyện hay hải ngoại Tập 1; Bóng Sen số 6, 7; Kháng Chiến số 108, 109; Chân Trời Mới số 64; Khai Phóng; Đuốc Từ Bi số 44; Ch'an new letter Nr.91; Bồ Đề Hải số 2; Long Thư Tịnh độ; Chân nguyên số 14; Đan Mạch: Pháp Luân số thành đạo; Canada: Từ Ân Xuân Nhâm Thân; Lửa Việt số 52,53; Thơ tục Cổ Kim - Quê Hương; Đài Loan: Fo Kuang Buddhist 1-18; Trung Ngoại số 429; Hiện đại Phật Giáo số 130; Phật Quang Thế Kỳ số 21, 22; Úc: Phổ Quang số 14; Việt Nam: Lược giải kinh Pháp Hoa (TT. T.Trí Quảng).

Sách: Cái đẹp và con người của Hàn Lê Nhân (Pháp); Tiếng nói Dân Chủ cho Việt Nam (Hoa Kỳ).



# Nhớ mái Chùa xưa



LUYỆN TIẾC ( Valse ) Đô trưởng (C)

Ngày nào năm xưa hình bóng mái chùa, nắng tươi trên  
sân dật vàng khóm hoa. Ngày nào ra đi liã mái ngôi  
xưa, với bao mắt xanh bầy em đoàn ca Phật  
phối những chiều màu Áo Lam, những chiều đùa nắng  
thắm với bao nụ cười thơ ngây. Hôm nay xa  
rời năm tháng qua bên lòng mang nhớ mong những thi  
hợp đoàn ngày xuân. Nhìn về phương xa hình bóng mái  
chùa, nhớ bao em thơ hồi chuông thoảng đùa  
Nhìn về phương xa lòng gửi nhớ mong, ước khi trở  
về hoà chung tiếng ca! Ngày nào năm..... ca!



Trích từ tuyển tập 99 bài ca sinh hoạt Gia Đình Phật Tử Việt Nam do Hàn Lệ Nhân  
sưu tập và sáng tác \* Chùa Khánh Anh xuất bản năm 1982 - Phật lịch 2526 \*